

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2563

VI - ĐIỀU - PHÁP
HIỆN THỰC TRONG CƯỚC SỐNG

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)



TỶ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2019



BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti”.
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

VI-DIỆU-PHÁP
HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp



Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2563

VI-DIỆU-PHÁP
HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2019

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ây, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Buddhavandanā

Buddhaṃ dhammaṃ samghañceva,
Ācariyañca vandiya.
Sabhāvadhammavaṇṇanaṃ,
Dīpayāmi yathāsutaṃ.

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ
Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,
Cùng với các bậc Thầy Tổ khả kính.
Con xin giảng giải về thực-tánh-pháp,
Tùy theo khả năng hiểu biết của con.

Namo tassa Bhagavato Arahato sammāsambuddhassa.

*Con đem hết lòng thành kính dành lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

VI-DIỆU-PHÁP HIỆN-THỰC TRONG CUỘC SỐNG

*Soạn-giả Tỳ-khuru Hộ-Pháp
Dhammarakkhita Bhikkhu
(Aggamahāpaṇḍita)*

Lời Nói Đầu

“Vi-diệu-pháp hiện-thực trong cuộc sống” là quyển sách giảng giải về sự thật sinh hoạt hằng ngày đêm trong cuộc sống bình thường của mỗi người trong đời.

Vi-diệu-pháp (*Abhidhamma*) là pháp vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc rất khó hiểu, bởi vì vi-diệu-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramattha-dhamma*) gồm có 4 pháp là **citta**: tâm, **cetasika**: tâm-sở, **rūpa**: sắc-pháp, **Nibbāna**: Niết-bàn. Trong mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng đều có đủ ba pháp là **sắc-pháp** (*rūpa*), **tâm** (*citta*), **tâm-sở** (*cetasika*).

Còn Niết-bàn (*Nibbāna*) là đối-tượng siêu-tam-giới ở bên ngoài thân của mỗi chúng-sinh.

Niết-bàn chỉ là đối-tượng của 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả mà thôi.

Mỗi người đều có 3 chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là **tâm** (citta), **tâm-sở** (cetasika), **sắc-pháp** (rūpa).

- **Tâm** (citta) gồm có 89 hoặc 121 tâm.
- **Tâm-sở** (cetasika) gồm có 52 tâm-sở.
- **Sắc-pháp** (rūpa) gồm có 28 sắc-pháp.

Mỗi người gồm có **thân** và **tâm** riêng biệt luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, nếu khi **tâm** rời khỏi **thân** (chết) thì thân này liền trở thành tử thi.

* **Thân** của mỗi người bình thường chỉ có 27 sắc-pháp mà thôi.

- Nếu là người nam thì trừ sắc-nữ-tính.
- Nếu là người nữ thì trừ sắc-nam-tính.

Trường hợp nếu người nào bị đui mù, câm điếc thì người ấy bị giảm sắc-pháp theo bệnh tật.

* **Tâm** gồm có **tâm** (citta) và **tâm-sở** (cetasika).

- **Tâm**: citta gồm có 89 hoặc 121 tâm.
- **Tâm-sở**: cetasika gồm có 52 tâm-sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm, có 4 trạng-thái.

- Đồng sinh với tâm (ekuppāda).
- Đồng diệt với tâm (ekanirodha).
- Đồng đối-tượng với tâm (ekālabana).
- Đồng nơi sinh với tâm (ekavattuka).

Khi mỗi tâm phát sinh thì ắt có một số tâm-sở đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm.

*Mỗi chúng-sinh có số lượng **tâm** nhiều hoặc ít không giống nhau, tùy theo mỗi loài chúng-sinh, mỗi hạng chúng-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới với bốn loài là thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh.*

***Vi-diệu-pháp** hiện thực trong cuộc sống như thế nào?*

Để tìm hiểu về vấn đề này, cần phải nêu ra các câu hỏi vấn đáp như sau:

V- Thấy sự hay không?

Đ- Dạ, thấy ạ.

V- Vậy, ai thấy?

Đ- Dạ, con thấy ạ.

V- Nhắm đôi mắt lại, con có thấy hay không?

Đ- Nhắm đôi mắt lại, con không thấy ạ.

V- Vừa rồi nói: ‘con thấy’ sao bây giờ nói: ‘con không thấy’?

Đ- Vừa rồi mở mắt, nên con thấy, bây giờ nhắm mắt, nên con không thấy ạ.

V- Vậy, sự thấy đó là con thấy hay mắt thấy?

Đ- Dạ, mắt thấy, không phải con thấy ạ.

*V- Khi mở đôi mắt nhưng **tâm** chăm chú suy nghĩ điều quan trọng nào đó, thì đôi mắt có thấy*

được đối-tượng trước mặt hay không?

Đ- Dạ, mắt không thấy ạ.

V- Tại sao mở đôi mắt mà không thấy?

Đ- Bởi vì **tâm** không chú ý tiếp nhận đối-tượng trước mặt, dù cho mở đôi mắt cũng không thấy ạ.

V- Nếu nhắm đôi mắt, rồi **tâm** chú ý đến đối-tượng thì có thấy được đối-tượng trước mặt hay không?

Đ- **Tâm** không thấy được ạ.

Tóm lại những câu trả lời:

* **Con** không thể thấy được, bởi vì **con** chỉ là danh từ chế định mà thôi, không có thật-tánh.

* Chỉ có **mắt** cũng không thấy được.

* Chỉ có **tâm** cũng không thấy được.

Thấy là sự thật hiển nhiên, vậy, do nhờ **tâm** nào mà thấy được?

Để hiểu rõ câu hỏi khó hình dung này, nên nêu ra thí dụ cụ thể bằng câu hỏi vấn đáp như sau:

V- Con có từng nghe tiếng chuông hay không?

Đ- Dạ, con đã từng nghe tiếng chuông ạ.

V- Trong dùi chuông có tiếng chuông hay không?

Đ- Trong dùi chuông không có tiếng chuông ạ.

V- Trong cái chuông có tiếng chuông hay không?

Đ- Trong cái chuông không có tiếng chuông ạ.

V- Vậy, tiếng chuông do đâu mà có?

Đ- Tiếng chuông phát sinh do cái dùi chuông đánh đụng vào cái chuông.

Cũng tương tự như vậy, đối-tượng sắc (rūpārammaṇa) bên ngoài tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc (cakkhupasāda) (mắt) bên trong, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh **nhãn-thức-tâm** (cakkhuvīññāṇa) làm phận sự **thấy** đối-tượng sắc.

Vì vậy, chỉ có **mắt tốt** (cakkhupasāda) bên trong không thấy được và chỉ có **tâm** cũng không thấy được.

Nếu khi **đối-tượng sắc** (rūpārammaṇa) bên ngoài tiếp xúc với **nhãn-tịnh-sắc** (cakkhupasāda) (mắt tốt) bên trong, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh **tâm ấy** gọi là **nhãn-thức-tâm** là tâm phát sinh do đối-tượng sắc bên ngoài tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc (mắt) bên trong, cho nên, chỉ có **nhãn-thức-tâm** này làm phận sự **thấy** đối-tượng sắc ấy được mà thôi.

Ngoài nhãn-thức-tâm ra, không có chúng-sinh nào thấy đối-tượng sắc ấy được.

Nếu nói đúng theo **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (paramatthasacca) thì chỉ có **nhãn-thức-tâm** làm phận sự **thấy** đối-tượng sắc mà thôi, không phải ta thấy đối-tượng sắc, cũng không phải người thấy đối-tượng sắc, không phải chúng-sinh nào thấy đối-tượng sắc được.

* Theo bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*: Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa, **cakkhuvīññāṇa**: nhãn-thức-tâm phát sinh do hội đủ bốn nhân-duyên:

- 1- Nhãn-tịnh-sắc (mắt tốt) không bị mù.
- 2- Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.
- 3- Ánh sáng đủ thấy được.
- 4- Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc.

Khi hội đủ bốn nhân-duyên ấy thì **cakkhuvīññāṇa**: nhãn-thức-tâm phát sinh làm phận sự **thấy đối-tượng sắc**.

Nhãn-thức-tâm phát sinh do nhân-duyên, nên thuộc về **pháp-vô-ngã** (*anattā*).

Trong 89 tâm, chỉ có **2 nhãn-thức-tâm** làm phận sự **thấy đối-tượng sắc** mà thôi, còn lại 87 tâm không có phận sự thấy đối-tượng sắc.

Nhãn-thức-tâm có 2 tâm thấy đối-tượng sắc tính chất khác nhau:

- **1 nhãn-thức-tâm** thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp làm phận sự **thấy đối-tượng sắc tốt** đáng hài lòng.

- **1 nhãn-thức-tâm** thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) làm phận sự **thấy đối-tượng sắc xấu** không đáng hài lòng.

- Tương tự như trên, đối-tượng âm-thanh

(*saddārammaṇa*) bên ngoài tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc* (*sotapasāda*) (tai) bên trong, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh *nhĩ-thức-tâm* (*sotaviññāṇa*) làm phận sự **nghe đối-tượng âm-thanh**.

Vì vậy, chỉ có **tai tốt** (*sotapasāda*) bên trong không nghe được và chỉ có **tâm** cũng không nghe được.

Nếu khi **đối-tượng âm-thanh** (*saddārammaṇa*) bên ngoài tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc* (*sotapasāda*) (tai tốt) bên trong, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh **tâm ấy** gọi là *nhĩ-thức-tâm* là tâm phát sinh do đối-tượng âm-thanh bên ngoài tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc* (mắt) bên trong, cho nên, chỉ có *nhĩ-thức-tâm* này làm phận sự **nghe đối-tượng âm-thanh ấy** được mà thôi.

Ngoài *nhĩ-thức-tâm* ra, không có chúng-sinh nào nghe đối-tượng âm-thanh ấy được.

Nếu nói đúng theo **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (*paramatthasacca*) thì chỉ có *nhĩ-thức-tâm* làm **phận sự nghe đối-tượng âm-thanh** mà thôi, không phải ta nghe đối-tượng âm-thanh, cũng không phải người nghe đối-tượng âm-thanh, không phải chúng-sinh nào nghe đối-tượng âm-thanh cả.

* Theo bộ *Abhidhammatthasaṅgha*: *Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*, khi *sotaviññāṇa*: *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhĩ-tịnh-sắc (tai tốt) không bị điếc.*
- 2- *Đối-tượng âm-thanh rõ ràng tiếp xúc với
nhĩ-tịnh-sắc.*
- 3- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng
âm-thanh.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì sotaviññāna, nhĩ-thức-tâm phát sinh làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh.

Nhĩ-thức-tâm phát sinh do nhân-duyên, nên thuộc về pháp-vô-ngã (anattā).

Trong 89 tâm, chỉ có 2 nhĩ-thức-tâm làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh mà thôi, còn lại 87 tâm không có phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh.

Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm nghe đối-tượng âm-thanh tính chất khác nhau:

- **1 nhĩ-thức-tâm** thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.

- **1 nhĩ-thức-tâm** thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) làm phạm sự **nghe đối-tượng âm-thanh** dở không đáng hài lòng.

Tương tự như trên:

- *Ghānaviññāna: Tỷ-thức-tâm làm phạm sự
ngửi đối-tượng mùi hương.*

- *Jivhāviññāṇa*: Thiệt-thức-tâm làm phận sự ném đối-tượng vị.

- *Kāyaviññāṇa*: Thân-thức-tâm làm phận sự xúc-giác đối-tượng xúc.

Thật ra, 5 thức-tâm: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm này chỉ có khả năng biết đối-tượng **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) mà thôi, không thể biết đối-tượng **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*).

- *Manoviññāṇa*: Ý-thức-tâm làm phận sự biết đối-tượng pháp gồm có đối-tượng chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) và đối-tượng ché-định-pháp (*paññattidhamma*).

Mỗi tâm phát sinh đều do nhân-duyên của mỗi tâm nên thuộc về pháp-vô-ngã (*anattā*).

Tuy nhiên, nói theo **sự-thật ché-định-pháp** (*sammūṭṭisacca*) là sự-thật do ngôn ngữ ché-định, ví dụ: nếu tiếng Việt thì nói rằng:

- Ta thấy đối-tượng sắc ấy, ...
- Ta nghe đối-tượng âm-thanh ấy, ...
- Ta ngửi đối-tượng mùi hương ấy, ...
- Ta ném đối-tượng vị ấy, ...
- Ta xúc-giác đối-tượng xúc ấy, ...
- Ta biết đối-tượng pháp ấy, ...

Nhưng nếu nói đúng theo **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) không phải ta thấy

đối-tượng sắc, mà sự-thật là cakkhaviññāṇa: nhãn-thức-tâm làm phạm sự thấy đối-tượng sắc.

- Không phải ta nghe đối-tượng âm-thanh, mà sự-thật là sotaviññāṇa: nhĩ-thức-tâm làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh.

- Không phải ta ngửi đối-tượng mùi hương, mà sự-thật là ghānaviññāṇa: tỷ-thức-tâm làm phạm sự ngửi đối-tượng mùi hương.

- Không phải ta nếm đối-tượng vị, mà sự-thật là jivhāviññāṇa: thiệt-thức-tâm làm phạm sự nếm đối-tượng vị.

- Không phải ta xúc-giác đối-tượng xúc, mà sự-thật là kāyaviññāṇa: thân-thức-tâm làm phạm sự xúc-giác đối-tượng xúc.

- Không phải ta biết đối-tượng pháp, mà sự-thật là manoviññāṇa: ý-thức-tâm làm phạm sự biết đối-tượng pháp, ...

Như vậy, trong cuộc sống hằng ngày đêm, đối với mỗi người nói riêng, đối với tất cả mọi chúng-sinh nói chung, đều sống với **vi-diệu-pháp**, chết cũng với **vi-diệu-pháp** mà không một ai biết cả, cho đến khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, thuyết pháp giảng giải dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, khi ấy các chúng-sinh có duyên lành mới hiểu biết về **vi-diệu-pháp** này, nên mới hiểu biết về **sự-thật chân-ngĩa-pháp** này được.

Hiểu biết sự-thật chân-nghĩa-pháp

Trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, tất cả mọi chúng-sinh trong các cõi-giới chỉ có biết về **sự-thật chế-định-pháp** (*paññattidhamma*) gọi là **sammutisacca** là sự-thật do mỗi loại ngôn ngữ chế định mà thôi, hoàn toàn không có một **vị đạo-sư** nào có khả năng biết về sự-thật chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) cả.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật có trí-tuệ siêu việt thuyết pháp giảng giải dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, hiểu biết về **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) này.

Vậy, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật hiểu biết **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) này được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc như thế nào?

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật hiểu biết về **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) này, sẽ được sự lợi ích như sau:

- Nếu khi thấy đối-tượng sắc, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **nhãn-thức-tâm** thấy đối-tượng sắc, không phải là ta thấy đối-tượng sắc hình dáng, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ thể** là **nhãn-thức-tâm** cho là

ta thấy, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là tốt hoặc xấu, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là ta nữa.

- Nếu khi nghe **đối-tượng** âm-thanh, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **nhĩ-thức-tâm** nghe **đối-tượng** âm-thanh, không phải là ta nghe **đối-tượng** âm-thanh, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ thể** là **nhĩ-thức-tâm** cho là **ta nghe**, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là âm thanh hay hoặc dở, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là ta nữa.

- Nếu khi ngửi **đối-tượng** mùi hương, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **tỷ-thức-tâm** ngửi **đối-tượng** mùi hương, không phải là ta ngửi **đối-tượng** mùi hương, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ thể** là **tỷ-thức-tâm** cho là **ta ngửi**, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là thơm tho hoặc hôi thối, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là ta nữa.

- Nếu khi nếm **đối-tượng** vị, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **thiệt-thức-tâm** nếm **đối-tượng** vị, không phải là ta nếm **đối-tượng** vị, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ**

thể là **thiệt-thức-tâm** cho là **ta nếm**, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là vị ngon hoặc vị dở, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là **ta** nữa.

- Nếu khi xúc-giác **đối-tượng** xúc, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **thân-thức-tâm** xúc-giác **đối-tượng** xúc, không phải là **ta** xúc-giác **đối-tượng** xúc, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ thể** là **thân-thức-tâm** cho là **ta xúc-giác**, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là mềm mại hoặc thô cứng, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là **ta** nữa.

- Nếu khi biết **đối-tượng pháp**, thì có **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **ý-thức-tâm** biết **đối-tượng pháp**, không phải là **ta** biết **đối-tượng pháp**, nên diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **chủ thể** là **ý-thức-tâm** cho là **ta biết**, đồng thời diệt được **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **đối-tượng** cho là hài lòng hoan-hỷ hoặc khổ tâm sâu não, nên diệt được **tham-ái** trong **đối-tượng** ấy, cũng đồng thời diệt được **ngã-mạn** cho là **ta** nữa, v.v...

Tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn ba pháp này gọi là **papañcadhamma** là pháp-trì-hoãn sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đức-Phật thuyết-pháp giảng dạy các hàng thanh-văn đệ-tử nên cố gắng tinh-tân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để diệt tận tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn này.

Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, điều trước tiên cần phải học hỏi hiểu biết rõ **đối-tượng thiên-tuệ** đó là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma), không phải là **chế-định-pháp** (paññattidhamma).

- Nếu sắc-pháp, danh-pháp thuộc về **chế-định-pháp** (paññattidhamma) thì không có **thật-tánh** không phải là **đối-tượng thiên-tuệ**, bởi vì không có **sự sinh, sự diệt**; không có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

- Nếu sắc-pháp, danh-pháp thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) thì có **thật-tánh** là **đối-tượng thiên-tuệ**, bởi vì có **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp, có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp.

- **Sắc-pháp** (rūpadhamma) gồm có 28 sắc-pháp.

- **Danh-pháp** (nāmadhamma) gồm có **tâm** (citta) và **tâm-sở** (cetasika).

Tâm (*citta*) gồm có 89 hoặc 121 tâm. **Tâm-sở** (*cetasika*) gồm có 52 tâm-sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm, có 4 trạng-thái:

- Đồng sinh với tâm (*ekuppāda*).
- Đồng diệt với tâm (*ekanirodha*).
- Đồng đối-tượng với tâm (*ekālabhāna*).
- Đồng nơi sinh với tâm (*ekavattuka*).

Khi **mỗi tâm nào** phát sinh thì chắc chắn có **số tâm-sở** đồng sinh với **tâm ấy**, số tâm-sở ít hoặc nhiều tùy theo năng lực của mỗi tâm ấy.

Mỗi tâm với tâm-sở có 3 sát-na-tâm:

- *Uppādakkhaṇa*: Sát-na-sinh.
- *Ṭhitikhaṇa*: Sát-na-trụ.
- *Bhaṅgakkhaṇa*: Sát-na-diệt.

Đức-Phật dạy trong Chi-bộ-kinh, phần Ekakanipāta rằng:

- Nay chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt liên tục vô cùng mau lẹ như **tâm**.

Trong bộ Chú-giải giảng giải rằng:

“Chỉ một lần búng đầu ngón tay, **tâm với tâm-sở** sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.”⁽¹⁾

Tâm có 89 hoặc 121 được phân chia làm sáu loại tâm, biết 6 ārammaṇa: đối-tượng, phát sinh

¹ Chú-giải Sam. Khandhavagga, kinh Phenapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā.

do nương nhờ 6 vatthurūpa: nơi sinh của tâm với tâm-sở. Tâm phân chia theo phạm sự có 14 kicca: phạm sự.

Có số tâm có 1 phạm sự, có số tâm có 2 phạm sự, có số tâm có 3 phạm sự, có số tâm có 4 phạm sự, có số tâm có nhiều nhất 5 phạm sự.

Nếu có ai hỏi rằng: “**tâm ở đâu?**” đó là câu hỏi không chỉ định rõ ràng, nên khó trả lời chính xác được, mà nên đặt lại câu hỏi rằng:

“Muốn biết tâm nào trong 89 hoặc 121 tâm?”

Bởi vì mỗi tâm với tâm-sở phát sinh do nương nhờ 6 nơi sinh (vatthu) khác nhau, biết 6 đối-tượng (ārammaṇa) khác nhau, làm 14 phạm sự (kicca) khác nhau, v.v...

Để hiểu biết về 6 loại tâm, 6 đối-tượng của tâm, sáu nơi sinh của tâm, 14 phạm sự của tâm, v.v... và 52 tâm-sở, 28 sắc-pháp, ... thì độc giả nên học hỏi nghiên cứu bộ Vi-diệu-pháp yếu nghĩa (Abhidhammatthasaṅgaha).

* **Danh-pháp** (nāmadhamma) gồm có 89 hoặc 121 tâm và 52 tâm-sở.

* **Sắc-pháp** (rūpadhamma) gồm có 28 sắc-pháp.

Sắc-pháp (rūpadhamma) phát sinh trong thân chúng-sinh do 4 nhân-duyên:

1- **Kamma**: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh

sắc-pháp, đó là 25 loại nghiệp (trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp).

Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **kammajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nghiệp này trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm (khaṇacitta) kể từ khi tái-sinh, ...

2- **Citta**: Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, có 75 tâm. ⁽¹⁾

Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-sinh (uppādakkaṇa) của tâm kể từ hộ-kiếp-tâm đầu tiên sau tái-sinh-tâm, v.v...

3- **Utu**: Thời-tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là sự nóng, sự lạnh bên trong và bên ngoài thân.

Thời-tiết nóng, lạnh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **utujarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nóng, lạnh trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-trụ (ṭhitikkaṇa) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

4- **Āhāra**: Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là chất bổ trong các món vật-thực đã dùng vào trong thân của chúng-sinh.

Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp,

¹ 89 - 14 (10 thức tâm + 4 vô-sắc-giới quả tâm) = 75.

gọi là *āhārajarūpa*: sắc-pháp phát sinh do vật-thực trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm, v.v...

Sắc-pháp phát sinh do tâm

Tứ oai-nghi là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- Tâm nghĩ đi.
- Do tâm nghĩ đi, nên làm cho phát sinh chất gió.
- Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân chuyển động.
- Toàn thân chuyển bước đi mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm.

Vì vậy, gọi là “**thân đi**” hoặc “**sắc đi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- Tâm nghĩ đứng.
- Do tâm nghĩ đứng, nên làm cho phát sinh chất gió.
- Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.
- Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo

mỗi tư thế đứng, dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm.

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc đứng**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

3- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- Tâm nghĩ ngồi.
- Do tâm nghĩ ngồi, nên làm cho phát sinh chất gió.
- Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.
- Toàn thân, phần trên ngồi yên, phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm.

Vì vậy, gọi là “**thân ngồi**” hoặc “**sắc ngồi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

4- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- Tâm nghĩ nằm.
- Do tâm nghĩ nằm, nên làm cho phát sinh chất gió.
- Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.
- Toàn thân nằm yên trên mặt phẳng theo mỗi

tư thế nằm, dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc nằm**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

Như vậy, đúng theo **sự-thật chân-nghĩa-pháp** (paramatthasacca) thì không có ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm, không có người đi, người đứng, người ngồi, người nằm, mà sự-thật chỉ có thân đi, hoặc sắc đi, thân đứng, hoặc sắc đứng, thân ngồi, hoặc sắc ngồi, thân nằm, hoặc sắc nằm mà thôi, v.v...

* Ngoài 4 oai-nghi chính đi, đứng, ngồi, nằm ra, còn các oai-nghi phụ khác như co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm cả (cittajarūpa).

Đức-Phật ví: “**sắc thân**” như “**chiếc xe**”; “**tâm**” như “**tài xế xe**”.

Thật vậy, **sắc thân** của mỗi người gồm có 27 **sắc-pháp** mà thôi, nếu là người nam thì trừ sắc-nữ-tính hoặc nếu là người nữ thì trừ sắc-nam-tính, hoặc nếu người nào bị mất mù, tai điếc thì sắc-pháp giảm theo bệnh tật.

Sắc thân hoàn toàn không biết 6 đối-tượng, chỉ là nơi tiếp xúc 6 đối-tượng làm nhân-duyên phát sinh **tâm** mà thôi.

Ví như chiếc xe gồm có các bộ phận lớn nhỏ

được ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, v.v... Sở dĩ chiếc xe chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, v.v... là do tài xế điều khiển.

Cũng như vậy, **sắc thân** này gồm có 27 sắc-pháp không thể đi, đứng, ngồi, nằm, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... Sở dĩ thân này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... là do **tâm** điều khiển.

Nếu trường hợp thiếu nhân-duyên hỗ trợ nào thì thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm, v.v... không thể phát sinh được.

Ví dụ: Người bị bệnh tê liệt, dù **tâm** của họ muốn đi, đứng, ngồi, cử động, v.v... như người bình thường nhưng không thể được, bởi vì **chất gió** (vāyodhātu) trong thân của họ không đủ năng lực để cử động **toàn thân được** vì có chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu) nặng nề trong thân.

* Hơi thở ra, hơi thở vào, sự nói năng, v.v... cũng là **sắc-pháp** đều phát sinh do **tâm** cả thấy.

Những điều đã trình bày đó là sự sinh hoạt hằng ngày bình thường xảy ra trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người nói riêng, đối với tất cả chúng-sinh nói chung chỉ có **tâm** (citta), **tâm-sở** (cetasika), **sắc-pháp** (rūpadhamma) đó là 3

chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) mà thôi thuộc về **vi-diệu-pháp** (*abhidhamma*). Cho nên, vi-diệu-pháp hiện thực trong cuộc sống hằng ngày đêm của mỗi chúng-sinh.

Tâm với **tâm-sở** gọi là **danh-pháp** (*nāmadhamma*) là pháp không có hình dáng màu sắc rõ ràng, chỉ có khả năng biết bằng ý-thức-tâm mà thôi và **sắc-pháp** (*rūpadhamma*) là pháp rõ ràng có khả năng biết qua 6 loại tâm: nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm tùy theo mỗi đối-tượng, thuộc về **pháp-vô-ngũ** (*anattādhamma*) không phải là ta, cũng không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh, mà chỉ có **danh-pháp** (*nāmadhamma*) và **sắc-pháp** (*rūpadhamma*) mà thôi, thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*). Vì vậy, gọi là **vi-diệu-pháp hiện thực trong cuộc sống**.

Như vậy, trong mỗi người chúng ta hiện hữu có 3 sự-thật chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) là **tâm**, **tâm-sở** và **sắc-pháp**.

Trong quyển sách nhỏ “**Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống**” này, chỉ giảng giải về 12 bất-thiện-tâm và 8 đại-thiện-tâm gồm có 20 tâm và 52 tâm-sở đồng sinh với 20 tâm là chính, các dục-giới tâm còn lại chỉ là phụ mà thôi.

Đối với các hạng **phàm-nhân** trong đời có đủ **12 bất-thiện-tâm** (ác-tâm), nếu khi bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào phát sinh, thì tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) và có **8 đại-thiện-tâm**, nếu khi đại-thiện-tâm nào phát sinh, thì tạo đại-thiện-nghiệp bình thường trong cuộc sống hằng đêm ngày của mỗi người.

Ban đêm khi nằm ngủ say (không mộng寐) thì dòng **hộ-kiếp-tâm** (bhavaṅgacitta) thuộc về quả-tâm sinh rồi diệt liên tục không ngừng, có đối-tượng trong kiếp quá-khứ, nên không tạo ác-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp nào cả, đến khi tỉnh giấc, thì có ác-tâm hoặc đại-thiện-tâm phát sinh biết đối-tượng kiếp hiện-tại theo các lộ-trình-tâm, nên mới tạo ác-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp.

Mỗi người phàm-nhân trong cuộc sống hằng đêm ngày trong đời khi thì **bất-thiện-tâm** (ác-tâm) phát sinh tạo **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp), khi thì **đại-thiện-tâm** phát sinh tạo **đại-thiện-nghiệp** tùy theo nhân-duyên của mỗi tâm.

- Người nào có bất-thiện-tâm (ác-tâm) phát sinh tạo **bất-thiện-nghiệp** nào (ác-nghiệp nào) rồi, nếu bất-thiện-nghiệp ấy (ác-nghiệp ấy) có cơ hội cho quả thì người ấy phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người ấy chết, nếu bất-thiện-nghiệp ấy (ác-nghiệp ấy) trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm ⁽¹⁾) có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **1 quả-tâm** là **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) gọi là **ác-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- Người nào có đại-thiện-tâm phát sinh tạo **đại-thiện-nghiệp** nào rồi, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì người ấy được hưởng quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy trong 8 đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **9 quả-tâm** là **8 đại-quả-tâm** và **1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là **thiện-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) thì làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 7

¹ Si-tâm hợp với phóng-tâm có năng lực yếu, nên không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau, nhưng có thể cho quả sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.

cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

** Bất-thiện-tâm (ác-tâm) có 12 tâm.*

** Đại-thiện-tâm có 8 tâm.*

Mỗi tâm nào phát sinh đều do các nhân-sinh của tâm ấy, cho nên, độc giả nên tìm hiểu rõ các nhân-sinh của mỗi tâm ấy.

Ví dụ: Nếu không muốn ác-tâm nào phát sinh, nên tránh xa nhân-sinh của ác-tâm ấy, thì ác-tâm ấy không phát sinh, không tạo ác-nghiệp ấy.

Nếu muốn đại-thiện-tâm nào phát sinh, nên làm cho đủ nhân-sinh của đại-thiện-tâm ấy, thì đại-thiện-tâm ấy phát sinh, tạo đại-thiện-nghiệp theo khả năng của mình.

Thật ra, người thiện có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có quyền chủ động lựa chọn tránh xa mọi ác-nghiệp, và có quyền chủ động lựa chọn tạo đại-thiện-nghiệp nào theo khả năng của mình.

Trong quyển sách nhỏ **“Vi-Diệu-Pháp Hiện-Thực Trong Cuộc Sống”** này giảng giải về 12 bất-thiện-tâm, nhân-sinh của mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm), và nhân-diệt của mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm); giảng giải về 8 đại-thiện-tâm và nhân-sinh của mỗi đại-thiện-tâm; và giảng giải về 52 tâm-sở, số tâm-sở nào đồng sinh với mỗi bất-thiện-tâm và mỗi đại-thiện-tâm, còn giảng giải thêm các tâm liên quan như 23 dục-giới quả-tâm và 11 dục-giới duy-tác-tâm. Như vậy gồm có 54 dục-giới-tâm mà thôi, không đề cập đến 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm và 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

Độc giả là người thiện-trí hiểu biết nhân-sinh của mỗi ác-tâm và nhân-diệt của mỗi ác-tâm; hiểu biết nhân-sinh của mỗi đại-thiện-tâm, cho nên, người thiện-trí có 4 pháp tinh-tấn như sau:

- Tinh-tấn ngăn cản ác-tâm nào chưa phát sinh, thì không cho ác-tâm ấy phát sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-tâm nào đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho đại-thiện-tâm phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng đại-thiện-tâm đã phát sinh.

Bản sư đã cố công sưu tầm gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu, để trình bày giúp cho độc giả hiểu biết về 12 **bất-thiện-tâm** tạo 10 **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) bằng thân, bằng khẩu, bằng

ý, có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Và hiểu biết về **8 đại-thiện-tâm** tạo **10 đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, và tạo **10 phước-thiện** *puññakriyāvatthu* có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) làm 3 hạng người: **người tam-nhân**, **người nhị-nhân**, **người vô-nhân cõi thiện-giới** trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy, chỉ được bấy nhiêu!

Tuy bản sư cố gắng hết sức mình giảng giải để cho độc giả hiểu về 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Kính mong chư bậc thiện-trí có tâm-từ chỉ giáo, góp ý chân tình, để tái bản lần sau cho được hoàn hảo.

Kính xin quý bậc thiện-trí xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta,

ai cũng có bốn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bản sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

Quyển sách nhỏ “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống” được tái bản lần thứ nhì này được hoàn thành do nhờ Dhammavara sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách, lo việc ấn hành và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bản sư vô cùng hoan hỷ biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem

Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị

thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không cho có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc sinh; và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới: cõi người và 6 cõi trời dục-giới mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong

sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hy vọng, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo, có chánh-kiến đúng đắn, tin những bậc đáng tin, tôn kính những bậc đáng tôn kính, cúng-dường những bậc đáng được cúng-dường, ...

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người

chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Icchitaṃ patthitaṃ ahaṃ,
khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.*

*PL. 2563 / DL. 2019
Rừng Núi Viên-Không.
Xã Tóc-Tiên, huyện Tân-Thành.
tỉnh Bà-Rịa – Vũng-Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống

* Abhidhamma: Vi-diệu-pháp	1
- Paramatthadhamma nghĩa là gì?	3
- Chân-nghĩa-pháp có hai pháp	4
- Citta: Tâm, định nghĩa citta	4
- Tính chất của tâm	6
- Số lượng của citta	9
- Phân chia tâm theo bốn cõi giới	10
* Akusalacitta: Bất-thiện-tâm	12
1. Lobhamūlacitta: Tâm có nhân tham	12
- Giải nghĩa từ Pāli trong tám tham-tâm	14
- Nhân phát sinh tám tham-tâm	16
- Nhân phát sinh tham-tâm đồng sinh với thọ hỷ ..	16
- Nhân phát sinh tham-tâm đồng sinh với thọ xả ..	17
- Nhân phát sinh tham-tâm hợp với tà-kiến	17
- Nhân phát sinh tham-tâm không hợp với tà-kiến ..	18
- Nhân phát sinh tham-tâm không cần tác động ...	18
- Nhân phát sinh tham-tâm cần tác động	19
- Giảng giải về tám tham-tâm	20
- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm như thế nào?	21
- Micchādittḥi: Tà-kiến là gì?	22
- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ	23
- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ	25

- Niyatamicchādiṭṭhi: Tà-kiến cố-định	37
1- Vô-quả-tà-kiến như thế nào?	38
2- Vô-nhân tà-kiến như thế nào?	40
3- Vô-hành tà-kiến như thế nào?	42
- Tà-kiến phát sinh do nhân nào?	43
- Chánh-kiến phát sinh do nhân nào?	44
- Chánh-kiến có năm loại	45
- Nhận xét về tám tham-tâm	47
- Quả của tham-tâm	48
2. Dosamūlacitta: Tâm có nhân sân	49
- Giải nghĩa từ Pāli trong hai sân-tâm	50
- Nhân phát sinh hai sân-tâm	51
- Giảng giải về hai sân-tâm	51
- Nguyên nhân gần để phát sinh sân-tâm	54
- Nhận xét về hai sân-tâm	55
- Quả của sân-tâm	57
3. Mohamūlacitta: Tâm có nhân si	57
- Giải nghĩa từ Pāli trong hai si-tâm	58
- Giảng giải về hai si-tâm	59
- Nhân sinh hoài-nghi	62
- Nhân diệt hoài-nghi	63
- Nhân sinh phóng-tâm	63
- Nhân diệt phóng-tâm	64
- Nhận xét về hai si-tâm	64
- Quả của si-tâm	67
* Giảng giải về 12 bất-thiện-tâm	67
- Bất-thiện-tâm tạo ác-nghiệp	68
- Ác-nghiệp với ác-tâm	69
- Nhân sinh bất-thiện-tâm	70
- Tâm với tâm sở	72

- Bất-thiện-tâm với tâm-sở.....	72
- Diệt 12 bất-thiện-tâm.....	73
- Diệt 14 bất-thiện-tâm-sở.....	76
- Diệt 10 loại phiền-não	78
- Diệt 10 loại ác-nghiệp	79

* Dục-giới tịnh-hảo-tâm

(Kāmāvacarasobhanacitta)..... 83

1- Dục-giới thiện-tâm (Kāmāvacarakusalacitta)..... 83

- Giảng giải tám đại-thiện-tâm..... 85

a- Đại-thiện-tâm có tám tâm chia theo thọ 88

- Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ..... 88

- Nhân phát sinh thọ hỷ..... 89

- Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả 89

- Nhân phát sinh thọ xả..... 89

b- Đại-thiện-tâm có tám tâm chia theo trí-tuệ 91

- Đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ 91

- Trí-tuệ phát sinh có ba cách 95

- Nhân hợp với trí-tuệ (1)..... 97

- Nhân hợp với trí-tuệ (2)..... 97

- Đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ 98

- Nhân không hợp với trí-tuệ (1)..... 98

- Nhân không hợp với trí-tuệ (2)..... 99

c- Đại-thiện-tâm có tám tâm chia theo tác-động ... 99

- Đại-thiện-tâm không cần tác-động..... 99

- Nhân phát sinh không cần tác-động 100

- Đại-thiện-tâm cần tác-động..... 103

- Nhân phát sinh cần tác-động 103

- Đại-thiện-tâm chia theo thiện-nhân 104

- Đại-thiện-nghiệp..... 105

- Đại-thiện-nghiệp phát sinh	
do nương nhờ ba môn.....	105
- Đại-thiện-nghiệp phát sinh	
do tạo 10 phước-thiện	106
- Nhân phát sinh đại-thiện-tâm	108
2. Dục-giới quả-tâm (Kāmāvacaravipākacitta)...	108
- Phận-sự của tám đại-quả-tâm	110
- Giảng giải về tám đại-quả-tâm	110
3. Duy-tác-tâm (Kriyacitta)	112
- Dục-giới duy-tác-tâm	113
* Ahetukacitta: Vô-nhân-tâm	118
1. Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm.....	119
2. Thiện-quả vô-nhân-tâm.....	120
3. Vô-nhân duy-tác-tâm.....	123
- Giảng giải 18 vô-nhân-tâm.....	124
1. Bảy bất-thiện-quả vô-nhân-tâm	124
2. Tám thiện-quả vô-nhân-tâm	128
- Nhận xét về bất-thiện-nghiệp và	
đại-thiện-nghiệp cho quả	131
3. Vô-nhân duy-tác-tâm.....	133
- Mỉm cười và cười	136
- Saṅkhāra trong ahetukacitta	137
- Nhân duyên sinh của 18 ahetukacitta	139
- Nhân duyên phát sinh hai nhãn-thức-tâm.....	139
- Nhân duyên phát sinh hai nhĩ-thức-tâm	140
- Nhân duyên phát sinh hai tỷ-thức-tâm	141
- Nhân duyên phát sinh hai thiệt-thức-tâm	141
- Nhân duyên phát sinh hai thân-thức-tâm.....	142
- Nhân duyên phát sinh ba ý-tự-tánh	143
- Nhân duyên phát sinh năm ý-thức-tự-tánh ...	144

* Tâm với tâm-sở	147
- Tâm-sở như thế nào?	147
- Số lượng tâm-sở	148
- Phân chia tâm-sở	149
I- Aññasamānacetāsika:	
Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở	149
II- Akusalacetāsika: Bất-thiện tâm-sở	150
III- Sobhaṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở.....	151
* Giảng giải 52 tâm-sở.....	154
I- Aññasamānacetāsika:	
Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở	154
I.1- Sabbacittasādhāraṇacetāsika:	
Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở	155
I.1.1- Phassacetāsika: Xúc tâm-sở	155
I.1.2- Vedanācetāsika: Thọ tâm-sở	156
I.1.3- Saññācetāsika: Tưởng tâm-sở	158
I.1.4- Cetanācetāsika: Tác-ý tâm-sở	159
I.1.5- Ekaggatācetāsika: Nhất-tâm tâm-sở.....	160
I.1.6- Jīvitindriyacetāsika: Danh-mạng-chủ tâm-sở.	161
I.1.7- Manasikāracetāsika: Chú-ý tâm-sở	162
I.2- Pakiṇṇakacetāsika:	
Đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở.....	163
I.2.1- Vitakkacetāsika: Hướng-tâm tâm-sở	163
I.2.2- Vicāracetāsika: Quan-sát tâm-sở.....	165
I.2.3- Adhimokkhacetāsika: Quyết-định tâm-sở ..	167
I.2.4- Vīriyacetāsika: Tinh-tấn tâm-sở.....	168
I.2.5- Pīticetāsika: Hỷ tâm-sở	169
I.2.6- Chandacetāsika: Nguyện-vọng tâm-sở ...	172
II. Akusalacetāsika: Bất-thiện tâm-sở	174

- Giảng giải 14 bất-thiện tâm-sở 175
- II.1- Mocatukacetāsika: Nhóm si có 4 tâm-sở ... 175
 - II.1.1- Mohacetāsika: Si tâm-sở..... 175
 - II.1.2- Ahirīkacetāsika: Không biết hổ-thẹn tâm-sở. 177
 - II.1.3- Anottappacetāsika: Không biết ghê-sợ tâm-sở 178
 - II.1.4- Uddhaccacetāsika: Phóng-tâm tâm-sở ... 179
- II.2- Lotīkacetāsika: Nhóm tham có 3 tâm-sở ... 182
 - II.2.1- Lobhacetāsika: Tham tâm-sở 182
 - II.2.2- Ditṭhīcetasika: Tà-kiến tâm-sở..... 183
 - II.2.3- Mānacetasika: Ngã-mạn tâm-sở..... 184
- II.3- Docatukacetāsika: Nhóm sân có 4 tâm-sở. 185
 - II.3.1- Dosacetāsika: Sân tâm-sở 186
 - II.3.2- Issācetasika: Ganh-ty tâm-sở 187
 - II.3.3- Maccharīyacetasika: Keo-kiệt tâm-sở ... 188
 - II.3.4- Kukkuccracetāsika: Hối-hận tâm-sở..... 190
- II.4- Thīdukacetāsika: Nhóm buồn có 2 tâm-sở 191
 - II.4.1- Thīnacetasika: Buồn-chán tâm-sở 191
 - II.4.2- Mīdhacetāsika: Buồn-ngủ tâm-sở..... 191
- II.5- Vicīkicchācetasika: Nhóm hoài-nghi có 1 tâm-sở 193
 - II.5.1- Vicīkicchācetasika: Hoài-nghi tâm-sở 193
- III. Sobhaṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở 196**
 - Giảng giải 25 tịnh-hảo tâm-sở..... 199
 - III.1- Sobhaṇasādhāraṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở
đồng-sinh-toàn-tâm 199
 - III.1.1- Saddhācetasika: Tín tâm-sở..... 199
 - III.1.2- Saticetasika: Niệm tâm-sở..... 201
 - III.1.3- Hirīcetasika: Hổ-thẹn tâm-sở 202
 - III.1.4- Ottappacetāsika: Ghê-sợ tâm-sở..... 202
 - III.1.5- Alobhacetāsika: Vô-tham tâm-sở 205

III.1.6- Adosacetāsika: Vô-sân tâm-sở	206
III.1.7- Tatramajjhatacetasika:	
Trung-dung tâm-sở	208
- 6 đôi tịnh-hảo tâm-sở.....	209
III.2- Viraticetasika: Chế-ngự tâm-sở.....	218
III.2.1- Sammāvācācetasika:	
Chánh-ngữ tâm-sở	218
III.2.2- Sammākammatacetasika:	
Chánh-nghiệp tâm-sở.....	220
III.2.3- Sammā-ājīvacetasika:	
Chánh-mạng tâm-sở.....	209
- Tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng	222
- Năng lực của mỗi chế-ngự	224
- Tích cậu Jaggana	225
III.3- Appamaññācetasika: Vô-lượng tâm-sở	227
III.3.1- Karuṇācetasika: Bi tâm-sở	227
III.3.2- Muditācetasika: Hỷ tâm-sở.....	229
III.4- Paññindriyacetasika: Tuệ-chủ tâm-sở.....	231
- Aniyatayogīcetasika: Bất-định tâm-sở	234
- Giảng giải bất-định tâm-sở.....	237
- Niyatayogīcetasika: Cố-định tâm-sở	243
* Nghiệp và quả của nghiệp	245
- Tác-ý gọi là nghiệp.....	246
- Tác-ý không gọi là nghiệp.....	246
- Tính chất của nghiệp	247
- Tính chất quả của nghiệp.....	249
* Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp	251
- Ác-nghiệp phát sinh do gốc ác-tâm	252
- Ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.....	254

- Tính chất nghiêm trọng của người phạm
điều-giới uống rượu, bia và các chất say ..260
- Sự tai hại của sự uống rượu,
bia và các chất say269
- Sự tai hại của khói thuốc lá270
- Tội-ác từ say rượu (tích Đức-Bồ-tát
Dhammadhaja)...273
- Sự tai hại của rượu, bia và các chất say.....277
- * Akusalakamma: bất-thiện-nghiệp.....278
- Quả của 10 ác-nghiệp279
- a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau280
- b- Thời-kỳ sau khi tái-sinh.....281
- Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm.....282
- * Thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp284
- Quả của 10 đại-thiện-nghiệp288
- a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau288
- b- Thời-kỳ sau khi tái-sinh.....292
- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm293
- Quả của 10 phước-thiện puññakriyavatthu294
- Năng lực muñcetanā295
- Năng lực pubbacetanā và aparacetanā.....296
- 1- Đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?296
- 2. Đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?.....297
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo
 bậc cao và bậc thấp300
- 1. Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao302
- a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.....302
- b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.....304
- 2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.....307
- 3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao307

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau	307
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.....	309
4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.....	311
a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau	311
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.....	312
- Năng lực của 2 thời-kỳ tác-ý	312
- Nhận xét về 3 hạng người trong đời.....	314
- Quả của ác-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp.....	320
- Quả khổ của ác-nghiệp ảnh hưởng đến những người thân cận (tích Trưởng-lão Losakatissa) .	322
- Quả an-lạc của thiện-nghiệp ảnh hưởng đến những người thân cận (tích Ngài Sīvali)	336
- Định mệnh hoặc số mệnh có thật hay không.....	351
- Ba hạng người trong đời.....	351
- Tiền-kiếp của người tam-nhân	352
- Tiền-kiếp của người nhị-nhân	354
- Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới.....	357
- Kiếp-hiện-tại của hạng người tam-nhân.....	359
- Kiếp-hiện-tại của hạng người nhị-nhân.....	364
- Kiếp-hiện-tại của hạng người vô-nhân.....	365
* Cõi-giới chúng sinh	367
I- Apāyabhūmi: Cõi ác-giới có bốn cõi	367
I.1- Nirayabhūmi: Cõi địa-ngục.....	368
- Mahānaraka: Đại-địa-ngục có tám cõi.....	369
- Ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục.....	372
- Ác-nghiệp cho quả tái-sinh mỗi đại-địa-ngục.....	373
- Nhận xét về hai loại ác-nghiệp trọng-tội.....	377

- Ussadanaraka hoặc Cūlanaraka:
 - Tiêu-địa-ngục có bốn cõi 384
 - 1- Cõi địa-ngục hầm phần thối 384
 - 2- Cõi địa-ngục hầm tro nóng 386
 - 3- Cõi địa-ngục rừng cây gai bén nhọn 386
 - 4- Cõi địa-ngục sông nước mặn đầy gai nhọn.. 387
- Yamalokanaraka có 10 cõi địa-ngục 388
 - 1- Cõi địa-ngục nổi đồng sôi 388
 - 2- Cõi địa-ngục rừng cây gai 388
 - 3- Cõi địa-ngục móng tay nhọn 389
 - 4- Cõi địa-ngục nổi sắt đồng 389
 - 5- Cõi địa-ngục sắt chảy đỏ rực 389
 - 6- Cõi địa-ngục có bốn hòn núi lớn chà sát ... 389
 - 7- Cõi địa-ngục đói khát 389
 - 8- Cõi địa-ngục có độ lạnh..... 389
 - 9- Cõi địa-ngục bị chó cắn xé 389
 - 10- Cõi địa-ngục có hòn núi chạm vào nhau .. 389
- Nhận xét về ác-nghiệp nặng 390
- I.2- Pettivisayabhūmi: Cõi nga-quỷ..... 396**
 - Peta: Nga-quỷ có bốn loại 397
 - Chuyện loài nga-quỷ Kālakañcikapeta..... 398
 - Loài nga-quỷ nào nhận được phần
phước-thiện của thí-chủ 399
 - Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến
của đức-vua Bimbisāra 400
 - Peta: nga-quỷ có 12 loại 406
 - Peta: nga-quỷ có 21 loại 407
 - Nhận xét về loài nga-quỷ..... 408
 - Hồi hướng phước-thiện 412
 - Đồ biểu ý-môn-cận-tử-lộ-trình-tâm..... 417

I.3- Asurabhūmi: Cõi a-su-ra	422
- Deva-asura: Chư-thiên A-su-ra, có sáu vị lớn ...	423
- A-su-ra nghịch với đức-vua trời Sakka	424
- Petti-asura: A-su-ra là nga-quỷ, có ba nhóm	425
- Niraya-asura: A-su-ra là chúng-sinh địa-ngục ..	426
I.4- Tiracchānabhūmi: Loài súc-sinh	427
- Nhận xét về loài súc-sinh	432
II- Kāmasugatibhūmi: Cõi thiện dục-giới	435
II.1- Manussabhūmi: Cõi người	436
- Định nghĩa manussa	439
- Manussa-manussa:	
Người như người thật như thế nào?	445
- Manussa-deva: Người như	
chư-thiên như thế nào?	448
- Manussa-tiracchāna: Người như	
loài súc-sinh như thế nào?	450
- Manussa-peta: người như	
loài nga-quỷ như thế nào?	451
- Manussa-nerayika: Người như chúng-sinh	
trong cõi địa-ngục như thế nào?	452
- Cõi nam-thiện-bộ-châu	453
- Con người chết vì bốn nguyên nhân	453
II.2- Devabhūmi: Cõi trời dục-giới	456
II.2.1- Cõi trời Tứ-đại-thiên-vương	456
- Chư-thiên ác cõi Tứ-đại-thiên-vương	459
II.2.2- Tāvatisābhūmi: Cõi trời	
Tam-thập-tam-thiên	463
- Vị trí của sáu cõi trời dục-giới	464
- Cūlāmaṇi cetiya và Sudhammasabhā	466

- Tính chất cõi trời Tam-thập-tam-thiên	467
- Đức-vua-trời Sakka	470
- Hội trường Sudhammasabhā	473
- Đức-vua-trời Sakka tủi thân	474
- Đức-vua-trời Sakka trở thành bậc thánh-nhập-lưu	478
- Kiếp vị-lai của đức-vua-trời Sakka	479
- Tích vị thiên-nam Rāhu-Asurinda	480
II.2.3- Yāmābhūmi: Cõi trời Dạ-ma-thiên	484
II.2.4- Tusitābhūmi: Cõi trời Đâu-suất-đà-thiên ..	485
II.2.5- Nimmānaratībhūmi: Cõi trời Hóa-lạc-thiên..	488
II.2.6- Paranimmitavasavattībhūmi: Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.....	490
- Ác-ma-thiên.....	491
- Hiện-tượng của chư-thiên trước khi chết	493
- Lựa chọn sinh trong sáu cõi trời dục-giới	494
- Kinh Sakkapañhāsutta	495
- Tích Dhammika upāsakavatthu	497
- Kinh Dānūpapattisutta	498
- Quả khổ của người phạm giới	500
- Quả báu của người có giới	502
* Ngăn ác-nghiệp không cho quả tái-sinh	505
- Tích ngài trưởng-lão Aṅgulimāla	512

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
 Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
 ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống

Vi-diệu-pháp dịch từ chữ *Pāli Abhidhamma*.

* *Abhidhamma* = *Abhi* + *dhamma*

- *Abhi* nghĩa là *Vi-diệu*.

- *Dhamma* đó là *paramatthadhamma*: Chân-
 nghĩa-pháp là pháp có thật-tánh rõ ràng, không
 phải là chế-định-pháp.

Abhidhamma nghĩa là *Vi-diệu-pháp*.

Trong *Tam-Tạng (Tipiṭakapāli)* có 3 tạng:

1- *Vinayapīṭakapāli*: Tạng-Luật *Pāli*.

2- *Suttantapīṭakapāli*: Tạng-Kinh *Pāli*.

3- *Abhidhammapīṭakapāli*: Tạng-*Vi-diệu-pháp*
Pāli.

* Tạng ***Abhidhammapīṭaka***: Tạng-*Vi-diệu-pháp*
Pāli gồm có 7 bộ:

1- Bộ *Dhammasaṅganīpāli*: Bộ Pháp-hội-tụ.

2- Bộ *Vibhaṅgapāli*: Bộ Pháp-phân-tích.

3- Bộ *Dhātukathāpāli*: Bộ Pháp-phân-loại.

4- Bộ *Puggalapaññattipāli*: Bộ chúng-sinh
 chế-định.

5- *Bộ Kathāvatthupāli: Bộ Pháp-luận-đề.*

6- *Bộ Yamakapāli: Bộ Pháp-song-đối.*

7- *Bộ Paṭṭhānapāli: Bộ Pháp-duyên-hệ.*

Tạng *Abhidhammapiṭaka* gồm có 7 bộ lớn này được Đức-Phật Gotama thuyết giảng trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong hạ thứ 7 của Đức-Phật, suốt ba tháng mùa mưa ở cõi người⁽¹⁾.

* Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*⁽²⁾ (*Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa*) của Ngài trưởng-lão Anuruddha gồm có 9 chương:

1- *Cittasaṅgaha: Tâm yếu-lược.*

2- *Cetasikaṅgaha: Tâm-sở yếu-lược.*

3- *Pakinnakasaṅgaha: Các pháp-chi yếu-lược.*

4- *Vīthisaṅgaha: Lộ-trình-tâm yếu-lược.*

5- *Vīthimuttasaṅgaha: Pháp ngoại lộ-trình-tâm yếu-lược.*

6- *Rūpasaṅgaha: Sắc-pháp yếu-lược.*

7- *Samuccayaṅgaha: Pháp nhóm-tổng-hợp yếu-lược.*

8- *Paccayaṅgaha: Pháp-duyên yếu-lược.*

¹ Ba tháng ở cõi người, so sánh với thời gian trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên khoảng 3 phút 36 giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm ở cõi người.

² Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha biên soạn ba bộ là *Paramatthavinicchaya*, *Nāmarūpapariccheda*, *Abhidhammatthasaṅgaha*, trong khoảng thời gian sau thời Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa.

9- *Kammatṭhānasaṅgaha: Pháp-hành thiền yếu-lược.*

Chín chương tóm lược ý nghĩa cốt yếu của *Tạng-Vi-diệu-pháp Pāli* gồm có 7 bộ gom lại có 5 pháp chính là *citta* (tâm), *cetasika* (tâm-sở), *rūpadhamma* (sắc-pháp), *Nibbāna* (Niết-bàn) và *paññattidhamma* (chế-định-pháp).

Citta, cetasika, rūpadhamma, Nibbāna gồm 4 pháp gọi là *paramatthadhamma: chân-nghĩa-pháp.*

***Paramatthadhamma* nghĩa là gì?**

* *Paramatthadhamma: Parama+attha+dhamma.*

- *Parama:* Thật-tánh chân-thật không biến thể theo thời gian và không gian.

- *attha:* Ý nghĩa sâu sắc.

- *dhamma:* Pháp có 4 là *citta, cetasika, rūpadhamma, Nibbāna.*

Paramatthadhamma là *chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp là ***citta:* tâm, *cetasika:* tâm-sở, *rūpadhamma:* sắc-pháp, *Nibbāna:* Niết-bàn.**

Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp là pháp có 3 tính chất:

* *Chân-nghĩa-pháp* có thật-tánh chân-thật không biến thể theo thời gian, không gian. Ví dụ: *Tâm* có trạng-thái biết đối-tượng, *nhãn-thức-tâm* có phận sự nhìn thấy *đối-tượng sắc, địa-đại*

có trạng-thái *cứng* hoặc *mềm*, v.v... trong thời quá-khứ, thời hiện-tại, thời vị-lai, tại nơi này, nơi khác vẫn không biến thể, vẫn có trạng-thái của nó như vậy.

* *Chân-nghĩa-pháp* là *pháp vô cùng vi-diệu* mà chỉ có các bậc thiện-trí có trí-tuệ thiên-tuệ mới thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của chân-nghĩa-pháp* mà thôi.

* *Chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* là pháp làm nơi nương nhờ cho tất cả mọi *chế-định-pháp (paññattidhamma)* bằng ngôn-ngữ, ý-nghĩa để hiểu biết lẫn nhau.

Chân-nghĩa-pháp có 2 pháp:

* *Saṅkhatadhamma*: *Pháp-hữu-vi* đó là *citta, cetasika, rūpa*, là những pháp do 4 nhân-duyên cấu tạo là *kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực*.

* *Asaṅkhatadhamma*: *Pháp-vô-vi* đó là *Nibbāna*, là pháp không do nhân-duyên nào cấu tạo.

Citta: Tâm

Citta nghĩa là gì?

Định nghĩa *Citta: Tâm*

“*Ārammaṇaṃ cintetīti cittaṃ.*”

Trạng-thái biết đối-tượng gọi là tâm.

Ārammaṇa: Đối-tượng có 6 loại:

1- *Rūpārammaṇa* đó là đối-tượng sắc, các hình dáng.

2- *Saddārammaṇa* đó là đối-tượng thanh, các loại âm thanh.

3- *Gandhārammaṇa* đó là đối-tượng hương, các thứ mùi hương.

4- *Rasārammaṇa* đó là đối-tượng vị, các thứ vị.

5- *Phoṭṭhabbārammaṇa* đó là đối-tượng xúc (đất, lửa, gió), cứng mềm, nóng lạnh, phòng xẹp.

6- *Dhammārammaṇa* đó là đối-tượng pháp (tâm, tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, và chế-định-pháp).

Trong Chú-giải có những danh từ Pāli đồng nghĩa với *citta* như sau:

- *Citta* là trạng-thái biết đối-tượng.
- *Mano* là hướng đến đối-tượng.
- *Hadaya* là tích lũy bên trong tâm.
- *Mānasa* là trạng-thái hài lòng trong tâm.
- *Manāyatana* là āyatana liên kết.
- *Manindriya* là indriya chủ.
- *Viññāṇa* là trạng-thái biết đối-tượng.
- *Viññāṇakkhandha* là thức-uẩn.
- *Manoviññāṇadhātu* là tự-tánh biết đối-tượng.

Citta thuộc về chân-nghĩa-pháp, có 4 trạng-thái riêng biệt (*visesalakkhaṇa*) là *lakkhaṇa*: trạng-

thái, rasa: phận sự, paccupaṭṭhāna: quả hiện hữu, padaṭṭhāna: nguyên-nhân gần phát sinh tâm.

1- *Vijānanalakkhaṇaṃ* có trạng-thái biết các đối-tượng.

2- *Pubbaṅgamasasaṃ* có phận sự dẫn đầu trong tất cả các pháp.

3- *Sandhānapaccupaṭṭhānaṃ* có sự sinh, sự diệt liên tục không ngừng là quả hiện hữu.

4- *Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ* có sắc-pháp, danh-pháp là nhân-duyên gần phát sinh *citta*.

Tính chất của tâm (*citta*)

Tất cả các pháp đều do **tâm** dẫn đầu, tâm làm chủ, thành tựu tất cả các pháp đều do **tâm**.

* Người nào có *bất-thiện-tâm (akusalacitta)*, nếu khi *thân hành điều ác, khẩu nói điều ác, ý nghĩ điều ác* thì *ác-nghiệp* ấy có cơ hội cho *quả khổ* đối với người ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Người nào có *đại-thiện-tâm (mahākusala-citta)*, nếu khi *thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện* thì *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho *quả an-lạc* đối với người ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Tính chất của tâm (citta) là rất huyền diệu như sau:

* *Tâm huyền diệu bằng việc làm*

Tất cả mọi công trình đồ sộ, mọi thứ máy móc hiện đại hiện hữu trong đời này được thành tựu đều do tâm tạo nên.

* *Tâm huyền diệu tự tâm*

Thật-tánh của tâm phân chia nhiều loại tâm như là *bất-thiện-tâm*, *dục-giới thiện-tâm*, *dục-giới quả-tâm*, *dục-giới duy-tác-tâm*, *vô-nhân-tâm*, *sắc-giới thiện-tâm*, *sắc-giới quả-tâm*, *sắc-giới duy-tác-tâm*, *vô-sắc-giới thiện-tâm*, *vô-sắc-giới quả-tâm*, *vô-sắc-giới duy-tác-tâm*, *siêu-tam-giới-tâm* đó là 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.

* *Tâm huyền diệu do lưu trữ tất cả các nghiệp và mọi tật xấu*

Mỗi chúng-sinh nào từ vô thủy trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia, đã tạo tất cả mọi *dục-giới thiện-nghiệp* (*đại-thiện-nghiệp*), *mọi bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) dù nặng, dù nhẹ vẫn đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **mỗi tâm**, không hề bị mất mát một mảy may nào cả. Mỗi kiếp dù cho **thân** thay đổi tùy theo nghiệp và quả của nghiệp, còn **tâm** vẫn sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, nên tất cả mọi *dục-giới thiện-nghiệp* (*đại-thiện-nghiệp*),

mọi bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) dù nhẹ dù nặng, và mọi tội xấu đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **mỗi tâm** của mỗi chúng-sinh ấy.

Nếu nghiệp nào có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả ngay trong kiếp hiện-tại.

Nếu nghiệp nào có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhi-kāla*), và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, cứ tiếp tục như vậy, đối với tất cả mọi chúng-sinh cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

** Tâm huyền diệu do giữ gìn quả của nghiệp và phiền não*

Mỗi chúng-sinh đã tạo mọi đại-thiện-nghiệp nào, mọi ác-nghiệp nào, dù nặng, dù nhẹ chắc chắn quả của nghiệp ấy không bao giờ bị mất, dù nghiệp nhẹ, dù nghiệp nặng đã trải qua thời gian lâu bao nhiêu kiếp đi nữa, mọi nghiệp ấy có cơ hội vẫn cho quả của nghiệp ấy.

** Tâm huyền diệu do lưu trữ các thói quen tự nhiên của mỗi chúng-sinh*

Tâm khiến tạo công việc chuyên môn, nghề nghiệp, môn học, tài nghệ nào, v.v... đã trở thành thói quen được lưu trữ trong **mỗi tâm** sinh

rồi diệt liên tục, tâm trước diệt chuyển sang tâm sau sinh, do *năng lực của các pháp-duyên anantarapaccaya: liên-tục-duyên, samanantara-paccaya: liên-tục-năng-duyên, ...* cứ tiếp diễn như vậy từ kiếp này sang kiếp kia, từ kiếp quá-khứ đến kiếp hiện-tại.

** Tâm huyền diệu do biết các đối-tượng khác nhau*

Mỗi tâm phát sinh chỉ biết một đối-tượng duy nhất mà thôi. Theo Chú-giải, ***tâm sinh rồi diệt vô cùng mau lẹ.***

Ví dụ: *Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.*

Cho nên, khi tâm biết *đối-tượng sắc*, khi biết *đối-tượng thanh*, v.v... thay đổi nhau trong 6 *đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp* tùy theo nhân-duyên của 6 *lộ-trình-tâm*.

Số lượng của citta

Citta chỉ có một trạng-thái là biết đối-tượng mà thôi, nên citta: tâm chỉ có một mà thôi, bởi vì khi nào mỗi tâm phát sinh, khi ấy tâm chỉ biết một đối-tượng ấy mà thôi.

Citta: Tâm có khả năng biết đối-tượng khác nhau do năng lực của các *cetasika: tâm-sở đồng*

sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm, làm cho citta có khả năng biết đối-tượng khác nhau.

Cho nên, phân chia **citta** theo 4 cõi-giới gồm có **89 tâm** hoặc **121 tâm**.

Bộ **Abhidhammatthasaṅgaha** (*Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*) của Ngài *trưởng-lão Anuruddha* có 9 chương.

* *Chương cittasaṅgaha: Phân tâm-yếu-nghĩa:* 89 hoặc 121 tâm phân chia theo 4 cõi-giới:

1- **Dục-giới-tâm** (kāmāvacaracitta) có 54 tâm, có 5 loại tâm:

- *Bất-thiện-tâm (akusalacitta) có 12 tâm.*
- *Vô-nhân-tâm (ahetukacitta) có 18 tâm.*
- *Đại-thiện-tâm (mahākusalacitta) có 8 tâm.*
- *Đại-quả-tâm (mahāvīpākacitta) có 8 tâm.*
- *Đại-duy-tác-tâm (mahākriyacitta) có 8 tâm.*

2- **Sắc-giới-tâm** (Rūpāvacaracitta) có 15 tâm, có 3 loại tâm:

- *Sắc-giới thiện thiện-tâm có 5 tâm.*
- *Sắc-giới thiện quả-tâm có 5 tâm.*
- *Sắc-giới thiện duy-tác-tâm có 5 tâm.*

3- **Vô-sắc-giới-tâm** (Arūpāvacaracitta) có 12 tâm, có 3 loại tâm:

- Vô-sắc-giới thiện thiện-tâm có 4 tâm.
- Vô-sắc-giới thiện quả-tâm có 4 tâm.
- Vô-sắc-giới thiện duy-tác-tâm có 4 tâm.

4- **Siêu-tam-giới-tâm** (Lokuttaracitta) có 8 tâm hoặc 40 tâm, có 2 loại tâm:

- Siêu-tam-giới-thiện-tâm có 4 tâm hoặc 20 tâm gọi là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm (Maggacitta).
- Siêu-tam-giới-quả-tâm có 4 tâm hoặc 20 tâm gọi là 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm (Phalacitta).

Quyển sách nhỏ “**Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống**” này chỉ giảng giải về **12 bất-thiện-tâm** (akusalacitta) và **8 dục-giới thiện-tâm** (kāmāvacarakusalacitta) gọi là 8 đại-thiện-tâm là chính, bởi vì **20 loại tâm** này thường phát sinh trong cuộc sống hằng ngày đối với các **hàng phạm-nhân**, bắt đầu từ khi thức giấc, suốt ngày, cho đến ban đêm nằm ngủ say, không có mộng寐.

Tuy nhiên, giảng giải về 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) này có liên quan đến các dục-giới-tâm khác như 18 vô-nhân-tâm, 8 dục-giới quả-tâm (đại-quả-tâm), 8 dục-giới duy-tác-tâm (đại-duy-tác-tâm). Như vậy gồm có tất cả 54 dục-giới-tâm mà thôi, không đề cập đến 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm và 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

* Akusalacitta: Bất-thiện-tâm

Bất-thiện-tâm có 12 tâm chia ra 3 loại tâm:

- *Lobhamūlacitta* là tâm có nhân tham (*lobhahetu*) gọi là *tham-tâm*, có 8 tâm.

- *Dosamūlacitta* là tâm có nhân sân (*dosa-hetu*) gọi là *sân-tâm*, có 2 tâm.

- *Mohamūlacitta* là tâm có nhân si (*moha-hetu*) gọi là *si-tâm*, có 2 tâm.

1- Lobhamūlacitta

Lobhamūlacitta là bất-thiện-tâm có nhân tham (*lobhahetu*), hoặc bất-thiện-tâm có tham tâm-sở (*lobhacetāsika*) nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm ấy, nên gọi là *tham-tâm* (*lobhacitta*).

Tham-tâm (*lobhacitta*) này có tham tâm-sở đứng đầu dắt dẫn các tâm-sở đồng sinh với tham-tâm.

Tham tâm-sở (*lobhacetāsika*) có 4 tính chất riêng biệt.

1- *Ārammaṇagahaṇalakkhaṇo*: Có trạng-thái chấp-thủ trong đối-tượng.

2- *Abhisāṅgaraso*: Có phận sự giữ chặt trong đối-tượng.

3- *Aparicāgapaccuṭṭhāno*: Không buông bỏ đối-tượng là quả hiện hữu.

4- *Saṅyojaniya dhammesu assādadassana padaṭṭhāno*: Các pháp ràng buộc đáng hải lòng là nhân-duyên gần phát sinh **lobhacetāsika**.

Lobhacitta: Tham-tâm phát sinh do nương nhờ 3 pháp là **vedanā**: thọ trong đối-tượng, **diṭṭhi**: tà-kiến, **saṅkhāra**: tác-động, nên tham-tâm phân chia ra làm 8 tâm như sau:

Lobhacitta có 8 tâm:

1- *Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ*.

Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- *Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ*.

Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- *Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ*.

Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- *Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ*.

Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ*.

Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

7- *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

8- *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

Giải nghĩa từ Pāḷi trong 8 tham-tâm

* *Somanassasahagata*: *Somanassa*+*sahagata*

- *Somanassa*: Thọ hỷ: tham-tâm tiếp xúc với đối-tượng tốt đáng hài lòng nhiều, nên phát sinh thọ hỷ.

- *Sahagata*: Đồng sinh với

- *Somanassasahagataṃ*: Đồng sinh với thọ hỷ.

* *Upekkhāsahagataṃ*: *Upekkhā*+*sahagata*

- *Upekkhā*: Thọ xả: tham-tâm tiếp xúc với đối-tượng không tốt không xấu, hài lòng ít, nên phát sinh thọ xả.

- *Sahagata*: Đồng sinh với

- *Upekkhāsaḥagataṃ*: Đồng sinh với thọ xả.
- * *Diṭṭhigatasampayutta*: *diṭṭhigata*+*sampayutta*
 - *diṭṭhigata*: theo tà-kiến thấy sai, chấp lầm
 - *sampayutta*: hợp với
 - *diṭṭhigatasampayuttaṃ*: hợp với tà-kiến.
- * *Diṭṭhigatavippayutta*: *diṭṭhigata*+*vippayutta*
 - *diṭṭhigata*: theo tà-kiến thấy sai, chấp lầm
 - *vippayutta*: không hợp với
 - *diṭṭhigatavippayuttaṃ*: không hợp với tà-kiến.
- * *Asaṅkhārikaṃ*: *a*+*saṅkhārika*
 - *a* = *na*: không
 - *saṅkhārika*: tác-động
 - *asaṅkhārikaṃ*: không cần tác-động.
- * *Sasaṅkhārikaṃ*: (*sa*=*saha*) + *saṅkhārika*
 - *saha*: cùng với
 - *saṅkhārika*: tác-động
 - *sasaṅkhārikaṃ*: cần tác-động.

Tham-tâm có 8 loại tâm do căn cứ vào 3 pháp: *vedanā*: thọ, *diṭṭhi*: tà-kiến, *saṅkhāra*: tác-động.

- * Tham-tâm có 8 tâm chia theo thọ:
 - 4 tham-tâm đồng sinh với thọ hỷ.
 - 4 tham-tâm đồng sinh với thọ xả.
- * Tham-tâm có 8 tâm chia theo tà-kiến:
 - 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.
 - 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

* Tham-tâm có 8 tâm chia theo *tác-động*:

- 4 tham-tâm không cần *tác-động*.

- 4 tham-tâm cần *tác-động*.

* **Nhân phát sinh 8 tham-tâm**

Tám tham-tâm phát sinh do 4 nhân:

1- *Lobhaparivārakammaṭṭhisandhikatā*: Sự tái-sinh của người với đại-quả-tâm có ảnh hưởng đến tham-tâm.

2- *Lobha ussannabhavato cavanatā*: Sự chuyển kiếp (chết) của chúng-sinh từ cõi-giới có tham-tâm nhiều.

3- *Itthārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng tốt đáng hài lòng.

4- *Ussādadassanam*: Thấy đối-tượng thật đáng hài lòng ham thích.

Nếu hội đủ 4 nhân này thì tham-tâm phát sinh.

* **Nhân phát sinh tham-tâm đồng sinh với thọ hỷ**

Tham-tâm đồng sinh với thọ hỷ do 4 nhân:

1- *Somanassaṭṭhisandhikatā*: Sự tái-sinh của người với đại quả-tâm đồng sinh với thọ hỷ.

2- *Agambhīrapakatikā*: Không có tâm suy xét sâu sắc trong đối-tượng.

3- *Itthārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng tốt đáng hài lòng.

4- *Byasanamutti*: Không gặp 5 điều thiệt hại:

- *Ñātibyāsana*: Sự thiệt hại về thân quyến.
- *Bhogabyāsana*: Sự thiệt hại về của cải tài sản.
- *Rogabyāsana*: Sự tai hại do bệnh nặng.
- *Diṭṭhibyāsana*: Sự tai hại do tà-kiến.
- *Sīlabyāsana*: Sự tai hại do phạm giới.

Nếu hội đủ 4 nhân này thì tham-tâm đồng sinh với thọ hỷ phát sinh.

*** Nhân phát sinh tham-tâm đồng sinh với thọ xả**

Tham-tâm đồng sinh với thọ xả do 5 nhân:

1- *Upekkhāpaṭisandhikatā*: Sự tái-sinh của người với đại quả-tâm đồng sinh với thọ xả.

2- *Gambhīrapakatikā*: Có tâm suy xét sâu sắc trong đối-tượng.

3- *Majjhattārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng không tốt không xấu (bậc trung).

4- *Byasanamutti*: Không gặp 5 điều thiệt hại.

5- *Mūgadhātukatā*: Người có tính si-mê.

Nếu hội đủ 5 nhân này thì tham-tâm đồng sinh với thọ xả phát sinh.

*** Nhân phát sinh tham-tâm hợp với tà-kiến**

Tham-tâm hợp với tà-kiến do 5 nhân:

1- *Diṭṭhijjhāsayatā*: Tâm tính hay có tà-kiến.

2- *Diṭṭhivippannapuggalasevanatā*: Thường hay gần gũi thân cận với người có tà-kiến.

3- *Saddhammavimukhatā*: Không thích nghe chánh-pháp.

4- *Micchāvitakkabahulatā*: Hướng tâm nghĩ sai lầm nhiều về tà-kiến.

5- *Ayoniso ummajjanam*: Phát sinh suy nghĩ điều không hợp pháp.

Nếu hội đủ 5 nhân này thì tham-tâm hợp với tà-kiến phát sinh.

*** Nhân phát sinh tham-tâm không hợp với tà-kiến**

Tham-tâm không hợp với tà-kiến do 5 nhân:

1- *Sassata ucchedadiṭṭhi anajjhāsayatā*: Thường-kiến và đoạn-kiến không có trong tâm tính từ tiền-kiếp.

2- *Diṭṭhivippannapuggala asevanatā*: Không gần gũi thân cận với người có tà-kiến.

3- *Saddhammasammukhatā*: Thích nghe chánh-pháp.

4- *Sammāvitakkabahulatā*: Hướng tâm đúng đắn về chánh-kiến.

5- *Ayoniso na ummajjanam*: Không phát sinh suy nghĩ điều không hợp pháp.

Nếu hội đủ 5 nhân này thì tham-tâm không hợp với tà-kiến phát sinh.

*** Nhân phát sinh tham-tâm không cần tác động**

Tham-tâm không cần tác động phát sinh do 6 nhân:

1- *Asañkhārikakammajanitapaṭisandhikatā*: Sự tái-sinh của người có ảnh hưởng từ ác-nghiệp không cần tác động.

2- *Kalalakāyacittatā*: Thân và tâm được an-lạc.

3- *Sītuṇhādīnaṃ khamanabahulatā*: Có tính chịu đựng sự nóng, sự lạnh, v.v... trở thành thói quen.

4- *Kattabbakammesu diṭṭhānisamsatā*: Đã từng thấy rõ hiệu quả trong công việc nên làm.

5- *Kammesu cīṇnavasitā*: Có tính chuyên môn trong công việc làm ấy.

6- *Utubhojanādisappāyalābho*: Có được đầy đủ thuận lợi về thời tiết, vật thực, v.v...

Nếu hội đủ 6 nhân này thì tham-tâm không cần tác động phát sinh.

* Nhân phát sinh tham-tâm cần tác động

Tham-tâm cần tác động phát sinh do 6 nhân:

1- *Sasañkhārikakammajanitapaṭisandhikatā*: Sự tái-sinh của người có ảnh hưởng từ ác-nghiệp cần tác động.

2- *Akalalakāyacittatā*: Thân và tâm không được an-lạc.

3- *Sītuṇhādīnaṃ akhamanabahulatā*: Không có tính chịu đựng sự nóng, sự lạnh, v.v... trở thành thói quen.

4- *Akattabbakammesu diṭṭhānisamsatā*: Không từng thấy hiệu quả trong công việc nên làm.

5- *Kammesu aciṇṇavasitā*: Không có tính chuyên môn trong công việc làm ấy.

6- *Utubhojanādi asappāyalābho*: Không có được đầy đủ thuận lợi về thời tiết, vật thực, v.v...

Nếu hội đủ 6 nhân này thì tham-tâm cần tác động phát sinh.

Giảng giải về 8 tham-tâm

Do nguyên nhân nào gọi là tham-tâm?

Bất-thiện-tâm nào có nhân tham (*lobhahetu*) hoặc có **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) nhiều năng lực dắt dẫn các tâm-sở khác đồng sinh với tham-tâm ấy biết đối-tượng tốt đáng hài lòng, gọi tâm ấy là **tham-tâm** (*lobhacitta*).

Tham-tâm có nhân tham (*lobhahetu*) và chắc chắn cũng có **nhân si** (*mohahetu*) hoặc có tham tâm-sở (*lobhacetāsika*) và chắc chắn cũng có **si tâm-sở** (*mohacetāsika*) che phủ thật-tánh của đối-tượng, nên tham-tâm mù quáng muốn được đối-tượng tốt đáng hài lòng ấy để mong đem lại sự an-lạc cho mình.

Lobhacitta (*tham-tâm*) phát sinh do nương nhờ 3 pháp căn bản:

1- **Vedanā** (*thọ tâm-sở*) đó là *somanassa-sahagata* (đồng sinh với thọ hỷ) và *upekkhā-sahagata* (đồng sinh với thọ xả).

2- **Diṭṭhi** (*tà-kiến tâm-sở*) đó là *diṭṭhigata-*

sampayutta (hợp với tà-kiến) và *ditthigatavippayutta* (không hợp với tà-kiến).

3- **Saṅkhārika** (tác-động) đó là *asaṅkhārika* không cần tác-động và *asaṅkhārika* cần tác-động. Cho nên **tham-tâm** chia ra làm 8 loại tâm.

* **Somanassasahagata**: Đồng sinh với thọ hỷ.

Khi 4 **tham-tâm** biết đối-tượng tốt thật đáng hài lòng nhiều nên đồng sinh với thọ hỷ.

* **Upekkhāsahagata**: Đồng sinh với thọ xả.

Khi 4 **tham-tâm** biết đối-tượng không tốt, không xấu, hài lòng vừa phải, không đến nỗi hoan-hỷ nên chỉ đồng sinh với thọ xả mà thôi.

* **Ditthigatasampayutta**: Hợp với tà-kiến.

Khi 4 **tham-tâm** hợp với tà-kiến nghĩa là tà-kiến tâm-sở (*ditthicetasika*) đồng sinh với 4 **tham-tâm** thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng và chủ thể (tâm biết đối-tượng) cho là ta (ngã), tà-kiến này gọi là *micchāditti*.

Tà-kiến thấy sai, chấp lầm như thế nào?

Micchāditti: Tà-kiến

Tà-kiến có nhiều loại:

- Trong bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *ditthikathā* có 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn.
- Trong kinh *Brahmajālasutta* ⁽¹⁾ có 62 loại

¹ Dī.Sīlakkhandhavagga, Brahmajālasutta và Sāmaññaphalasutta.

tà-kiến và kinh *Sāmaññaphalasutta* có 3 loại tà-kiến cố-định.

Tà-kiến là gì?

Định nghĩa:

Micchā passatī'ti micchādittḥi.

Trạng-thái thấy sai sự thật gọi là tà-kiến, đó là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Như vậy, tà-kiến là thấy sai, biết sai sự thật, rồi chấp lầm cho là sự thật.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là **28 sắc-pháp** thuộc về sắc-pháp.

2 - *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là **thọ tâm-sở** đồng sinh với **81 tam-giới-tâm**

3- *Tưởng-uẩn chấp-thủ* đó là **tưởng tâm-sở** đồng sinh với **81 tam-giới-tâm.**

4- *Hành-uẩn chấp-thủ* gồm có **50 tâm-sở** (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với **81 tam-giới-tâm.**

5- *Thức-uẩn chấp-thủ* gồm có **81 tam-giới-tâm.**
(*Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* thuộc về danh-uẩn.)

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *dittḥi-kathā* trình bày tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn có 20 loại.

*** Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ**

Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta (ngã).

1- Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Sắc-uẩn là ta. - Ta có sắc-uẩn.
- Sắc-uẩn trong ta. - Ta trong sắc-uẩn.

2- Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Thọ-uẩn là ta. - Ta có thọ-uẩn.
- Thọ-uẩn trong ta. - Ta trong thọ-uẩn.

3- Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn.
- Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn.

4- Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn.
- Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn.

5- Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn.
- Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

Đó là 20 loại tà-kiến chấp-ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ,

tướng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ đối với tất cả các hàng chúng-sinh thuộc về hạng **phàm-nhân** (chưa phải bậc *Thánh-nhân*) trong *tam-giới*.

- *Tất cả chúng-sinh có **ngũ-uẩn** trong 11 cõi dục-giới.*

- *Tất cả phạm-thiên có **ngũ-uẩn** trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên).*

- *Tất cả phạm-thiên có **nhất-uẩn** là **sắc-uẩn** trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên.*

- *Tất cả phạm-thiên có **tứ-uẩn** là thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Sakkāyadiṭṭhi: *Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta này có ảnh hưởng thế nào đối với mọi chúng-sinh?*

Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta đó là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là **phàm nhân** đều có loại **sakkāyadiṭṭhi:** *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta.* Sakkāyadiṭṭhi không có ảnh hưởng, không có cản trở nào đối với những người tạo mọi *phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới,*

phước-thiện hành-thiền, v.v..., cũng không cản trở đối với các hành-giả thực hành pháp-hành thiền-định, không cản trở sự chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, cũng không cản trở chứng đắc 5 phép-thân-thông thế-gian (lokiya abhiññā).

Cho nên, **tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ** cho là ta không cản trở dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới; không cản trở sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên; không cản trở vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiên-tuệ

Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta, **ngã** này chỉ có cản trở đối với các hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** mà thôi, bởi vì đối-tượng thiên-tuệ là ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ hoặc sắc-pháp, danh-pháp thuộc về **chân-nghiã-pháp** (paramattha-

dhamma) có **thật-tánh** của các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** rõ ràng đều là **pháp-vô-ngã**, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh,... nhưng tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, chúng-sinh, v.v... cho nên, tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ chỉ làm cản trở đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ mà thôi.

* Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ

1- Tà-kiến thấy sai chấp lầm trong sắc-uẩn chấp-thủ cho là ta như thế nào?

Sắc-uẩn chấp-thủ đó là **thân** gồm có **28 sắc-pháp**:

- **Sắc-uẩn chấp-thủ** trong thân của người nam gồm có 27 sắc-pháp (trừ sắc-nữ-tính).

- **Sắc-uẩn chấp-thủ** trong thân của người nữ gồm có 27 sắc-pháp (trừ sắc-nam-tính).

Ví dụ: Khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, ... Đúng theo sự-thật của chân-nghĩa-pháp (*paramatthasacca*) thì chỉ có thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm mà thôi.

Thân thuộc về **sắc-uẩn** (**sắc-pháp**), nên gọi là **sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm** mà thôi.

- Nếu khi **thân đi** hoặc **sắc đi** thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **sắc đi** cho là **ta đi**.

Ta đi vốn không có thật, sự-thật đúng theo **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*) thì chỉ có **sắc đi** mà thôi.

Sở dĩ có sự thấy sai chấp lầm cho là **ta đi** là vì **tà-kiến** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **sắc đi** cho là **ta đi**.

Đúng theo thật-tánh của tất cả **mọi sắc-pháp**, **mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), không có **ngã**.

Như vậy, **ngã** (*ta*) vốn không có thật, nên không có phương pháp diệt **ngã** được.

Sở dĩ có sự chấp **ngã** là vì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **sắc đi** thuộc về **sắc-uẩn** đó là **sắc-pháp** cho là **ta đi**.

Như vậy, **tà-kiến** có thật nên chắc chắn có phương pháp diệt **tà-kiến** được.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu**

Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến (ditthi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và hoại-nghi (vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoại-nghi không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn tà-kiến thấy sai chấp lầm trong sắc-uẩn chấp-thủ (cùng với 4 danh-uẩn) cho là ta, là ngã, đồng thời không còn thấy sai chấp lầm cho là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

Cũng tương tự như vậy,

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc đứng*, bậc Thánh Nhập-lưu không còn *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi *sắc đứng* cho là *ta đứng* nữa.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc ngồi*, bậc Thánh Nhập-lưu không còn *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi *sắc ngồi* cho là *ta ngồi* nữa.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc nằm*, bậc Thánh Nhập-lưu không còn *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi *sắc nằm* cho là *ta nằm* nữa...

2- *Tà-kiến* thấy sai chấp lầm trong *thọ-uẩn chấp-thủ* cho là *ta* như thế nào?

Thọ-uẩn chấp-thủ đó là *thọ tâm-sở* (vedanā-cetasika) đồng sinh với 81 *tam-giới-tâm*. *Thọ tâm-sở* có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ:

- *Dukkavedanā*: **Thọ khổ** là cảm thọ khổ khó chịu trong đối-tượng xấu.

- *Sukhavedanā*: **Thọ lạc** là cảm thọ lạc dễ chịu trong đối-tượng tốt.

- *Adukkhamasukhavedanā*: **Thọ không khổ không lạc** là cảm thọ không khổ không lạc trong đối-tượng không xấu không tốt.

Ba loại thọ này là **thọ-uẩn** thuộc về **danh-pháp**.

- Nếu khi **cảm thọ khổ** (*dukkavedanā*) thì *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi **thọ khổ** cho là **ta khổ**.

- Nếu khi **cảm thọ lạc** (*sukhavedanā*) thì *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi **thọ lạc** cho là **ta an-lạc**.

- Nếu khi **cảm thọ không khổ không lạc** (*adukkhmasukhavedanā*) thì *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi **thọ không khổ không lạc** cho là **ta không khổ không lạc**.

Ta khổ, ta an-lạc, ... vốn không có thật, sự thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) thì chỉ có **thọ-uẩn cảm thọ** mà thôi.

Sở dĩ có sự thấy sai chấp lầm cho là **ta khổ, ta an-lạc**, ... là vì *tà-kiến* đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi **thọ-uẩn chấp-thủ** cho là **ta khổ, ta an-lạc**, ...

Đúng theo thật-tánh của tất cả **mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), không có **ngã**.

Như vậy, **ngã** vốn không có thật nên *không có phương pháp diệt ngã* được.

Sở dĩ có **sự chấp ngã** là vì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **thọ-uẩn chấp-thủ** thuộc về **danh-pháp** cho là **ta khổ, ta an-lạc, ...**

Như vậy, **tà-kiến** có thật nên chắc chắn có *phương pháp diệt tà-kiến* được.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, **biết rõ sự sinh sự diệt của sắc-pháp danh-pháp tam-giới, trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, **biết rõ 3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được hai loại phiền-não là **tà-kiến** (*ditṭhi*) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và **hoài-nghi** (*vicikicchā*) trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn **tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **thọ-uẩn chấp-thủ** (cùng với 4 uẩn còn lại) cho là **ta**, là **ngã**, đồng thời không còn thấy sai chấp lầm cho là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

3- **Tà-kiến** thấy sai chấp làm trong **tưởng-uẩn chấp-thủ** cho là ta như thế nào?

Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là **tưởng tâm-sở** (*saññācetasika*) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.

Tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nhớ trong 6 đối-tượng đó là:

- *Rūpasaññā*: Sắc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng sắc.

- *Saddasaññā*: Thanh tưởng là tưởng nhớ đối-tượng âm-thanh.

- *Gandhasaññā*: Hương tưởng là tưởng nhớ đối-tượng hương.

- *Rasasaññā*: Vị tưởng là tưởng nhớ đối-tượng vị.

- *Phoṭṭhabbasaññā*: Xúc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng xúc.

- *Dhammasaññā*: Pháp tưởng là tưởng nhớ đối-tượng các pháp.

Sáu loại tưởng này là **tưởng-uẩn** thuộc về **danh-pháp**.

- Nếu khi tưởng nhớ đến đối-tượng sắc thì **tà-kiến** thấy sai chấp làm nơi **sắc tưởng** cho là **ta tưởng sắc**.

Ta tưởng sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*) thì chỉ có **tưởng-uẩn** mà thôi.

Sở dĩ có sự thấy sai chấp làm cho là **ta tưởng** là vì **tà-kiến** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với

tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi **tuởng-uẩn chấp-thủ** cho là **ta tuởng**.

Đúng theo thật-tánh của tất cả **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã (anattā)**, không có **ngã**.

Như vậy, **ngã** vốn không có thật nên *không có phương pháp diệt ngã* được.

Sở dĩ có **sự chấp ngã** là vì *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi **tuởng-uẩn chấp-thủ** thuộc về **danh-pháp** cho là **ta tuởng**.

Như vậy, **tà-kiến** có thật nên chắc chắn có *phương pháp diệt tà-kiến* được.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới, trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến (ditthi)** trong 4 tham-tâm hợp với **tà-kiến**, và **hoài-nghi (vicikicchā)** trong si-tâm hợp với **hoài-nghi** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn **tà-kiến**

thấy sai chấp lầm trong tướng-uẩn chấp-thủ (cùng với 4 uẩn còn lại) cho là ta, là ngã, đồng thời không còn thấy sai chấp lầm cho là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

4- Tà-kiến thấy sai chấp lầm trong hành-uẩn chấp-thủ cho là ta như thế nào?

Hành-uẩn chấp-thủ đó là 50 tâm-sở (cetasika) (trừ thọ tâm-sở và tướng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. Trong 50 tâm-sở có tác-y tâm-sở (cetanācetasika) dẫn đầu tạo thiện-nghiệp, hoặc tạo ác-nghiệp.

- Nếu khi tạo thiện-nghiệp thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi **hành-uẩn chấp-thủ** cho là **ta tạo thiện-nghiệp**.

- Nếu khi tạo ác-nghiệp thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi **hành-uẩn chấp-thủ** cho là **ta tạo ác-nghiệp**.

Ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp, ... vốn không có thật, sự-thật đúng theo chân-nghiã-pháp (paramatthadhamma) thì chỉ có hành-uẩn tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp mà thôi.

Sở dĩ có sự thấy sai chấp lầm cho là ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp... là vì tà-kiến đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi hành-uẩn chấp-thủ cho là ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp, ...

Đúng theo thật-tánh của tất cả **mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp** đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), không có **ngã**.

Như vậy, **ngã** vốn không có thật nên *không có phương pháp diệt ngã* được.

Sở dĩ có **sự chấp ngã** là vì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **hành-uẩn chấp-thủ** thuộc về **danh-pháp** cho là **ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp, ...**

Như vậy, **tà-kiến** có thật nên chắc chắn *có phương pháp diệt tà-kiến* được.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, **biết rõ sự sinh sự diệt** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới, trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, **biết rõ 3 trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ **Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (*ditthi*) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và **hoài-nghi** (*vicikicchā*) trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh-Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn **tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **hành-uẩn chấp-thủ**

(cùng với 4 uẩn còn lại) cho là **ta**, là **ngã**, đồng thời không còn thấy sai chấp lầm cho là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

5- **Tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **thức-uẩn chấp-thủ** cho là ta như thế nào?

Thức-uẩn chấp-thủ đó là 81 tam-giới-tâm chia ra 6 loại thức tâm:

- Cakkhaviññāṇa: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm.
- Sotaviññāṇa: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.
- Ghānaviññāṇa: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm.
- Jivhāviññāṇa: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm.
- Kāyaviññāṇa: Thân-thức-tâm có 2 tâm.
- Manoviññāṇa: Ý-thức-tâm có 71 tâm.

Sáu loại tâm này gọi là **thức-uẩn** thuộc về **danh-pháp**.

- Nếu khi **nhãn-thức-tâm** có phận sự thấy đối-tượng sắc thì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **nhãn-thức-tâm** cho là **ta thấy sắc**.

Ta thấy sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*) thì chỉ có **nhãn-thức-tâm thấy sắc** mà thôi, **nhãn-thức-tâm** thuộc về **thức-uẩn**.

Sở dĩ có sự thấy sai chấp lầm cho là **ta thấy sắc** là vì **tà-kiến** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **nhãn-thức-tâm** thuộc về **thức-uẩn** cho là **ta thấy sắc**.

Đúng theo thật-tánh của tất cả **mọi sắc-pháp**, **mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã (anattā)**, không có **ngã**.

Như vậy, **ngã** vốn không có thật nên *không có phương pháp diệt ngã* được.

Sở dĩ có **sự chấp ngã** là vì **tà-kiến** thấy sai chấp lầm nơi **nhãn-thức-tâm** thuộc về **thức-uẩn chấp-thủ** thuộc về **danh-pháp** cho là **ta thấy sắc**.

Như vậy, **tà-kiến** có thật nên chắc chắn có *phương pháp diệt tà-kiến* được.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã** của **sắc-pháp danh-pháp tam-giới**, dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo**, **Nhập-lưu Thánh-quả**, **Niết-bàn**, **diệt tận** được 2 loại **phiền-não** là **tà-kiến (ditthi)** trong 4 **tham-tâm** hợp với **tà-kiến**, và **hoài-nghi (vicikicchā)** trong **si-tâm** hợp với **hoài-nghi** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn **tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **thức-uẩn chấp-thủ** (cùng với 4 uẩn còn lại) cho là **ta**, là **ngã**, đồng thời không còn

thấy sai chấp lầm cho là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

Cũng tương tự như vậy,

- Nếu khi ***nhĩ-thức-tâm*** nghe âm-thanh, thì bậc Thánh Nhập-lưu không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***nhĩ-thức-tâm*** cho là ***ta*** nghe âm-thanh nữa.

- Nếu khi ***tỷ-thức-tâm*** ngửi mùi hương, thì bậc Thánh Nhập-lưu không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tỷ-thức-tâm*** cho là ***ta*** ngửi mùi hương nữa.

- Nếu khi ***thiệt-thức-tâm*** nếm vị, thì bậc Thánh Nhập-lưu không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thiệt-thức-tâm*** cho là ***ta*** nếm vị nữa.

- Nếu khi ***thân-thức-tâm*** xúc-giác cứng mềm, ... thì bậc Thánh Nhập-lưu không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thân-thức-tâm*** cho là ***ta*** xúc-giác cứng mềm, ... nữa.

- Nếu khi ***y-thức-tâm*** biết các pháp, thì bậc Thánh Nhập-lưu không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***y-thức-tâm*** cho là ***ta*** biết các pháp nữa.

* ***Niyatamicchādiṭṭhi***: Tà-kiến cố-định là tà-kiến chấp-thủ cố-định, không thay đổi.

Tà-kiến cố-định có 3 loại:

- ***Natthikadiṭṭhi***: Vô-quả tà-kiến.
- ***Ahetukadiṭṭhi***: Vô-nhân tà-kiến.
- ***Akiriyadiṭṭhi***: Vô-hành tà-kiến.

1- Vô-quả tà-kiến như thế nào?

Natthikadiṭṭhi: Vô-quả tà-kiến cố-định là tà kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có quả của nghiệp.”

Người có vô-quả tà-kiến cố-định này thấy sai chấp làm rằng: “Không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp. Người đã tạo ác-nghiệp hoặc đã tạo thiện-nghiệp rồi đều không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp.”

Tất cả chúng-sinh chết rồi là hết, không có nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau.”

Người có vô-quả tà-kiến cố-định này còn gọi là **đoạn-kiến** (*ucchedadiṭṭhi*) chết là hết, không có kiếp sau.

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta* ⁽¹⁾ vị đạo-sur ngoại đạo **Ajītakesakambala** có tà thuyết **natthikadiṭṭhi:** vô-quả tà-kiến cố-định thấy sai, chấp làm rằng: “không có quả của nghiệp” như sau:

1- *Natthi dinnam:* Tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện bố-thí không có quả tốt, an-lạc.

2- *Natthi yittham:* Tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường không có quả tốt, an-lạc.

3- *Natthi hutam:* Tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường, đón rước cũng không có quả tốt, an-lạc.

¹ Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh *Sāmaññaphalasutta*.

4- *Natthi sukata dukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ*: Tà-kiến thấy sai rằng: Đã tạo thiện-nghiệp, ác-nghiệp rồi, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp, không có quả khổ của ác-nghiệp.

5- *Natthi ayaṃ loko*: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi-giới này nghĩa là không có chúng-sinh tái-sinh đến cõi-giới này.

6- *Natthi paro loko*: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi-giới khác nghĩa là chúng-sinh chết rồi là hết, không có tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

7- *Natthi mātā*: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với mẹ của mình, không có quả tốt, quả xấu.

8- *Natthi pitā*: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với cha của mình, không có quả tốt, quả xấu.

9- *Natthi sattā opapātikā*: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có các loài chúng-sinh hóa-sinh to lớn ngay tức thì như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài nga-quỷ, loài a-su-ra.

10- *Natthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammāpaṭipannā ye imaṅca lokam paraṅca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti*: Tà-kiến thấy sai rằng: Trong đời này, không có các Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiên-

định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép-thần-thông; thực-hành pháp-hành thiền-tuệ chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi-giới này, các cõi-giới khác.

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận **quả** của ác-nghiệp, **quả** của thiện-nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận **nhân** là ác-nghiệp, thiện-nghiệp.

2- Vô-nhân tà-kiến như thế nào?

Ahetukadiṭṭhi: *Vô-nhân tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có nhân là không có nghiệp.”

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp làm rằng: “Không có nghiệp sinh cho quả (janakahetu), cũng không có nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp. Nghĩa là không có thiện-nghiệp cho quả an-lạc, không có ác-nghiệp cho quả khổ; cũng không có thiện-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp, không có ác-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp.”

Như vậy, người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp làm rằng: “Tất cả mọi chúng-sinh hiện hữu trong cõi đời này theo tự nhiên, không do quả của thiện-nghiệp, không do quả của ác-nghiệp nào cả. Tất cả mọi chúng-sinh bị ô nhiễm

tự nhiên, đến thời-kỳ được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên. Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh là người ác và người thiện, kẻ ngu và bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thấy.”

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*⁽¹⁾ vị đạo-sư ngoại đạo **Makkhaligosāla** có tà thuyết **Ahetukadiṭṭhi**: vô-nhân tà-kiến cố-định thấy sai, chấp lầm rằng: “Không có nhân là không có nghiệp” như sau:

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm. Tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh. Tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nghiệp riêng của mình, không có nghiệp của người khác. Tất cả chúng-sinh sống tùy thuộc vào sự may, sự rủi, thọ khổ tự nhiên, thọ lạc tự nhiên.

- Tất cả chúng-sinh là người ác, người thiện, kẻ ngu, bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thấy.”

¹ Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh *Sāmaññaphalasutta*.

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận **nhân** đó là *thiện-nghiệp, ác-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận **quả an-lạc của thiện-nghiệp, quả khổ của ác-nghiệp**.

3- Vô-hành tà-kiến như thế nào?

Akiriyađiṭṭhi: Vô-hành tà-kiến cố-định là tà-kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có hành ác, không có hành thiện.”

Người có vô-hành tà-kiến cố-định thấy sai chấp làm rằng: “Người tạo ác-nghiệp không có hành ác, người tạo thiện-nghiệp không có hành thiện. Hành chỉ là hành mà thôi, không có hành ác, không có hành thiện.”

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta* vị đạo-sư ngoại đạo **Puraṇakassapa** có tà thuyết **Akiriyađiṭṭhi**: vô-hành tà-kiến cố-định thấy sai, chấp làm rằng: “Không có hành ác, không có hành thiện” như sau:

- Tự mình hành ác, sai khiến người hành ác đều không có hành ác như:

- Tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh đều không có hành ác sát-sinh.

- Tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp đều không có hành ác trộm-cắp, v.v...

- Tự mình bố-thí, khuyên dạy người khác bố-thí đều không có hành thiện bố-thí.

- *Tự mình cúng dường, khuyên dạy người khác cúng dường đều không có hành thiện cúng dường, v.v...*

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận **nhân** đó là thiện-nghiệp, ác-nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận **quả của thiện-nghiệp, ác-nghiệp**.

Ba loại tà-kiến cố-định này là ác-nghiệp cực kỳ nặng hơn 5 *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức Phật và chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng*, bởi vì, người có loại tà-kiến cố-định này hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp của họ.

Tuy người ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng sự thật người ấy đã tạo ác-nghiệp cực kỳ nặng, nên sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, không có hạn định.

Tà-kiến phát sinh do nhân nào?

Trong Chi-bộ-kinh, phần 2 chi-pháp, Đức Phật thuyết dạy rằng:

“Dveme bhikkhave, paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?”

Parato ca ghoso, ayoniso ca manasikāro. Ime kho bhikkhave, dve paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya.”⁽¹⁾

- *Này chư tỳ-khuru! Hai nhân duyên phát sinh tà-kiến. Hai nhân duyên ấy là gì?*

1- *Parato ca ghoso: Lắng nghe tà-pháp từ hạng người có tà-kiến.*

2- *Ayoniso ca manasikāro: Do si mê biết sai lầm trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp.*

- *Này chư tỳ-khuru! Hai nhân duyên này phát sinh tà-kiến.*

Chánh-kiến phát sinh do nhân nào?

“Dveme bhikkhave, paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, yoniso ca manasikāro. Ime kho bhikkhve, dve paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya.”

- *Này chư tỳ-khuru! Hai nhân duyên phát sinh chánh-kiến. Hai nhân duyên ấy là gì?*

1- *Parato ca ghoso: Lắng nghe chánh-pháp từ Đức-Phật, chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, các bậc thiện-trí.*

¹ *Āṅguttaranikāya, DukanipātaPāli, Āsāduppajahavagga.*

2- *Yoniso ca manasikāro*: Do nhờ trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

- *Này chư tỳ-khuru!* Hai nhân duyên này phát sinh chánh-kiến.

Chánh-kiến có 5 loại:

1- *Kammassakatā sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến sở-nghiệp nghĩa là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà mình đã tạo rồi là của riêng mình.

2- *Vipassanā sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến thiên-tuệ nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp danh-pháp là pháp vô-ngã, thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của sắc-pháp danh-pháp, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp danh-pháp tam-giới.

3- *Magga sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ, có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

4- *Phala sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-quả-tuệ, có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

5- *Paccavekkhanā sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến quán-triệt nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ quán-triệt

Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn đã chứng đắc; quán-triệt phiền-não đã diệt tận và phiền não chưa diệt được.

* ***Diṭṭhigatavippayutta***: Không hợp với tà-kiến

- Đối với các hạng phàm-nhân khi 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến nghĩa là không có tà-kiến tâm-sở (*diṭṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm* này, nên không thấy sai, không chấp lầm, nhưng không có nghĩa là 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến này thấy đúng, biết đúng, mà chỉ là không quan tâm, không liên quan đến tà-kiến thấy sai, chấp lầm mà thôi.

- Nếu có ngã-mạn tâm-sở (*mānacetāsika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến này thì tự cho ta hơn người, hoặc bằng người, hoặc kém thua người.

Thật ra, chỉ có ***bực Thánh Nhập-lưu*** đã diệt tận được 4 *tham-tâm* hợp với tà-kiến rồi, nên mới vĩnh viễn không còn tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi cả chủ-thể lẫn các đối-tượng nữa.

* ***Asañkhārika***: Không cần tác-động

Khi 4 *tham-tâm* phát sinh không cần tác-động có nghĩa là *tham-tâm* phát sinh do chính tự mình tác-động, không cần nương nhờ đến người khác tác-động.

Cho nên, 4 *tham-tâm* này có nhiều năng lực.

* **Sasaṅkhārika**: *Cần tác-động*

Khi 4 *tham-tâm* phát sinh cần tác-động có nghĩa là *tham-tâm* phát sinh do nương nhờ đến người khác tác-động, sai khiến, chính tự mình không có khả năng tác-động.

Cho nên, 4 *tham-tâm* này có ít năng lực.

Tác-động có 3 cách:

1- *Kāyapayoga*: *Thân-tác-động* là tác-động bằng thân như nắm tay, chỉ tay, vẫy tay, gật đầu.

2- *Vacīpayoga*: *Khẩu-tác-động* là tác-động bằng khẩu, dùng lời thuyết phục, nói lời ca tụng, nói lời động viên khuyến khích, v.v...

3- *Manopayoga*: *Ý-tác-động* là tác-động bằng tâm, tự mình tác-động mình, do suy nghĩ sâu sắc thấy rõ, biết rõ sự lợi ích, nên phát sinh tâm hài lòng trong công việc ấy.

Trường hợp hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền-định hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ luôn luôn cần đến *ý-tác-động*.

Nếu tự mình tác-động mình thì có đủ 3 cách là *kāyapayoga*, *vacīpayoga* và *manopayoga*.

Nếu có người khác tác-động thì chỉ có hai cách là *kāyapayoga* và *vacīpayoga* mà thôi.

Nhận xét về 8 tham-tâm

Trong 8 tham-tâm, “*tham-tâm thứ nhất* đồng sinh với *thọ hỷ*, hợp với *tà-kiến*, không cần tác-

động” gồm có 19 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm thứ nhất này.

Trong 19 tâm-sở này, có *tác-y tâm-sở* gọi là *ác-nghiệp*. *Ác-nghiệp* trong tham-tâm thứ nhất thuộc về *ác-nghiệp nặng hơn 7 tham-tâm còn lại*, bởi vì tham-tâm thứ nhất này đồng sinh với *thọ hỷ*, hợp với *tà-kiến*, không cần *tác-động*.

Và “*tham-tâm thứ tám* đồng sinh với *thọ xả*, không hợp với *tà-kiến*, cần *tác-động*” gồm có 20 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm thứ tám này.

Trong 20 tâm-sở này, có *tác-y tâm-sở* gọi là *ác-nghiệp*. *Ác-nghiệp* trong tham-tâm thứ tám thuộc về *ác-nghiệp nhẹ hơn 7 tham-tâm còn lại*, bởi vì tham-tâm thứ tám này đồng sinh với *thọ xả*, không hợp với *tà-kiến*, cần *tác-động*.

Quả của tham-tâm

* *Tham-tâm* (*lobhacitta*) là bất-thiện-tâm có *tham tâm-sở* (*lobhacetāsika*) nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với tham-tâm. *Tham tâm-sở* gọi là *tham-ái* (*taṇhā*), là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Tác-y tâm-sở đồng sinh với tham-tâm tạo *ác-nghiệp*. Nếu *ác-nghiệp* trong tham-tâm ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭi-sandhikāla*) có *suy-xét-tâm* đồng sinh với *thọ xả* là quả của *ác-nghiệp* trong tham-tâm gọi là

tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong **cõi ngạ-quỷ**, hoặc trong **cõi a-su-ra**, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

2- Dosamūlacitta

Dosamūlacitta là bất-thiện-tâm có *nhân sân* (*dosahetu*) hoặc bất-thiện-tâm có *sân tâm-sở* (*dosacetasika*) *nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm ấy* nên gọi là **sân-tâm** (*dosacitta*).

Sân-tâm (*dosacitta*) này có *sân tâm-sở* *đứng đầu dắt dẫn các tâm-sở đồng sinh với sân-tâm*.

Sân tâm-sở (*dosacetasika*) có 4 tính chất riêng biệt:

1- *Caṇḍikalakkhaṇo* có trạng-thái hung dữ.

2- *Nissayadhanaraso* có phận sự làm nóng nảy thiêu đốt trong tâm của mình và người khác.

3- *Dūsanapaccuṭṭhāno* gây tai hại đến đối-tượng là quả hiện hữu.

4- *Āghātavatthupadaṭṭhāno* có đối-tượng hận thù là nhân-duyên gần phát sinh *dosacetasika*.

Dosacitta: *Sân-tâm* phát sinh do nương nhờ 3 pháp là **domanassa**: *thọ ưu*, **paṭigha**: *hận thù*, **saṅkhāra**: *tác-động*, nên *sân-tâm* phân chia ra làm 2 tâm như sau:

1- *Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.

2- *Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.

Giải nghĩa từ Pāli trong 2 sân-tâm

* *Domanassasahagata*: *domanassa*+*sahagata*

- *Domanassa*: Thọ ưu: sân-tâm tiếp xúc với đối-tượng xấu, cảm nhận nỗi khổ tâm nên phát sinh thọ ưu.

- *Sahagata*: đồng sinh với

- *Domanassasahagataṃ*: đồng sinh với thọ ưu.

* *Paṭighasampayutta*: *paṭigha* + *sampayutta*

- *paṭigha*: hận thù.

- *sampayutta*: hợp với.

- *Paṭighasampayuttaṃ*: hợp với hận.

* *asaṅkhārikaṃ*: không cần tác-động.

* *sasaṅkhārikaṃ*: cần tác-động.

***Dosacitta* (Sân-tâm) có 2 tâm:**

1- *Sân-tâm đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.*

2- *Sân-tâm đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.*

* Nhân phát sinh 2 sân-tâm

Hai sân-tâm phát sinh do 5 nhân:

1- *Dosajjhāsayatā*: Người có tính hay sân hận.

2- *Agambhīrapakatitā*: Thói quen không suy xét sâu sắc, không tế nhị.

3- *Appassutata*: Người có ít học hỏi, kém hiểu biết trong các thiện-pháp.

4- *Aniṭṭhārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng xấu không hài lòng.

5- *Āghātavatthusamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng hận thù với mình hoặc người thân của mình.

Giải giải về 2 sân-tâm

Do nguyên nhân nào gọi là sân-tâm?

Bất-thiện-tâm nào có **nhân sân** (*dosahetu*), hoặc có **sân tâm-sở** (*dosacetasika*) nhiều năng lực dắt dẫn các tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm ấy biết đối-tượng xấu, phát sinh khổ tâm, gọi bất-thiện-tâm ấy là **sân-tâm** (*dosacitta*).

Sân-tâm có nhân sân (*dosahetu*) chắc chắn cũng có **nhân si** (*mohahetu*) hoặc có **sân tâm-sở** (*dosacetasika*) chắc chắn có **si tâm-sở** (*mohacetasika*) che phủ thật-tánh của đối-tượng nên **sân-tâm** mù quáng gây tai hại đối-tượng.

Dosacitta (*Sân-tâm*) phát sinh do nương nhờ 3 pháp căn bản:

1- **Vedanā** (Thọ tâm-sở) đó là *domanassa-vedanā*: thọ ưu. *Domanassasahagataṃ*: đồng sinh với thọ ưu.

2- **Paṭigha** (Sân hận) đó là *sân tâm-sở*.

Paṭighasampayutta: Hợp với hận.

3- **Saṅkhārika** (Tác-động) đó là *asaṅkhārika* không cần tác-động, *asaṅkhārika* cần tác-động.

Cho nên, **sân-tâm** phân chia ra làm 2 loại.

* **Domanassasahagata**: Đồng sinh với thọ ưu

Khi 2 *sân-tâm* biết đối-tượng xấu, cảm nhận nỗi khổ tâm khó chịu, nóng nảy, sầu não, v.v... đó là *domanassa*: thọ ưu thuộc về *vedanācetasika*.

Thọ tâm-sở (*Vedanā*) có 5 loại:

1- *Dukkhavedanā*: Thọ khổ.

2- *Sukhavedanā*: Thọ lạc.

3- *Somanassavedanā*: Thọ hỷ.

4- *Domanassavedanā*: Thọ ưu.

5- *Upekkhāvedanā*: Thọ xả.

* **Domanassavedanā**: Thọ ưu này chỉ đồng sinh với 2 *sân-tâm* mà thôi, không đồng sinh với tâm nào khác cả. Cho nên, khi nào **sân-tâm** phát sinh thì khi ấy chắc chắn có *domanassavedanā*: thọ ưu đồng sinh.

Vì vậy, gọi là *domanassasahagata*: Đồng sinh với thọ ưu.

* **Paṭighasampayutta**: Hợp với hận

Khi 2 sân-tâm hợp với hận nghĩa là khi sân-tâm tiếp xúc với đối-tượng xấu thì *paṭigha* sân hận, khổ tâm khó chịu gây tai hại, phá hoại đối-tượng xấu ấy.

Paṭigha này là *dosacetāsika*: sân tâm-sở luôn luôn chỉ đồng sinh với *domanassavedanā* mà thôi, không đồng sinh với *vedanā* nào khác.

Domanassavedanā và *paṭigha* có 2 tính chất thật-tánh khác nhau như sau:

- *Domanassavedanā* là 1 trong 5 loại *vedanā-cetasika*: thọ tâm-sở thuộc về *vedanā-kkhandha*: thọ-uẩn thụ hưởng đối-tượng xấu, cảm giác nổi khổ tâm.

- *Paṭigha* đó là *dosacetāsika* thuộc về *saṅkhārakkhandha*: hành-uẩn gây tai hại, phá hoại đối-tượng xấu ấy.

Domanassavedanā và *paṭigha* tuy có 2 tính chất **thật-tánh** khác nhau, nhưng do năng lực của *dosacittuppāda* (các tâm-sở đồng sinh với sân-tâm) cho nên khi sân-tâm phát sinh thì ắt có *domanassavedanā* và *paṭigha* luôn luôn đồng sinh với sân-tâm ấy.

* *Asaṅkhārika*: Không cần tác-động

Khi sân-tâm tiếp xúc với đối-tượng xấu, quá bức tức, sân hận *paṭigha* có năng lực mạnh, sân-tâm tự mình phát sinh với *asaṅkhārika* không cần tác-động.

Cho nên, *sân-tâm* này có năng lực mạnh, ác-nghiệp trong *sân-tâm* này rất nặng.

* **Sasaṅkhārika: Cần tác-động**

Khi *sân-tâm* tiếp xúc với đối-tượng xấu, *sân hận paṭigha* có năng lực yếu, khi có người khác đến tác-động nên *sân-tâm* mới phát sinh với *sasaṅkhārika cần tác-động*.

Cho nên, *sân-tâm* này có năng lực yếu, ác-nghiệp trong *sân-tâm* này nhẹ.

* **Nguyên nhân gần để phát sinh *sân-tâm***

Nguyên nhân gần để phát sinh 2 *sân-tâm* đó là *aniṭṭhārammaṇa: đối-tượng xấu* và *āghāta-vatthu: đối-tượng hận thù*.

Āghātavatthu (Đối-tượng hận thù) có 10 loại:

1- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đã từng gây tai hại cho ta.*

2- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đang gây tai hại cho ta.*

3- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy sẽ gây tai hại cho ta.*

4- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đã từng gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

5- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đang gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

6- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy sẽ gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

7- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đã từng làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

8- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đang làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

9- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

10- Hận thù do gặp phải rủi như vấp ngã đau, đập gai đâm vào bàn chân đau, v.v ...

Nhận xét về 2 sân-tâm

Sân-tâm có 2 tâm:

* *Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.*

* *Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.*

- **Tâm-sở** đồng sinh với sân-tâm thứ nhất có 20 tâm-sở, trong 20 tâm-sở này có tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) gọi là ác-nghiệp, cho nên ác-nghiệp này thuộc về **ác-nghiệp nặng nhất**, bởi vì sân-tâm này đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận **không cần tác-động**, có năng lực mạnh.

- **Tâm-sở** đồng sinh với sân-tâm thứ nhì có 22 tâm-sở có hai tâm-sở thina: buồn-chán và middha: buồn-ngủ, nên làm sân-tâm có năng lực yếu.

Trong 22 tâm-sở này có tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) gọi là ác-nghiệp. Ác-nghiệp này thuộc về **ác-nghiệp nhẹ nhất**, bởi vì sân-tâm này đồng

sinh với thọ ưu, hợp với hận, **cần tác-động**, có năng lực yếu.

Trình bày 2 *sân-tâm* tiếp theo sau 8 *tham-tâm* bởi vì *tham-tâm* là **nhân**, *sân-tâm* là **quả**, nếu không có *tham-tâm* thì chắc chắn cũng không có *sân-tâm*.

Thật vậy, **bậc Thánh Bất-lai** diệt tận được *tham-ái* trong 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc trong *cõi dục-giới*, cũng đồng thời *diệt tận* được 2 *sân-tâm* không còn dư sót nữa.

Bậc Thánh-Bất-lai chỉ còn *tham-ái* trong các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, các tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên mà thôi. Cho nên *bậc Thánh Bất-lai* không còn tái-sinh kiếp sau trở lại trong *cõi dục-giới*, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với sắc-giới quả-tâm ấy* mà thôi, rồi chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Quả của sân-tâm

* **Sân-tâm** (*dosacitta*) là bất-thiện-tâm có **sân-tâm-sở** (*dosacetāsika*) nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với sân-tâm làm khổ tâm trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm tạo ác-nghiệp. Nếu ác-nghiệp trong sân-tâm ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭi-sandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp trong **sân-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong **cõi địa-ngục** chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

3- Mohamūlacitta

Mohamūlacitta là bất-thiện-tâm có **nhân si** (*mohaḥetu*) hoặc bất-thiện-tâm có **si tâm-sở** (*mohacetāsika*) nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm ấy, nên gọi là **si-tâm** (*mohacitta*).

Si-tâm (*mohacitta*) này có **si tâm-sở** đứng đầu dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với si-tâm.

Si tâm-sở (*mohacetāsika*) có 4 tính chất riêng biệt của si tâm-sở:

1- **Aññalakkhaṇo**: Có trạng-thái không biết tứ Thánh-đế.

2- *Ārammaṇasabhāvacchādanaraso*: Có phận sự làm che phủ thật-tánh của các đối-tượng.

3- *Andhakārapaccuṭṭhāno*: Có tính chất làm tối tăm là quả hiện hữu.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Do si-mê hiểu biết trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *mohacetasika*.

Mohacitta: Si-tâm phát sinh chỉ nương nhờ *upekkhāvedanā*: thọ xả, hợp với *vicikicchā*, hoặc *uddhacca*, cho nên si-tâm phân chia ra làm 2 tâm như sau:

1- *Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ*.

Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.

2- *Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ*.

Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

Giải nghĩa từ Pāli trong 2 si-tâm

* *Upekkhāsahagata*: *upekkhā* + *sahagata*

- *upekkhā*: thọ xả

- *sahagata*: đồng sinh với

- *upekkhāsahagataṃ*: đồng sinh với thọ xả.

* *Vicikicchāsampayutta*: *vicikicchā* + *sampayutta*

- *vicikicchā*: hoài-nghi

- *sampayutta*: hợp với

- *vicikicchāsampayuttaṃ*: hợp với hoài-nghi.

- * *Uddhaccasampayutta*: *uddhacca*+*sampayutta*
- *uddhacca*: phóng-tâm
- *sampayutta*: hợp với
- *uddhaccasampayuttaṃ*: hợp với phóng-tâm.

Giải giải về 2 si-tâm

- 1- Si-tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.
- 2- Si-tâm đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

* *Upekkhāsahagataṃ*: Đồng sinh với thọ xả
Hai si-tâm đồng sinh với **thọ xả** có tính chất khác với 4 tham-tâm đồng sinh với **thọ xả**.

Si-tâm đồng sinh với thọ xả dù tiếp xúc với đối-tượng tốt hoặc xấu vẫn bình thản, bởi vì si-mê không biết nhận thức giá trị của đối-tượng ấy.

Còn 4 tham-tâm hợp với thọ xả là khi tiếp xúc với đối-tượng không tốt không xấu, 4 tham-tâm hài lòng ít, nên không đủ để phát sinh thọ hỷ.

* *Vicikicchāsampayuttaṃ*: Hợp với hoài-nghi
Hoài-nghi có hai loại:

1- *Nivaraṇavicikicchā*: Hoài-nghi là pháp chướng-ngại của mọi thiện-pháp.

2- *Paṭirūpakavicikicchā*: Hoài-nghi về những môn học chưa hiểu rõ, hoài-nghi về người, vật, v.v... không gọi là hoài-nghi trong si-tâm.

Si-tâm hợp với hoài-nghi đó là *nivaraṇavicikicchā* làm chướng-ngại chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn; có 8 loại hoài-nghi:

1- *Buddhe kaṅkhati*: Hoài-nghi về Đức-Phật rằng: Đức-Phật có thật hay không? Có phải người ta chế-định Đức-Phật ra để tôn thờ, ...

Hoài-nghi về 9 ân-Đức-Phật rằng:

Đức-Phật có 9 ân-đức là “*Araham, Sammā-sambuddho, Vijjācaranasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathi, Satthā devamanus-sānam, Buddho, Bhagavā*” có thật vậy hay không?

2- *Dhamme kaṅkhati*: Hoài-nghi về Đức-Pháp rằng: Đức-Phật thuyết giảng 6 ân-Đức-Pháp là “*Svākkhāto Bhagavato dhammo, sandiṭṭhiko, akāliko, ehipassiko, opaneyyiko, paccattam veditabbo viññūhi*” có thật vậy hay không?

3- *Samghe kaṅkhati*: Hoài-nghi về Đức-Tăng rằng: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có 9 ân-Đức-Tăng là “*Suppaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṃgho, ujuppaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṃgho, ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṃgho, sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṃgho. Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā esa Bhagavato sāvaka-saṃgho, āhuneyyo, pāhuneyyo, dakkhineyyo, añjalikaraṇīyo, anuttaram puññakkhettaṃ lokassa*” có thật vậy hay không? ⁽¹⁾

¹ Tìm hiểu ý nghĩa 9 ân-Đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng trong bộ Nền-Tảng-Phật-giáo quyển II, Quy-Y Tam-Bảo cùng soạn giả.

4- *Sikkhāya kaṅkhati*: Hoài-nghi về 3 sikkhā là *adhisīlasikkhā*: thực-hành pháp-hành giới bậc cao, *adhicittasikkhā*: thực-hành pháp-hành thiền-định bậc cao, *adhīpaññāsikkhā*: thực-hành pháp-hành thiền-tuệ bậc cao trở thành bậc Thánh-nhân, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, có thật vậy hay không?

5- *Pubbante kaṅkhati*: Hoài-nghi về ngũ-uẩn đã từng có trong kiếp trước thật hay không? Hoặc kiếp trước có thật vậy hay không?

6- *Aparante kaṅkhati*: Hoài-nghi về ngũ-uẩn sẽ có trong kiếp sau thật hay không? Hoặc kiếp sau có thật vậy hay không?

7- *Pubbantāparante kaṅkhati*: Hoài-nghi về ngũ-uẩn kiếp trước, kiếp sau có thật hay không? Hoặc kiếp trước, kiếp sau có thật vậy hay không?

8- *Paṭiccasamuppāde kaṅkhati*: Hoài-nghi về pháp *thập-nhị-duyên-sinh*:

“*Avijjāpaccyā saṅkhārā,
Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ...*”⁽¹⁾

(Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh,
Do hành làm duyên, nên thức sinh ...)

¹ Tìm hiểu đầy đủ pháp này trong quyển “Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiền-Tuệ” cùng soạn giả.

Những pháp phát sinh theo nhân và quả liên hoàn với nhau, quả của pháp trước rồi làm nhân của pháp sau, cứ như vậy diễn tiến không có pháp bắt đầu và cũng không có pháp cuối cùng, có thật vậy hay không?

Si-tâm hợp với 8 điều hoài-nghi này, ngoài ra, những điều hoài-nghi khác không phải là hoài-nghi trong si-tâm.

** Uddhaccasampayuttam: Hợp với phóng-tâm*

Si-tâm hợp với phóng-tâm là tâm bị động tiếp nhận các đối-tượng lộn xộn, tâm không ổn định, chưa hết chuyện này đã sang qua chuyện khác, định-tâm các đối-tượng không rõ ràng. Cho nên ác-nghiệp trong si-tâm hợp với phóng-tâm có ít năng lực.

Phóng-tâm và hối-hận là 1 trong 5 pháp-chướng-ngại gây trở ngại cho mọi thiện-pháp không thể phát sinh được.

Nhân sinh hoài-nghi

Hoài-nghi phát sinh do hai nguyên-nhân là:

1- Ayonisomanasikāra: Si-mê hiểu biết trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp.

2- Hoài-nghi nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo; hoài-nghi kiếp trước, kiếp sau, ...

Nhân diệt hoại-nghi

Hoài-nghi diệt do 2 nguyên-nhân là:

1- *Yonisomanasikāra*: Trí-tuệ hiểu biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

2- *Trí-tuệ hiểu biết rõ các pháp*: Thiện-pháp, bất-thiện-pháp, pháp nên hành, pháp không nên hành, pháp nên phát triển, pháp nên diệt, v.v...

Pháp diệt hoại-nghi

Diệt hoại-nghi có 6 pháp là:

1- *Bahussutā*: Nghe nhiều hiểu rộng.

2- *Paripucchakatā*: Ham thích học hỏi.

3- *Vinaye pakataññatā*: Tinh thông trong Tạng Luật.

4- *Adhimokkhabahulatā*: Quyết định sáng suốt.

5- *Kalyāṇamittatā*: Có bạn thiện trí tốt.

6- *Sappāyakathā*: Nghe lời giáo-huấn hay, hiểu rõ không còn hoài-nghi nữa.

Nhân sinh phóng-tâm

Phóng-tâm phát sinh do 2 nguyên-nhân là:

1- *Ayonisomanasikāra*: Si-mê hiểu biết trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp.

2- *Phóng-tâm* là tâm bị động tiếp nhận các đối-tượng lộn xộn, tâm không ổn định, chưa hết chuyện này sang chuyện khác, không tự chủ được.

Nhân diệt phóng-tâm

Phóng-tâm diệt do 2 nguyên-nhân là:

1- *Yonisomanasikāra*: Trí-tuệ hiểu biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

2- *Thiện-tâm thanh-tịnh an trú trong đối-tượng*.

Pháp diệt phóng-tâm

Diệt phóng-tâm có 6 pháp là:

1- *Bahussutā*: Nghe nhiều hiểu rộng.

2- *Paripucchakatā*: Ham thích học hỏi.

3- *Vinaye pakataññatā*: Tinh thông trong Tạng Luật.

4- *Buddhasevitā*: Thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Phật.

5- *Kalyāṇamittatā*: Có bạn thiện trí tốt.

6- *Sappāyakathā*: Nghe lời giáo-huấn hay, tâm ổn định, thanh-tịnh.

Nhận xét về 2 si-tâm

Si-tâm có 2 tâm:

- *Si-tâm thứ nhất* đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.

- *Si-tâm thứ nhì* đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

* Si-tâm có 2 tâm, không có *tham tâm-sở* đồng sinh, cũng không có *sân tâm-sở* đồng sinh, chỉ có *si tâm-sở* đồng sinh với 2 si-tâm mà thôi,

khi tiếp xúc với đối-tượng tốt, không biết tốt, nên không đồng sinh với *thọ hỷ*; hoặc khi tiếp xúc với đối-tượng xấu, cũng không biết xấu, nên không đồng sinh với *thọ ưu*. Cho nên, 2 si-tâm này chỉ đồng sinh với *thọ xả* mà thôi.

* Si-tâm thứ nhất hợp với **hoài-nghi** và si-tâm thứ nhì hợp với **phóng-tâm**.

- Nếu si-tâm hợp với **hoài-nghi** trong đối-tượng thì dù *không tác-động* (*asaṅkhārika*) hoặc dù *có tác-động* (*sasaṅkhārika*) cũng không có gì đặc biệt.

- Nếu si-tâm hợp với **phóng-tâm** trong các đối-tượng lộn xộn thì tâm bị động, chưa hết chuyện này đã sang chuyện khác nên mất tự chủ, không có nhiều năng lực. Cho nên dù *không tác-động* (*asaṅkhārika*) hoặc dù *có tác-động* (*sasaṅkhārika*) cũng không có gì đặc biệt.

Vì vậy, 2 si-tâm đều không có *asaṅkhārika* và *sasaṅkhārika*. Còn 8 tham-tâm và 2 sân-tâm, nếu bất-thiện-tâm nào không có tác-động *asaṅkhārika* thì tạo *ác-nghiệp nặng*, nếu bất-thiện-tâm nào có tác-động *sasaṅkhārika* thì tạo *ác-nghiệp nhẹ*.

* Si-tâm có 2 tâm, không hợp với *tà-kiến* (*diṭṭhi*) và *hận* (*paṭigha*), bởi vì 2 si-tâm vốn không biết tính-chất của đối-tượng đúng theo sự thật, vả lại, 2 si-tâm đồng sinh với *thọ xả*

(*upekkhā*) nên không hài lòng cũng không bực tức trong đối-tượng.

Còn *tà-kiến* (*diṭṭhi*) phát sinh do hài lòng nơi đối-tượng và *hận* (*paṭigha*) phát sinh do bực tức trong đối-tượng. Cho nên, 2 si-tâm không hợp với *tà-kiến* (như 4 tham-tâm) hoặc không hợp với *hận* (như 2 sân-tâm).

Si tâm-sở (*mohacetasika*) gọi là **vô-minh** (*avijjā*) phát sinh do 4 pháp *āsava*: 4 pháp *trâm-luân* (*ngũ-dục trâm-luân, kiếp trâm-luân, tà-kiến trâm-luân, vô-minh trâm-luân*).

“*Āsavasamudayā avijjāsamudayo.*”⁽¹⁾

Do sự sinh của 4 pháp *trâm-luân*, nên có sự sinh của *vô-minh*.

* **Tâm-sở** đồng sinh với *si-tâm* thứ nhất có 15 *tâm-sở*, có **hoài-nghi**, *tác-y tâm-sở* (*cetanā cetasika*) gọi là **ác-nghiệp**. Nếu *ác-nghiệp* này có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau thì sinh trong loài súc-sinh.

* **Tâm-sở** đồng sinh với *si-tâm* thứ nhì có 15 *tâm-sở*, có **phóng-tâm**, *tác-y tâm-sở* (*cetanācesika*) gọi là **ác-nghiệp nhẹ** không có khả năng cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*, mà chỉ có khả năng cho quả *sau thời-kỳ tái-sinh* mà thôi.

¹ Abhidhammapiṭaka, bộ Vibhaṅga Pāli.

Quả của si-tâm

* **Si-tâm** (*mohacitta*) là bất-thiện-tâm có **si-tâm-sở** (*mohacetasika*) nhiều năng lực dẫn dắt các tâm-sở đồng sinh với si-tâm không chỉ không biết thật-tánh của các pháp, mà còn không biết tính-chất tốt xấu của các đối-tượng nữa, làm cho tâm si mê trong kiếp hiện-tại và các kiếp vị-lai.

Tác-y tâm-sở đồng sinh với si-tâm tạo ác-nghiệp. Nếu ác-nghiệp trong si-tâm hợp với hoai-nghi có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp trong si-tâm hợp với hoai-nghi gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạn sự tái-sinh kiếp sau trong **loài súc-sinh**, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi loài súc-sinh.

Giải giảng về 12 bất-thiện-tâm

Bất-thiện-tâm (*akusalacitta*) có 12 tâm, *tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm tạo 10 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp: *akusalakamma*) phát sinh do nương nhờ 3 môn: thân-môn, khẩu-môn, ý-môn.

* **Bất-thiện-nghiệp** phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn gọi là **thân bất-thiện-nghiệp** (*akusala-kāyakamma*) hoặc gọi là **thân ác-nghiệp**, có 3 loại nghiệp là:

- 1- *Pāṇātipāta*: Ác-nghiệp sát-sinh.
- 2- *Adinnādāna*: Ác-nghiệp trộm-cắp.
- 3- *Kāmesumicchārāra*: Ác-nghiệp tà-dâm.

* *Bất-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ nơi khẩu-môn gọi là **khẩu bất-thiện-nghiệp** (*akusala-vacīkamma*) hoặc gọi là **khẩu ác-nghiệp**, có 4 loại nghiệp là:

- 1- *Musāvāda*: Ác-nghiệp nói-dối.
- 2- *Pisuṇavācā*: Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- 3- *Pharusavācā*: Ác-nghiệp nói lời thô tục.
- 4- *Samphappalāpa*: Ác-nghiệp nói lời vô ích.

* *Bất-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ nơi ý-môn gọi là **ý bất-thiện-nghiệp** (*akusala-manokamma*) hoặc gọi là **ý ác-nghiệp**, có 3 loại nghiệp là:

- 1- *Abhijjhā*: Ác-nghiệp tham lam của cải của người khác.
- 2- *Byāpāda*: Ác-nghiệp thù hận người khác.
- 3- *Micchādittī*: Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Bất-thiện-tâm tạo ác-nghiệp

* *Tám tham-tâm* tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, có 7 loại ác-nghiệp:

- *Thân ác-nghiệp* có hai loại: *Ác-nghiệp trộm-cắp*, *ác-nghiệp tà-dâm*.

- *Khẩu ác-nghiệp* có 3 loại: *Ác-nghiệp nói-dối*, *ác-nghiệp nói lời chia rẽ*, *ác-nghiệp nói lời vô ích*.

- *Ý ác-nghiệp* có hai loại: *Ác-nghiệp tham lam*, *ác-nghiệp tà-kiến*.

* **Hai sân-tâm** tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, có 7 loại ác-nghiệp:

- *Thân ác-nghiệp* có 2 loại: *Ác-nghiệp sát-sinh*, *ác-nghiệp trộm-cắp*.

- *Khẩu ác-nghiệp* có 4 loại: *Ác-nghiệp nói-dối*, *ác-nghiệp nói lời chia rẽ*, *ác-nghiệp nói lời thô tục*, *ác-nghiệp nói lời vô ích*.

- *Ý ác-nghiệp* có 1 loại: *Ác-nghiệp thù hận*.

* **Hai si-tâm** tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý có 10 loại ác-nghiệp: *thân ác-nghiệp* có 3 loại, *khẩu ác-nghiệp* có 4 loại, *ý ác-nghiệp* có 3 loại.

Ác-nghiệp với ác-tâm

* **Ba ác-nghiệp**: *Ác-nghiệp sát-sinh*, *ác-nghiệp nói lời thô-tục*, *ác-nghiệp thù-hận* phát sinh do năng lực của *sân-tâm*, có *sân tâm-sở* dẫn đầu.

* **Ba ác-nghiệp**: *Ác-nghiệp tà-dâm*, *ác-nghiệp tham lam*, *ác-nghiệp tà-kiến* phát sinh do năng lực của *tham-tâm*, có *tham tâm-sở* dẫn đầu.

* **Bốn ác-nghiệp**: *Ác-nghiệp trộm-cắp*, *ác-nghiệp nói-dối*, *ác-nghiệp nói lời chia rẽ*, *ác-nghiệp nói lời vô ích* phát sinh khi thì do năng

lực của *tham-tâm* ham muốn lợi lộc; khi thì do năng lực của *sân-tâm* như *trộm-cắp* đem vật bỏ vì ghét người chủ nhân, *nói-dối*, *nói lời chia rẽ*, *nói lời vô ích* để gây thiệt hại cho người khác.

Thật ra, **10 ác-nghiệp** này phát sinh trực-tiếp do nương nhờ *tham-tâm* và *sân-tâm*. Còn *si-tâm* tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý; có 10 loại ác-nghiệp chỉ là cách gián-tiếp mà thôi, bởi vì 10 ác-nghiệp phát sinh đều do **vô-minh** làm nhân.

* *Tham-tâm* phát sinh có *tham tâm-sở* dẫn đầu, có *si tâm-sở* hỗ trợ.

* *Sân-tâm* phát sinh có *sân tâm-sở* dẫn đầu, có *si tâm-sở* hỗ trợ.

* *Si-tâm* phát sinh chỉ có *si tâm-sở* dẫn đầu mà thôi.

Nhân sinh bất-thiện-tâm

Bất-thiện-tâm gồm có 12 tâm phát sinh do *ayonisomanasikāra*: do si-mê biết sai lầm trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp.

Đức-Phật dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào khác làm nhân của bất-thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, thiện-pháp đã phát sinh thì bị suy thoái như ayonisomanasikāra.*

- *Này chư tỳ-khuru! Người nào có ayoniso-*

manasikāra, bất-thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, thiện-pháp đã phát sinh thì bị suy thoái ⁽¹⁾.

Ayonisomanasikāra phát sinh do 5 nhân:

1- *Pubbe akatapuññatā*: Không tích lũy phước-thiện trong kiếp trước.

2- *Appaṭirūpadasavāsa*: Sống ở nơi không thuận lợi, không có bậc thiện-trí, không có Phật-giáo.

3- *Asappurisupanissaya*: Không gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

4- *Asaddhammassavana*: Không lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

5- *Attamicchāpanidhi*: Tâm biết sai lầm trong ác pháp.

Ayonisomanasikāra phát sinh do 5 nhân này, nhân đầu tiên là không tích lũy phước-thiện trong những kiếp trước, nên kiếp hiện-tại sinh sống nơi chốn không thuận lợi, không có Phật-giáo, không được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí. Cho nên, người ấy có si-mê, biết sai lầm trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp, làm nhân cho bất-thiện-tâm chưa sinh thì phát sinh, thiện-tâm đã sinh thì bị suy thoái.

Vì vậy, *ayonisomanasikāra* là nhân phát sinh bất-thiện-tâm.

¹ *Ang, Ekakanipāta, Vīriyārambhādivagga.*

*** Tâm với tâm-sở**

Tâm (*citta*) gồm có 89 hoặc 121 tâm và *tâm-sở* (*cetasika*) gồm có 52 tâm-sở. **Tâm với tâm-sở** không thể tách rời nhau được, hễ khi có tâm nào phát sinh, ắt hẳn có một số tâm-sở tương xứng đồng sinh với tâm ấy, bởi vì **tâm-sở** có 4 trạng-thái là *đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm*.

Bất-thiện-tâm với tâm-sở

12 bất-thiện-tâm có 2 loại tâm-sở đồng sinh:

1- *Aññasamānācetasika*: *Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở và đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở, có 13 tâm-sở.*

2- *Akusalacetāsika*: *Bất-thiện tâm-sở, có 14 tâm-sở.*

Như vậy, trong 12 bất-thiện-tâm chỉ có 27 tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm mà thôi.

*** Tham-tâm có 8 tâm:**

Trong 8 tham-tâm, mỗi tham-tâm có một số tâm-sở đồng sinh với mỗi tham-tâm như sau:

1- *Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động, có 19 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này là 13 aññasamānācetasika + 4 mocatukacetāsika + 1 lobhacetāsika + 1 diṭṭhīcetasika, gồm có 19 tâm-sở* ⁽¹⁾.

¹ Tìm hiểu nghĩa và tên tâm-sở trong phần giảng giải 52 tâm-sở sau.

2- Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động, có 21 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 13 aññasamānācetasika + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 diṭṭhicetasika + 2 thidukacetasika, gồm có 21 tâm-sở.

3- Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động, có 19 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 13 aññasamānācetasika + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 mānacetasika, gồm có 19 tâm-sở.

4- Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động, có 21 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 13 aññasamānācetasika + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 mānacetasika + 2 thidukacetasika, gồm có 21 tâm-sở.

5- Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động, có 18 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 diṭṭhicetasika, gồm có 18 tâm-sở.

6- Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động, có 20 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 diṭṭhicetasika + 2 thidukacetasika, gồm có 20 tâm-sở.

7- *Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động có 18 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 mānacetasika, gồm có 18 tâm-sở.*

8- *Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động, có 20 tâm-sở đồng sinh với tham-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 1 lobhacetasika + 1 mānacetasika + 2 thidukacetasika, gồm có 20 tâm-sở.*

* **Sân-tâm** có 2 tâm:

Trong 2 sân-tâm, mỗi sân-tâm có một số tâm-sở đồng sinh với sân-tâm như sau:

1- *Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động, có 20 tâm-sở đồng sinh với sân-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 4 docatukacetasika, gồm có 20 tâm-sở.*

2- *Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động, có 22 tâm-sở đồng sinh với sân-tâm này đó là 12 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika) + 4 mocatukacetasika + 4 docatukacetasika + 2 thidukacetasika, gồm có 22 tâm-sở.*

* **Si-tâm** có 2 tâm:

Trong 2 si-tâm, mỗi si-tâm có một số tâm-sở đồng sinh với si-tâm như sau:

1- *Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi, có 15 tâm-sở đồng sinh với si-tâm này đó là 10 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika adhimokkhacetasika, chandacetasika) + 4 mocatuka-cetasika + 1 vicikicchācetasika, gồm có 15 tâm-sở.*

2- *Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm, có 15 tâm-sở đồng sinh với si-tâm này đó là 11 aññasamānācetasika (trừ pīticetasika, chandacetasika) + 4 mocatuka-cetasika, gồm có 15 tâm-sở.*

Trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm), mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm) phát sinh ắt có một số tâm-sở tương xứng đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm) hỗ trợ làm phận sự của ác-tâm ấy.

* Diệt 12 bất-thiện-tâm

12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) là ác-pháp nên diệt.

Hành-giả thuộc về hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) đã tạo và tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này, có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *mỗi Thánh-đạo, mỗi Thánh-quả* và

Niết-bàn, có khả năng diệt tận được *bất-thiện-tâm* (ác-tâm) như sau:

1- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, có khả năng diệt tận được 5 loại *bất-thiện-tâm* là **4 tham-tâm hợp với tà-kiến** và **1 si-tâm hợp với hoài-nghi** không còn nữa, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

2- Chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, có khả năng diệt tận được 2 loại *bất-thiện-tâm* là **2 sân-tâm loại thô** không còn nữa, trở thành *bậc Thánh Nhất-lai*.

3- Chứng đắc đến *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, có khả năng diệt tận được 2 loại *bất-thiện-tâm* là **2 sân-tâm loại vi-tế** không còn nữa, trở thành *bậc Thánh Bát-lai*.

4- Chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* và *Niết-bàn*, có khả năng diệt tận được 5 loại *bất-thiện-tâm* còn lại là **4 tham-tâm không hợp với tà-kiến** và **1 si-tâm hợp với phóng-tâm** không còn dư sót nữa, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

* Diệt 14 bất-thiện tâm-sở

Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 14 *bất-thiện tâm-sở*.

Bất-thiện tâm-sở có 14 loại tâm-sở chia ra 5 nhóm:

Lotikacetāsika: Nhóm tham có 3 tâm-sở:

- *Lobhacetāsika:* Tham tâm-sở.
- *Diṭṭhacetāsika:* Tà-kiến tâm-sở.
- *Mānacetasika:* Ngã-mạn tâm-sở.

Ba tâm-sở này đồng sinh với 8 tham-tâm.

Docatukacetāsika: Nhóm sân có 4 tâm-sở:

- *Dosacetāsika:* Sân tâm-sở.
- *Issācetasika:* Ganh-tỵ tâm-sở.
- *Macchariyacetāsika:* Keo-kiệt tâm-sở.
- *Kukkaccacetāsika:* Hối-hận tâm-sở.

Bốn tâm-sở này đồng sinh với 2 sân-tâm.

Mocatukacetāsika: Nhóm si có 4 tâm-sở:

- *Mohacetāsika:* Si tâm-sở.
- *Ahirikacetāsika:* Không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở.
- *Anottappacetāsika:* Không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở.
- *Uddhaccacetāsika:* Phóng-tâm tâm-sở.

Bốn tâm-sở này đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

Thidukacetāsika: Nhóm buồn có 2 tâm-sở:

- *Thinacetāsika:* Buồn-chán tâm-sở.
- *Middhacetāsika:* Buồn-ngủ tâm-sở.

Hai tâm-sở này đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm căn tác-động.

Vicikicchācetasika: Nhóm nghi có 1 tâm-sở:

- *Vicikicchācetasika*: *Hoài-nghi tâm-sở* chỉ đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi mà thôi.

* *Mỗi Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được *bất-thiện tâm-sở* như sau:

1- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **4 bất-thiện tâm-sở** là *tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-tị tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở* không còn nữa.

2- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **2 bất-thiện tâm-sở loại thô** là *sân tâm-sở, hối-hận tâm-sở loại thô* không còn nữa.

3- *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **2 bất-thiện tâm-sở loại vi-tế** là *sân tâm-sở, hối-hận tâm-sở loại vi-tế* không còn nữa.

4- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **8 bất-thiện tâm-sở còn lại** là *tham tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở, si tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở* không còn dư sót nữa.

* Diệt 10 loại phiền-não

Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 10 loại phiền-não.

Trong 14 *bất-thiện tâm-sở* có 10 *tâm-sở* gọi là **10 loại phiền-não** là *tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*.

* **Mỗi Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **phiền-não** như sau:

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **2 loại phiền-não** là **tà-kiến (ditṭhi)** và **hoài-nghi (vicikicchā)** không còn nữa.

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **1 loại phiền-não thô** là **sân (dosa)** loại **thô** không còn nữa.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **1 loại phiền-não vi-tế** là **sân (dosa)** loại **vi-tế** không còn nữa.

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **7 loại phiền-não còn lại** là **tham (lobha)**, **si (moha)**, **ngã-mạn (māna)**, **phóng-tâm (uddhacca)**, **buồn-chán (thina)**, **không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika)**, **không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)** không còn dư sót nữa.

* Diệt 10 loại ác-nghiệp

Thánh-đạo-tuệ diệt tận được **10 loại ác-nghiệp**.

Trong 27 tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, có **tác-y tâm-sở (cetanācetasika)** đồng sinh với bất-thiện-tâm gọi là **bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)**.

Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) đó là **tác-y tâm-sở** đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm tạo **10 ác-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:

* **Thân ác-nghiệp** có 3 loại:

- *Ác-nghiệp sát-sinh.*
- *Ác-nghiệp trộm-cắp.*
- *Ác-nghiệp tà-dâm.*

* **Khẩu ác-nghiệp** có 4 loại:

- *Ác-nghiệp nói-dối.*
- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*
- *Ác-nghiệp nói lời thô tục.*
- *Ác-nghiệp nói lời vô ích.*

* **Ý ác-nghiệp** có 3 loại:

- *Ác-nghiệp tham-lam tài sản của người khác.*
- *Ác-nghiệp thù-hận người khác.*
- *Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp làm.*

Đó là 10 ác-nghiệp được tạo bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

* *Mỗi Thánh-đạo-tuệ có khả năng diệt tận được ác-nghiệp như sau:*

1- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ có khả năng diệt tận được 5 loại ác-nghiệp là ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp tà-kiến không còn nữa.*

2- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ có khả năng diệt tận được 3 loại ác-nghiệp loại thô là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp thù hận không còn nữa.*

3- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **3 loại ác-nghiệp loại vi-tế** là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp thù-hận không còn nữa.

4- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được **2 loại ác-nghiệp còn lại** là ác-nghiệp nói lời vô ích, ác-nghiệp tham-lam không còn dư sót.

Tóm lại, *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được 5 loại bất-thiện-tâm còn lại, 8 loại bất-thiện-tâm-sở còn lại, 7 loại phiền-não còn lại, 2 loại ác-nghiệp còn lại, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh *A-ra-hán*.

Đến khi **bậc Thánh A-ra-hán** hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tóm lại, tất cả mọi chúng-sinh thuộc về hạng phàm-nhân vẫn còn đầy đủ 12 bất-thiện-tâm.

Nếu chúng-sinh nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm nào thì tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) ấy.

Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong

cõi ác-giới cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Như vậy, tất cả mọi chúng-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngã-quỷ, súc-sinh) đều do *quả của ác-nghiệp khác nhau* mà chính tiền-kiếp của tất cả mọi chúng-sinh ấy đã tạo trong những kiếp quá-khứ.

Ngoài *ác-nghiệp của chúng-sinh ấy* trong ác-tâm ra, chắc chắn không có một ai có quyền năng đày đọa chúng-sinh nào sinh trong cõi ác-giới nào cả.

Đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận 12 ác-tâm không còn nữa, nên tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Dục-Giới Tịnh-Hảo-Tâm (Kāmāvacarasobhanacitta)

Dục-giới tịnh-hảo-tâm (*kāmāvacarasobhanacitta*) là tâm phần nhiều phát sinh trong cõi dục-giới, bởi vì có *tịnh-hảo tâm-sở* (*sobhanacetasika*) *đồng sinh với dục-giới tịnh-hảo-tâm*.

Dục-giới tịnh-hảo-tâm có 24 tâm chia 3 loại tâm:

- 1- *Dục-giới thiện-tâm* (*đại-thiện-tâm*) có 8 tâm.
- 2- *Dục-giới quả-tâm* (*đại-quả-tâm*) có 8 tâm.
- 3- *Dục-giới duy-tác-tâm* (*đại-duy-tác-tâm*) có 8 tâm.

Giải Giải:

1-Kāmāvacarakusalacitta (Mahākusalacitta)

Kāmāvacarakusalacitta: *Dục-giới thiện-tâm* gọi là *mahākusalacitta*: *đại-thiện-tâm*.

Định-nghĩa *kusalacitta* rằng:

Kucchite pāpadhamme salayati kampeti viddhamsetīti kusalam.

*Tâm nào làm tiêu diệt ác-pháp mà chur bậc thiện-trí ghé tỏm, tâm ấy gọi là **thiện-tâm** (*kusalacitta*). *Thiện-tâm* là tâm tốt, không bị ô nhiễm bởi phiền-nã, không có lỗi, cho quả an-lạc.*

Kusalacitta: *Thiện-tâm* có 5 ý nghĩa:

- *Arogayattha*: *Nghĩa là không có bệnh là không có phiền-nã tham, sân, si, ... làm khổ tâm.*

*Phiền-não tham, sân, si gọi là **bệnh**, bởi vì phiền-não làm khổ tâm, khổ thân đối với chúng-sinh.*

- *Sundarattha: Nghĩ là tốt lành là sự lợi ích, sự an-lạc đối với chúng-sinh.*

- *Chekattha: Nghĩ là khôn ngoan, người có thiện-tâm nói năng hành động đàng hoàng tử tế.*

- *Anavajjattha: Nghĩ là không có lỗi, không đáng chê trách gì cả.*

- *Sukhavipāka: Có quả an-lạc đáng hài lòng.*

Kāmāvacarakusalacitta (Mahākusalacitta)

***Dục-giới thiện-tâm** (kāmāvacarakusalacitta) gọi là **đại-thiện-tâm** (mahākusalacitta) phát sinh do nương nhờ 3 pháp là **vedanā: thọ, ñāṇa: trí-tuệ, saṅkhāra: tác-động**, nên đại-thiện-tâm phân chia ra có 8 loại tâm như sau:*

Đại-thiện-tâm có 8 tâm:

1- *Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- *Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- *Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- *Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiền-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Giải thích 8 đại-thiền-tâm

* *Somanassasahagata*: *somanassa*+*sahagata*

- *somanassa*: thọ hỷ

- *sahagata*: đồng sinh với

- *Somanassasahagataṃ*: đồng sinh với thọ hỷ.

- * *Upekkhā saḥagata*: *upekkhā* + *saḥagata*
- *upekkhā*: thọ xả
- *Upekkhāsaḥagataṃ*: đồng sinh với thọ xả.
- * *ñāṇasampayutta*: *ñāṇa* + *sampayutta*
- *ñāṇa*: trí-tuệ
- *sampayutta*: hợp với
- *Ñāṇasampayuttaṃ*: hợp với trí-tuệ.
- * *ñāṇavippayutta*: *ñāṇa* + *vippayutta*
- *ñāṇa*: trí-tuệ
- *vippayutta*: không hợp với
- *Ñāṇavippayuttaṃ*: không hợp với trí-tuệ.
- * *Asaṅkhārikam*: không cần tác-động.
- * *Sasaṅkhārikam*: cần tác-động.

Nguyên-nhân **đục-giới thiện-tâm** (*kāma vacara-kusalacitta*) gọi là **đại-thiện-tâm** (*mahākusala-citta*) như sau:

Mahākusalacitta: Đại-thiện-tâm có 8 tâm, có tác-ý thiện trong đại-thiện-tâm không có lỗi, cho quả an-lạc, đặc biệt có quả-tâm phát sinh nhiều hơn sức mình, nghĩa là tác-ý thiện trong 8 đại-thiện-tâm (*mahākusalacitta*) có quả là 8 đại-quả-tâm (*mahāvīpākacitta*) và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm (*ahetukakusalavīpākacitta*) gồm có 16 quả-tâm.

Đại-thiện-tâm phát sinh có khả năng biết 6 đối-tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tốt đáng hài-lòng đối với các loài chúng-sinh trong

tam-giới gồm có 30 cõi-giới từ cõi địa-ngục cho đến cõi trời vô-sắc-giới *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên* (trừ chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới *Vô-tướng-thiên*) tùy theo khả năng của mỗi chúng-sinh trong mỗi cõi-giới.

Đại-thiện-tâm có thể phát sinh đối với các chúng-sinh trong cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới *Vô-tướng-thiên*) và chư phạm-thiên trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Đại-thiện-tâm là tâm làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho 10 *phước-thiện*, cho *pháp-hành giới*, cho *pháp-hành thiên-định* dẫn đến chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm*, chứng đắc 4 *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*; cho *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*.

Đại-thiện-tâm hợp với *trí-tuệ* có khả năng đạt đến *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13* gọi là *gotrabhuñña* đặc biệt tiếp nhận đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, và còn làm phạm sự *paccavekkhaṇañña* quán-triệt *Thánh-đạo*, *Thánh-quả* đã chứng đắc, *Niết-bàn* đã chứng ngộ, *phiền-não* đã diệt tận rồi và *phiền-não* nào chưa diệt tận được.

Dục-giới thiện-tâm (*kāmavacarakusalacitta*)

có khả năng đặc biệt biết rộng lớn như vậy, cho nên gọi là **đại-thiện-tâm** (*mahākusala-citta*).

Đại-thiện-tâm có 8 loại tâm do nương nhờ nơi 3 pháp là *vedanā*: thọ, *ñāṇa*: trí-tuệ, *saṅkhāra*: tác-động, nếu phân chia theo mỗi pháp thì có 2 loại tâm như sau:

- a- *Đại-thiện-tâm* có 8 tâm chia theo thọ:
 - 4 *đại-thiện-tâm* đồng sinh với thọ hỷ.
 - 4 *đại-thiện-tâm* đồng sinh với thọ xả.
- b- *Đại-thiện-tâm* có 8 tâm chia theo trí-tuệ:
 - 4 *đại-thiện-tâm* hợp với trí-tuệ.
 - 4 *đại-thiện-tâm* không hợp với trí-tuệ.
- c- *Đại-thiện-tâm* có 8 tâm chia theo tác-động:
 - 4 *đại-thiện-tâm* không cần tác-động.
 - 4 *đại-thiện-tâm* cần tác-động.

Giải Giải

- a- **Đại-thiện-tâm** có 8 tâm chia theo thọ:
 - 4 *đại-thiện-tâm* đồng sinh với thọ hỷ.
 - 4 *đại-thiện-tâm* đồng sinh với thọ xả.

* **Đại-thiện-tâm** đồng sinh với thọ hỷ

Nếu khi người đang tạo phước-thiện nào với *đại-thiện-tâm* nào có *đức-tin* (*saddhā*) trong sạch nhiều, vô cùng hoan-hỷ trong phước-thiện ấy, thì *đại-thiện-tâm* ấy đồng sinh với thọ hỷ (*somanassavedanā*).

Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ có nhiều năng lực hơn đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả.

*** Nhân phát sinh thọ hỷ**

Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ có 6 nhân:

1- *Somanassapaṭisandhikatā*: Tái-sinh-tâm đồng sinh với thọ hỷ.

2- *Saddhābahulatā*: Có nhiều đức-tin.

3- *Visuddhadiṭṭhitā*: Có chánh-kiến thanh-tịnh.

4- *Ānisaṃsadassāvitā*: Thấy rõ quả báu của đại-thiện-nghiệp ấy.

5- *Itthārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng tốt đáng hài lòng.

6- *Kassaciṭṭābhāvo*: Không gặp điều bất lợi, điều thiệt hại nào cả.

*** Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả**

Nếu khi người đang tạo phước-thiện nào với đại-thiện-tâm nào có đức-tin (*saddhā*) trong sạch ít, hoan-hỷ ít trong phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm ấy đồng sinh với thọ xả (*upekkhāvedanā*).

Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả có ít năng lực hơn đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ.

*** Nhân phát sinh thọ xả**

Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả có 6 nhân:

1- *Upekkhāpaṭisandhikatā*: Tái-sinh-tâm đồng sinh với thọ xả.

2- *Appasaddhatā*: Có ít đức-tin.

3- *Avisuddhadiṭṭhitā*: Có chánh-kiến không thanh-tịnh.

4- *Ānisaṃsa adassāvitā*: Không thấy rõ quả báu của đại-thiện-nghiệp ấy.

5- *Majjhattārammaṇasamāyogo*: Tiếp xúc với đối-tượng trung bình không tốt, không xấu.

6- *Kassacipīkatā*: Gặp điều bất lợi, điều thiệt hại nào đó.

Đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả có ít năng lực hơn *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ*.

* Sự khác nhau của **thọ hỷ**, **thọ xả** trong *đại-thiện-tâm với bất-thiện-tâm (ác-tâm)*:

- **Thọ hỷ** đồng sinh với 4 *đại-thiện-tâm* là *đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nhiều trong phước-thiện hoặc trong đại-thiện-nghiệp ấy*, nên *đại-thiện-nghiệp ấy có nhiều năng lực*, có nhiều quả báu đáng hài lòng nhiều.

- **Thọ hỷ** đồng sinh với 4 *tham-tâm* là *ác-tâm hoan-hỷ trong ác-pháp hoặc trong ác-nghiệp ấy*, nên *ác-nghiệp ấy là nặng*, có nhiều quả khổ đáng kinh sợ.

- **Thọ xả** đồng sinh với 4 *đại-thiện-tâm* là *đại-thiện-tâm hoan-hỷ ít trong phước-thiện hoặc trong đại-thiện-nghiệp ấy*, nên *đại-thiện-nghiệp ấy có ít năng lực*, có ít quả báu đáng hài lòng.

- **Thọ xả** đồng sinh với 4 *tham-tâm* là *ác-tâm hoan-hỷ ít trong ác-pháp ấy hoặc trong ác-nghiệp ấy, nên ác-nghiệp ấy là nhẹ, có ít quả khổ.*

b- Đại-thiện-tâm có 8 tâm chia theo trí-tuệ:

- 4 *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

- 4 *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.*

*** Đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ**

Nếu người tạo phước-thiện nào với đại-thiện-tâm nào hợp với trí-tuệ hiểu biết rõ sự thật chỉ có nghiệp là của riêng mình mà thôi, thì *đại-thiện-tâm ấy hợp với trí-tuệ (ñāṇasampayutta).*

Đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có nhiều năng lực hơn đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

Trí-tuệ đồng sinh với đại-thiện-tâm có 2 loại trí-tuệ là:

- *Kammasakatāñāṇa: Trí-tuệ hiểu biết rõ nghiệp là của riêng mình.*

- *Lokiyavipassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới.*

1- *Kammasakatāñāṇa: Trí-tuệ hiểu biết rõ nghiệp là của riêng mình.*

Bậc thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết rõ chỉ có tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp mà mình đã tạo rồi là **của riêng** mình thật sự mà thôi.

Ngoài tất cả mọi nghiệp ấy ra, còn lại những của cải tài-sản khác trong đời này đều thuộc về ***của chung*** của mọi người.

Tuy nhiên, nếu người nào đã từng tạo phước-thiện bố-thí trong kiếp quá-khứ thì kiếp hiện-tại *người ấy có quyền sở hữu tạm thời của cải tài-sản ấy*, được hưởng quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong khoảng thời gian lâu hoặc mau tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy.

Ví dụ: *Đất đai* thuộc về của chung, không phải là của riêng một ai cả, nhưng nếu người nào đã từng tạo phước-thiện bố-thí trong kiếp quá-khứ thì kiếp hiện-tại *người ấy có quyền sở hữu tạm thời phần đất đai ấy*, được hưởng quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí đó là *phần đất đai ấy* trong khoảng thời gian lâu hoặc mau tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, thì phần đất đai ấy lại thuộc về của người khác.

Nếu người thiện-trí nào có *tri-tuệ kamma-sakatāñāṇa* biết sử dụng phần tiền của nào mà mình đang tạm thời có quyền sở hữu, đem ra tạo phước-thiện bố-thí thì *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy* vĩnh viễn thuộc về *của riêng* người ấy.

Như vậy, người thiện-trí ấy biết biến đổi ***của cải tạm thời*** trở thành *đại-thiện-nghiệp bố-thí quý báu vĩnh-viễn thuộc về của riêng mình*.

Tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng sau khi chết, nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh **kiếp sau** trong cõi-giới nào trong 31 cõi-giới, thuộc về hạng chúng-sinh nào trong bốn loài chúng-sinh, hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Mỗi chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại đã từng tạo mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh từ kiếp này sang kiếp kia, tất cả mọi nghiệp ấy dù nặng dù nhẹ cũng đều được tích lũy, được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở **trong tâm**, không hề mất mát một mảy may nào cả.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới.

Nếu ác-nghiệp nào trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhi-*

citta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Người có *kamassakatāñāṇa*: Trí-tuệ hiểu biết rõ nghiệp là **của riêng** mình là người có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng theo 10 pháp chánh-kiến.

Dasavatthusammādiṭṭhi:

1- *Atthi dinnam*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Phước-thiện bố-thí có quả tốt, quả an-lạc.

2- *Atthi yitṭham*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Phước-thiện cúng-dường có quả tốt, quả an-lạc.

3- *Atthi hutam*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Đón rước, tiếp đãi có quả tốt, quả an-lạc.

4- *Atthi sukata dukkatānam kammānam phalam vipāko*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Đã tạo thiện-nghiệp, ác-nghiệp rồi, thiện-nghiệp cho quả an-lạc, ác-nghiệp cho quả khổ.

5- *Atthi ayam loko*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Có cõi-giới này nghĩa là có chúng-sinh tái-sinh đến cõi-giới này.

6- *Atthi paro loko*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: Có cõi-giới khác nghĩa là sau khi chúng-sinh chết, nghiệp của họ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

7- *Atthi mātā*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: *Đối xử tốt với mẹ có quả tốt, quả an-lạc; đối xử xấu với mẹ có quả xấu, quả khổ.*

8- *Atthi pitā*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: *Đối xử tốt với cha có quả tốt, quả an-lạc; đối xử xấu với cha có quả xấu, quả khổ.*

9- *Atthi sattā opapātikā*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: *Có các chúng-sinh loài hóa-sinh to lớn ngay tức thì như chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong 16 cõi trời sắc-giới, 4 cõi trời vô-sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, nga-quỷ, a-su-ra.*

10- *Atthi loke samaṇabrāhmaṇā samaggatā sammāpaṭipannā ye imaṅca lokam paraṅca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti*: Chánh-kiến thấy đúng rằng: *Trong đời này, có sa-môn, bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép-thần-thông, thấy rõ biết rõ cõi-giới này, cõi-giới khác, rồi thuyết giảng cho mọi người cùng biết, đó là điều có thật.*

Lokiyavipassanāññā: Trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới

Trí-tuệ phát sinh có 3 cách:

1- *Sutamayapaññā*: Trí-tuệ phát sinh do lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, học hỏi, nghiên cứu chánh-pháp, gọi là *trí-tuệ phát sinh do học (sutamayapaññā)*.

2- *Cintāmayapaññā*: Trí-tuệ phát sinh do nghe nhiều hiểu rộng, học hỏi, nghiên cứu chánh-pháp của bậc thiện-trí làm nền tảng, rồi trí-tuệ suy xét, tư duy sâu sắc về chánh-pháp, gọi là *trí-tuệ phát sinh do tư duy (cintāmayapaññā)*.

3- *Bhāvanāmayapaññā*: Trí-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng dẫn đến phát sinh từ trí-tuệ thứ nhất gọi là *nāmarūpa-paricchedañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phân tích rõ **thật-tánh** của danh-pháp sắc-pháp đúng theo chân-ngheĩa-pháp (*paramatthadhamma*) là pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh, v.v... mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, và các trí-tuệ-thiên-tuệ tuần tự phát sinh tiếp theo đến,

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 gọi là *uddayabbayā-nupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của sắc-pháp danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên sinh, do nhân-duyên diệt, nên thấy rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, v.v... cho đến,

Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13 gọi là *gotrabhuññāṇa*: trí-tuệ-thiên-tuệ có khả năng đặc biệt thấy rõ,

biết rõ đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, với đại-thiền-tâm hợp với trí-tuệ, nên vẫn còn lokiya-vipassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.

*** Nhân hợp với trí-tuệ (1)**

Đại-thiền-tâm hợp với trí-tuệ có 4 nhân:

1- *Paññāsaṃvattanikakammupanissayatā*: Khi tái-sinh đầu thai làm người với đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

2- *Abyāpajjalokupapattiyā*: Kiếp tái-sinh không có phiền muộn, tâm mong mỗi trong thiền-pháp.

3- *Kilesadūratā*: Tránh xa mọi phiền-não.

4- *Indriyaparipākatā*: Có 5 tuệ-chủ đầy đủ.

*** Nhân hợp với trí-tuệ (2)**

Đại-thiền-tâm hợp với trí-tuệ có 7 nhân:

1- *Paripucchakatā*: Thường tìm hiểu học hỏi trong chánh-pháp.

2- *Vatthuvisuddhakariyatā*: Thân tâm trong sạch lẫn các thứ vật dụng sạch sẽ.

3- *Indriyasamattapaṭipādanatā*: Giữ gìn 5 pháp-chủ (tín, tấn, niệm, định, tuệ) đều đặn với nhau.

4- *Duppaññapuggalaparivajjanā*: Tránh xa hạng người thiếu trí.

5- *Paññāvantapuggalasevanā*: Thường hay gần gũi thân cận với bậc thiền-trí.

6- *Gambhīraññācariyapaccavekkhanā*: Ham thích suy xét, tư-duy các chánh-pháp sâu sắc.

7- *Tadadhimuttatā*: Thường hướng tâm tìm hiểu chánh-pháp để phát sinh trí-tuệ.

*** Đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ**

Nếu người tạo phước-thiện nào với đại-thiện-tâm nào chỉ có đức-tin (*saddhā*) mà không hợp với trí-tuệ, không có *kammassakatāñāna* thì đại-thiện-tâm ấy không hợp với trí-tuệ (*ñāna-vippayutta*).

Như trường hợp người tạo phước-thiện bố-thí theo truyền thống của gia-đình, nên chỉ có đức-tin mà không có trí-tuệ đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy; hoặc khi có bạn thân đến tác-động, khuyến khích tạo phước-thiện bố-thí, người ấy phát sinh đức-tin tạo phước-thiện bố-thí theo bạn thân mà không hiểu biết về *kammassakatāñāna*, nên đại-thiện-tâm ấy không hợp với trí-tuệ.

Đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có ít năng lực hơn đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

*** Nhân không hợp với trí-tuệ (1)**

Đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có 4 nhân:

1- *Paññā asaṃvattanikakammupanissayatā*: Khi tái-sinh đầu thai làm người với đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

2- *Sabyāpajjalokupapattiyā*: Kiếp tái-sinh có phiền muộn, không mong mỏi trong thiện-pháp.

3- *Kilesādūratā*: Không tránh xa mọi phiền-não.

4- *Indriya aparipākatā*: Có 5 pháp-chủ kém.

* **Nhân không hợp với trí-tuệ (2)**

Đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có 7 nhân:

1- *Aparipucchakatā*: Không thích tìm hiểu học hỏi trong chánh-pháp.

2- *Vatthu avisuddhakariyatā*: Thân tâm không trong sạch lẫn các thứ vật dụng không sạch sẽ.

3- *Indriya asamattapaṭipādanatā*: Có 5 pháp-chủ (tín, tấn, niệm, định, tuệ) không đều đặn.

4- *Duppaññapuggalasevanā*: Thường hay gạn gũi thân cận với hạng người thiếu-trí.

5- *Paññāvantapuggalaparivajjanā*: Không gạn gũi thân cận với bậc thiện-trí.

6- *Gambhīrañānacariya apaccavekkhaṇā*: Không thích suy xét các chánh-pháp sâu sắc.

7- *Atadadhimuttatā*: Không hướng tâm tìm hiểu chánh-pháp.

c- Đại-thiện-tâm có 8 tâm chia theo tác-động

- 4 đại-thiện-tâm không cần tác-động.

- 4 đại-thiện-tâm cần tác-động.

* **Đại-thiện-tâm không cần tác-động**

Nếu người tạo phước-thiện nào với sự hiểu biết trong chánh-pháp, rồi tự tác-động bằng thân, khẩu, ý tạo phước-thiện ấy, không có người khác tác-động thì *đại-thiện-tâm ấy phát sinh không cần tác-động (asaṅkhārikam)*.

Đại-thiện-tâm không cần tác-động có nhiều năng lực hơn đại-thiện-tâm cần tác-động.

*** Nhân phát sinh không cần tác-động**

Đại-thiện-tâm phát sinh không cần tác-động có 6 nhân:

1- *Asaṅkhārikakammajānitapaṭisandhikatā*: Tái-sinh-tâm phát sinh từ *đại-thiện-nghiệp không cần tác-động.*

2- *Kallakāyacittatā*: Có thân tâm an-lạc.

3- *Sītunhādīnaṃ khamanabahulatā*: Có đức-tính nhẫn-nại chịu đựng thời tiết nóng, lạnh, v.v...

4- *Kattabbakammesu diṭṭhānisamsatā*: Hiểu biết rõ quả báu của *đại-thiện-nghiệp* sẽ làm.

5- *Kammesu cinnavasitā*: Có tính chuyên môn trong *đại-thiện-nghiệp* mà mình làm.

6- *Utubhojanādīsappāyalābho*: Được thời tiết tốt, vật thực đầy đủ, v.v...

Nếu trường-hợp có bạn thân đến tác-động, khuyến khích tạo phước-thiện thì người ấy nên suy xét thế nào, để cho đại-thiện-tâm trở thành không cần tác-động?

Nếu khi nghe bạn thân đến tác-động, khuyến khích làm phước thiện nào thì người ấy nên suy xét rằng:

Phước-thiện ấy là phước-thiện nên làm. Đây là cơ hội tốt của ta, ta nên tạo phước-thiện ấy.

Nếu khi suy xét như vậy thì người ấy đã chuyển từ *thế bị động sang thế chủ động*, rồi tạo phước-thiện ấy với *đại-thiện-tâm không cần tác-động*.

Ví như trường hợp **Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu**, *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, đang an hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên). Khi ấy, các Đức-vua trời trong 6 cõi trời dục-giới cùng chư-thiên, chư Đức phạm-thiên trên các cõi trời sắc-giới ngự đến hầu, chấp tay cung kính thỉnh Đức-Bồ-tát Setaketu xuống tái-sinh đầu thai làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết-pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Khi nghe lời thỉnh cầu của chư-thiên, chư phạm-thiên như vậy, **Đức-Bồ-tát** chưa nhận lời thỉnh cầu ấy, mà Đức-Bồ-tát suy xét trong thời quá-khứ rằng:

Đức-Bồ-tát *kiếp chót tái-sinh đầu thai xuống làm người để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xem xét như thế nào?*

Theo lệ thường, chư Đức-Bồ-tát kiếp chót xuống tái-sinh đầu thai làm người, thường xem xét 5 điều:

- 1- Xem xét về thời-kỳ tuổi thọ con người.
- 2- Xem xét về châu đến tái-sinh.

- 3- Xem xét về xứ sở đến tái-sinh.
- 4- Xem xét về dòng họ nơi tái-sinh.
- 5- Xem xét về mẫu-hậu để tái-sinh đầu thai.⁽¹⁾

Sau khi xem xét đầy đủ 5 điều rồi, Đức-Bồ-tát Setaketu quyết định xuống tái-sinh đầu thai làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, nên Đức-Bồ-tát truyền dạy rằng:

- Nay chư-thiên, chư phạm-thiên! Ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các người, Ta sẽ xuống tái-sinh đầu thai làm người trong cõi Nam-thiện bộ-châu, tại Trung-xứ, kinh-thành Kapilavatthu, trong dòng dõi Sakya, Đức-vua Suddhodana là Đức Phụ-vương, Chánh-cung hoàng-hậu Mahāmāyādevī là mẫu-hậu của Ta.

Nghe Đức-Bồ-tát Setaketu truyền dạy như vậy, tất cả chư-thiên, phạm-thiên vô cùng hoan-hỷ cùng nhau tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát, rồi chấp tay cung kính xin phép trở về cõi-giới của mỗi vị.

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu quyết định chuyển-kiếp (cuti: chết) từ cõi trời Tusita, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

¹ Tìm hiểu bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I Tam-Bảo, giảng giải đầy đủ trong phần thỉnh Đức-Bồ-tát giảng thế, cùng soạn giả.

(paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh đầu thai vào lòng bà Chánh-cung hoàng-hậu Mahāmāyādevī vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm lịch).

* Đại-thiện-tâm cần tác-động

Nếu người tạo phước-thiện nào do nhờ người khác đến tác-động bằng thân, bằng khẩu, khuyến khích tạo phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm ấy phát sinh cần tác-động (sasāṅkhārikam).

Đại-thiện-tâm cần tác-động có ít năng lực hơn đại-thiện-tâm không cần tác-động.

* Nhân phát sinh cần tác-động

Đại-thiện-tâm phát sinh cần tác-động có 6 nhân:

1- Sasāṅkhārikakammajaniṭapaṭisandhikatā: Khi tái-sinh đầu thai làm người với đại-thiện-nghiệp cần tác-động.

2- Akallakāyacittatā: Thân tâm không có an-lạc.

3- Sītuṇhādīnaṃ akhamanabahulatā: Không có đức-tính nhẫn-nại chịu đựng thời tiết nóng, lạnh.

4- Kattabbakammesu adiṭṭhānisamsasatā: Không biết rõ quả báu của đại-thiện-nghiệp mà mình làm.

5- Kammesu aciṇṇavasitā: Không có tính chuyên môn trong đại-thiện-nghiệp mà mình làm.

6- *Utubhojanādī asappāyalābho*: Gặp thời tiết xấu, vật thực thiếu thốn, v.v...

Đại-thiện-tâm chia theo thiện-nhân

- *Thiện-nhân (kusalahetu)* có 3 nhân là **vô-tham** (*lobhahetu*), **vô-sân** (*dosahetu*), **vô-si** (*mohahetu*) (*trí-tuệ*).

Đại-thiện-tâm có 8 tâm chia theo nhân (*hetu*), có 2 loại:

1- *Tihetukakusalacitta*: 4 đại-thiện-tâm có đủ tam-nhân là **vô-tham**, **vô-sân**, **vô-si** (*trí-tuệ*).

2- *Dvihetukakusalacitta*: 4 đại-thiện-tâm chỉ có nhị-nhân là **vô-tham**, **vô-sân**, không có vô-si (*trí-tuệ*).

Nếu khi đang tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ giới, phước-thiện hành-thiền, v.v... với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ *kammassakatāñāṇa* hoặc *lokiyavipassanāñāṇa*, thì gọi là *tihetukakusalacitta*: 4 đại-thiện-tâm có đủ tam-nhân là **vô-tham**, **vô-sân**, **vô-si** (*trí-tuệ*).

Nếu khi đang tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, v.v... với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ *kammassakatāñāṇa* hoặc *lokiyavipassanāñāṇa*, thì gọi là *dvihetukakusalacitta*: 4 đại-thiện-tâm chỉ có nhị-nhân là **vô-tham**, **vô-sân**, không có vô-si (*trí-tuệ*).

Đại-Thiện-Nghiệp

Đại-thiện-nghiệp đó là *tác-y tâm-sở (cetanā-cetasika)* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* tạo *đại-thiện-nghiệp*.

Đại-thiện-nghiệp phát sinh có 2 cách:

- *Đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ 3 môn: *thân-môn, khẩu-môn, ý-môn* tạo **10 đại-thiện-nghiệp** (*mahākusalakamma*).

- *Đại-thiện-nghiệp* phát sinh do tạo 10 *phước-thiện (puññakriyāvattu)*.

*** Đại-thiện-nghiệp** phát sinh do nương nhờ 3 môn

• *Đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ *thân-môn* gọi là *thân đại-thiện-nghiệp*, có 3 loại:

- *Đại-thiện-nghiệp* không sát-sinh.
- *Đại-thiện-nghiệp* không trộm-cắp.
- *Đại-thiện-nghiệp* không tà-dâm.

• *Đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ *khẩu-môn* gọi là *khẩu đại-thiện-nghiệp*, có 4 loại:

- *Đại-thiện-nghiệp* không nói-dối.
- *Đại-thiện-nghiệp* không nói lời chia rẽ.
- *Đại-thiện-nghiệp* không nói lời thô tục.
- *Đại-thiện-nghiệp* không nói lời vô ích.

• *Đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ *ý-môn* gọi là *ý đại-thiện-nghiệp*, có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải người khác.

- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.

- Đại-thiện-nghiệp có chánh-kiến thấy đúng, hiểu đúng theo thật-tánh của các pháp.

*** Đại-thiện-nghiệp phát sinh do tạo 10 phước-thiện (puññakriyāvatthu)**

Đại-thiện-nghiệp phát sinh do tạo 10 phước-thiện (puññakriyāvatthu):

1- Dānakusala: Phước-thiện bố-thí.

2- Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới.

3- Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền là hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

4- Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính những bậc đáng tôn kính.

5- Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ trong việc tạo mọi phước-thiện.

6- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến cho những chúng-sinh khác.

7- Pattānumodanakusala: Phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng, hoặc chia sẻ.

8- Dhammasavanakusala: Phước-thiện nghe chánh-pháp của Đức-Phật.

9- *Dhammadesanākusala*: Phước-thiện thuyết-pháp là thuyết giảng chánh-pháp của Đức-Phật.

10- *Diṭṭhijukammakusala*: Phước-thiện chánh-kiến đó là *kammasakatāsammādiṭṭhi*: chánh-kiến thấy đúng, hiểu đúng nghiệp là của riêng mình.

Puññakriyāvattthu có 10 pháp đều thuộc về ý-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm có đối-tượng theo mỗi phước-thiện ấy.

10 phước-thiện này được gom lại thành 3 nhóm:

1- Nhóm phước-thiện bố-thí gồm có 3 pháp:

- Phước-thiện bố-thí.
- Phước-thiện hồi-hướng.
- Phước-thiện hoan-hỷ.

2- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 pháp:

- Phước-thiện giữ-giới.
- Phước-thiện cung-kính.
- Phước-thiện hỗ-trợ.

3- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 pháp:

- Phước-thiện hành-thiền.
- Phước-thiện nghe pháp.
- Phước-thiện thuyết-pháp.
- Phước-thiện chánh-kiến.

Tuy nhiên, phước-thiện chánh-kiến rất cần cho cả 3 nhóm, để hỗ trợ cho mỗi phước-thiện có nhiều năng lực trở thành tam-nhân đại-thiện-nghiệp.

Nhân phát sinh đại-thiện-tâm

Đại-thiện-tâm phát sinh do nương nhờ nơi ‘yonisomanasikāra’ trí-tuệ biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Để có yonisomanasikāra, cần phải nương nhờ cả nhân quá-khứ lẫn nhân hiện-tại, có 5 điều:

1- Pubbekatapuññatā: Đã từng tạo phước-thiện tích lũy từ những kiếp quá-khứ.

2- Paṭirūpadesaṅgā: Sinh sống ở nơi thuận lợi có Phật-giáo.

3- Sappurisupanissaya: Được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

4- Saddhammassavana: Lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật.

5- Attasammāpaṇidhi: Tâm biết đúng trong chánh-pháp.

Yonisomanasikāra phát sinh cần phải có đủ 5 điều, nhân đầu tiên là do nương nhờ phước-thiện đã từng tích lũy từ những kiếp quá-khứ, còn lại 4 nhân sau do nương nhờ trong kiếp hiện-tại, người thiện cần phải hội đủ 5 nhân để cho yonisomanasikāra phát sinh.

2- Kāmāvacaravipākacitta (Mahāvipākacitta)

Kāmāvacaravipākacitta: Dục-giới quả-tâm gọi là mahāvipākacitta: đại-quả-tâm, có 8 tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-

tâm nên mỗi đại-quả-tâm đều tương xứng với mỗi đại-thiện-tâm do nương nhờ 3 pháp là *vedanā*: thọ, *ñāṇa*: trí-tuệ, *saṅkhāra*: tác-động; có 8 loại tâm như sau:

Mahāvīpākacitta (Đại-quả-tâm) có 8 tâm:

1- *Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- *Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- *Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- *Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- *Upekkhāsaḥagataṃ nāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- *Upekkhāsaḥagataṃ nāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- *Upekkhāsaḥagataṃ nāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ.*

Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Phận sự của 8 đại-quả-tâm

Đại-quả-tâm có 8 tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm, **8 đại-quả-tâm** làm 4 phận sự như sau:

- 1- *Paṭisandhikicca*: *Phận sự tái-sinh kiếp sau.*
- 2- *Bhavaṅgakicca*: *Phận sự hộ kiếp hiện-tại.*
- 3- *Cutikicca*: *Phận sự kết thúc kiếp hiện-tại.*
- 4- *Tadārammaṇakicca*: *Phận sự tiếp nhận đối-tượng từ tác-hành-tâm (javanacitta) 2 sát-na-tâm.*

Giải Giải

- **Tám đại-quả-tâm** làm 3 phận sự tái-sinh kiếp sau, phận sự hộ kiếp hiện-tại, phận sự kết thúc kiếp hiện-tại như thế nào?

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tránh xa mọi ác-nghiệp, *tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý hoặc tạo 10 phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiên, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, **đại-thiện-nghiệp** trong 8 **đại-thiện-tâm** cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **8 đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) có 1 trong 8 **đại-quả-tâm** nào cùng với **3 sắc-pháp** là **sắc-thân** (*kāyarūpa*), **sắc nam-tính** (hoặc **sắc nữ-tính**) (*bhāvarūpa*), *hadayavatthurūpa*: **sắc-pháp** là *nơi sinh của ý-thức-tâm*, phát sinh một sát-na-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikicca*) đầu thai làm người, liền tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*), *kiếp hiện-tại*, chính **đại-quả-tâm** ấy trở thành **hộ-kiếp-tâm** (*bhavaṅgacitta*) làm phận sự hộ kiếp, bảo hộ, giữ gìn kiếp người ấy cho đến hết tuổi thọ phút giây cuối cùng, cũng chính **đại-quả-tâm** ấy trở thành **tử-tâm** (*cuticitta*) làm phận sự kết thúc kiếp hiện-tại (*cutikicca*) của kiếp người ấy.

* Hoặc *hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trẻ trung không già, không bệnh trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới* ấy.

- **8 đại-quả-tâm** làm phạm sự *tadārammaṇa-kicca* tiếp nhận đối tượng từ tác-hành-tâm (*javanacitta*) có 2 sát-na-tâm như thế nào?

Mỗi ngũ môn dục-giới lộ-trình-tâm đầy đủ có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự trải qua 17 sát-na-tâm theo tuổi thọ của đối-tượng dục-giới, kể từ sát-na-tâm *hộ-kiếp-tâm quá-khứ* cho đến 7 sát-na-tâm *javanacitta: tác-hành-tâm*, tiếp theo 2 sát-na-tâm *tadārammaṇacitta: tiếp-đối-tượng-tâm*, còn 2 sát-na-tâm nữa đủ 17 sát-na-tâm, chấm dứt ngũ môn dục-giới lộ-trình-tâm ấy.

3- Kriyacitta: Duy-Tác-Tâm

Kriyacitta: Duy-tác-tâm là tâm không phải là *thiện-tâm*, cũng không phải là *bất-thiện-tâm*, cũng không phải là *quả-tâm*, mà chỉ là tâm làm phạm sự biết đối-tượng qua 6 môn mà thôi.

Kriyacitta: Duy-tác-tâm có 2 loại:

1- *Ahetukakriyacitta: Vô-nhân duy-tác-tâm* có 3 tâm thuộc về *vô-nhân-tâm*⁽¹⁾, không phải là *thiện-tâm*, *bất-thiện-tâm*, *quả-tâm*, chỉ là tâm làm phạm sự tiếp nhận đối-tượng qua 6 môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) mà thôi.

2- *Sahetukakriyacitta: Hữu-nhân duy-tác-tâm* gồm có 17 tâm là tâm hợp với thiện-nhân của

¹ *Vô-nhân-tâm* là tâm không hợp với 6 nhân: 3 ác-nhân, 3 thiện-nhân.

bậc Thánh A-ra-hán không còn vô-minh và tham-ái, nên 17 duy-tác-tâm này cốt để hành-động bằng thân, nói-năng bằng khẩu, suy-nghĩ bằng ý của bậc Thánh A-ra-hán, không tạo nghiệp nên không cho quả trong kiếp vị-lai.

Kriyacitta: Duy-tác-tâm gồm có 20 tâm:

- *Vô-nhân duy-tác-tâm* có 3 tâm.
- *Dục-giới duy-tác-tâm* có 8 tâm.
- *Sắc-giới duy-tác-tâm* có 5 tâm.
- *Vô-sắc-giới duy-tác-tâm* có 4 tâm.

* Trong quyển sách nhỏ này chỉ giảng giải về 8 *dục-giới duy-tác-tâm* và 3 *vô-nhân duy-tác-tâm* gồm có 11 *duy-tác-tâm* mà thôi.

Dục-Giới Duy-Tác-Tâm

Sahetukakāmavacarakriyacitta: Hữu-nhân dục-giới duy-tác-tâm hoặc gọi là ***mahākriyacitta***: *đại-duy-tác-tâm*, có 8 tâm chỉ thuộc về tâm của bậc Thánh A-ra-hán mà thôi, không phải là tâm của các hạng phàm-nhân và chư bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai.

Đại-duy-tác-tâm phát sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tướng-thiên) và 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Đại-duitác-tâm có 8 tâm này hầu hết tương tự như 8 đại-thiện-tâm, nhưng chỉ có khác nhau là 8 đại-duitác-tâm chỉ phát sinh đối với chư bậc Thánh A-ra-hán mà thôi, còn 8 đại-thiện-tâm phát sinh đối với nhiều hạng chúng-sinh nhất là hạng thiện-trí phàm-nhân và 3 bậc Thánh-nhân: bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai.

Đại-duitác-tâm nương nhờ 3 pháp: Đồng sinh với thọ (*vedanā*), hợp với trí-tuệ (*ñāna*), tác-động (*saṅkhārika*), nên phân chia có 8 tâm:

Đại-duitác-tâm có 8 tâm:

1- *Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duitác-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- *Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duitác-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- *Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duitác-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- *Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duy-tác-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duy-tác-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-duy-tác-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-duy-tác-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- *Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-duy-tác-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần tác-động.

Giải Giải

Bậc Thánh A-ra-hán và ba bậc Thánh-nhân: bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, các hạng thiện-trí phàm-nhân đều có khả năng tạo mọi phước-thiện với các đại-thiện-tâm ví như:

“*Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ...*”

“*Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động...*”

Thật ra, *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* phát sinh do *vô-minh* làm *duyên*, như trong *paṭiccasamuppāda* trình bày rằng:

“*Avijjāpaccayā saṅkhārā sambhavanti...*”

Mọi *pháp-hành* đó là *bất-thiện-nghiệp*, *dục-giới thiện-nghiệp*, *sắc-giới thiện-nghiệp*, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* đều phát sinh do *vô-minh* làm *duyên*.

Như vậy, đối với *bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được *mọi vô-minh (avijjā)* và *mọi tham-ái (taṇhā)* không còn dư sót, nên khi tạo mọi phước-thiện không trở thành *đại-thiện-nghiệp*. Cho nên, *bậc Thánh A-ra-hán* tạo mọi phước-thiện gọi là ***mahākriyacitta***: *đại-duy-tác-tâm* là tâm tạo phước-thiện mà không có quả của phước-thiện trong kiếp vị-lai, bởi vì *bậc Thánh A-ra-hán* kiếp này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Đối với 3 *bậc Thánh-nhân* vẫn còn ít *vô-minh (avijjā)* và *tham-ái (taṇhā)*, nên khi tạo phước-thiện nào thì có *đại-thiện-nghiệp* ấy, chắc

chấn có quả của đại-thiện-nghiệp ấy cả trong kiếp hiện-tại lẫn kiếp vị-lai, bởi vì 3 bậc Thánh-nhân vẫn còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới, 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, có giới hạn tùy theo mỗi bậc Thánh-nhân, rồi chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Mahākriyacitta: Đại-duy-tác-tâm có 8 tâm: 4 tâm hợp với trí-tuệ và 4 tâm không hợp với trí-tuệ.

Như vậy, *bậc Thánh A-ra-hán* có 4 *đại-duy-tác-tâm* hợp với trí-tuệ, đó là điều dễ hiểu, còn trong trường hợp nào *bậc Thánh A-ra-hán* có 4 *đại-duy-tác-tâm* không hợp với trí-tuệ?

Trong trường-hợp *bậc Thánh-A-ra-hán* sử dụng những oai nghi bình thường theo thói quen như đi, đứng, ngồi, nằm, co tay vào, duỗi tay ra, co chân vào, duỗi chân ra, đại tiện, tiểu tiện, v.v... chỉ cần có *saticetasika: niệm tâm-sở* cũng đủ, nên *đại-duy-tác-tâm* không hợp với trí-tuệ.

* Đối với các hạng thiện-trí phạm-nhân và các hạng chúng-sinh khác vẫn còn đầy đủ vô-minh (*avijjā*) và tham-ái (*taṇhā*), khi tạo mọi phước-thiện nào thì có đại-thiện-nghiệp ấy, có quả của đại-thiện-nghiệp ấy cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai không có giới hạn.

Ahetukacitta: Vô-Nhân-Tâm

Ahetukacitta: Vô-nhân-tâm là tâm không hợp với nhân.

Hetu: Nhân có 6 nhân chia ra 2 loại:

- *Akusalahetu:* Bất-thiện-nhân có 3 nhân là *lobhahetu:* nhân tham, *dosahetu:* nhân sân, *mohahetu:* nhân si.

- *Kusalahetu:* Thiện-nhân có 3 nhân là *alobhahetu:* nhân vô-tham, *adosahetu:* nhân vô-sân, *amohahetu:* nhân vô-si (trí-tuệ).

- Những tâm nào hợp với bất-thiện-nhân hoặc thiện-nhân thì những tâm ấy gọi là **sahetukacitta:** hữu-nhân-tâm.

- Những tâm nào không hợp với nhân nào trong 6 nhân thì những tâm ấy gọi là **ahetukacitta:** vô-nhân-tâm.

Ahetukacitta: Vô-nhân-tâm có 18 tâm chia ra làm 3 loại:

1- *Akusalavipākacitta:* Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm).

2- *Ahetukakusalavipākacitta:* Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm, là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm.

3- *Ahetukakriyacitta:* Vô-nhân duy-tác-tâm có 3 tâm là tâm làm phận sự, không có quả.

1- Akusalavipākacitta

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm

Akusalavipākacitta: Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) đã tạo trong thời quá-khứ, cho quả có 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*.

Akusalavipākacitta:

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm:

1- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ cakkhaviññāṇaṃ.*

Nhãn-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc xấu.

2- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ sotaviññāṇaṃ.*

Nhĩ-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh dở.

3- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ ghānaviññāṇaṃ.*

Tỷ-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương hôi.

4- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ jivhāviññāṇaṃ.*

Thiệt-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp. ném đối-tượng vị dở.

5- *Dukkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ kāyaviññāṇaṃ.*

Thân-thức-tâm đồng sinh với thọ khổ là quả của bất-thiện-nghiệp, xúc đối-tượng xúc thô.

6- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ sampaticchanacittaṃ.*

Tiếp-nhận-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu.

7- *Upekkhāsahagataṃ akusalavipākāṃ santīraṇacittaṃ.*

Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu.

2- **Ahetukakusalavipākacitta**

Thiện-quả vô-nhân-tâm

Ahetukakusalavipākacitta: Thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm đã tạo trong thời quá-khứ, cho quả có 8 thiện-quả vô-nhân-tâm.

Ahetukakusalavipākacitta:

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

1- *Upekkhāsahagataṃ kuslavipākāṃ cakkhaviññāṇaṃ.*

Nhãn-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt.

2- *Upekkhāsahagataṃ kuslavipākāṃ sotaviññāṇaṃ.*

Nhĩ-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay.

3- *Upekkhāsahagataṃ kusalavipākāṃ
ghānaviññāṇaṃ.*

Tỷ-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm.

4- *Upekkhāsahagataṃ kusalavipākāṃ
jivhāviññāṇaṃ:*

Thiệt-thức-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon.

5- *Sukhasahagataṃ kusalavipākāṃ
kāyaviññāṇaṃ.*

Thân-thức-tâm đồng sinh với thọ lạc là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc giác đối-tượng xúc tốt.

6- *Upekkhāsahagataṃ kusalavipākāṃ
sampaṭicchana-cittaṃ:*

Tiếp-nhận-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

7- *Upekkhāsahagataṃ kusalavipākāṃ
santīraṇa-cittaṃ:*

Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

8- *Somanassasahagataṃ kusalavipākāṃ
santīraṇa-cittaṃ:*

Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ hỷ là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

* Do nguyên-nhân nào quả-tâm của bất-thiện-nghiệp gọi là **akusalavipākacitta**: bất-thiện-quả vô-nhân-tâm và do nguyên-nhân nào quả-tâm của đại-thiện-nghiệp gọi là **ahetukakusalavipākacitta**: thiện-quả vô-nhân-tâm?

- Do nguyên-nhân bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm có năng lực yếu chỉ có khả năng cho quả bất-thiện-quả vô-nhân-tâm mà thôi, nên gọi là **akusalavipākacitta**: bất-thiện-quả vô-nhân-tâm, bởi vì bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm đều có **phóng-tâm tâm-sở** (*uddhaccetasika*) làm cho bất-thiện-nghiệp yếu, nên không có khả năng cho quả-tâm hữu-nhân.

- Do nguyên-nhân đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có năng lực yếu, bởi vì phiền-não phát sinh xen lẫn, thì cho quả có 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, nên gọi là **ahetukakusalavipākacitta**: thiện-quả vô-nhân-tâm.

Nếu đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có nhiều năng lực do không có phiền-não nào xen lẫn, thì cho quả có **8 hữu-nhân thiện-quả-tâm** (*sahetukakusalavipākacitta*) đó là **8 đại-quả-tâm** hợp với vô-tham, vô-sân, vô-si.

Như vậy, *bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm* chỉ có khả năng cho một loại quả-tâm là 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* mà thôi, nên gọi là ***akusalavipākacitta***.

* *Đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm* có khả năng cho 2 loại quả-tâm là 8 *thiện-quả vô-nhân-tâm* và 8 *đại-quả-tâm*, nên gọi là ***ahetukusalavipākacitta***: *thiện-quả vô-nhân-tâm* để phân biệt 2 loại quả-tâm của đại-thiện-nghiệp.

3- **Ahetukakriyacitta**: Vô-nhân duy-tác-tâm

Ahetukakriyacitta: *Vô-nhân duy-tác-tâm* là tâm phát sinh làm phạm sự của mình, tâm này không hợp với *bất-thiện-nhân (akusalahetu) (tham, sân, si)* cũng không hợp với *thiện-nhân (kusalahetu) (vô-tham, vô-sân, vô-si)*, nên không phải là *bất-thiện-tâm* cũng không phải là *đại-thiện-tâm*, cũng không phải là *quả-tâm* của tâm nào cả. Vì vậy, tâm này gọi là ***vô-nhân duy-tác-tâm*** chỉ có làm phạm sự, mà không có quả.

Ahetukakriyacitta: *Vô-nhân duy-tác-tâm* có 3 tâm:

1- ***Upekkhāsahagatam pañcadvāravajjanacittam***:

Ngũ-môn-hương-tâm đồng sinh với *thọ xả, tiếp xúc 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc)* trong *ngũ-môn để ngũ-môn lộ-trình-tâm* phát sinh.

2- ***Upekkhāsahagatam manodvāravajjanacittam***:

Ý-môn-hướng-tâm đồng sinh với thọ xả, tiếp xúc 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) trong ý môn, để ý môn lộ-trình-tâm phát sinh, hoặc là tâm làm phạm sự quyết định 5 đối-tượng trong ngũ môn, để ngũ môn lộ-trình-tâm phát sinh.

3- *Somanassasahagatam hasituppādacittam:*

Tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán đồng sinh với thọ hỷ.

Giảng giải 18 vô-nhân-tâm

1- **Bảy bất-thiện-quả vô-nhân-tâm** là quả của *bất-thiện-nghiệp* trong 12 *bất-thiện-tâm* (12 ác-tâm) có hai tên gọi: **viññāṇam** và **cittam**.

* Gọi **viññāṇa** có 5 tâm là:

- *Cakkhaviññāṇa: Nhãn-thức-tâm* là tâm phát sinh do nương nhờ nhãn-môn, làm phạm sự thấy đối-tượng sắc xấu.

- *Sotaviññāṇa: Nhĩ-thức-tâm* là tâm phát sinh do nương nhờ nhĩ-môn, làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh không hay.

- *Ghānaviññāṇa: Tỷ-thức-tâm* là tâm phát sinh do nương nhờ tỷ-môn, làm phạm sự ngửi đối-tượng hương mùi hôi.

- *Jivhāviññāṇa: Thiệt-thức-tâm* là tâm phát sinh do nương nhờ thiệt-môn, làm phạm sự nếm đối-tượng vị không ngon.

- *Kāyaviññāṇa*: *Thân-thức-tâm* là tâm phát sinh do nương nhờ thân-môn, làm phận sự xúc-giác đối-tượng xúc thô...

* *Bāy bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu, không đáng hài lòng.

Danh từ chế định gọi 5 *thức-tâm* này là *cakkhuviññāṇa*, ... do nương nhờ nơi 5 *môn* (*cakkhudvāra*, ...) và 5 *nơi sinh* (*cakkhuvatthu*)... của 5 *thức-tâm* đều là *sắc-pháp* (*rūpadhamma*) nên gọi là *viññāṇa* cho dễ hiểu.

* Gọi *cittam* có 2 tâm là:

- *Sampaṭicchana-citta*: *Tiếp-nhận-tâm*.

- *Santīraṇa-citta*: *Suy-xét-tâm*.

Danh từ chế định gọi 2 tâm này do nương nhờ *phận sự của tâm* (*kicca*) thuộc về *danh-pháp* (*nāmadhamma*) nên gọi là *citta*.

* *Vedanā*: Thọ đồng sinh với 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu, không đáng hài lòng, có 2 loại thọ là *thọ xả* (*upekkhāvedanā*) và *thọ khổ* (*dukkhavedanā*).

* *Cakkhuviññāṇa*, *sotaviññāṇa*, *ghānaviññāṇa*, *jivhāviññāṇa*, *sampaṭicchana-citta*, *santīraṇa-citta* gồm có 6 tâm này đồng sinh với *thọ xả* (*upekkhā-sahagata*) (*không khô không lạt*), bởi vì 6 tâm

này phát sinh do nương nhờ *sắc-phụ-thuộc tiếp xúc* với *sắc-phụ-thuộc* (*upādāyarūpa*) như **đối-tượng sắc tiếp xúc với thân-tịnh-sắc**, v.v... nên không có đủ cảm giác khổ hoặc lạc. Ví như bông gòn tiếp xúc với bông gòn rất nhẹ.

* *Kāyaviññāṇa* là thức-tâm đồng sinh với thọ **khổ** (*dukkhasahagata*), bởi vì thân-thức-tâm phát sinh do nương nhờ *đối-tượng xúc thô* (3 đại: địa-đại, hỏa-đại, phong-đại (trừ thủy-đại) tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc* (*kāyapasādarūpa*) nên có cảm giác **khổ**. Ví như cái búa đập mạnh bông gòn đặt trên tấm đá.

* Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*: *Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa* giảng giải rằng:

Phoṭṭhabbārammaṇa: *Đối-tượng xúc* chỉ có 3 *sắc-pháp* mà thôi là:

- *Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa*: *Đối-tượng xúc* là địa-đại cứng hoặc mềm.

- *Tejophoṭṭhabbārammaṇa*: *Đối-tượng xúc* là hỏa-đại nóng hoặc lạnh.

- *Vāyophoṭṭhabbārammaṇa*: *Đối-tượng xúc* là phong-đại thổi hoặc xẹp.

Trong sắc tứ đại, chỉ có 3 đại là sắc địa-đại, sắc hỏa-đại, sắc phong-đại có thể tiếp xúc với **thân-tịnh-sắc** (*kāyapasādarūpa*) để phát sinh **thân-thức-tâm** có phận sự biết *đối-tượng xúc*

(*sắc địa-đại cứng hoặc mềm, sắc hỏa-đại nóng hoặc lạnh, và sắc phong-đại phòng hoặc xẹp*) mà thôi.

Còn *sắc thủy-đại* không phải là *đối-tượng xúc*, nên *thân-thức-tâm* không thể biết được *sắc thủy-đại*, bởi vì *sắc thủy-đại* thuộc về *đối-tượng pháp* rất *vi-tế*, nên chỉ có *ý-thức-tâm* biết *sắc thủy-đại* mà thôi.

Thật vậy, trong bộ *Abhidhammavibhāvinītikā* giảng giải rằng:

“*Āpodhātuyā sukhumabhāvena phusitaṃ askkuṇeyyattaṃ vuttaṃ.*”

Sắc thủy-đại có thật-tánh rất *vi-tế*, nên *thân-tịnh-sắc* không thể tiếp xúc với *sắc thủy-đại* được.

Sắc tứ đại gồm có 4 *sắc-pháp* là *sắc địa-đại*, *sắc thủy-đại*, *sắc hỏa-đại*, *sắc phong-đại* không thể tách rời nhau được. Trong *sắc tứ đại* này, nếu *sắc đại* nào có số lượng nhiều hơn 3 đại kia, thì gọi tên *sắc đại* ấy.

Ví dụ: Trong *sắc tứ đại*, nếu *sắc thủy-đại* có số lượng nhiều hơn *sắc địa-đại*, *sắc hỏa-đại*, *sắc phong-đại* thì gọi là *sắc thủy-đại*.

Sắc thủy-đại đó là *chất nước* có thật-tánh rất *vi-tế*, nên *thân-thức-tâm* không phát sinh biết được *chất nước*.

Thật vậy, * khi *thân-thức-tâm* tiếp xúc với *chất nước nóng, nước lạnh* đó là *chất lửa* gọi là *hỏa-đại*.

* Khi *thân-thức-tâm* tiếp xúc với *chất nước đông đặc (nước đá)* đó là *chất đất cứng, mềm* gọi là *địa-đại*.

* Khi *thân-thức-tâm* tiếp xúc với *chất nước lay động, phòng xep* đó là *chất gió* gọi là *phong-đại*.

Ví dụ: *Người uống nước như thế nào?*

Nếu người uống *nước nóng, nước lạnh*, thì *nóng hoặc lạnh* đó là *chất lửa* gọi là *hỏa-đại*; người *nuốt nước chuyển động chảy vào trong bụng phòng, xep* đó là *chất gió* gọi là *phong-đại*; người *ngậm nước đá cứng, mềm* đó là *chất đất* gọi là *địa-đại*. Cho nên, *thân-thức-tâm xúc-giác địa-đại cứng mềm, xúc-giác hỏa-đại nóng lạnh, xúc-giác phong-đại phòng xep chuyển động*.

* Tuy nhiên các nhà khoa học khám phá *nước* là một hợp chất hóa học của *oxy và hydro*, có công thức hóa học là H_2O (2 nguyên tử hydro và 1 nguyên tử oxy).

2- Tám thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm*, cũng có 2 tên gọi: *viññāṇaṃ* và *cittaṃ*, giải thích tương tự như 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*.

* *Vedanā*: Thọ đồng sinh với 8 *thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp nhận 5 *đối-tượng* sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt, đáng hài lòng, có 3 loại thọ là **thọ xả** (*upekkhāvedanā*), **thọ lạc** (*sukhavedanā*) và **thọ hỷ** (*somanassavedanā*).

* *Cakkhaviññāṇa, sotaviññāṇa, ghānaviññāṇa, jivhāviññāṇa, sampaticchanacitta*, gồm có 5 tâm này đồng sinh với thọ **xả** (*upekkhāsahagata*) (*không khổ không lạc*) cách giải thích như *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm đồng sinh với thọ xả*.

* *Kāyaviññāṇa* là thức-tâm đồng sinh với **thọ lạc** (*sukhasahagata*), bởi vì *thân-thức-tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng xúc mềm mại tiếp xúc với thân-tịnh-sắc* (*kāyapasādarūpa*), nên có cảm giác **an-lạc**.

* *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm nhiều hơn *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* 1 quả-tâm, bởi vì *santīraṇacitta* là *thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm* làm phận sự suy xét *đối-tượng* tốt, đáng hài lòng là quả của *đại-thiện-nghiệp*, có 2 loại *đối-tượng* tốt:

- *Iṭṭhamajjhattārammaṇa*: *Đối-tượng* tốt trung bình.

- *Ati-iṭṭhārammaṇa*: *Đối-tượng* tốt đặc biệt.

* Nếu khi *thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm* làm phận sự suy xét *đối-tượng* tốt trung bình thì tâm này không đủ để đồng sinh với **thọ hỷ**, chỉ đồng

sinh với **thọ xả**, nên gọi là ***upekkhāsahagataṃ santīraṇakusalavipākacittaṃ***: *thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*.

* Nếu khi *thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm* làm phạm sự suy xét *đôi-tượng tốt đặc biệt* thì tâm này đồng sinh với **thọ hỷ**, nên gọi là ***somanassa-sahagataṃ santīraṇakusalavipākacittaṃ***: *thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm đồng sinh với thọ hỷ*.

Nhưng ***bất-thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm*** làm phạm sự suy xét *dù đối-tượng xấu trung bình (aniṭṭhamajjhattārammaṇa) dù đối-tượng xấu thậm tệ (ati-aniṭṭhārammaṇa)* thì tâm này cũng chỉ đồng sinh với **thọ xả** mà thôi, bởi vì ***bất-thiện-quả vô-nhân suy-xét-tâm*** làm phạm sự suy xét *dù đối-tượng xấu thậm tệ (ati-aniṭṭhārammaṇa)* thì tâm này cũng không thể đồng sinh với **thọ ưu (domassavedanā)** được, bởi vì **thọ ưu** chỉ có đồng sinh với **2 sân-tâm** mà thôi.

Vì vậy, ***bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*** chỉ có 7 ***quả-tâm*** mà thôi.

Cách gọi chung ***cakkhaviññāṇa, sotaviññāṇa, ghānaviññāṇa, kāyaviññāṇa*** thuộc về 5 ***bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*** và 5 ***thiện-quả vô-nhân-tâm*** gom lại gọi là ***dvipañcaviññāṇacitta***: 10 ***thức-tâm*** phát sinh do nương nhờ ***nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn***.

Nhận xét về bất-thiện-nghiệp và đại-thiện-nghiệp cho quả

* **Bất-thiện-nghiệp** trong 12 bất-thiện-tâm cho **quả** chỉ có **akusalavipākacitta**: bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 quả-tâm thuộc về vô-nhân-tâm (ahetukacitta) mà thôi, bởi vì bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm đều có **phóng-tâm tâm-sở** (uddhaccacetāsika) làm giảm năng lực cho quả của bất-thiện-nghiệp không có khả năng cho quả là hữu-nhân-tâm (sahetukacitta) được.

Vì vậy, bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm chỉ cho quả có 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm thuộc về vô-nhân-tâm (ahetukacitta) mà thôi.

* Nếu **đại-thiện-nghiệp** trong 8 đại-thiện-tâm tạo 10 phước-thiện trải qua ba thời-kỳ tác-ý:

- **Pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy.

- **Muñcacetanā**: Tác-tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy.

- **Aparacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi.

- Người thiện tạo phước-thiện nào nếu trải qua ba thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy trở thành đại-thiện-nghiệp có ít năng lực. Nếu đại-

thiện-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả có **8 thiện-quả vô-nhân-tâm**.

- Người thiện tạo phước-thiện nào nếu trải qua ba thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy trở thành *đại-thiện-nghiệp có nhiều năng lực*. Nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả có **8 đại-quả-tâm**.

Cho nên, **đại-thiện-nghiệp** trong 8 *đại-thiện-tâm* cho quả có 16 *quả-tâm* là 8 *thiện-quả vô-nhân-tâm* và 8 *đại-quả-tâm*.

Tất cả chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài từ vô-thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, **phần thân** (*sắc-uẩn*) thay đổi theo từng mỗi kiếp tùy theo quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh, còn **phần tâm** (*4 danh-uẩn*) vẫn sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô-thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) dù nặng dù nhẹ cũng đều được tích lũy, lưu trữ ở trong **tâm**, không hề bị mất mát, bị thất lạc một mảy may nào cả.

* Trong *kiếp hiện-tại*, nếu *đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả thì *nhãn-thức-tâm* hợp với

thọ xả nhìn thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng, v.v... *thân-thức-tâm hợp với thọ lạc* xúc-giác đối-tượng xúc mềm mại đáng hài lòng, v.v...

Hoặc nếu *ác-nghiệp* nào có cơ hội cho quả thì *nhãn-thức-tâm* nhìn thấy đối-tượng sắc xấu, không đáng hài lòng, v.v... *thân-thức-tâm hợp với thọ khổ* xúc-giác đối-tượng xúc thô cứng, không đáng hài lòng, v.v...

3- Vô-nhân duy-tác-tâm (Ahetukakriyacitta)

Vô-nhân duy-tác-tâm là tâm phát sinh làm phạm sự không hợp với nhân.

Vô-nhân duy-tác-tâm chỉ phát sinh làm phạm sự, không phải là thiện-tâm, cũng không phải là bất-thiện-tâm, cũng không phải là quả-tâm của tâm nào cả.

Ahetukakriyacitta: Vô-nhân duy-tác-tâm có 3 tâm:

1- *Upekkhāsahagatampañcadvāravajjanacittam:*

Ngũ-môn-hướng-tâm đồng sinh với **thọ xả**, suy xét 5 đối-tượng trong ngũ môn.

2- *Upekkhāsahagatam manodvāravajjanacittam:*

Ý-môn-hướng-tâm đồng sinh với **thọ xả**, suy xét 6 đối-tượng trong ý môn, hoặc quyết định 5 đối-tượng trong ngũ-môn-lộ-trình-tâm.

3- *Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ:*

Tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán đồng sinh với thọ hỷ phát sinh trong 6 môn (Không phát sinh đối với các chúng-sinh khác).

Giảng giải 3 vô-nhân duy-tác-tâm

1- *Pañcadvārāvajjanacitta:* Ngũ-môn hướng-tâm đồng sinh với thọ xả làm phạm sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với môn (*dvāra*), mở cửa cho ngũ-môn-lộ-trình-tâm (*pañcadvārāvīthicitta*) tương xứng phát sinh.

Ví dụ: * Ngũ-môn hướng-tâm làm phạm sự tiếp nhận đối-tượng sắc mới xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với nhãn-môn, mở cửa cho nhãn-môn-lộ-trình-tâm phát sinh.

* Ngũ-môn-hướng-tâm làm phạm sự tiếp nhận đối-tượng âm-thanh mới xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với nhĩ-môn, mở cửa cho nhĩ-môn-lộ-trình-tâm phát sinh.

* Ngũ-môn hướng-tâm làm phạm sự tiếp nhận đối-tượng hương mới xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với tỷ-môn, mở cửa cho tỷ-môn-lộ-trình-tâm phát sinh.

* Ngũ-môn hướng-tâm làm phạm sự tiếp nhận đối-tượng vị mới xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với thiệt-môn, mở cửa cho thiệt-môn-lộ-trình-tâm phát sinh.

* *Ngũ-môn hướng-tâm* làm phận sự tiếp nhận đối-tượng xúc mới xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với *thân-môn*, mở cửa cho *thân-môn-lộ-trình-tâm* phát sinh.

2- *Manodvārāvajjanacitta*: *Ý-môn hướng-tâm* đồng sinh với thọ xả làm phận sự tiếp nhận 1 trong 6 đối-tượng mới (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*) xấu hoặc tốt tiếp xúc với *ý-môn (manodvāra)* mở cửa cho *ý-môn-lộ-trình-tâm* phát sinh.

* *Ý-môn hướng-tâm* đồng sinh với thọ xả còn làm *phận sự quyết định (voṭṭhabbanakicca)* đối-tượng xấu hoặc tốt cho *ngũ-môn-lộ-trình-tâm*.

3- *Hasituppādacitta*: *Tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán* đồng sinh với thọ hỷ phát sinh trong 6 môn (*Không phát sinh đối với các chúng-sinh khác*).

Bậc Thánh A-ra-hán có *thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu-abhiññā)* nhìn thấy loài *ngạ-quỷ* có thân hình kỳ dị với *duy-tác thân-thông-tâm I sát-na-tâm*, tiếp theo suy xét với *đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ* rằng: “*Ta đã thoát khỏi kiếp loài ngạ-quỷ này rồi.*”

Sau khi suy xét như vậy, *tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán (hasituppādacitta)* phát sinh.

Bậc Thánh A-ra-hán đã chứng đắc *tiền-kiếp-thông (pubbenivāsānusatiñāṇa)*, *thiên-nhãn-thông*

dibbacakkhuñāṇa) dễ dàng có *hasituppādacitta*: tâm mỉm cười của bậc Thánh-A-ra-hán phát sinh.

Mỉm cười và cười

Mỉm cười và cười có 6 loại:

1- *Sita*: Tâm mỉm cười trên mặt không lộ hàm răng, đó là sự mỉm cười của Đức-Phật.

2- *Hasita*: Tâm mỉm cười lộ chút ít hàm răng, đó là sự mỉm cười của bậc Thánh-A-ra-hán.

Ngoài bậc Thánh A-ra-hán ra, tâm mỉm cười của *bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Nhập-lưu, hoặc hạng thiện-trí phàm-nhân* đều hợp với thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si).

3- *Vihasita*: Tâm cười ra tiếng nho-nhỏ phát sinh đối với 3 *bậc Thánh-nhân: bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, hạng thiện-trí phàm-nhân*, đó là *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ* hợp với thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si).

4- *Atihasita*: Tâm cười ra tiếng lớn phát sinh đối với 2 *bậc Thánh-nhân: bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, hạng thiện-trí phàm-nhân* đó là *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ* hợp với thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si).

5- *Apahasita*: Tâm cười làm cho thân mình nghiêng ngả chỉ phát sinh đối với *hạng phàm-nhân* mà thôi.

6- *Upahasita*: Tâm cười làm trào ra nước mắt chỉ phát sinh đối với hạng phàm-nhân mà thôi.

Trong 6 loại cười này có hai loại cười chỉ có đối với Đức-Phật và bậc Thánh A-ra-hán mà thôi.

* Tâm mỉm cười trên mặt không lộ hàm răng gọi là *sita*, đối với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

* Tâm mỉm cười lộ chút ít hàm răng gọi là *hasita*, đối với chư bậc Thánh A-ra-hán.

Hai loại tâm mỉm cười này phát sinh làm phận sự, mà không quan tâm nơi đối-tượng, nên tâm này có năng lực yếu đặc biệt phát sinh không hợp với nhân (hetu), gọi là *hasituppādacitta*, thuộc về loại *vô-nhân-tâm*.

* Bốn loại tâm cười còn lại, tâm có năng lực mạnh, chấp-thủ nơi đối-tượng, nên tâm này phát sinh hợp với nhân gọi là *sahetukacitta*: tâm có nhân.

Saṅkhāra trong ahētukacitta

Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*, Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha trình bày trong phần *ahētukacitta*: *vô-nhân-tâm* có 18 tâm, không trình bày thuộc về loại *asaṅkhārikacitta*: tâm cần tác-động hoặc *saṅkhārikacitta*: tâm không cần tác-động nào cả.

Theo các bộ khác có ý kiến khác nhau về *saṅkhārikacitta* trong *ahētukacitta* được tóm lược theo 3 cách như sau:

* Trong bộ *Mūlaṭīkā* và bộ *Abhidhammatthavibhāvinīṭīkā* có ý kiến rằng: “*Ahetukacitta*: vô-nhân-tâm có 18 tâm đều là *saṅkhāravimutti*, 18 vô-nhân-tâm đều là không có *saṅkhāra* nào cả”, bởi vì trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* không trình bày *asaṅkhārikacitta* và *sasaṅkhārikacitta* nào cả.

* Trong bộ *Paramatthadīpanīṭīkā* có ý kiến rằng: “*Ahetukacitta*: vô-nhân-tâm có 18 tâm có *asaṅkhārikacitta* hoặc *sasaṅkhārikacitta*.”

* *Bậc Tiền-bối* có ý kiến rằng: “*Ahetukacitta*: vô-nhân-tâm có 18 tâm thuộc về *asaṅkhārikacitta*”, bởi vì *nhãn-thức-tâm tự nhìn thấy đối-tượng sắc*, *nhĩ-thức-tâm tự nghe đối-tượng thanh*, *tỷ-thức-tâm tự ngửi đối-tượng hương*, *thiệt-thức-tâm tự nếm đối-tượng vị*, *thân-thức-tâm tự xúc-giác đối-tượng xúc*, v.v... do nương nhờ ***upattihetu***: nhân-duyên, khiến cho tâm ấy phát sinh, cho nên 18 vô-nhân-tâm này thuộc về *asaṅkhārikacitta*: không cần tác-động.

Ahetukacitta: Vô-nhân-tâm là tâm không có 6 nhân (*hetu*): 3 bất-thiện-nhân: nhân tham, nhân sân, nhân si, và 3 thiện-nhân: nhân vô-tham, nhân vô-sân, nhân vô-si (*trí-tuệ*). 6 nhân này gọi là ***sampayuttahetu***: nhân hợp với tâm.

Nếu tâm nào có bất-thiện-nhân (*akusalahetu*) hoặc thiện-nhân (*kusalahetu*) hợp với tâm ấy thì tâm ấy gọi là *sahetukacitta*: hữu-nhân-tâm.

Ahetukacitta: Vô-nhân-tâm là tâm không hợp với *sampayuttahetu*: nhân hợp với tâm, nhưng tất cả các pháp đều phát sinh từ nhân (*hetup-pabhava*), nhân này không phải là **sampayuttahetu** (sáu nhân hợp với tâm), nhưng có nhân-duyên khiến cho tâm phát sinh gọi là **upattihetu**.

Cho nên, **18 ahetukacitta:** Vô-nhân-tâm phát sinh đều do nương nhờ **upattihetu**: nhân-duyên, khiến cho mỗi tâm phát sinh.

Upattihetu của 18 ahetukacitta

Mỗi vô-nhân-tâm phát sinh cần phải hội đủ nhân-duyên của mỗi tâm, nếu trường-hợp thiếu một nhân-duyên nào thì vô-nhân-tâm ấy không thể phát sinh được.

Theo bộ *Abhidhammatthasāṅgaha*: Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa giảng giải rằng:

* Nhân duyên phát sinh 2 nhãn-thức-tâm

- **Cakkhaviññāṇa:** Nhãn-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- **Cakkhupasāda:** Nhãn-tịnh-sắc tốt (mắt không bị bệnh).

2- **Rūpārammaṇa:** Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc (mắt).

3- **Āloka:** Ánh sáng rõ ràng.

4- **Manasikāra:** Chú tâm đó là *ngũ-môn hướng-tâm* tiếp nhận đối-tượng sắc ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *nhãn-thức-tâm hợp* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự nhìn thấy đối-tượng sắc ấy.

* *Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm:

- *Nhãn-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc xấu, không đáng hài lòng.

- *Nhãn-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.

* **Nhân duyên phát sinh 2 nhĩ-thức-tâm**

- ***Sotaviññāṇa***: *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Sotapasāda*: *Nhĩ-tịnh-sắc* tốt (tai không bị điếc).

2- *Saddārammaṇa*: Đối-tượng âm-thanh rõ ràng tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc* (lỗ tai).

3- *Vivarākāsa*: Khoảng trống không gian không có vật cản.

4- *Manasikāra*: Chú tâm đó là *ngũ-môn hướng-tâm* đến đối-tượng âm-thanh ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *nhĩ-thức-tâm hợp* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự nghe đối-tượng âm-thanh ấy.

* *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm:

- *Nhĩ-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp nghe đối-tượng âm-thanh dở, không đáng hài lòng.

- *Nhĩ-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp nghe đối-tượng âm-thanh hay, đáng hài lòng.

*** Nhân duyên phát sinh 2 tỷ-thức-tâm**

Ghānaviññāṇa: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Ghānapasāda:* Tỷ-tịnh-sắc tốt (mũi không bị bệnh).

2- *Gandhārammaṇa:* Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi).

3- *Vāyodhātu:* Phong-đại (gió) thổi đưa mùi hương đến mũi.

4- *Manasikāra:* Chú tâm đó là *ngũ-môn hương-tâm* đến đối-tượng hương ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *tỷ-thức-tâm* hợp với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự ngữi đối-tượng hương ấy.

* *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm:

- *Tỷ-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp ngữi đối-tượng mùi hôi, không đáng hài lòng.

- *Tỷ-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp ngữi đối-tượng hương thơm tốt, đáng hài lòng.

*** Nhân duyên phát sinh 2 thiệt-thức-tâm**

Jivhāviññāṇa: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Jivhāpasāda:* Thiệt-tịnh-sắc tốt (lưỡi không bị bệnh).

2- *Rasārammaṇa:* Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc (lưỡi).

3- *Āpodhātu*: Thủy-đại (nước miếng trong miệng).

4- *Manasikāra*: Chú tâm đó là *ngũ-môn hướng-tâm* đến đối-tượng vị ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *thiệt-thức tâm hợp* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự nếm đối-tượng vị ấy.

* *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm:

- *Thiệt-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp nếm đối-tượng vị dở, không đáng hài lòng.

- *Thiệt-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.

* **Nhân duyên phát sinh 2 thân-thức-tâm**

Kāyaviññāṇa: *Thân-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Kāyapasāda*: Thân-tịnh-sắc tốt (thân khỏe mạnh không bị bại liệt).

2- *Phoṭṭhabbārammaṇa*: Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, căng, phòng) rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc (thân).

3- *Thaddhapaṭhavīdhātu*: Địa-đại cứng, ...

4- *Manasikāra*: Chú tâm đó là *ngũ-môn hướng-tâm* đến đối-tượng xúc ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *thân-thức-tâm* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự xúc-giác đối-tượng xúc ấy.

* *Thân-thức-tâm* có 2 tâm:

- *Thân-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp xúc-giác đối-tượng xúc xấu, không đáng hài lòng.

- *Thân-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp xúc-giác đối-tượng xúc tốt, đáng hài lòng.

*** Nhân duyên phát sinh 3 ý-tự-tánh**

Manodhātu: Ý-tự-tánh-tâm gồm có 3 tâm:

- *Pañcadvārāvajjanacitta*: Ngũ-môn hướng-tâm.

- *Sampaticchanacitta*: Tiếp-nhận-tâm có 2 tâm.

Ba tâm này phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Pañcadvāra*: 5 môn đó là *nhãn-môn*, *nhĩ-môn*, *tỷ-môn*, *thiệt-môn*, *thân-môn* tốt.

2- *Pañcārammaṇa*: 5 đối-tượng (*sắc*, *thanh*, *hương*, *vị*, *xúc*).

3- *Hadayavatthu*: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.

4- *Manasikāra*: Chú tâm đến đối-tượng ấy.

Nếu hội đủ 4 nhân-duyên này thì *manodhātu* có 3 tâm, mỗi tâm phát sinh tùy theo nhân-duyên, làm phận sự của mình đối với đối-tượng ấy.

* *Manodhātu* có 3 tâm:

- *Ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh làm phận sự tiếp nhận 1 trong 5 đối-tượng mới (*sắc*, *thanh*, *hương*, *vị*, *xúc*) xấu hoặc tốt tiếp xúc tương xứng với môn (*dvāra*), mở cửa cho *ngũ-môn-lộ-trình-tâm* (*pañcadvārāvīthicitta*) tương xứng phát sinh.

- *Tiếp-nhận-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp tiếp nhận đối-tượng xấu, không đáng hài lòng.

- *Tiếp-nhận-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp tiếp nhận đối-tượng tốt, đáng hài lòng.

*** Nhân duyên phát sinh 5 ý-thức-tự-tánh**

Manoviññāṇadhātu ⁽¹⁾: Ý-thức-tự-tánh gồm có 5 tâm trong 18 vô-nhân-tâm là:

- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn hướng-tâm.
- *Santīraṇacitta*: Suy-xét-tâm gồm có 3 tâm.
- *Hasituppādacitta*: Tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán. 5 tâm này phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Dvāra*: 6 môn đó là *nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn*.

2- *Ārammaṇa*: 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

3- *Hadayavatthu*: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.

4- *Manasikāra*: Chú tâm đến đối-tượng ấy.

Nếu khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì *manoviññāṇadhātu* có 5 tâm, mỗi tâm phát sinh tùy theo nhân-duyên làm phận sự của mình.

Cho nên, 18 vô-nhân-tâm là tâm không hợp với *sampayuttahetu* (u nhân hợp với tâm), nhưng mỗi vô-nhân-tâm phát sinh đều do nhân-duyên gọi là *upattihetu*: nhân-duyên phát sinh.

¹ *Manoviññāṇadhātu* có 76 hoặc 108 tâm (trừ 10 thức-tâm và 3 ý-tự-tánh-tâm ‘*manodhātu*’).

Như vậy, ***cakkhuviññāṇa***: *Nhãn-thức-tâm* phát sinh làm phạm sự nhìn thấy *đối-tượng sắc, hình dáng* là do hội đủ 4 nhân-duyên của *nhãn-thức-tâm*, nếu trường-hợp thiếu nhân-duyên nào thì *nhãn-thức-tâm* không thể phát sinh được.

Cũng như vậy, mỗi *tâm* với *tâm-sở* phát sinh đều do hội đủ nhân-duyên của *tâm* ấy.

Tất cả các pháp-hữu-vi phát sinh đều do từ nhân-duyên, cho nên, tất cả các pháp-hữu-vi đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh nào cả, thật-tánh của tất cả các pháp-hữu-vi chỉ là ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** mà thôi.

Sở dĩ các hàng ***phàm-nhân*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc-pháp*** hoặc nơi ***danh-pháp*** cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh, v.v... là vì do ***vô-minh (avijjā)*** che phủ thật-tánh của ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp***, do ***tà-kiến (diṭṭhi)*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc-pháp*** hoặc nơi ***danh-pháp*** cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh, v.v...

Như vậy, *ta* hoặc *ngã* không có thật, nên không có phương pháp diệt ngã.

Tà-kiến (diṭṭhi) là một loại *phiền-não* có thật, nên có phương pháp diệt *tà-kiến*.

Thật vậy, hành-giả là hạng người *tam-nhân* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp danh-pháp, trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh sự diệt của sắc-pháp danh-pháp tam-giới, trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được hai loại phiền-não là tà-kiến (ditṭhi) và hoại-nghi (vicikicchā) không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn có *tà-kiến* thấy sai chấp lầm nơi *sắc-pháp, nơi danh-pháp* cho là ta, là ngã, là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới là cõi người và cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tâm Với Tâm-Sở

Khi tâm nào phát sinh luôn luôn có một số tâm-sở tương xứng đồng sinh với tâm ấy.

* **Citta**: Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.

* **Cetasika**: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở.

Tiếp theo sẽ trình bày 52 tâm-sở.

Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*, chương thứ nhì *Cetasika-saṅgaha: Tâm-sở yếu-lược* gồm có 52 tâm-sở.

Tâm-sở như thế nào?

Cetasika: Tâm-sở là 1 trong 4 chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) *citta, cetasika, rūpa, nibbāna*.

Cetasika: Tâm-sở có 52 tâm luôn luôn nương nhờ nơi tâm phát sinh (*cittanissitalakkhaṇam*).

Cetasika: Tâm-sở có 4 trạng-thái đối với tâm

1- *Ekuppāda*: Đồng sinh với tâm.

2- *Ekanirodha*: Đồng diệt với tâm.

3- *Ekārammaṇa*: Đồng đối-tượng với tâm.

4- *Ekavattuka*: Đồng nơi sinh với tâm.

Như vậy, tâm với tâm-sở đồng sinh với nhau, tâm-sở luôn luôn nương nhờ nơi tâm, đồng sinh với tâm. Tâm-sở đơn phương không thể phát sinh, và tâm phát sinh không thể thiếu tâm-sở được.

Trạng-thái đặc biệt của **tâm-sở chân-nghĩa-pháp** có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Cittanissitalakkhaṇaṃ*: Có trạng-thái nương nhờ nơi tâm.

2- *Aviyoguppadānaraṣaṃ*: Có phận sự đồng sinh với tâm.

3- *Ekārammaṇapaccupaṭṭhānaṃ*: Nhận biết cùng đối-tượng với tâm là quả hiện hữu.

4- *Cittuppādapadaṭṭhānaṃ*: Sự phát sinh của tâm là nguyên-nhân gần phát sinh *tâm-sở*.

Tâm và **tâm-sở** thuộc về *danh-pháp* (*nāma-dhamma*) nên tâm với tâm-sở đồng sinh với nhau.

Tâm (*citta*) chỉ có một *trạng-thái biết đối-tượng* mà thôi, **tâm-sở** (*cetasika*) có *trạng-thái phục vụ hỗ trợ* cho tâm biết đối-tượng khác nhau theo năng lực của tâm-sở.

Tuy *tâm-sở* có *trạng-thái hỗ trợ* cho tâm biết đối-tượng như vậy, nhưng **tâm vẫn là chủ**, là nơi nương nhờ của *tâm-sở* phát sinh. *Tâm với tâm-sở* hợp với nhau gọi là **sampayuttadhamma**.

Số lượng tâm-sở

Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*: *Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*, *chương thứ nhất Cittasaṅgaha*: *Tâm-yếu-lược* gồm có 89 hoặc 121 tâm, đó là tính theo bốn loại tâm khác nhau, biết 6 đối-tượng khác nhau, theo 3 cõi-giới khác nhau, ... nên phân chia ra có 89 hoặc 121 tâm.

Thật ra, tâm chỉ có một *trạng-thái biết đối-tượng* mà thôi.

* *Chương thứ nhì Cetasikaṅgaha: Tâm-sở-yếu-lược* gồm có 52 tâm-sở, đó là tính theo trạng-thái riêng của mỗi tâm-sở.

Mỗi tâm-sở đều có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka* là *lakkhaṇa: trạng-thái, rasa: phận sự, paccupaṭṭhāna: quả hiện hữu, padaṭṭhāna: nguyên-nhân gần phát sinh tâm-sở ấy.*

Cho nên, 52 tâm-sở có 52 trạng-thái riêng của mỗi tâm-sở.

Phân chia tâm-sở

52 tâm-sở phân chia ra làm 3 nhóm:

- 1- *Aññasamānācetasika: Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở* gồm có 13 tâm-sở.
- 2- *Akusalacetāsika: Bất-thiện tâm-sở* gồm có 14 tâm-sở.
- 3- *Sobhaṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở* gồm có 25 tâm-sở.

I- Aññasamānācetasika: Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở

Aññasamānācetasika: Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở gồm có 13 tâm-sở chia ra 2 loại:

- *Sabbacittasādhāraṇacetāsika: Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở* có 7 tâm-sở.
- *Pakiṇṇakacetāsika: Đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở* có 6 tâm-sở.

* **Sabbacittasādhāraṇacetāsika**: Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở có 7 tâm-sở:

- 1- *Phassacetāsika*: Xúc tâm-sở.
- 2- *Vedanācetāsika*: Thọ tâm-sở.
- 3- *Saññācetāsika*: Tưởng tâm-sở.
- 4- *Cetanācetāsika*: Tác-ý tâm-sở.
- 5- *Ekaggatācetāsika*: Nhất-tâm tâm-sở.
- 6- *Jīvitindriyacetāsika*: Danh-mạng-chủ tâm-sở.
- 7- *Manasikāracetāsika*: Chú-ý tâm-sở.

Bảy tâm-sở này đồng sinh với tất cả các tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.

* **Pakiṇṇakacetāsika**: Đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở có 6 tâm-sở:

- 1- *Vitakkacetāsika*: Hướng-tâm tâm-sở.
- 2- *Vicāracetāsika*: Quan-sát tâm-sở.
- 3- *Adhimokkhacetāsika*: Quyết-định tâm-sở.
- 4- *Vīriyacetāsika*: Tinh-tần tâm-sở.
- 5- *Pīticetāsika*: Hỷ tâm-sở.
- 6- *Chandacetāsika*: Nguyện-vọng tâm-sở.

Sáu tâm-sở này đồng sinh rải rác tùy theo các tâm hợp với nhau được.

II- Akusalacetāsika: Bất-thiện tâm-sở

Bất-thiện tâm-sở gồm có 14 tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, chia ra 5 nhóm:

A- **Mocatukacetāsika**: Nhóm si có 4 tâm-sở:

- 1- *Mohacetāsika*: Si tâm-sở.
- 2- *Ahirikacetāsika*: Không-hổ-thẹn tâm-sở.

3- *Anottappacetāsika*: Không-ghê-sợ tâm-sở.

4- *Uddhaccacetāsika*: Phóng-tâm tâm-sở.

Bốn tâm-sở này đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

B- Lotikacetāsika: Nhóm tham có 3 tâm-sở:

1- *Lobhacetāsika*: Tham tâm-sở.

2- *Diṭṭhīcetasika*: Tà-kiến tâm-sở.

3- *Mānacetasika*: Ngã-mạn tâm-sở.

Ba tâm-sở này đồng sinh với 8 tham-tâm.

C- Dosatukacetāsika: Nhóm sân có 4 tâm-sở:

1- *Dosacetāsika*: Sân tâm-sở.

2- *Issācetasika*: Ganh-tỵ tâm-sở.

3- *Macchāriyacetasika*: Keo-kiệt tâm-sở.

4- *Kukkuccacetāsika*: Hối-hận tâm-sở.

Bốn tâm-sở này đồng sinh với 2 sân-tâm.

D- Thidukacetāsika: Nhóm buồn có 2 tâm-sở:

1- *Thinacetāsika*: Buồn-chán tâm-sở.

2- *Middhacetāsika*: Buồn-ngủ tâm-sở.

Hai tâm-sở này đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động.

Đ- Vicikicchācetasika: Nhóm nghi có 1 tâm-sở:

1- *Vicikicchācetasika*: Hoài-nghi tâm-sở chỉ đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi mà thôi.

III- Sobhaṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở

Tịnh-hảo tâm-sở gồm có 25 tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, chia ra 4 loại:

- *Sobhaṇasādhāraṇacetāsika* có 19 tâm-sở.

- *Viraticetasika* có 3 tâm-sở.
- *Appamaññācetasika* có 2 tâm-sở.
- *Paññindriyacetasika* có 1 tâm-sở.

1- Sobhaṇasādhāraṇacetasika: Đồng-sinh-toàn-tâm tịnh-hảo tâm-sở có 19 tâm-sở:

- 1- *Saddhācetasika:* Tín tâm-sở.
- 2- *Saticetasika:* Niệm tâm-sở.
- 3- *Hiricetasika:* Hổ-thẹn tâm-sở.
- 4- *Ottappacetasika:* Ghê-sợ tâm-sở.
- 5- *Alobhacetasika:* Vô-tham tâm-sở.
- 6- *Adosacetasika:* Vô-sân tâm-sở.
- 7- *Tatramajjhattatācetasika:* Trung-dung tâm-sở.
- 8- *Kāyapassaddhicetasika:* Tam-uẩn an-tịnh tâm-sở.
- 9- *Cittapassaddhicetasika:* Thức-uẩn an-tịnh tâm-sở.
- 10- *Kāyalahutācetasika:* Tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.
- 11- *Cittalahutācetasika:* Thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.
- 12- *Kāyamudutācetasika:* Tam-uẩn mềm-mại tâm-sở.
- 13- *Cittamudutācetasika:* Thức-uẩn mềm-mại tâm-sở.
- 14- *Kāyakammaññatācetasika:* Tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở.
- 15- *Cittakammaññatācetasika:* Thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở.

16- *Kāyapāguññatācetasika*: Tam-uẩn thuần-thục tâm-sở.

17- *Cittapāguññatācetasika*: Thức-uẩn thuần-thục tâm-sở.

18- *Kāyujukatācetasika*: Tam-uẩn ngay-thật tâm-sở.

19- *Cittujukatācetasika*: Thức-uẩn ngay-thật tâm-sở.

19 tâm-sở này đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm.

2- Viraticetasika: Chế ngự tâm-sở có 3 tâm-sở:

1- *Sammāvācācetasika*: Chánh-ngữ tâm-sở.

2- *Sammākammantacetasika*: Chánh-nghiệp tâm-sở.

3- *Sammā ājīvacetasika*: Chánh-mạng tâm-sở.

Ba tâm-sở này đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm và 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

3- Appamaññācetasika: Vô-lượng tâm-sở có 2 tâm-sở:

1- *Karuṇācetasika*: Bi tâm-sở.

2- *Muditācetasika*: Hỷ tâm-sở.

Hai tâm-sở này đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm và đệ-nhất-thiền sắc-giới, đệ-nhi-thiền sắc-giới, đệ-tam-thiền sắc-giới, đệ-tứ-thiền sắc-giới.

4- Paññindriyacetāsika có 1 tâm-sở

- *Paññindriyacetāsika*: Tuệ-chủ tâm-sở đồng sinh với 12 dục-giới tịnh-hảo-tâm hợp với trí-tuệ, 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

Giải giải 52 tâm-sở

Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở chia 3 nhóm:

- *Aññasamānacetāsika*: Đồng-sinh toàn-tâm, tùy-tâm tâm-sở gồm có 13 tâm-sở.

- *Akusalacetāsika*: Bất-thiện tâm-sở gồm có 14 tâm-sở.

- *Sobhaṇacetāsika*: Tịnh-hảo tâm-sở gồm có 25 tâm-sở.

I- *Aññasamānacetāsika* gồm có 13 tâm-sở này đồng sinh cùng với cả *akusalacetāsika* lẫn *sobhaṇacetāsika*.

Còn *akusalacetāsika* không đồng sinh cùng với *sobhaṇacetāsika* và *sobhaṇacetāsika* cũng không đồng sinh cùng với *akusalacetāsika*.

Aññasamānacetāsika gồm có 13 tâm-sở này chia ra 2 loại:

- *Sabbacittasādhāraṇacetāsika*: Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở có 7 tâm-sở.

- *Pakiṇṇakacetāsika*: Đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở có 6 tâm-sở.

I.1- Sabbacittasādhāraṇacetāsika

Sabbacittasādhāraṇacetāsika: Đồng-sinh-toàn-tâm tâm-sở có 7 tâm-sở đồng sinh với tất cả 89 hoặc 121 tâm. 7 tâm-sở là:

I.1.1- Phassacetāsika: Xúc tâm-sở là tâm-sở tiếp xúc với đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *phassacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Phussanalakkhaṇo*: Sự tiếp xúc với đối-tượng là trạng-thái của *xúc tâm-sở*.

2- *Saṅghaṭṭanaraso*: Sự liên kết ba pháp là *đối-tượng, môn, thức-tâm* lại với nhau là phận sự của *xúc tâm-sở*.

3- *Sannipātapaccupaṭṭhāno*: Sự tụ hội lại với nhau là quả hiện hữu của *xúc tâm-sở*.

4- *Āpātagatavisayapadaṭṭhāno*: Sự tiếp cận trực tiếp với đối-tượng là nguyên-nhân gần phát sinh *phassacetāsika*.

Phassacetāsika: Xúc tâm-sở có trạng-thái tiếp xúc với đối-tượng. Xúc tâm-sở thuộc về *danh-pháp* có phận sự liên kết *đối-tượng* với *môn*, để *thức-tâm* phát sinh. Liên kết như sau:

- *Đối-tượng sắc tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc* để *nhãn-thức-tâm* phát sinh nhìn thấy *đối-tượng sắc*.

- *Đối-tượng âm-thanh tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc* để *nhĩ-thức-tâm* phát sinh nghe *đối-tượng âm-thanh*, v.v...

Cho nên, *phassa* có 6 loại:

1- *Cakkhusamphassa*: Nhãn-xúc.

2- *Sotasamphassa*: Nhĩ-xúc.

3- *Ghānasamsamphassa*: Tỷ-xúc.

4- *Jivhāsamphassa*: Thiệt-xúc.

5- *Kāyasamphassa*: Thân-xúc.

6- *Manosamphassa*: Ý-xúc.

* *Xúc tâm-sở* đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

1.1.2- *Vedanācetasika*: Thọ tâm-sở là tâm-sở cảm thọ trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *vedanācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Anubhavanalakkhaṇā*: Sự cảm thọ đối-tượng là *trạng-thái của thọ tâm-sở*.

2- *Visayarasasambhogarasā*: Sự hưởng vị của đối-tượng là phận sự của *thọ tâm-sở*.

3- *Sukhadukkhapaccupaṭṭhānā*: Sự cảm thọ lạc hoặc khổ là quả hiện hữu của *thọ tâm-sở*.

4- *Phassapaṭṭhānā*: Có *phassa* là nguyên-nhân gần phát sinh *vedanācetasika*.

Vedanācetasika: Thọ tâm-sở nhận biết hoặc cảm thọ trong đối-tượng, nếu phân loại theo cảm thọ trong *đối-tượng tốt, đối-tượng xấu, đối-tượng trung bình, không tốt không xấu* thì có 3 loại thọ:

1- *Cảm thọ an-lạc trong đối-tượng tốt* gọi là *sukhavedanā*: *thọ lạc*.

2- *Cảm thọ khổ trong đối-tượng xấu* gọi là ***dukkhavedanā***: *thọ khổ*.

3- *Cảm thọ không lạc không khổ trong đối-tượng trung bình* gọi là ***adukkhamasukhavedanā***: *thọ không khổ không lạc*.

Phân loại *thọ* có 3 loại theo đối-tượng gọi là *ārammaṇānubhavanalakkhaṇanaya*.

Nhưng nếu phân loại theo ***thân*** và ***tâm*** cảm thọ trong đối-tượng thì có 5 loại thọ:

* ***Thân*** có 2 loại thọ:

- *Thân an-lạc* gọi là *sukhavedanā*: *thọ lạc*.

- *Thân đau khổ* gọi là *dukkhavedanā*: *thọ khổ*.

* ***Tâm*** có 3 loại thọ:

- *Tâm an-lạc* gọi là *somanassavedanā*: *thọ hỷ*.

- *Tâm đau khổ* gọi là *domanassavedanā*: *thọ ưu*.

- *Tâm không khổ không lạc* gọi là *upekkhāvedanā*: *thọ xả, thọ không khổ không lạc*.

Phân loại *thọ* có 5 loại theo *thân* và *tâm* làm chủ gọi là *Indriyabhedanaya*: *phân loại theo thân và tâm chủ*.

Vedanā có 6 loại:

1- *Cakkhusamphassajāvedanā*: *Nhãn-xúc sinh thọ*.

2- *Sotasamphassajāvedanā*: *Nhĩ-xúc sinh thọ*.

3- *Ghānasamphassajāvedanā*: *Tỷ-xúc sinh thọ*.

4- *Jivhāsamphassajāvedanā*: *Thiệt-xúc sinh thọ*.

5- *Kāyasamphassajāvedanā*: *Thận-xúc sinh thọ*.

6- *Manosamphassajāvedanā*: *Ý-xúc sinh thọ*.

* *Vedanācetasika*: Thọ tâm-sở là 1 uẩn gọi là *vedanākkhandha*: **thọ-uẩn**.

* **Thọ tâm-sở** đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

1.1.3- Saññācetasika: Tưởng tâm-sở là tâm-sở tưởng nhớ trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *saññācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Sañjānanalakkhaṇā*: Sự tưởng nhớ đối-tượng là trạng-thái của *tưởng tâm-sở*.

2- *Punasañjānanapaccayanimittakaraṇarasā*: Sự làm dấu tích để về sau ghi nhớ lại là *phận-sự* của *tưởng tâm-sở*.

3- *Yathāgahita nimittavasenābhinivesakaraṇapaccupaṭṭhānā*: Sự tưởng nhớ lại được dấu tích đã có từ trước như vậy là quả hiện hữu của *tưởng tâm-sở*.

4- *Yathā upaṭṭhitavisayapadaṭṭhānā*: Đối-tượng hiện hữu đúng như vậy là nguyên-nhân gần phát sinh *saññācetasika*.

Saññācetasika: Tưởng tâm-sở ghi nhớ lại 6 đối-tượng:

1- *Rūpasaññā*: Sắc-tưởng.

2- *Saddasaññā*: Thanh-tưởng.

3- *Gandhasaññā*: Hương-tưởng.

4- *Rasasaññā*: Vị-tưởng.

5- *Phoṭṭhabbasaññā*: Xúc-tưởng.

6- *Dhammasaññā*: Pháp-tưởng.

* *Saññācetasika*: *Tướng tâm-sở* là 1 uẩn gọi là *saññākkhandha*: **tướng-uẩn**.

* **Tướng tâm-sở** đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

1.1.4- Cetanācetasika: *Tác-y tâm-sở* là tâm-sở tác động tâm với tâm-sở đồng sinh tạo tác theo ý định.

Trạng-thái riêng biệt của *cetanācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Cetanābhāvalakkhaṇā*: Tính chất cố ý là *trạng-thái của tác-y tâm-sở*.

2- *Āyūhanarasā*: Sự cố gắng tinh-tấn tạo tác là phận sự của *tác-y tâm-sở*.

3- *Samvidhānapaccupaṭṭhānā*: Sự sắp đặt điều hành là quả hiện hữu của *tác-y tâm-sở*.

4- *Sesakhandhattayapadaṭṭhānā*: Có 3 uẩn còn lại (thọ-uẩn, tướng-uẩn, thức-uẩn) là nguyên-nhân gần phát sinh *cetanācetasika*.

Cetanācetasika: *Tác-y tâm-sở* có trạng-thái tác-động tâm với tâm-sở đồng sinh tạo tác theo ý định.

Cetanācetasika tác-y tâm-sở thuộc về **hành-uẩn** (*saṅkhārakkhandha*), khi **hành-uẩn** phát sinh thì có 3 uẩn còn lại (thọ-uẩn, tướng-uẩn, thức-uẩn) đồng sinh với nhau.

Tác-y tâm-sở đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

* Nếu khi *cetanācetasika*: *Tác-y tâm-sở* đồng sinh với 12 **bất-thiện-tâm** thì tạo 12 **bất-thiện-nghiệp**.

* Nếu tác-y tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm thì tạo thiện-nghiệp tùy theo mỗi loại tâm.

Như Đức-Phật dạy:

“*Cetanā’ham bhikkhave, kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.*”⁽¹⁾

- *Này chư tỳ-khuru! Sau khi đã có tác-y rồi tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

Vì vậy, Như-lai dạy: “Tác-y gọi là nghiệp.”

I.1.5- Ekaggatācetasika: Nhất-tâm tâm-sở là tâm-sở định-tâm trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *ekaggatācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Avikkhepalakkhaṇā*: Sự định-tâm trong đối-tượng là trạng-thái của *nhất-tâm tâm-sở*.

2- *Sahajātānaṃ sampiṇḍanarasā*: Sự tổng hợp các tâm-sở đồng sinh là *phận-sự của nhất-tâm tâm-sở*.

3- *Upasamapaccupaṭṭhānā*: Sự an tịnh là quả hiện hữu của *nhất-tâm tâm-sở*.

4- *Sukhapadaṭṭhānā*: Thọ lạc là nguyên-nhân gần phát sinh *ekaggatācetasika*.

Ekaggatācetasika: *Nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới-tâm* thì định-tâm trong 6 đối-tượng.

¹ *Āṅguttaranikāya, Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.*

* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *sắc-giới-tâm, vô-sắc-giới-tâm* thì chỉ có 1 *đối-tượng thiền-định* duy nhất mà thôi.

* Khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *siêu-tam-giới-tâm* thì chỉ có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới* mà thôi.

* **Nhất-tâm tâm-sở** đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm

I.1.6- *Jīvitindriyacetāsika*: *Danh-mạng-chủ tâm-sở* là tâm-sở giữ gìn, bảo hộ tâm với tâm-sở đồng sinh được duy trì mãi mãi.

Trạng-thái riêng biệt của *jīvitindriyacetāsika* có 4 pháp *lakṣaṇādicatuka*:

1- *Sahajātānaṃ anupālanalakkhaṇaṃ*: Sự giữ gìn, bảo hộ các pháp đồng sinh là trạng-thái của *danh-mạng-chủ tâm-sở*.

2- *Tesaṃ pavattanarasam*: Sự phát triển của các pháp đồng sinh là *phận-sự của danh-mạng-chủ tâm-sở*.

3- *Tesaññe thapanapaccupaṭṭhānaṃ*: Sự bảo tồn được các pháp đồng sinh là *quả hiện hữu của danh-mạng-chủ tâm-sở*.

4- *Sesakhandhattayapadaṭṭhānaṃ*: Có 3 uẩn còn lại (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, thức-uẩn) là *nguyên-nhân gần phát sinh jīvitindriyacetāsika*.

Jīvitindriyacetāsika: *Danh-mạng-chủ tâm-sở* có phận sự giữ gìn, bảo hộ các tâm với tâm-sở đồng sinh được duy trì mãi.

* **Danh-mạng-chủ tâm-sở** đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

I.1.7- Manasikāracetasika: Chú-ý tâm-sở là tâm-sở liên kết tâm và tâm-sở với đối-tượng. Ví như khi đối-tượng sắc tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc, nên *cakkhaviññāṇa: nhãn-thức-tâm* phát sinh có chú-ý tâm-sở đồng sinh với *nhãn-thức-tâm* ấy, v.v...

Trạng-thái riêng biệt của *manasikāracetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Sāraṇalakkhaṇo*: Làm cho tâm với tâm-sở đồng sinh chú ý đến đối-tượng là trạng-thái của chú-ý tâm-sở.

2- *Sampayuttānaṃ aramaṇe saṃyojanaraso*: Liên kết tâm và tâm-sở đồng sinh với đối-tượng là phận sự của chú-ý tâm-sở.

3- *Ārammaṇābhimukhībhāvapaccupaṭṭhāno*: Làm cho tâm và tâm-sở đồng sinh luôn luôn hướng trực tiếp đến đối-tượng là quả hiện hữu của chú-ý tâm-sở.

4- *Ārammaṇapadaṭṭhāno*: Có các đối-tượng quá-khứ, hiện-tại, vị-lai và ngoài 3 thời là *nguyên-nhân gần phát sinh manasikāracetasika*.

* **Chú-ý tâm-sở** đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

Như vậy, 7 tâm-sở này đều đồng sinh với tất cả hoặc 121 tâm cả thấy, không ngoại trừ tâm nào.

1.2- Pakiṇṇakacetasika

Pakiṇṇakacetasika: Đồng-sinh-tuỳ-tâm tâm-sở có 6 tâm-sở. Tâm-sở này đồng sinh với tâm thích hợp và không đồng sinh với tâm không thích hợp rải rác trong *bất-thiện-tâm*, *thiện-tâm*, *quả-tâm*, *duy-tác-tâm*, *bất-tịnh-hảo-tâm*, *tịnh-hảo-tâm*, *tam-giới-tâm*, *siêu-tam-giới-tâm*.

Pakiṇṇakacetasika đồng-sinh-tuỳ-tâm tâm-sở không phải đồng sinh toàn tâm như *sabbacittasādhāraṇacetasika*.

Pakiṇṇakacetasika: Đồng-sinh-tuỳ-tâm tâm-sở có 6 tâm-sở như sau:

1.2.1- Vitakkacetasika: Hướng-tâm tâm-sở là tâm-sở hướng-tâm đến đối-tượng, nghĩa là tâm-sở này cùng với tâm và các tâm-sở khác suy tưởng trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *vitakkacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Ārammaṇe cittassa abhiniropanalakkhaṇo*: Hướng tâm đến đối-tượng là *trạng-thái của hướng-tâm tâm-sở*.

2- *Āhanapariyāhanaraso*: Làm cho tâm luôn luôn tiếp xúc với đối-tượng là *phận-sự của hướng-tâm tâm-sở*.

3- *Ārammaṇe cittassa ānayanapaccupaṭṭhāno*: Hướng tâm đến với đối-tượng là *quả hiện hữu của hướng-tâm tâm-sở*.

4- *Sesakhandhattayapadaṭṭhāno*⁽¹⁾: Có 3 uẩn còn lại (*thọ-uẩn*, *tướng-uẩn*, *hành-uẩn*) là nguyên-nhân gần phát sinh *vitakkacetasika*.

* *Vitakkacetasika*: Hướng-tâm tâm-sở có trạng-thái hướng tâm đến 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Vitakka có trong các pháp

* *Vitakka* có trong 3 tà-tư-duy:

- *Kāmavitakka*: Tư-duy trong ngũ-dục (*sắc-dục*, *thanh-dục*, *hương-dục*, *vị-dục*, *xúc-dục*).

- *Byāpādavitakka*: Tư-duy làm khổ người.

- *Vihimsavitakka*: Tư-duy làm hại người.

* *Vitakka* có trong 3 chánh-tư-duy:

- *Nekkhammavitakka*: Tư-duy thoát ra khỏi ngũ-dục.

- *Abyāpādavitakka*: Tư-duy không làm khổ người.

- *Avihimsavitakka*: Tư-duy không làm hại người.

* *Vitakkacetasika*: Hướng-tâm tâm-sở là 1 trong 5 chi-thiền (*jhānaṅga*) của *đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm*, có đối-tượng thiền-định.

* *Vitakkacetasika*: Hướng-tâm tâm-sở đồng sinh với 55 tâm:

- 12 bất-thiện-tâm.

- 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức-tâm).

- 24 dục-giới tịnh-hảo-tâm.

¹ Có trong bộ khác, không có trong *Aṭṭhakathā*.

- 3 *đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm*.
 - 8 *đệ-nhất-thiền siêu-tam-giới-tâm*.
- Gồm có 55 tâm.

* *Vitakkacetasika*: *Hướng-tâm tâm-sở* không sinh trong 66 tâm:

- 10 *thức-tâm thuộc về vô-nhân-tâm*, bởi vì đối-tượng rõ ràng.

- 3 *đệ-nhị-thiền*, 3 *đệ-tam-thiền*, 3 *đệ-tứ-thiền*, 3 *đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm*, bởi vì *vitakka* là chi-thiền thô.

- 12 *vô-sắc-giới-tâm*.

- 8 *đệ-nhị-thiền*, 8 *đệ-tam-thiền*, 8 *đệ-tứ-thiền*, 8 *đệ-ngũ-thiền siêu-tam-giới-tâm*.

I.2.2- *Vicāracetasika*: *Quan-sát tâm-sở* là tâm-sở quan-sát nơi đối-tượng, nghĩa là tâm-sở này cùng với tâm và tâm-sở đồng sinh quan-sát nơi đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *vicāracetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Ārammaṇānumujjanalakkhaṇo*: Quan sát đến đối-tượng là trạng-thái của *quan-sát tâm-sở*.

2- *Sahajātānuyojanaraso*: Làm cho các pháp đồng sinh cùng hợp nơi đối-tượng là phận sự của *quan-sát tâm-sở*.

3- *Anuppabandhapaccupaṭṭhāno*: Gắn bó tâm với tâm-sở nơi đối-tượng là quả hiện hữu của *quan-sát tâm-sở*.

4- *Sesakhandhattayapadaṭṭhāno*: Có 3 uẩn còn lại (*thọ-uẩn*, *trưởng-uẩn*, *hành-uẩn*) là nguyên-nhân gần phát sinh *vicāracetasika*.

* *Vicāracetasika*: *Quan-sát tâm-sở* có trạng-thái quan-sát nơi 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

* *Vicāracetasika*: *Quan-sát tâm-sở* là 1 trong 5 chi-thiền (*jhānaṅga*) của *đệ-nhất* và *đệ-nhị-thiền sắc-giới-tâm*, có đối-tượng thiền-định.

* *Vicāracetasika*: *Quan-sát tâm-sở* đồng sinh với 66 *tâm*:

- 12 *bất-thiện-tâm*.
- 8 *vô-nhân-tâm* (trừ 10 *thức-tâm*).
- 24 *dục-giới tịnh-hảo-tâm*.
- 3 *đệ-nhất-thiền*, 3 *đệ-nhị-thiền sắc-giới-tâm*.
- 8 *đệ-nhất-thiền*, 8 *đệ-nhị-thiền siêu-tam-giới-tâm*, gồm có 66 *tâm*.

* *Vicāracetasika*: *Quan-sát tâm-sở* không sinh trong 55 *tâm*:

- 10 *thức-tâm* thuộc về *vô-nhân-tâm*.
- 3 *đệ-tam-thiền*, 3 *đệ-tứ-thiền*, 3 *đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm*, bởi vì *vicāra* là chi-thiền thô.
- 12 *vô-sắc-giới-tâm*.
- 8 *đệ-tam-thiền*, 8 *đệ-tứ-thiền*, 8 *đệ-ngũ-thiền siêu-tam-giới-tâm*.

* *Vitakka* và *vicāra* là 2 chi-thiền, mỗi chi-thiền có tính chất thô và vi-tế được ví dụ như sau:

Đánh chuông phát ra tiếng chuông đầu tiên thô, ví như *vitakka*, tiếp theo tiếng chuông ngân vi-tế, ví như *vicāra*.

1.2.3- *Adhimokkhacetasika*: Quyết-định tâm-sở là tâm-sở không hoài-nghi, quyết-định tuyệt đối trong đối-tượng, dù đối-tượng tốt hoặc xấu, hành ác hoặc hành thiện, cũng quyết-định được do năng lực của *adhimokkhacetasika*.

Trạng-thái riêng biệt của *adhimokkhacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Sanniṭṭhānalakkhaṇo*: Quyết định trong đối-tượng là trạng-thái của quyết-định tâm-sở.

2- *Asaṃsappanaraso*: Quyết tâm trong đối-tượng là phận sự của quyết-định tâm-sở.

3- *Vinicchayapaccupaṭṭhāno*: Sự quyết-định là quả hiện hữu của quyết-định tâm-sở.

4- *Sanniṭṭheyyadhammapadaṭṭhāno*: Có pháp (đối-tượng) cần quyết định là nguyên-nhân gần phát sinh *adhimokkhacetasika*.

Trong bộ *Visuddhimagga*, *adhimokkha* nghĩa là quyết tâm tin tưởng. *Adhimokkha* này ngược lại với hoài-nghi, bởi vì *vicikicchā* có trạng-thái nghi ngờ trong đối-tượng, còn *adhimokkha* quyết tâm tin tưởng trong đối-tượng.

* ***Adhimokkhacetasika*:** Quyết-định tâm-sở đồng sinh với 78 hoặc 110 tâm:

- 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với hoài-nghi).

- 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức-tâm).
- 24 dục-giới tịnh-hảo-tâm.
- 15 sắc-giới-tâm.
- 12 vô-sắc-giới-tâm.
- 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm, gồm có 78 hoặc 110 tâm.

* *Adhimokkacetāsika*: Quyết-định tâm-sở không đồng sinh với 11 tâm:

- 1 si-tâm hợp với hoại-nghi.
- 10 thức-tâm thuộc về vô-nhân-tâm.

I.2.4- *Vīriyacetasika*: Tinh-tấn tâm-sở là tâm-sở cố gắng tinh-tấn không ngừng theo đối-tượng, nghĩa là kiên trì chịu đựng mọi sự khó khăn, không thoái chí nản lòng trong công việc thiện hoặc bất thiện.

Trạng-thái riêng biệt của *vīriyacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Ussāhanalakkhaṇaṃ*: Kiên trì chịu đựng mọi khó khăn là trạng-thái của *tinh-tấn tâm-sở*.

2- *Sahajātānaṃ upatthambhanarasam*: Hỗ-trợ các tâm với tâm-sở đồng sinh với tinh-tấn không thoái chí là phạm sự của *tinh-tấn tâm-sở*.

3- *Asaṃsīdanapaccupaṭṭhānaṃ*: Không thoái chí nản lòng là quả hiện hữu của *tinh-tấn tâm-sở*.

4- *Samvegavatthupadaṭṭhānaṃ*: Động tâm do 8 pháp khổ là *sinh, lão, bệnh, tử, ác-đạo, kiếp*

quá-khứ, kiếp vị-lai, sống kiếp hiện-tại, nên cố gắng tinh-tấn giải thoát khổ là nguyên-nhân gần phát sinh vīriyacetasika.

* **Vīriyacetasika**: Tinh-tấn tâm-sở đồng sinh với 73 hoặc 105 tâm:

- 12 bất-thiện-tâm.
- Ý-môn-hướng-tâm.
- Tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán.
- 24 dục-giới tịnh-hảo-tâm.
- 15 sắc-giới-tâm.
- 12 vô-sắc-giới-tâm.
- 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm, gồm có 73 hoặc 105 tâm.

* **Vīriyacetasika**: Tinh-tấn tâm-sở không đồng sinh với 16 tâm:

- 16 vô-nhân-tâm (trừ ý-môn-hướng-tâm và tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán).

I.2.5- Pīticetasika: Hỷ tâm-sở là tâm-sở hoan-hỷ trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *pīticetasika* có 4 pháp lakkhaṇādicatuka:

1- *Sampiyāyanalakkhaṇā*: Hoan-hỷ trong đối-tượng là trạng-thái của hỷ tâm-sở.

2- *Kāyacittapīnanarasā*: Làm cho thân và tâm an-lạc sung sướng là phận sự của hỷ tâm-sở.

3- *Odagyapaccupaṭṭhānā*: Cảm giác vui mừng khôn xiết là quả hiện hữu của *hỷ tâm-sở*.

4- *Sesakhandhattayapadaṭṭhāno*: Có 3 uẩn còn lại (*thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn*) là nguyên-nhân gần phát sinh *pīticetasika*.

Người nào khi *pīti hỷ* phát sinh, người ấy có cảm giác vui mừng, mặt mày hớn hở, thân và tâm an-lạc, không cảm giác mệt mỏi, đó là trạng-thái của *pīti hỷ*. Cho nên, *pīticetasika* phát sinh cần phải nương nhờ *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, thức-uẩn* là nguyên-nhân gần.

Pīticetasika phát sinh chỉ nương nhờ *sukha-vedanā*: *thọ lạc* mà thôi, cho nên *pīti* và *sukha* có trạng-thái khác nhau. Tuy nhiên *pīti* phát sinh nơi nào, *sukha* cũng phát sinh nơi ấy, nhưng *sukha* phát sinh nơi nào, *pīti* có thể không phát sinh nơi ấy. *Pīticetasika* có trạng-thái tương tự như *somanassavedanā* (*thọ hỷ*), nhưng *pīticetasika* không giống *somanassavedanā*, bởi vì *pīticetasika* thuộc về *hành-uẩn*, còn *somanassavedanā* thuộc về *thọ-uẩn*.

Pīticetasika có 5 loại:

1- *Khuddakāpīti*: Hỷ chút ít cảm giác nổi da gà.

2- *Khaṇikāpīti*: Hỷ mỗi sát-na cảm nhận như tia chớp.

3- *Okkantikāpīti*: Hỷ có trạng-thái rung người qua lại như ngồi trên thuyền có sóng nhấp nhô.

4- *Ubbegāpīti*: Hỷ có trạng-thái làm cho thân tâm nhẹ nhàng bay bổng lên.

5- *Pharaṇāpīti*: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu.

* *Pīti* là 1 chi-thiền sắc-giới-tâm.

* *Pīticetasika*: Hỷ tâm-sở đồng sinh với 51 tâm.

- 4 tham-tâm đồng sinh với hỷ.

- 1 suy-xét-tâm đồng sinh với hỷ.

- 1 tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán.

- 12 dục-giới tịnh-hảo-tâm đồng sinh với hỷ.

- 3 đệ-nhất-thiền, 3 đệ-nhị-thiền, 3 đệ-tam-thiền sắc-giới-tâm.

- 8 đệ-nhất-thiền, 8 đệ-nhị-thiền, 8 đệ-tam-thiền siêu-tam-giới-tâm. Gồm có 51 tâm.

* *Pīticetasika*: Hỷ tâm-sở không đồng sinh với 70 tâm:

- 4 tham-tâm đồng sinh với xả.

- 2 sân-tâm.

- 2 si-tâm.

- 14 vô-nhân-tâm đồng sinh với xả.

- 2 thân-thức-tâm.

- 12 dục-giới tịnh-hảo-tâm đồng sinh với xả.

- 3 đệ-tứ-thiền, 3 đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm.

- 12 vô-sắc-giới-tâm.

- 8 đệ-tứ-thiền, 8 đệ-ngũ-thiền siêu-tam-giới-tâm.

I.2.6- Chandacetāsika: *Nguyện-vọng tâm-sở* là tâm-sở mong muốn tha thiết trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng biệt của *chandacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kattukamyatālakkaṇo*: Mong ước để đạt đến là trạng-thái của *nguyện-vọng tâm-sở*.

2- *Ārammaṇapariyesanaraso*: Tìm kiếm đối-tượng là phận sự của *nguyện-vọng tâm-sở*.

3- *Ārammaṇena atthikatā paccupaṭṭhāno*: Mong ước nơi đối-tượng nào là quả hiện hữu của *nguyện-vọng tâm-sở*.

4- *Ārammaṇapadaṭṭhāno*: Có đối-tượng là nguyên-nhân gần phát sinh *chandacetāsika*.

Chandacetāsika: *Nguyện-vọng tâm-sở*, có trạng-thái mong ước để biết đối-tượng. Ví như:

- Mong ước có đối-tượng sắc để thấy.
- Mong ước có đối-tượng âm-thanh để nghe.
- Mong ước có đối-tượng hương để ngửi.
- Mong ước có đối-tượng vị để nếm, v.v...

Nếu mong ước đối-tượng nào thì tìm kiếm đối-tượng ấy, để thưởng thức đối-tượng theo tâm mong ước của mình.

Chandacetāsika: *Nguyện-vọng tâm-sở* với *lobhacetāsika*: *tham tâm-sở* có trạng-thái mong ước nơi đối-tượng gần tương tự nhau, nhưng sự mong ước đối-tượng của *chandacetāsika* khác với sự mong ước đối-tượng của *lobhacetāsika*.

Sự mong ước của *chandacetāsika* không chấp-thủ trong đối-tượng, còn sự mong ước của *lobhacetāsika* chấp-thủ trong đối-tượng.

Ví dụ: Một người mong ước dùng món ăn ngon với *lobhacetāsika*, dùng xong phát sinh *tham-tâm* chấp-thủ trong vị ngon.

Một người mong ước dùng món thuốc trị bệnh với *chandacetāsika*, khi hết bệnh, không phát sinh tâm chấp-thủ trong món thuốc ấy nữa.

* ***Chandacetāsika***: *Nguyện-vọng tâm-sở* đồng sinh với 69 hoặc 101 *tâm*:

- 10 *bất-thiện-tâm* (trừ 2 *si-tâm*).
- 24 *dục-giới tịnh-hảo-tâm*.
- 15 *sắc-giới-tâm*.
- 12 *vô-sắc-giới-tâm*.
- 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*, gồm có 69 hoặc 101 *tâm*.

* ***Chandacetāsika***: *Nguyện-vọng tâm-sở* không đồng sinh với 20 *tâm*:

- 2 *si-tâm*.
- 18 *vô-nhân-tâm*.

* ***Pakīṇṇakacetāsika***: *Đồng-sinh-tùy-tâm tâm-sở* có 6 *tâm-sở*: *vitakkacetāsika*, *vicāracetāsika*, *adhimokkhetāsika*, *vīriyacetāsika*, *pīticetāsika*, *chandacetāsika* là *tâm-sở* đồng sinh rải rác tùy tâm nào thích hợp, không đồng sinh với tâm không thích hợp.

II- Akusalacetasika: Bất-thiện tâm-sở

Akusalacetasika: Bất-thiện tâm-sở là loại ác-tâm-sở, khi đồng sinh với tâm nào thì làm cho tâm ấy bị ô nhiễm, nóng nảy, tâm ấy trở thành bất-thiện-tâm.

Akusalacetasika: Bất-thiện tâm-sở có 14 tâm-sở chỉ đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) mà thôi, không đồng sinh với tâm nào khác như 18 vô-nhân-tâm, 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm.

Akusalacetasika: Bất-thiện tâm-sở có 14 tâm-sở chia ra làm 5 nhóm:

II.1- Mocatukacetasika: Nhóm si có 4 tâm-sở:

- 1- *Mohacetasika*: Si tâm-sở.
- 2- *Ahirikacetasika*: Không hổ-thẹn tâm-sở.
- 3- *Anottappacetasika*: Không ghê-sợ tâm-sở.
- 4- *Uddhaccacetasika*: Phóng-tâm tâm-sở.

II.2- Lotikacetasika: Nhóm tham có 3 tâm-sở:

- 1- *Lobhacetasika*: Tham tâm-sở.
- 2- *Diṭṭhīcetasika*: Tà-kiến tâm-sở.
- 3- *Mānacetasika*: Ngã-mạn tâm-sở.

II.3- Docatukacetasika: Nhóm sân có 4 tâm-sở:

- 1- *Dosacetasika*: Sân tâm-sở.
- 2- *Issācetasika*: Ganh-ty tâm-sở.
- 3- *Macchariyacetasika*: Keo-kiệt tâm-sở.
- 4- *Kukkuccacetasika*: Hối-hận tâm-sở.

II.4- Thidukacetāsika: Nhóm buồn có 2 tâm-sở:

1- *Thinacetāsika*: Buồn-chán tâm-sở.

2- *Middhacetāsika*: Buồn-ngủ tâm-sở.

II.5- Vicikicchācetāsika: Nhóm vicikicchā 1 tâm-sở:

1- *Vicikicchācetāsika*: Hoài-nghi tâm-sở.

Giảng giải 14 bất-thiện tâm-sở

II.1- Mocatukacetāsika: Nhóm si có 4 tâm-sở: *mohacetāsika*, *ahirikacetāsika*, *anottappacetāsika*, *uddhaccacetāsika*, thì *mohacetāsika*: si tâm-sở là gốc dẫn đầu, đều đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

II.1.1- Mohacetāsika: Si tâm-sở là tâm-sở si-mê không biết rõ thật-tánh của các pháp đúng theo *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

Trạng-thái riêng của *mohacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Aññalakkhaṇo*: Không biết thật-tánh của các pháp chân-nghĩa-pháp là trạng-thái của si tâm-sở.

2- *Ārammaṇa sabhāvacchādanaraso*: Làm che phủ thật-tánh của các đối-tượng là phận sự của si tâm-sở.

3- *Andhakārapaccupaṭṭhāno*: Tính chất làm tối tăm là quả hiện hữu của si tâm-sở.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Do si-mê không biết đúng trong tâm mọi thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *mohacetāsika*.

Mohacetasika: Si tâm-sở này còn gọi là *avijjā*: vô-minh trái nghĩa với *vijjā*: minh đó là *paññā*: trí-tuệ tâm-sở.

Mohacetasika: Si tâm-sở gọi là vô-minh không có nghĩa là không biết gì cả. Thật ra, vô-minh chỉ không biết *thật-tánh của các pháp* đúng theo *paramatthadhamma*: chân-nghĩa-pháp mà thôi. *Avijjā*: vô-minh không biết 8 pháp là:

1- *Dukkhe añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-đế.

2- *Dukkhasamudaye añāṇaṃ*: Không biết tham-ái là nhân sinh khổ-đế.

3- *Dukkhanirodhe añāṇaṃ*: Không biết Niết-bàn là pháp diệt khổ-đế.

4- *Dukkhanirodhagāminīpaṭipadā añāṇaṃ*: Không biết bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-đế.

5- *Pubbante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh đã sinh trong kiếp quá-khứ.

6- *Aprante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh sẽ sinh trong kiếp vị-lai.

7- *Pubbantāprante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh đã sinh trong kiếp quá-khứ và sẽ sinh trong kiếp vị-lai.

8- *Idappaccayatā paṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ*: Không biết các pháp nhân quả liên hoàn theo thập-nhị-duyên-sinh.

Mohacetasika: Si tâm-sở là nguồn gốc của mọi bất-thiện-pháp (ác-pháp).

* *Mohacetasika*: Si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, không đồng sinh với 77 tâm còn lại.

II.1.2- *Ahirikacetasika*: Không biết hổ-thẹn tâm-sở là tâm-sở tự mình không biết hổ-thẹn tội-lỗi khi thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu nói 4 ác-nghiệp, ý nghĩ 3 ác-nghiệp.

Trạng-thái riêng của *ahirikacetasika* có 4 pháp lakkhaṇādicatuka:

1- *Kāyaduccaritādīhi ajigucchanaḷakkhaṇaṃ vā) alajjāḷakkhaṇaṃ*: Không chán ghét thân hành ác, v.v... hoặc không biết hổ-thẹn tội-lỗi là trạng-thái của không biết hổ-thẹn tâm-sở.

2- *Pāpānaṃ karaṇarasamaṃ*: Tạo ác-nghiệp là phận sự của không biết hổ-thẹn tâm-sở.

3- *Asaṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ*: Không thoái chí trong việc tạo ác-nghiệp là quả hiện hữu của không biết hổ-thẹn tâm-sở.

4- *Atta agāravapadaṭṭhānaṃ*: Không biết tự tôn trọng mình là nguyên-nhân gần phát sinh *ahirikacetasika*.

* *Ahirikacetasika* là tâm-sở không biết hổ-thẹn tội-lỗi, nên thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu nói 4 ác-nghiệp, ý nghĩ 3 ác-nghiệp do tự mình không có tính tự trọng.

* *Ahirikacetāsika* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm*, không đồng sinh với 77 *tâm* còn lại.

II.1.3- Anottappacetāsika: Không biết *ghê-sợ tâm-sở* là *tâm-sở* không biết *ghê-sợ tội-lỗi* khi *thân hành 3 ác-nghiệp*, *khẩu nói 4 ác-nghiệp*, *ý nghĩ 3 ác-nghiệp*.

Trạng-thái riêng của *anottappacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyaduccaritādīhi asārajjalakkhaṇaṃ (vā) anuttāsalakkhaṇaṃ*: Không *ghê sợ thân hành ác*, v.v... hoặc không biết *ghê sợ tội-lỗi* là *trạng-thái của không biết ghê-sợ tâm-sở*.

2- *Pāpānaṃ karaṇarasam*: Tạo *ác-nghiệp* là *phận sự của không biết ghê-sợ tâm-sở*.

3- *Asañkocanapaccupaṭṭhānaṃ*: Không *thoái chí* trong việc tạo *ác-nghiệp* là *quả hiện hữu của không biết ghê-sợ tâm-sở*.

4- *Para agāravapadaṭṭhānaṃ*: Không biết *tôn trọng người khác* là *nguyên-nhân gần phát sinh anottappacetāsika*.

* *Anottappacetāsika*: Không biết *ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở* phát sinh, nên *thân hành 3 ác-nghiệp*, *khẩu nói 4 ác-nghiệp*, *ý nghĩ 3 ác-nghiệp*, do không biết kính trọng người khác, không biết sợ bậc *thiện-trí* chê trách, không biết sợ sa đọa 4 cõi *ác-giới*: cõi *địa-ngục*, cõi *a-su-ra*, cõi *ngạ-quỷ*, loài *súc-sinh*.

* *Anottappacetāsika* đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, không đồng sinh với 77 tâm còn lại.

Ahīrikacetāsika và *anottappacetāsika* là 2 tâm-sở có nhiều pháp tương tự nhau, nhưng tính chất riêng của mỗi tâm-sở khác nhau như *ahīrikacetāsika* là tâm-sở không có tính tự trọng, nên dám làm mọi ác-pháp; còn *anottappacetāsika* là tâm-sở không biết kính trọng người khác, không sợ bậc thiện-trí chê trách, không biết sợ trong 4 cõi ác-giới, nên dám làm mọi ác-pháp.

Ahīrikacetāsika và *anottappacetāsika* là 2 tâm-sở có nhiều năng lực trong sự tạo mọi ác-pháp.

II.1.4- Uddhaccacetāsika: Phóng-tâm tâm-sở là tâm-sở không yên tịnh, bị động phóng-tâm theo đối-tượng.

Trạng-thái riêng của *uddhaccacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Avūpasamalakkhaṇam*: Không an tịnh là trạng-thái của *phóng-tâm tâm-sở*.

2- *Anavatthānarasaṃ*: Không trụ trong đối-tượng nào duy nhất là phận sự của *phóng-tâm tâm-sở*.

3- *Bhantatta paccupaṭṭhānam*: Phóng tâm đến đối-tượng khác là quả hiện hữu của *phóng-tâm tâm-sở*.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhānaṃ*: Do si-mê không biết đúng trong tâm mọi thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *uddhaccacetasika*.

* *Uddhaccacetasika*: Phóng-tâm tâm-sở là 1 trong 4 tâm-sở (*mohacetasika*, *ahirikacetasika*, *anottappacetasika*, *uddhaccacetasika*) đồng sinh với tất cả 12 bất-thiện-tâm.

* *Ekaggatācetasika*: Nhất-tâm tâm-sở là 1 trong 7 tâm-sở đồng sinh với tất cả 89 hoặc 121 tâm.

Như vậy, 2 tâm-sở: Phóng-tâm tâm-sở và nhất-tâm tâm-sở đều đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, nhưng 2 tâm-sở này có trạng-thái trái ngược nhau. Vậy, nên hiểu như thế nào?

Theo trạng-thái của tâm với tâm-sở sinh rồi diệt liên tục không ngừng, mỗi tâm với tâm-sở chỉ có tiếp nhận 1 đối-tượng mà thôi.

* *Uddhaccacetasika*: Phóng-tâm tâm-sở chỉ đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm mà thôi, khi mỗi bất-thiện-tâm phát sinh tiếp nhận đối-tượng không vững chắc, bởi vì do năng lực của phóng-tâm tâm-sở.

* *Ekaggatācetasika*: Nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với tất cả 89 hoặc 121 tâm, có trạng-thái định tâm trong đối-tượng.

Tuy nhất-tâm tâm-sở có trạng-thái định tâm trong đối-tượng như vậy, nhưng khi nhất-tâm

tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm thì nhất-tâm tâm-sở bị suy giảm, do năng lực của phóng-tâm tâm-sở, cho nên nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với mỗi bất-thiện-tâm có định tâm không có năng lực nhiều, nên bị yếu kém trong mỗi đối-tượng.

Tuy nhiên, khi ekaggatācetasika: Nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với thiện-tâm càng cao thì định-tâm càng có nhiều năng lực.

Thật vậy, nếu nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm, hoặc 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, hoặc 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm thì định tâm có nhiều năng lực phi thường.

** Uddhaccacetāsika: Phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với tất cả 12 bất-thiện-tâm, hoàn toàn bị động, bởi vì phóng tâm luôn luôn thay đổi đối-tượng, tiếp nhận không vững vàng trong đối-tượng, do năng lực của phóng-tâm tâm-sở, nên bất-thiện-nghiệp bị yếu.*

Thật vậy, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, chỉ có bất-thiện-nghiệp trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm) có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới.

Còn bất-thiện-nghiệp trong si-tâm hợp với phóng-tâm không có đủ khả năng cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) mà chỉ có khả năng cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, mà thôi.

* *Uddhaccacetāsika*: Phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, không đồng sinh với 77 tâm còn lại.

II.2- **Lotikacetāsika**: Nhóm tham có 3 tâm-sở: *lobhacetāsika*, *diṭṭhīcetasika*, *mānacetāsika*, có *lobhacetāsika* là gốc dẫn đầu, chỉ đồng sinh với 8 tham-tâm mà thôi, tùy theo mỗi tâm-sở.

II.2.1- **Lobhacetāsika**: Tham tâm-sở là tâm-sở tham muốn, chấp-thủ trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng của *lobhacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Ārammaṇaggahaṇalakkhano*: Chấp-thủ trong đối-tượng là trạng-thái của *tham tâm-sở*.

2- *Abhisāṅgaraso*: Chấp chặt trong đối-tượng là phận sự của *tham tâm-sở*.

3- *Aparicāgapaccupaṭṭhāno*: Không buông bỏ đối-tượng là quả hiện hữu của *tham tâm-sở*.

4- *Samyojanīyadhammesu assādadassanapadaṭṭhāno*: Cảm thấy hài lòng trong các pháp ràng buộc là nhân-duyên gần phát sinh *lobhacetāsika*.

Trong bộ *Paramatthadīpanīṭikā* trình bày 10 danh-từ đồng nghĩa với *lobha* như sau:

1- *Taṇhā*: Tham-ái.

2- *Rāga*: Yêu thương.

3- *Kāma*: Ham muốn.

4- *Nandi*: Hoan-hỷ.

5- *Abhijjhā*: Tham muốn.

6- *Janetti*: Sinh mọi *phiền-não*.

7- *Ponobbhavika*: Dẫn dắt tái-sinh kiếp sau.

8- *Īcchā*: Tham vọng.

9- *Āsā*: Hy vọng.

10- *Samyojana*: Ràng buộc.

* *Lobhacetāsika*: Tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham tâm, không đồng sinh với 81 tâm còn lại.

II.2.2- *Diṭṭhīcetasika*: Tà-kiến tâm-sở là tâm-sở thấy sai chấp lầm nơi các đối-tượng, không đúng theo thật-tánh của các pháp.

Tà-kiến tâm-sở là hoàn toàn trái ngược với *trī-tuṭṭe* tâm-sở thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.

Trạng-thái riêng của *diṭṭhīcetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Ayoniso abhinivesalakkhaṇo*: Tà-kiến chấp thủ do si-mê là *trạng-thái của tà-kiến tâm-sở*.

2- *Parāmāsarasā*: Chấp thủ sai lầm trái với thật-tánh các pháp là *phận sự của tà-kiến tâm-sở*.

3- *Micchābhīnivesapaccupaṭṭhānā*: Chấp thủ theo tà-kiến sai lầm là *quả hiện hữu của tà-kiến tâm-sở*.

4- *Ariyānaṃ adassanakāmatātipadaṭṭhānā*: Không muốn nhìn thấy các bậc Thánh-nhân là *nguyên-nhân gần phát sinh diṭṭhīcetasika*.

Diṭṭhī: Tà-kiến có 2 loại:

- *Sāmaññadiṭṭhī*: Tà-kiến phổ thông.

- *Viśesadiṭṭhī*: Tà-kiến đặc biệt.

1- *Sāmaññadiṭṭhi*: Tà-kiến phổ thông đó là **sakkāyadiṭṭhi** tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng-sinh, v.v... đối với tất cả chúng-sinh còn là phàm nhân, gồm có nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, v.v...

2- *Visesadiṭṭhi*: Tà-kiến đặc biệt đó là **niyata-diṭṭhi** tà-kiến chấp-thủ-cố-định, hoàn toàn không tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, có 3 loại:

- *Natthikadiṭṭhi*: Vô-quả tà-kiến.
- *Ahetukadiṭṭhi*: Vô-nhân tà-kiến.
- *Akiriyadiṭṭhi*: Vô-hành tà-kiến.

* *Natthikadiṭṭhi*: Vô-quả tà-kiến cố-định là tà-kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có quả của nghiệp.”

* *Ahetukadiṭṭhi*: Vô-nhân tà-kiến cố-định là tà-kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có nhân là không có nghiệp.”

* *Akiriyadiṭṭhi*: Vô-hành tà-kiến cố-định là tà-kiến thấy sai chấp làm cố-định, không thay đổi rằng: “Không có hành ác, không có hành thiện.”

* *Diṭṭhīcetasika*: Tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, không đồng sinh với 85 tâm còn lại.

II.2.3- *Mānacetāsika*: Ngã-mạn tâm-sở là tâm-sở tự đề cao mình hơn người, hoặc bằng người, hoặc kém thua người.

Trạng-thái riêng của *mānacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Unnatilakkhaṇo*: Tự đề cao mình hơn người là trạng-thái của *ngã-mạn tâm-sở*.

2- *Sampaggaraso*: Tự so sánh mình với người là phận sự của *ngã-mạn tâm-sở*.

3- *Ketukamyatāpaccupaṭṭhāno*: Mong muốn bậc cao như ngon cò là *quả hiện hữu của ngã-mạn tâm-sở*.

4- *Diṭṭhivippayuttalobhapadaṭṭhāno*: Có tham-tâm không hợp với tà-kiến là *nguyên-nhân gần phát sinh mānacetāsika*.

Người có tham-tâm hợp với ngã-mạn có tính tự cao, khinh thường người khác, cứng đầu khó dạy nên không có tính khiêm tốn.

* *Mānacetāsika*: *Ngã-mạn tâm-sở* đồng sinh với 8 *tham-tâm không hợp với tà-kiến*, không đồng sinh với 85 tâm còn lại.

Nhóm tham có 3 tâm-sở: *lobhacetāsika*, *diṭṭhacetāsika*, *mānacetāsika*, có *lobhacetāsika* là gốc dẫn đầu, đồng sinh với 8 *tham-tâm* tùy theo mỗi tâm-sở.

II.3- **Docatukacetāsika**: Nhóm sân có 4 tâm-sở: *dosacetāsika*, *issācetāsika*, *macchariyacetāsika*, *kukkuccacetāsika* có *dosacetāsika* là gốc dẫn đầu, chỉ đồng sinh với 2 sân-tâm mà thôi.

II.3.1- *Dosacetasika*: *Sân tâm-sở* là tâm-sở hung dữ, gây tai hại đối-tượng.

Trạng-thái riêng của *dosacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Caṇḍikkalakkhaṇo*: Có tính hung dữ là trạng-thái của *sân tâm-sở*.

2- *Attano nissayadahanaraso (vā)visappanaraso*: Sự nóng nảy thiêu đốt trong tâm của mình hoặc sự bực bội, bực tức trong tâm là *phận sự của sân tâm-sở*.

3- *Dussanapaccupaṭṭhāno*: Gây tai hại đến đối-tượng là quả hiện hữu của *sân tâm-sở*.

4- *Āghātavatthupadaṭṭhāno*: Có đối-tượng *hận thù (āghātavatthu)* là nhân-duyên gần phát sinh *dosacetasika*.

Āghātavatthu: Đối-tượng *hận thù* có 10:

1- *Hận thù do nghĩ rằng: Người ấy đã từng gây tai hại cho ta.*

2- *Hận thù do nghĩ rằng: Người ấy đang gây tai hại cho ta.*

3- *Hận thù do nghĩ rằng: Người ấy sẽ gây tai hại cho ta.*

4- *Hận thù do nghĩ rằng: Người ấy đã từng gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

5- *Hận thù do nghĩ rằng: Người ấy đang gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

6- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy sẽ gây tai hại cho người thân yêu của ta.*

7- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đã từng làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

8- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy đang làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

9- Hận thù do nghĩ rằng: *Người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ thù của ta.*

10- Hận thù do gặp phải rủi như vấp ngã đau, đập gai đâm vào bàn chân đau, v.v...

Āghātavatthu có 10 loại là nguyên nhân gần phát sinh *dosacetāsika* (*sân tâm-sở*) trong *dosacitta* (*sân-tâm*) không hài lòng đối-tượng ấy, nên có trạng-thái khổ tâm, nóng giận, ghét bỏ, buồn khổ, khóc than, sợ sệt, v.v... tự làm khổ mình, làm khổ người, gây tai hại cho người, ...

* *Dosacetāsika*: *Sân tâm-sở* chỉ đồng sinh với 2 *sân-tâm* mà thôi, không đồng sinh với 87 *tâm* còn lại.

II.3.2- *Issācetasika*: *Ganh-ty tâm-sở* là tâm-sở ganh-ty không vừa lòng trong của cải tài sản hoặc sắc đẹp hoặc địa vị cao sang, chức trọng quyền cao của người khác.

Trạng-thái riêng của *issācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Parasampattīnaṃ ussūyanalakkhaṇā*: Ganh

ty của cái, danh vọng của người khác là *trạng-thái của ganh-ty tâm-sở*.

2- *Tattheva anabhiratirasā*: Tâm không có hoan-hỷ của cái, danh vọng của người khác là *phận-sự của ganh-ty tâm-sở*.

3- *Tato vimukhabhāvapaccupaṭṭhānā*: Tính ngoảnh mặt tránh xa của cái, danh vọng của người khác là *quả hiện hữu của ganh-ty tâm-sở*.

4- *Parasampattipadaṭṭhānā*: Của cái, danh vọng của người khác là *nguyên-nhân gần phát sinh issācetasika*.

Nếu không vừa lòng *quả phước-thiện của người khác* thì không có lỗi. Còn nếu không vừa lòng với ý nghĩ rằng: “*Người ấy không xứng đáng có được như vậy*” thì gọi là *issā: ganh-ty*, nên có lỗi.

Nếu *tính issā: ganh-ty* này có tính chất ràng buộc chúng-sinh trong kiếp tử sinh luân-hồi thì trở thành *issāsaṃyojana: pháp-ràng-buộc do ganh-ty*.

* *Issācetasika: Ganh-ty tâm-sở* chỉ đồng sinh với 2 *sân-tâm* mà thôi, không đồng sinh với 87 *tâm* còn lại.

II.3.3- Macchariyacetāsika: *Keo-kiệt tâm-sở* là tâm-sở keo kiệt bủn xỉn trong của cái tài sản, hoặc sự hiểu biết của mình.

Trạng-thái riêng của *macchariyacetāsika* có bốn pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Attanosampattīnaṃ nigūhanalakkhaṇaṃ*: Tính giấu giếm của cải tài-sản của mình là *trạng-thái của keo-kiệt tâm-sở*.

2- *Tasaṃ yeva parehi sādharmaṇabhāva-akkhamaṇasaṃ*: Có tính không muốn của cải tài-sản của mình làm của chung với người khác là *phận-sự của keo-kiệt tâm-sở*.

3- *Saṅkocanapaccuṭṭhānaṃ (vā) kaṭakañcukapaccuṭṭhānaṃ*: Thấy người hành khát, nét mặt cau có, hoặc tâm keo kiệt bủn xỉn là *quả hiện hữu của keo-kiệt tâm-sở*.

4- *Attasampattipadaṭṭhānaṃ*: Của cải tài-sản của mình là *nguyên-nhân gần phát sinh macchariyacetāsika*.

* *Macchariya* tính keo-kiệt bủn-xỉn có 5 loại:

1- *Āvāsamacchariya*: Keo-kiệt trong chỗ ở.

2- *Kulamacchariya*: Keo-kiệt trong gia đình.

3- *Lābhamacchariya*: Keo-kiệt trong của cải.

4- *Vaṇṇamacchariya*: Keo-kiệt trong sắc đẹp.

5- *Dhammacchariya*: Keo-kiệt trong pháp.

Nếu *macchariya tính keo-kiệt* này có tính chất ràng buộc chúng-sinh trong kiếp tử sinh luân-hồi thì trở thành *macchariyasamyojana: pháp-ràng-buộc do keo-kiệt*.

* *Macchariyacetāsika*: Keo-kiệt tâm-sở chỉ đồng sinh với 2 *sân-tâm* mà thôi, không đồng sinh với 87 *tâm* còn lại.

II.3.4- *Kukkuccacetāsika*: *Hối-hận tâm-sở* là tâm-sở ăn năn hối-hận khổ tâm vì đã tạo ác-nghiệp mà không tạo đại-thiện-nghiệp.

Trạng-thái riêng của *kukkuccacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Pacchānutāpalakkhaṇaṃ*: Nóng nảy khổ tâm về sau là trạng-thái của *hối-hận tâm-sở*.

2- *Katākatānusocanarasam*: Thường phát sinh tâm sâu não, ăn năn ân hận vì đã tạo ác-nghiệp mà không tạo đại-thiện-nghiệp là *phận-sự của hối-hận tâm-sở*.

3- *Vipparisārapaccupaṭṭhānaṃ*: Tâm nóng nảy hối hận là *quả hiện hữu của hối-hận tâm-sở*.

4- *Katākatapadaṭṭhānaṃ*: Đã tạo ác-nghiệp, không tạo đại-thiện-nghiệp là *nguyên-nhân gần phát sinh kukkuccacetāsika*.

Sở dĩ *kukkuccacetāsika* phát sinh là vì si-mê không biết quả khổ của ác-nghiệp, không biết quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp. Vì vậy, ác-nghiệp không nên tạo thì đã tạo, còn đại-thiện-nghiệp nên tạo thì lại không tạo.

* *Kukkuccacetāsika*: *Hối-hận tâm-sở* chỉ đồng sinh với 2 *sân-tâm* mà *thôi*, không đồng sinh với 87 *tâm* còn lại.

II.4- Thidukacetāsika: Nhóm buồn có 2 tâm-sở là *thinacetāsika* và *middhacetāsika*, có *thinacetāsika* là gốc dẫn đầu.

Nếu có 2 tâm-sở *thinacetāsika* và *middhacetāsika* phát sinh thì 2 tâm-sở này đồng sinh với nhau (*sahakadācicetasika*) trong 5 bất-thiện-tâm cần tác-động:

- 4 tham-tâm cần tác-động.
- 1 sân-tâm cần tác-động.

II.4.1- Thinacetāsika: Buồn-chán tâm-sở là tâm-sở làm cho tâm buồn-chán muốn buông bỏ đối-tượng, tâm không muốn tinh-tấn biết đối-tượng.

Trạng-thái riêng của *thinacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Anussāhalakkhaṇam*: Không có cố gắng là trạng-thái của buồn-chán tâm-sở.

2- *Vīriyavinodanarasam*: Làm tiêu tan sự tinh-tấn là phận-sự của buồn-chán tâm-sở.

3- *Samsīdanapaccupatṭhānam*: Sự thoái chí nản lòng là quả hiện hữu của buồn-chán tâm-sở.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhānam*: Do si-mê không biết đúng trong tâm mọi thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *thinacetāsika*.

II.4.2- Middhacetāsika: Buồn-ngủ tâm-sở là tâm-sở buồn-ngủ làm cho tâm-sở đồng sinh buông bỏ đối-tượng, tâm không biết rõ đối-tượng nữa.

Trạng-thái riêng của *middhacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Akammaññatālakkaṇam*: Không có thích ứng trong công việc là *trạng-thái của buồn-ngủ tâm-sở*.

2- *Onahanarasam*: Buông bỏ các pháp đồng sinh là *phận-sự của buồn-ngủ tâm-sở*.

3- *Līnatāpaccupaṭṭhānam (vā) capalāyikāniddā paccupaṭṭhānam*: Sự lười biếng tiếp nhận đối-tượng hoặc buồn ngủ là *quả hiện hữu của buồn-ngủ tâm-sở*.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhānam*: Do si-mê không biết đúng trong tâm mọi thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *middhacetāsika*.

* *Thinacetāsika*: *Buồn-chán tâm-sở* làm cho tâm đồng sinh muốn buông bỏ đối-tượng.

* *Middhacetāsika*: *Buồn-ngủ tâm-sở* làm cho các tâm-sở đồng sinh buông bỏ đối-tượng.

Hai tâm-sở này luôn luôn đồng sinh với nhau ví dụ: Ngọn đèn dầu gần tắt thì ánh sáng mờ dần đến tắt hẳn như thế nào, cũng như vậy, *thinacetāsika buồn-chán tâm-sở* và *middhacetāsika buồn-ngủ tâm-sở* là 2 tâm-sở đồng sinh với tâm có phận sự làm cho tâm với tâm-sở đồng sinh buông bỏ đối-tượng trong các lộ-trình-tâm, thỉnh thoảng rơi xuống *hộ-kiếp-tâm (bhavaṅgacitta)*, *ngủ gât*.

Thinacetāsika: Buồn-chán tâm-sở và *middhacetāsika*: buồn-ngủ tâm-sở cùng đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động: 4 tham-tâm cần tác-động và 1 sân-tâm cần tác-động, không đồng sinh với 84 tâm còn lại.

II.5- Vicikicchācetasika: Nhóm vicikicchā 1 tâm-sở

Vicikicchācetasika: Hoài-nghi tâm-sở là tâm-sở hoài-nghi nơi các đối-tượng như hoài-nghi nơi 9 ân-Đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng, hoài-nghi nghiệp và quả của nghiệp, v.v ... Hoài-nghi tâm-sở này chỉ đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi mà thôi.

Trạng-thái riêng của *vicikicchācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Saṃsayalakkhaṇā*: Hoài-nghi là trạng-thái của hoài-nghi tâm-sở.

2- *Kampanarasā*: Sự nghi ngờ trong đối-tượng là *phận-sự* của hoài-nghi tâm-sở.

3- *Anicchayapaccupaṭṭhānā*: Không quyết định được là *quả hiện hữu* của hoài-nghi tâm-sở.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhānam*: Si-mê hiểu biết trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *vicikicchācetasika*.

* *Vicikicchācetasika*: Hoài-nghi tâm-sở không phải là hoài-nghi các môn học hoặc hoài-nghi

trong các pháp-chế-định (paññattidhamma), mà thật ra chỉ có hoài-nghi trong 8 pháp sau:

- 1- Hoài-nghi trong 9 ân-Đức-Phật.
- 2- Hoài-nghi trong 6 ân-Đức-Pháp.
- 3- Hoài-nghi trong 9 ân-Đức-Tăng.
- 4- Hoài-nghi trong 3 pháp-hành giới, định, tuệ.
- 5- Hoài-nghi trong ngũ-uẩn, ... kiếp quá-khứ.
- 6- Hoài-nghi trong ngũ-uẩn, ... kiếp vị-lai.
- 7- Hoài-nghi trong ngũ-uẩn, ... kiếp quá-khứ và kiếp vị-lai.
- 8- Hoài-nghi trong pháp thập-nhị-duyên-sinh.⁽¹⁾

Ngoài hoài-nghi 8 pháp này ra, nếu có hoài-nghi về các môn học, các chế-định-pháp, v.v... vì chưa hiểu biết rõ thì không phải là *hoài-nghi tâm-sở* (*vicikicchācetasika*) đồng sinh với *si-tâm* hợp với *hoài-nghi*.

* *Vicikicchācetasika*: *Hoài-nghi tâm-sở* chỉ đồng sinh với *si-tâm* hợp với *hoài-nghi* mà thôi, không đồng sinh với 88 tâm còn lại.

Akusalacetāsika: *Bất-thiện tâm-sở* có 14 tâm-sở chỉ đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm* mà thôi, tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, nên tự làm khổ mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, làm khổ người và làm khổ chúng-sinh nữa.

Nếu không muốn tự làm khổ mình, cũng không

¹ Xem giảng giải trong phần 2 *si-tâm* trước.

muốn làm khổ mọi người, mọi chúng-sinh thì chỉ có cách **giữ gìn giới của mình** cho được trong sạch và trọn vẹn mà thôi, thậm chí chỉ cần giữ gìn **ngũ-giới** cho được trong sạch trọn vẹn thì tránh xa 10 ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý: tránh xa 3 thân ác-nghiệp, tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp, tránh xa 3 ý ác-nghiệp, đồng thời tạo 3 thân đại-thiện-nghiệp, tạo 4 khẩu đại-thiện-nghiệp, tạo 3 ý đại-thiện-nghiệp, nên không tự làm khổ mình, không làm khổ mọi người, mọi chúng-sinh lớn nhỏ khác trong đời.

Thật ra, người thiện **giữ gìn ngũ-giới của mình** cho được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, đó là việc **rất dễ dàng** đối với tất cả mọi người trong đời, bởi vì trong khả năng bình thường của mọi người ⁽¹⁾. Còn người ác phạm điều-giới nào đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là việc **rất khó khăn** mà không phải là ai cũng có thể tạo ác-nghiệp điều-giới ấy được.

Cho nên, người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn các điều-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, tạo mọi đại-thiện-nghiệp giữ-giới thuộc về của riêng mình.

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển “Ngũ-Giới Là Thường-Giới Của Mọi Người Trong Đời” cùng soạn giả.

III- *Sobhaṇacetāsika*: **Tịnh-Hảo Tâm-Sở**

Sobhaṇacetāsika: *Tịnh-hảo tâm-sở* là tâm-sở tốt lành, khi đồng sinh với tâm nào làm cho tâm ấy tốt lành, trong sáng, không bị ô nhiễm, nên gọi là ***sobhaṇacetāsika***: *tịnh-hảo tâm-sở*.

* ***Sobhaṇacetāsika***: *Tịnh-hảo tâm-sở* gồm có 25 tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm* (*sobhaṇacitta*).

Citta: *Tâm* gồm có 89 hoặc 121 tâm chia ra 2 loại tâm:

- * ***Asobhaṇacitta***: *Bất-tịnh-hảo-tâm* có 30 tâm
 - 12 *bất-thiện-tâm*.
 - 18 *vô-nhân-tâm*.

Trong 30 tâm này đều không có *tịnh-hảo tâm-sở* (*sobhaṇacetāsika*) nào đồng sinh, nên gọi 30 tâm này là *bất-tịnh-hảo-tâm*.

* ***Sobhaṇacitta***: *Tịnh-hảo-tâm* gồm có 59 hoặc 91 tâm:

- 24 *dục-giới tịnh-hảo-tâm*.
- 15 *sắc-giới-tâm*.
- 12 *vô-sắc-giới-tâm*.
- 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

Trong 59 hoặc 91 tâm này, mỗi tâm có một số *tịnh-hảo tâm-sở* (*sobhaṇacetāsika*) đồng sinh, nên gọi 59 hoặc 91 tâm này là *tịnh-hảo-tâm* (*sobhaṇacitta*).

Sobhaṇacetāsika: Tịnh-hảo tâm-sở

Tịnh-hảo tâm-sở gồm có 25 tâm-sở chia ra 4 loại như sau:

- *Sobhaṇasādhāraṇacetāsika* có 19 tâm-sở.
- *Viraticetasika* có 3 tâm-sở.
- *Appamaññācetasika* có 2 tâm-sở.
- *Paññindriyacetasika* có 1 tâm-sở.

III.1- Sobhaṇasādhāraṇacetāsika: *Tịnh-hảo tâm-sở đồng sinh toàn-tịnh-hảo-tâm* gồm có 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm (sobhaṇacitta)*, có 19 *tịnh-hảo tâm-sở* như sau:

- 1- *Saddhācetasika*: *Tín tâm-sở.*
- 2- *Saticetasika*: *Niệm tâm-sở.*
- 3- *Hirīcetasika*: *Hổ-thẹn tâm-sở.*
- 4- *Ottappacetāsika*: *Ghê-sợ tâm-sở.*
- 5- *Alobhacetāsika*: *Vô-tham tâm-sở.*
- 6- *Adosacetāsika*: *Vô-sân tâm-sở.*
- 7- *Tatramajjhatacetasika*: *Trung-dung tâm-sở.*
- 8- *Kāyapassaddhicetasika*: *Tam-uẩn an-tịnh tâm-sở.*
- 9- *Cittapassaddhicetasika*: *Thức-uẩn an-tịnh tâm-sở.*
- 10- *Kāyalahutācetasika*: *Tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.*
- 11- *Cittalahutācetasika*: *Thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.*

12- *Kāyamudutācetasika*: Tam-uẩn nhu-nhuyễn tâm-sở.

13- *Cittamudutācetasika*: Thức-uẩn nhu-nhuyễn tâm-sở.

14- *Kāyakammaññatācetasika*: Tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở.

15- *Cittakammaññatācetasika*: Thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở.

16- *Kāyapāguññatācetasika*: Tam-uẩn thuần-thục tâm-sở.

17- *Cittapāguññatācetasika*: Thức-uẩn thuần-thục tâm-sở.

18- *Kāyujukatācetasika*: Tam-uẩn trung-thực tâm-sở.

19- *Cittujukatācetasika*: Thức-uẩn trung-thực tâm-sở.

19 tịnh-hảo tâm-sở này đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm.

III.2- *Viraticetasika*: Chế ngự tâm-sở có 3 tâm-sở

1- *Sammāvācācetasika*: Chánh-ngữ tâm-sở.

2- *Sammākammantacetasika*: Chánh-nghiệp tâm-sở.

3- *Sammā-ājīvacetasika*: Chánh-mạng tâm-sở.

III.3- *Appamaññācetasika*: Vô-lượng tâm-sở có 2 tâm-sở

1- *Karuṇācetasika*: Bi tâm-sở.

2- *Muditācetasika*: Hỷ tâm-sở.

III.4- *Paññindriyacetāsika* có 1 tâm-sở

1- *Paññindriyacetāsika*: Tuệ-chủ tâm-sở.

Giảng giải 25 tịnh-hảo tâm-sở

III.1- **Sobhaṇasādhāraṇacetāsika**: Tịnh-hảo tâm-sở đồng-sinh-toàn-tâm, có 19 tâm-sở:

III.1.1- **Saddhācetāsika**: Tín tâm-sở là tâm-sở tin với đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.

Trạng-thái riêng của *saddhācetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Saddhahanalakkhaṇā*: Có đức-tin trong sạch nơi đáng tin là *trạng-thái của tín tâm-sở*.

2- *Pasādanarasā*: Làm cho các tâm với tâm-sở đồng sinh trở nên trong sạch là *phận-sự của tín tâm-sở*.

3- *Akāluṣṣiyapaccupaṭṭhānā*: Tâm không bị ô nhiễm, tâm trong sáng là *quả hiện hữu của tín tâm-sở*.

4- *Saddheyavattḥupadaṭṭhānā*: Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo và nghiệp và quả của nghiệp là *nguyên-nhân gần gũi phát sinh tín tâm-sở*.

Saddhā: Đức-tin dẫn đầu cho mọi thiện-pháp phát sinh, đó là *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới*

thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp phát sinh, tăng trưởng.

Saddhā: Đức-tin phát sinh do nhân-duyên, mà nhân-duyên gần phát sinh *saddhā* đó là *ân-đức Tam-bảo: 9 ân-đức-Phật-bảo, 6 ân-đức-Pháp-bảo, 9 ân-đức-Tăng-bảo; tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.*

Saddhā: Đức-tin là tin nơi đáng tin, và không tin nơi không đáng tin. Nơi đáng tin có 4 pháp:

* *Kammasaddhā: Tin nghiệp* có 2 loại: *thiện-nghiệp* và *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).*

* *Vipākasaddhā: Tin quả của nghiệp* rằng: *thiện-nghiệp* cho quả an-lạc, *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* cho quả khổ.

* *Kammasakatāsaddhā: Tin nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp sinh ta ra, nghiệp là thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta, khi ta tạo nghiệp nào: thiện-nghiệp hoặc bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp), chính ta là người hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.*

* *Tathāgatabodhisaddhā: Tin nơi sự chứng đắc của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Nếu người nào tin nơi không đáng tin thì gọi là *cuồng-tín*, cho nên *đức-tin* phải đi đôi với *trí-tuệ* thì gọi là *chánh-tín.*

* **Saddhācetasika**: Tín tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.2- **Saticetasika**: Niệm tâm-sở là tâm-sở niệm vững vàng trong 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Trạng-thái riêng của *saticetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Apilāpanalakkhaṇā*: Niệm vững vàng trong đối-tượng là trạng-thái của *niệm tâm-sở*.

2- *Asammoharasā*: Sự không quên, sự ghi nhớ là *phận-sự của niệm tâm-sở*.

3- *Visayābhimukhabhāvapaccupaṭṭhānā*: Sự ghi nhớ khăng khít trực tiếp nơi đối-tượng là *quả hiện hữu của niệm tâm-sở*.

4- *Thirasaññāpadatṭhānā (vā) kāyādisatipaṭṭhānapadatṭhānā*: Ghi nhớ chắc chắn hoặc có tứ-niệm-xứ là thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ là *nguyên-nhân gần phát sinh saticetasika*.

* Tuy nhiên, **sati** trong *satipaṭṭhāna* thì *sati* trở thành **sammāsati**: chánh-niệm trong bốn đối-tượng là:

- Thân niệm-xứ: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- Thọ niệm-xứ: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Tâm niệm-xú: Tâm* là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Pháp niệm-xú: Pháp* là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

* **Saticetasika**: Niệm tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.3- Hiricetasika: Hồ-thẹn tâm-sở là tâm-sở tự mình biết hồ-thẹn tội-lỗi, xa lánh mọi ác-nghiệp.

Trạng-thái riêng của *hiricetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Pāpato jigucchānalakkhaṇā*: Ghét bỏ, tránh xa ác-nghiệp là trạng-thái của hồ-thẹn tâm-sở.

2- *Pāpaṃ akaraṇaṃ*: Không tạo ác-nghiệp là phận-sự của hồ-thẹn tâm-sở.

3- *Pāpato saṅkocanapaccupaṭṭhānā*: Hồ-thẹn tội-lỗi nên tránh xa ác-nghiệp là quả hiện hữu của hồ-thẹn tâm-sở.

4- *Attagāravapadaṭṭhānaṃ*: Đức tính tôn trọng chính mình là nguyên-nhân gần phát sinh *hiricetasika*.

* **Hiricetasika**: Hồ-thẹn tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.4- Ottappacetāsika: Ghê-sợ tâm-sở là tâm-sở kính trọng người khác nên biết ghê-sợ tội lỗi, xa lánh mọi hành ác-nghiệp.

Trạng-thái riêng của *ottappacetasika* có 4 pháp lakkhaṇādicatuka:

1- *Uttāsanalakkhaṇaṃ*: Biết ghê sợ ác-nghiệp là *trạng-thái của ghê-sợ tâm-sở*.

2- *Pāpānaṃ akaraṇarasam*: Không tạo ác-nghiệp là *phận-sự của ghê-sợ tâm-sở*.

3- *Pāpato saṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ*: Biết ghê-sợ tội lỗi nên tránh xa ác-nghiệp là *quả hiện hữu của ghê-sợ tâm-sở*.

4- *Paragāravapadaṭṭhānaṃ*: Đức tính tôn trọng người khác là *nguyên-nhân gần phát sinh ottappacetasika*.

* ***Ottappacetasika***: Ghê-sợ tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

Hiri và ***ottappa*** là 2 tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tâm xa lánh, tránh xa mọi ác-nghiệp, tội-lỗi do thân hành-ác, khẩu nói-ác, ý nghĩ-ác, bởi vì ***hiri*** có trạng-thái hổ-thẹn tội-lỗi do *tính tự trọng*, nên không dám tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý; còn ***ottappa*** có trạng-thái ghê-sợ tội-lỗi do biết *kính-trọng người khác*, sợ 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh) nên không dám tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

* ***Hiri*** phát sinh do nhân-duyên tự mình *biết hổ-thẹn tội lỗi, biết tự trọng* do nương nhờ nhân-duyên bên trong của mình như sau:

- *Kula*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến dòng họ của mình.

- *Vaya*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến tuổi tác mình.

- *Bahussuta*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến tài năng hiểu biết của mình.

- *Jātimahaggata*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến kiếp cao quý của mình.

- *Satthumahaggata*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến Đức-Phật, thầy tổ, cha, mẹ,... cao thượng của mình.

- *Dāyajjamahaggata*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến mình là người thừa kế di sản cao quý.

- *Sabrahmacārīmahaggata*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến những bạn hữu đồng phạm hạnh cao thượng.

- *Surabhāva*: Biết hổ-thẹn tội-lỗi do nghĩ đến tính dũng cảm của mình.

* **Ottappa** phát sinh do nhân-duyên biết ghê-sợ tội-lỗi, biết kính trọng người khác do nương nhờ nhân-duyên bên ngoài như sau:

- *Attānuvādabhaya*: Biết ghê-sợ tội-lỗi do tự chê trách mình.

- *Paravādānubhaya*: Biết ghê-sợ tội-lỗi do sợ chư bậc thiện-trí chê trách mình.

- *Dañḍabhaya*: Biết ghê-sợ tội-lỗi do sợ hình phạt đau khổ.

- *Duggatibhaya*: *Biết ghê-sợ tội-lỗi do sợ khổ trong 4 cõi ác-giới: cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, cõi nga-quỷ, loài súc-sinh.*

Hiri và ottappa là 2 tâm-sở *biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi*, không dám tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, nên không tự làm khổ mình, không làm khổ tất cả mọi chúng-sinh khác.

Cho nên, *hiri và ottappa* là 2 pháp hộ trì, giữ gìn tất cả mọi chúng-sinh.

III.1.5- Alobhacetāsika: *Vô-tham tâm-sở* là tâm-sở không tham muốn, không dính mắc trong đối-tượng.

Trạng-thái riêng của *alobhacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Alaggabhāvalakkhaṇo (vā) agedhalakkhaṇo*: Không dính mắc trong đối-tượng hoặc không say đắm trong đối-tượng là *trạng-thái của vô-tham tâm-sở*.

2- *Apariggaharaso*: Không chấp thủ trong đối-tượng là *phận-sự của vô-tham tâm-sở*.

3- *Anallīnabhāvapaccupaṭṭhāno*: Không dính mắc, không chấp thủ trong đối-tượng là *quả hiện hữu của vô-tham tâm-sở*.

4- *Yonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Trí-tuệ biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *alobhacetāsika*.

Alobhacetāsika: Vô-tham tâm-sở có tính chất hoàn toàn trái ngược với *lobhacetāsika* tham tâm-sở. Cho nên, người có vô-tham tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm không tham muốn, không chấp-thủ trong đối-tượng.

* *Alobhacetāsika*: Vô-tham tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.6- Adosacetāsika: Vô-sân tâm-sở là tâm-sở không làm hại đối-tượng, không hận thù, không tự làm khổ mình, khổ chúng-sinh.

Trạng-thái riêng của *adosacetāsika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Acaṇḍikalakkhaṇo*: Tính không hung dữ, tính hiền hậu là trạng-thái của vô-sân tâm-sở.

2- *Āghātavinayaraso*: Diệt được mọi thù hận là phận-sự của vô-sân tâm-sở.

3- *Somabhāvapaccupaṭṭhāno*: Sự mát mẻ trong sáng như vàng trắng rằm là quả hiện hữu của vô-sân tâm-sở.

4- *Yonisomanasikārapadaṭṭhāno*: Trí-tuệ biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp là nhân-duyên gần phát sinh *adosacetāsika*.

Adosacetāsika vô-sân tâm-sở có tính chất hoàn toàn trái ngược với *dosacetāsika* sân tâm-sở.

* *Adosacetāsika* vô-sân tâm-sở có liên quan đến 2 pháp: *khanti* và *mettā*.

* **Khanti**: *Pháp nhẫn-nại* có chi-pháp là *adosacetasika*: vô-sân tâm-sở, đồng sinh với *đại-thiện-tâm* thuộc về *tịnh-hảo-tâm* chịu đựng mọi đối-tượng xấu trong hoàn cảnh bất bình, bị vu oan giá họa, phải chịu mọi cảnh khổ, v.v... mà vẫn không hề phát sinh sân-tâm không hài lòng trong đối-tượng ấy. Đó là do năng lực của *adosacetasika*: vô-sân tâm-sở.

* **Mettā**: *Tâm từ* là 1 trong 4 *đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm* (*appamaññā*).

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm từ đến chúng-sinh vô-lượng*, có chi-pháp là *adosacetasika*: vô-sân tâm-sở, đồng sinh với *tịnh-hảo-tâm* có đối-tượng *piyamanāpasatta-paññatti*: *chúng-sinh đáng yêu, đáng kính* là đối-tượng thiền-định của *đề-mục niệm rải tâm từ*.

* *Đề-mục niệm rải tâm từ* này chỉ có khả năng chứng đắc từ *đệ-nhất-thiền sắc-giới* cho đến *đệ-tứ-thiền sắc-giới* mà thôi, không thể chứng đắc *đệ-ngũ-thiền sắc-giới*, bởi vì *đề-mục thiền-định* này cần có *chi-thiền lạc*, mà *đệ-ngũ-thiền sắc-giới* có 2 *chi-thiền* là *xả* và *nhất-tâm*.

Nếu khi hành-giả *tụng kinh*, *niệm ân-Đức-Phật* dù có *adosacetasika*: vô-sân tâm-sở đồng sinh với *đại-thiện-tâm* thuộc về *tịnh-hảo-tâm*, cũng không gọi là *mettā*: *tâm từ* được, bởi vì, đối-tượng của *đề-mục thiền-định niệm rải tâm từ* là

chúng-sinh đáng yêu, đáng kính, không phải là đối-tượng ân-Đức-Phật.

* *Adosacetāsika*: Vô-sân tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.7- Tatramajjhatacetasika: Trung-dung tâm-sở là tâm-sở trung dung giữa tâm với tâm-sở đồng sinh không hơn không kém, giữ gìn các tâm với tâm-sở đồng sinh đồng đều nhau.

Trạng-thái riêng của *tatramajjhatacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Cittacetāsikānaṃ samavāhitalakkhaṇā*: Giữ gìn tâm với tâm-sở đồng sinh đồng đều nhau là *trạng-thái của trung-dung tâm-sở*.

2- *Ūnādhikatānivāraṇarasā*: Giữ gìn không để tâm với tâm-sở đồng sinh hơn hoặc kém nhau là *phận-sự của trung-dung tâm-sở*.

3- *Majjhatabhāvapaccupaṭṭhānā*: Tính chất trung-dung đối với tâm với tâm-sở là *quả hiện hữu của trung-dung tâm-sở*.

4- *Sampayuttānaṃpadaṭṭhānā*: Tâm với các tâm-sở đồng sinh là nguyên-nhân gần phát sinh *tatramajjhatacetasika*.

Tatramajjhatacetasika: Trung-dung tâm-sở có trạng-thái giữ gìn các tâm với tâm-sở đồng sinh đồng đều nhau không hơn không kém.

Ví như người đánh xe ngựa với hai con ngựa báu có sức mạnh đồng đều nhau, chiếc xe ngựa chạy đều, nên người đánh xe không đánh, không la hai con ngựa, mà chỉ cần đặt tâm trung-dung dõi theo hai con ngựa mà thôi.

* *Tatramajjhattatācetasika*: Trung-dung tâm-sở còn là chi-pháp của *đề-mục thiền-định upekkhā-appamaññā*: niệm rải tâm xả đến chúng-sinh vô-lượng có đối-tượng là *majjhattasattapaññatti*: hạng chúng-sinh không thương không ghét.

* *Tatramajjhattatācetasika*: Trung-dung tâm-sở đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

Sáu đôi tịnh-hảo tâm-sở

* 19 tịnh-hảo tâm-sở đồng sinh với toàn tịnh-hảo-tâm (*sobhaṇacitta*) từ *saddhācetasika* cho đến *tatramajjhattatācetasika* mỗi tâm-sở riêng rẽ; từ *kāyapassaddhīcetasika*, *cittapassaddhīcetasika* cho đến *kāyujukatācetasika*, *cittujukatācetasika* gồm có 6 đôi, mà mỗi đôi *kāya* và *citta* cùng có chung một tịnh-hảo tâm-sở.

* *Kāya* nghĩa là tổng hợp các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm gồm có 3 uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn.

* *Citta* tịnh-hảo-tâm thuộc về thức-uẩn.

Trong bộ Visuddhimagga giải rằng:

* *Kāyapassaddhi*: ***Kāyo*** 'ti cetttha vedanādayo tayo khandhā ⁽¹⁾.

Kāya trong *kāyapassaddhi* có nghĩa là gồm có 3 uẩn: *thọ-uẩn*, *tướng-uẩn*, *hành-uẩn*.

Như vậy, ***kāya*** nghĩa là tổng hợp các tâm-sở đồng sinh với *tịnh-hảo-tâm* ấy.

Tâm-sở đồng sinh với mỗi *tịnh-hảo-tâm* gồm có 4 uẩn:

- *Thọ tâm-sở* thuộc về *thọ-uẩn*.
- *Tướng tâm-sở* thuộc về *tướng-uẩn*.
- *Tổng các tâm-sở* còn lại thuộc về *hành-uẩn*.
- *Tịnh-hảo-tâm* thuộc về *thức-uẩn*.

III.1.8- *Kāyapassaddhicetasika*: *Tam-uẩn an-tịnh tâm-sở*.

III.1.9- *Cittapassaddhicetasika*: *Thức-uẩn an-tịnh tâm-sở*.

* *Kāyapassaddhicetasika*: *Tam-uẩn an-tịnh tâm-sở* là tâm-sở làm *an tịnh tam-uẩn*: *thọ-uẩn*, *tướng-uẩn*, *hành-uẩn*.

* *Cittapassaddhicetasika*: *Thức-uẩn an-tịnh tâm-sở* là tâm-sở làm *an tịnh thức-uẩn*.

Hai *tịnh-hảo tâm-sở* này đều có chung một *passaddhicetasika*: *an-tịnh tâm-sở*, có trạng-thái làm *an tịnh tam-uẩn tâm-sở* và *thức-uẩn*, nghĩa

¹ Bộ Visuddhimagga, Khandhaniddeśa, Saṅkhārakkhandhakathā.

là làm *an tịnh tâm* và các *tâm-sở* đồng sinh với *tịnh-hảo-tâm* ấy.

Trạng-thái riêng của *passaddhīcetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyacittānaṃ darathavūpasamalakkhaṇā*: Làm an tịnh sự nóng nảy của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *trạng-thái của tam-uẩn an-tịnh tâm-sở* và *thức-uẩn an-tịnh tâm-sở*.

2- *Kāyacittadarathanimmaddanarāsā*: Chế ngự được sự nóng nảy của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *phận-sự của tam-uẩn an-tịnh tâm-sở* và *thức-uẩn an-tịnh tâm-sở*.

3- *Kāyacittānaṃ aparipphandanasītibhāvapaccupaṭṭhānā*: Sự mát mẻ an-tịnh của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *quả hiện hữu của tam-uẩn an-tịnh tâm-sở* và *thức-uẩn an-tịnh tâm-sở*.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là nguyên-nhân gần phát sinh *kāyapassaddhīcetasika* và *cittapassaddhīcetasika*.

* Hai *tịnh-hảo tâm-sở* này đồng sinh với 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm*, không đồng sinh với 30 *bất-tịnh-hảo-tâm*.

III.1.10- *Kāyalahutācetasika*: Tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.

III.1.11- *Cittalahutācetasika*: Thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.

* *Kāyalahutācetasika*: Tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở là tâm-sở làm nhẹ nhàng tam-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn.

* *Cittalahutācetasika*: Thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở là tâm-sở làm nhẹ nhàng thức-uẩn.

Hai tịnh-hảo tâm-sở này đều có chung một *lahutācetasika* nhẹ-nhàng tâm-sở, có trạng-thái làm nhẹ nhàng tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn, nghĩa là làm nhẹ nhàng các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm ấy.

Trạng-thái riêng của *lahutācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyacittagarubhāvavūpasamalakkhaṇā*: Làm nhẹ nhàng sự nặng nề của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là trạng-thái của tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở và thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.

2- *Kāyacittagarubhāvanimmaddanarasā*: Làm giảm được sự nặng nề của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là phận-sự của tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở và thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.

3- *Kāyacittānaṃ adandhatāpaccupaṭṭhānā*: Sự nhẹ nhàng của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là quả hiện hữu của tam-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở và thức-uẩn nhẹ-nhàng tâm-sở.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là nguyên-nhân gần phát sinh *kāyalahutācetasika* và *cittalahutācetasika*.

* Hai tịnh-hảo tâm-sở này đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.12- Kāyamudutācetasika: Tam-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở.

III.1.13- Cittamudutācetasika: Thức-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở.

* *Kāyamudutācetasika: Tam-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở là tâm-sở làm nhu nhuyên tam-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn.*

* *Cittamudutācetasika: Thức-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở là tâm-sở làm nhu nhuyên thức-uẩn.*

Hai tịnh-hảo tâm-sở đều có chung một mudutācetasika: nhu-nhuyên tâm-sở, có trạng-thái làm nhu nhuyên tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn, nghĩa là làm nhu nhuyên các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm ấy.

Trạng-thái riêng của mudutācetasika có 4 pháp lakkhaṇādicatuka:

1- *Kāyacittathambhavūpasamalakkhaṇā*: Làm giảm sự cứng rắn của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là trạng-thái của tam-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở và thức-uẩn nhu-nhuyên tâm-sở.

2- *Kāyacittathaddhabhāvanimmaddanarāsā*: Làm giảm được sự cứng rắn của tam-uẩn tâm-sở

và thức-uẩn tâm-sở là *phận-sự của tam-uẩn nhu-nhuyến tâm-sở và thức-uẩn nhu-nhuyến tâm-sở*.

3- *Appatighātapaccupaṭṭhānā*: Không sân hận của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *quả hiện hữu của tam-uẩn nhu-nhuyến tâm-sở và thức-uẩn nhu-nhuyến tâm-sở*.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *nguyên-nhân gần phát sinh kāyamudutācetasika và cittamudutācetasika*.

* Hai *tịnh-hảo tâm-sở* này đồng sinh với 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm*, không đồng sinh với 30 *bất-tịnh-hảo-tâm*.

III.1.14- *Kāyakammaññatācetasika*: *Tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở*.

III.1.15- *Cittakammaññatācetasika*: *Thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở*.

* *Kāyakammaññatācetasika*: *Tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở* là tâm-sở làm *uyển chuyển tam-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn*.

* *Cittakammaññatācetasika*: *Thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở* là tâm-sở làm *uyển chuyển thức-uẩn*.

Hai *tịnh-hảo tâm-sở* đều có chung một *kammaññatācetasika: uyển-chuyển tâm-sở*, có trạng-thái làm *uyển chuyển tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn*, nghĩa là làm *uyển-chuyển các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm ấy*.

Trạng-thái riêng của *kammaññatācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyacittātkammaññabhāvavūpasamalakkhaṇā*: Sự yên tĩnh của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *trạng-thái của tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở và thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở*.

2- *Kāyacittātkammaññabhāvanimmaddanarasā*: Chế ngự được sự không uyển chuyển của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *phận-sự của tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở và thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở*.

3- *Kāyacittānaṃ ārammaṇakaraṇasampattipaccupaṭṭhānā*: Làm thành tựu đối-tượng của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *quả hiện hữu của tam-uẩn uyển-chuyển tâm-sở và thức-uẩn uyển-chuyển tâm-sở*.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *nguyên-nhân gần phát sinh kāyakammaññatācetasika và cittakammaññatācetasika*.

* Hai tịnh-hảo tâm-sở này đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.16- *Kāyapāguññatācetasika*: Tam-uẩn thuần-thực tâm-sở.

III.1.17- *Cittapāguññatācetasika*: Thức-uẩn thuần-thực tâm-sở.

* *Kāyapāguññatācetasika*: Tam-uẩn thuần-thực tâm-sở là tâm-sở làm thuần thực tam-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn.

* *Cittapāguññatācetasika*: Thức-uẩn thuần-thực tâm-sở là tâm-sở làm thuần thực thức-uẩn.

2 tịnh-hảo tâm-sở đều có chung một *pāguññatācetasika*: thuần-thực tâm-sở có trạng-thái làm thuần thực tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn, là làm thuần-thực các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm ấy.

Trạng-thái riêng của *pāguññatācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyacittānaṃ agelaññabhāvalakkhaṇā*: Sự không bệnh hoạn (không có phiền-não) của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là trạng-thái của tam-uẩn thuần-thực tâm-sở và thức-uẩn thuần-thực tâm-sở.

2- *Kāyacittagelaññanimmaddanarasā*: Chê ngự được sự bệnh hoạn của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là phận-sự của tam-uẩn thuần-thực tâm-sở và thức-uẩn thuần-thực tâm-sở.

3- *Nirādīnavapaccupaṭṭhānā*: Không có lỗi của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là quả hiện hữu của tam-uẩn thuần-thực tâm-sở và thức-uẩn thuần-thực tâm-sở.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là nguyên-nhân gần phát sinh *kāyapāguññatācetasika* và *cittapāguññatācetasika*.

* Hai tịnh-hảo tâm-sở này đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm, không đồng sinh với 30 bất-tịnh-hảo-tâm.

III.1.18- Kāyujukatācetasika: Tam-uẩn trung-thực tâm-sở.

III.1.19- Cittujukatācetasika: Thức-uẩn trung-thực tâm-sở.

* *Kāyujukatācetasika: Tam-uẩn trung-thực tâm-sở là tâm-sở làm trung thực tam-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn.*

* *Cittujukatācetasika: Thức-uẩn trung-thực tâm-sở là tâm-sở làm trung thực thức-uẩn.*

Hai tịnh-hảo tâm-sở đều có chung một *ujukatācetasika: trung-thực tâm-sở* có trạng-thái làm trung thực tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn, nghĩa là làm trung thực các tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm ấy.

Trạng-thái riêng của *ujukatācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Kāyacitta ajjavalakkhaṇā*: Sự ngay thẳng trung thực của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là trạng-thái của tam-uẩn trung-thực tâm-sở và thức-uẩn trung-thực tâm-sở.

2- *Kāyacittakuṭilabhāvanimmaddanarasā*: Chế ngự được sự không thành thật của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là phận-sự của tam-uẩn trung-thực tâm-sở và thức-uẩn trung-thực tâm-sở.

3- *Ajīmahatāpaccupaṭṭhānā*: Sự thành thật của tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *quả hiện hữu của tam-uẩn trung-thực tâm-sở và thức-uẩn trung-thực tâm-sở*.

4- *Kāyacittapadaṭṭhānā*: Có tam-uẩn tâm-sở và thức-uẩn tâm-sở là *nguyên-nhân gần phát sinh kāyujukatācetasika và cittujukatācetasika*.

* Hai *tịnh-hảo tâm-sở* này đồng sinh với 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm*, không đồng sinh với 30 *bất-tịnh-hảo-tâm*.

III.2- *Viraticetasika*: Chế ngự tâm-sở

Viraticetasika: *Chế ngự tâm-sở* có trạng-thái tránh xa thân hành-ác (*kāyaduccarita*), tránh xa khẩu hành-ác (*vacīduccarita*), tránh xa cách sống tà-mạng (*micchājīva*).

Viraticetasika: *Chế ngự tâm-sở* có 3 loại:

- *Sammāvācācetasika*: *Chánh-ngữ tâm-sở*.
- *Sammākammantacetasika*: *Chánh-nghiệp tâm-sở*.
- *Sammā ājīvacetasika*: *Chánh-mạng tâm-sở*.

III.2.1- *Sammāvācācetasika*: *Chánh-ngữ tâm-sở* là *tịnh-hảo tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* hoặc *siêu-tam-giới-tâm*, tránh xa 4 *khẩu hành-ác* là *tránh xa sự nói-dối, tránh xa nói lời chia rẽ, tránh xa nói lời thô tục, tránh xa nói lời vô ích, không liên quan đến sự nuôi mạng*.

Trạng-thái riêng của *sammāvācācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Pariggahalakkhaṇā*: Chê ngự khẩu nói ác là trạng-thái của *chánh-ngữ tâm-sở*.

2- *Vimaṇarasā*: Tránh xa 4 tà-ngữ là phận sự của *chánh-ngữ tâm-sở*.

3- *Micchāvācāpahānapaccupadaṭṭhānā*: Diệt 4 tà-ngữ là quả hiện hữu của *chánh-ngữ tâm-sở*.

4- *Saddhāhirottappādiguṇapadaṭṭhānā*: Có đức-tin, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi là nhân-duyên gần phát sinh *sammāvācācetasika*.

***Sammāvācā* chánh-ngữ có 3 loại:**

- *Kathāsammāvācā*: Nói lời *chánh-ngữ* là lời hay, thuyết pháp, giảng đạo, dạy dỗ đem lại sự lợi ích cho người nghe.

- *Cetanāsammāvācā*: Tác-ý *chánh-ngữ* là tác-ý tránh xa 4 tà-ngữ mà nói 4 *chánh-ngữ*:

- *Tránh xa lời nói-dối, mà nói lời chân thật.*
- *Tránh xa lời nói chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.*
- *Tránh xa lời nói thô tục, mà nói lời dịu dàng.*
- *Tránh xa lời nói vô ích, mà nói lời có ích.*

- *Viratisammāvācā*: Chê ngự tà-ngữ là khi tiếp xúc trực tiếp đối diện với đối-tượng dễ phát sinh nói-dối nhưng tránh xa lời nói-dối, mà nói lời chân thật, hoặc làm thinh không nói, gọi là *viratisammāvācā*.

III.2.2- *Sammākamantacetāsika*: Chánh-nghiệp tâm-sở là tịnh-hảo tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoặc siêu-tam-giới-tâm, tránh xa 3 thân hành-ác là tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, không liên quan đến sự nuôi mạng.

Trạng-thái riêng của *sammākamantacetāsika* có 4 pháp lakkhaṇādicatuka:

1- *Samuṭṭhānalakkhaṇo*: Chế ngự thân hành-ác là trạng-thái của chánh-nghiệp tâm-sở.

2- *Viramaṇaraso*: Tránh xa 3 tà-nghiệp là phận sự của chánh-nghiệp tâm-sở.

3- *Micchākamantapahāṇapaccupaṭṭhāno*: Diệt 3 tà-nghiệp là quả hiện hữu của chánh-nghiệp tâm-sở.

4- *Saddhāhirottappādiguṇapadaṭṭhāno*: Có đức-tin, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi,... là nhân-duyên gần phát sinh *sammākamantacetāsika*.

***Sammākamanta* chánh-nghiệp có 3 loại:**

- *Kiriyāsammākamanta*: Hành chánh-nghiệp là thân hành công việc phước-thiện đem lại sự lợi ích cho mình và chúng-sinh.

- *Cetanāsammākamanta*: Tác-ý chánh-nghiệp là tác-ý tránh xa 3 tà-nghiệp, hành 3 chánh-nghiệp.

- Tránh xa sự sát-sinh, mà hành phóng sinh.

- Tránh xa sự trộm-cắp, mà hành phước-thiện bố-thí đến chúng-sinh.

- *Tránh xa sự tà-dâm, mà thực-hành phạm hạnh cao thượng.*

- *Viratisammākamanta: Chế ngự tà-nghiệp,* là khi tiếp xúc trực tiếp đối diện với đối-tượng dễ phát sinh trộm-cắp, nhưng tránh xa sự trộm-cắp gọi là *viratisammākamanta*.

III.2.3- *Sammā-ājīvacetasika:* *Chánh-mạng tâm-sở* là tịnh-hảo tâm-sở đồng sinh với *đại-thiện-tâm* hoặc *siêu-tam-giới-tâm*, tránh xa 3 thân hành-ác, tránh xa 4 khẩu nói-ác liên quan đến sự nuôi mạng.

Trạng-thái riêng của *sammā-ājīvacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Vodānalakkaṇo:* Sự nuôi mạng trong sạch là trạng-thái của *chánh-mạng tâm-sở*.

2- *Kāyajīvappavattiraso:* Sự nuôi mạng do thân và khẩu trong sạch là phận sự của *chánh-mạng tâm-sở*.

3- *Micchā ājīvapahānapaccupaṭṭhāno:* Diệt tà-mạng là quả hiện hữu của *chánh-mạng tâm-sở*.

4- *Saddhāhirottappādiguṇapadaṭṭhāno:* Có đức-tin, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, ... là nhân-duyên gần phát sinh *sammā-ājīvacetasika*.

Sammā-ājīva *chánh-mạng* có 2 loại:

- *Vīriyasammā ājīva:* *Tinh-tấn chánh-mạng* là tinh-tấn làm công việc nuôi mạng hợp pháp.

- *Viratisammā ājīva*: *Chế ngự tà-mạng* là tránh xa 3 thân hành-ác, tránh xa 4 khẩu nói-ác liên quan đến sự nuôi mạng, khi tiếp xúc trực tiếp đối diện với đối-tượng gọi là *viratisammā ājīva*.

Viraticetasika: *Chế ngự tâm-sở* có 3 loại: *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* là 3 tịnh-hảo tâm-sở đồng sinh với *đại-thiện-tâm* hoặc *siêu-tam-giới-tâm*.

Trạng-thái riêng của *viraticetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Viratiyo duccarita avītikkamalakkhaṇā*: *Chế ngự tâm-sở* không phạm mọi hành-ác do thân và khẩu là trạng-thái của *ché ngự tâm-sở*.

2- *Kāyaduccaritādivatthuto tato saṅkocanasā*: Từ bỏ 3 thân hành-ác, 4 khẩu nói-ác là phận sự của *ché ngự tâm-sở*.

3- *Akiriyaṇapaccupaṭṭhānā*: Không tạo mọi ác-nghiệp, tránh xa mọi hành-ác do thân và khẩu là quả hiện hữu của *ché ngự tâm-sở*.

4- *Saddhā sati hirottappa appicchatādiguṇapadaṭṭhānā*: Có đức-tin, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, ít tham muốn, ... là nhân-duyên gần phát sinh *viraticetasika*.

Tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng

* Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh* với *tham-tâm* nói-dối lường gạt người khác, để

chiếm đoạt của cải tài sản đem về nuôi mạng thì người ấy đã tạo *khẩu nói-ác* liên quan đến nuôi mạng, nên thuộc về *tà-ngữ và tà-mạng*.

* Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh* với *sân-tâm* ghét người, nên nói-dối lường gạt họ, để gây thiệt hại của cải tài sản, không chiếm đoạt thì người ấy đã tạo *khẩu nói-ác* không liên quan đến nuôi mạng, nên chỉ thuộc về *tà-ngữ mà không phải tà-mạng*.

* Nếu người nào làm nghề đồ tể giết mổ gia súc bán thịt nuôi mạng thì người ấy đã tạo *thân hành-ác* liên quan đến nuôi mạng, nên thuộc về *tà-nghiệp và tà-mạng*.

* Nếu người nào thích câu cá, săn bắn thú rừng làm thú tiêu khiển, thì người ấy đã tạo *thân hành-ác* không liên quan đến nuôi mạng, nên thuộc về *tà-nghiệp mà không phải tà-mạng*.

* **3 chế ngự tâm-sở** này đồng sinh với 16 hoặc 48 *tịnh-hảo-tâm*:

- 8 *đại-thiện-tâm*.
- 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

* 3 *chế ngự tâm-sở* không đồng sinh với 73 *tâm* còn lại:

- 12 *bất-thiện-tâm*.
- 18 *vô-nhân-tâm*.
- 8 *đại-quả-tâm*.

- 8 đại-duy-tác-tâm.
- 15 sắc-giới-tâm.
- 12 vô-sắc-giới-tâm.

Virati: Chế ngự có 3 loại:

- 1- *Samādānavirati:* Chế ngự do thọ trì giới.
- 2- *Sampattivirati:* Chế ngự do đối diện với đối-tượng hiện-tại.
- 3- *Samucchadavirati:* Chế ngự do Thánh-đạo-tuệ.

Năng lực của mỗi chế ngự

* *Năng lực của chế ngự tâm-sở do thọ trì giới như thế nào?*

Người nào trước đã thọ trì giới xong, về sau tiếp xúc trực tiếp với đối-tượng có thể phạm điều-giới, nhưng người ấy chế ngự do thọ trì giới, nên không phạm điều-giới. Ví dụ:

* Buổi sáng, một cận-sự-nam đến chùa, đảnh lễ Ngài Trưởng-lão, xin *thọ phép quy-y Tam-bảo cùng với thọ-trì ngũ-giới*, rồi trở về nhà dặt trâu ra đồng cày ruộng, cày xong, thả trâu đi ăn cỏ. Con trâu đi lạc, cận-sự-nam đi theo dấu chân trâu vào rừng, gặp *con trăn lớn* bò đến quấn chặt siết mạnh thân mình của ông, cận-sự-nam cảm giác vô cùng đau đớn, ông có mang sẵn con dao bén trong mình, cận-sự-nam có ý định rút con dao ra giết con trăn để thoát chết, chợt nhớ lại rằng: “*Sáng nay, ta đã xin thọ phép quy-y Tam-*

bảo cùng với thọ-trì ngũ-giới nơi Ngài Trưởng-lão, có điều giới:

“Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadam samā-diyāmi.” (Con xin thọ-trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.)

Bây giờ, muốn thoát chết, ta có ý định giết con trăn này thì phạm điều-giới sát-sinh. Đó là điều không nên đối với ta là cận-sự-nam.”

Do suy nghĩ như vậy, nên người cận-sự-nam ném con dao ra xa, quyết tâm giữ gìn ngũ-giới tránh xa sự sát-sinh.

Do năng lực của giới trong sạch của cận-sự-nam nên con trăn lớn xả ra, rồi bò đi nơi khác.

Câu chuyện này, cận-sự-nam từ khi thọ trì ngũ-giới cho đến lúc đi vào rừng tìm con trăn, chưa gọi là *virati: chế ngự*, khi quyết tâm giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh, mới gọi là *samādānavirati: chế ngự do thọ trì giới*.

** Năng lực của chế ngự do đối diện với đối-tượng hiện-tại như thế nào?*

Tích câu Jaggana tại đảo quốc Sīhala, nay gọi là Srilanka. Tích được tóm lược như sau:

Người mẹ lâm bệnh cần *món thịt thỏ nấu với thuốc*, người anh bảo *cậu Jaggana* vào rừng bắt con thỏ. Vâng lời anh, *cậu Jaggana* mang bẫy vào rừng bắt được một con thỏ con, sẽ giết nó chết.

Nhìn thấy thỏ con run sợ chết, *cậu Jaggana* phát sinh tâm bi thương xót, biết hổ-then tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tránh xa sự sát-sinh, nên thả con thỏ con được tự do chạy vào rừng.

Cậu Jaggana trở về nhà, đến quỳ bên giường mẹ phát nguyện rằng:

“*Kính thưa mẹ, từ khi con hiểu biết cho đến nay, chưa từng có tác-ý sát-hại chúng-sinh bao giờ. Do lời chân thật này, xin cho mẹ khỏi căn bệnh này.*”

Sau khi *cậu Jaggana* phát nguyện xong, căn bệnh của mẹ *cậu* được khỏi hẳn.

Tích này, trước đó *cậu Jaggana* không thọ trì giới, khi tiếp xúc trực tiếp đối diện hiện-tại với thỏ con, không giết nó, tránh xa sự sát-sinh, nên gọi là *sampattivirati: chế ngự thân hành-ác do đối diện với đối-tượng hiện-tại.*

* *Năng lực của chế ngự do Thánh-đạo-tuệ như thế nào?*

Hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* phát sinh có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên diệt tận được 3 *thân hành-ác*, 4 *khẩu hành-ác*, nên gọi là *samucchadavirati: chế ngự do Thánh-đạo-tuệ.*

III.3- **Appamaññācetasika**: Vô-lượng tâm-sở là *tịnh-hảo tâm-sở* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 3 *đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm*, 3 *đệ-nhi-thiền sắc-giới thiện-tâm*, 3 *đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm*, 3 *đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm* có đối-tượng chúng-sinh vô lượng.

Appamaññācetasika: Vô-lượng tâm-sở có 2 tâm-sở:

- *Karuṇācetasika*: Bi tâm-sở.
- *Muditācetasika*: Hỷ tâm-sở.

III.3.1- **Karuṇācetasika**: Bi tâm-sở là tâm-sở thương xót chúng-sinh đang khổ (*dukkhitasatta-paññatti*).

Trạng-thái riêng của *karuṇācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Dukkhāpanayanākārapavattilakkhaṇā*: Muốn cứu giúp chúng-sinh khác thoát khỏi khổ là *trạng-thái của bi tâm-sở*.

2- *Paradukkhāsahanarasā*: Giúp chúng sinh khác thoát khỏi khổ là *phận-sự của bi tâm-sở*.

3- *Avihimsāpaccupaṭṭhānā*: Không làm hại chúng sinh là *quả hiện hữu của bi tâm-sở*.

4- *Dukkhābhibhūtānaṃ anāthabhāvadassana-padaṭṭhānā*: Thấy chúng sinh trong cảnh cô đơn đang lâm vào cảnh khổ là *nguyên-nhân gần phát sinh karuṇācetasika*.

Tâm bi giả là thấy cảnh khổ người khác, không chịu nổi nên phát sinh tâm sầu não.

Karuṇā: Tâm bi là một đề-mục thiên-định niệm rải tâm bi trong bốn đề-mục thiên-định tứ vô-lượng-tâm. Đề-mục thiên-định niệm rải tâm bi có đối-tượng thiên-định là dukkhasattapaññatti: chúng-sinh đang trong cảnh khổ, có khả năng chỉ chứng đắc từ đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm cho đến đệ-tứ-thiền sắc-giới-tâm mà thôi.

Đề-mục thiên-định niệm rải tâm bi không có khả năng chứng đắc đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm, bởi vì đề-mục thiên-định này cần có chi-thiền lạc, mà đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm chỉ có 2 chi-thiền xả và nhất-tâm mà thôi.

* **Karuṇācetasika:** Bi tâm-sở đồng sinh với 28 tịnh-hảo-tâm:

- 8 đại-thiện-tâm.
- 8 đại-duy-tác-tâm.
- 3 đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-nhị-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-tam-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-tứ-thiền sắc-giới-tâm.

* **Karuṇācetasika:** Bi tâm-sở không đồng sinh với 61 tâm còn lại:

- 12 bất-thiện-tâm.
- 18 vô-nhân-tâm.
- 8 đại-quả-tâm.

- 3 đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm.
- 12 vô-sắc-giới-tâm.
- 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

III.3.2- Muditācetasika: Hỷ tâm-sở là tâm-sở hoan-hỷ với chúng-sinh đang hưởng an-lạc (*sukhitasattapaññatti*).

Trạng-thái riêng của *muditācetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Parasampatti anupamodanalakkhaṇā*: Phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ trong của cải tài-sản, danh tiếng của người khác là *trạng-thái của hỷ tâm-sở*.

2- *Anissāyanarasā*: Không có tâm ganh tỵ là *phận-sự của hỷ tâm-sở*.

3- *Arativighātapaccupaṭṭhānā*: Diệt tâm ghen ghét là *quả hiện hữu của hỷ tâm-sở*.

4- *Sattanam sampattidassanapadaṭṭhānā*: Nhìn thấy của cải tài-sản, danh tiếng của tất cả chúng-sinh là *nguyên-nhân gần phát sinh muditācetasika*.

Tâm hỷ giả là hoan-hỷ đồng sinh với tham-tâm thấy đối-tượng tốt đáng hài lòng.

Muditā: Tâm hỷ là một đề-mục thiền-định niệm rải tâm hỷ trong 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm. Đề-mục thiền-định niệm rải tâm hỷ có đối-tượng thiền-định là *sukhitasattapaññatti*: chúng-sinh đang hưởng sự an-lạc, có khả năng

chỉ chứng đắc từ *đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm* cho đến *đệ-tứ-thiền sắc-giới-tâm* mà thôi.

Đề-mục thiền-định niệm rải tâm hỷ không có khả năng chứng đắc *đệ-ngũ-thiền sắc-giới-tâm*, bởi vì *đề-mục thiền-định* này cần có *chi-thiền lạc*, mà *đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm* chỉ có 2 chi-thiền là *xả* và *nhất-tâm* mà thôi.

* *Muditācetasika*: *Hỷ tâm-sở* đồng sinh với 28 tịnh-hảo-tâm, và không đồng sinh với 61 tâm còn lại giống như *karuṇācetasika*: *bi tâm-sở*.

Vấn: *Appamaññā* có 4 *đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm* là *mettā, karuṇā, muditā, upekkhā*, tại sao trong phần *appamaññācetasika*: *vô-lượng tâm-sở* chỉ có 2 *tâm-sở* là *karuṇācetasika*: *bi tâm-sở* và *muditācetasika*: *hỷ tâm-sở* mà thôi?

Đáp: *Appamaññā* có 4 *đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm* là *mettā, karuṇā, muditā, upekkhā*.

* *Đề-mục thiền-định niệm rải tâm từ (mettā)* đến *chúng-sinh vô-lượng* có *chi pháp* là *adosa-cetasika*: *vô-sân tâm-sở* có *đối-tượng thiền-định* là *piyamanāpasattapaññatti*: *chúng-sinh đáng thương đáng kính*.

* *Đề-mục thiền-định niệm rải tâm bi (karuṇā)* đến *chúng-sinh vô-lượng* có *chi pháp* là *karuṇā-cetasika*: *bi tâm-sở* có *đối-tượng thiền-định* là *dukkhitasattapaññatti*: *chúng-sinh đang khổ*.

* *Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô-lượng có chi-pháp là muditā-cetasika: hỷ tâm-sở có đối-tượng thiền-định là sukhitasattapaññatti: chúng-sinh đang hưởng sự an-lạc.*

* *Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-xả (upekkhā) đến chúng-sinh vô-lượng có chi-pháp là tatra-majjhatacetasika: trung-dung tâm-sở có đối-tượng thiền-định là majjhatasattapaññatti: chúng-sinh không thương không ghét.*

Như vậy, 2 tâm-sở là adosacetasika và tatra-majjhatacetasika là 2 chi-pháp của **đề-mục thiền-định mettā** và **đề mục thiền-định upekkhā** đã trình bày trong phần cetasika, nên chỉ còn karuṇācetasika và muditācetasika mà thôi.

III.4- Paññindriyacetasika có 1 tâm-sở

1- *Paññindriyacetasika: Tuệ-chủ tâm-sở là trí-tuệ kammassakatāpaññā biết rõ thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào mà ta đã tạo là của riêng, ta sẽ hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy, và chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy; và là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp danh-pháp; là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của sắc-pháp danh-pháp; là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp,*

danh-pháp, đặc biệt nhất là *trí-tuệ-thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.

Trí-tuệ (paññā) này là *chủ (indriya)* có khả năng đặc biệt diệt được *vô-minh (avijjā)*, cho nên gọi là *paññindriyacetasika: tuệ-chủ tâm-sở*.

Trạng-thái của *paññindriyacetasika* có 4 pháp *lakkhaṇādicatuka*:

1- *Dhammasabhāvapaṭivedhalakkhaṇā*: Thấy rõ, biết rõ được thật-tánh-pháp là *trạng-thái của trí-tuệ tâm-sở*.

2- *Dhammānaṃ sabhāvapaṭichādakamohan-dhakāraviddhasanarasā*: Diệt tâm tối tăm (si-mê) che phủ thật-tánh của các pháp là *phận sự của trí-tuệ tâm-sở*.

- (*vā*) *tatthappakāsanarasā*: Thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của các pháp là *phận sự của trí-tuệ tâm-sở*.

- (*vā*) *paramatthapakāsanarasā*: Thấy rõ, biết rõ sự-thật chân-nghĩa-pháp là *phận sự của trí-tuệ tâm-sở*.

- (*vā*) *catusaccavibhāvanakiccānarasā*: Làm phận sự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế là *phận sự của trí-tuệ tâm-sở*.

3- *Asammohapaccupaṭṭhānā*: Không mê muội có trí-tuệ sáng suốt là *quả hiện hữu của trí-tuệ tâm-sở*.

4- *Samādhipadaṭṭhānā*: Có định-tâm vững vàng là nguyên-nhân gần phát sinh *paññindriyacetāsika*.

* *Paññindriyacetāsika*: Tuệ-chủ tâm-sở chỉ đồng sinh với 47 hoặc 79 tâm như sau:

- 12 dục-giới tịnh-hảo-tâm hợp với trí-tuệ.
- 15 sắc-giới-tâm.
- 12 vô-sắc-giới-tâm.
- 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm mà thôi.

* *Trí-tuệ* có khả năng như sau:

- *Kammassakatāpaññā*: Trí-tuệ biết rõ bất-thiện-nghiệp nào, đại-thiện-nghiệp nào mà ta đã tạo rồi thuộc về của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả khổ của ác-nghiệp ấy, thừa hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

- *Mahaggatapaññā*: Trí-tuệ đồng sinh với 15 sắc-giới tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm.

- *Lokiyavipassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của sắc-pháp danh-pháp tam-giới; trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp danh-pháp tam-giới.

- *Lokuttaravipassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

* *Paññindriyacetāsika*: Tuệ-chủ tâm-sở không đồng sinh với 42 tâm còn lại:

- 12 bất-thiện-tâm.
- 18 vô-nhân-tâm.
- 12 tịnh-hảo-tâm không hợp với trí.

Aniyatayogīcetasika: Bất-định tâm-sở

52 tâm-sở đồng sinh với tâm có 2 loại:

1- *Niyatayogīcetasika*: Cố-định tâm-sở có 41 tâm-sở chắc chắn đồng sinh với các tâm.

2- *Aniyatayogīcetasika*: Bất-định tâm-sở có 11 tâm-sở không chắc chắn, khi thì đồng sinh với tâm, khi thì không đồng sinh với tâm.

Bất-định tâm-sở có 11 tâm-sở:

- *Mānacetasika*: Ngã-mạn tâm-sở.
- *Issācetasika*: Ganh-tỵ tâm-sở.
- *Macchariyacetāsika*: Keo-kiệt tâm-sở.
- *Kukkuccacetāsika*: Hối-hận tâm-sở.
- *Thīnacetasika*: Buồn-chán tâm-sở.
- *Middhacetāsika*: Buồn-ngủ tâm-sở.
- *Sammāvācācetasika*: Chánh-ngữ tâm-sở.
- *Sammākammantacetāsika*: Chánh-nghiệp tâm-sở.
- *Sammā-ājīvacetasika*: Chánh-mạng tâm-sở.
- *Karuṇācetasika*: Bi tâm-sở.
- *Muditācetasika*: Hỷ tâm-sở.

11 bất-định tâm-sở này không chắc chắn khi

thì đồng sinh với tâm, khi thì không đồng sinh với tâm, chia ra làm 3 loại:

1- Nānākadācetasika: Tâm-sở sinh riêng rẽ khi thì đồng sinh với tâm, khi thì không đồng sinh với tâm, có 8 bất-định tâm-sở là:

1- *Issācetasika:* Ganh-ty tâm-sở.

2- *Macchariyacetāsika:* Keo-kiệt tâm-sở.

3- *Kukkuccacetāsika:* Hối-hận tâm-sở.

4- *Sammāvācācetasika:* Chánh-ngữ tâm-sở.

5- *Sammākammantacetāsika:* Chánh-nghiệp tâm-sở.

6- *Sammā-ājīvacetasika:* Chánh-mạng tâm-sở.

7- *Karuṇācetasika:* Bi tâm-sở.

8- *Muditācetasika:* Hỷ tâm-sở.

Tám bất-định tâm-sở này, mỗi tâm-sở có mỗi đối-tượng khác nhau, cho nên mỗi tâm-sở sinh riêng rẽ, không chắc chắn, khi thì đồng sinh với tâm tương xứng, khi thì không đồng sinh với tâm tương xứng, nên gọi là *nānākadācetasika*.

* ***Ganh-ty tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở*** (trong nhóm sân có 4 tâm-sở) mỗi bất-định tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau, nên sinh riêng rẽ, không chắc chắn, khi đồng sinh với 2 sân-tâm, khi không đồng sinh với 2 sân-tâm.

* ***Viraticetasika:*** Chế ngự tâm-sở có 3 tâm-sở là *chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 16 hoặc 48 tâm.

- Nếu 3 chế ngự tâm-sở thuộc về *lokiyaviraticetasika*: tam-giới chế ngự tâm-sở là **aniyata-yogīcetasika**: bất-định tâm-sở thuộc về loại **nānākadācīcetasika** thì mỗi bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh trong 8 đại-thiện-tâm.

- Nếu 3 chế ngự tâm-sở thuộc về *lokuttaraviraticetasika*: siêu-tam-giới chế ngự tâm-sở thuộc về loại **niyata-ekatocetasika**: chế ngự tâm-sở cố định thì 3 chế ngự tâm-sở này chắc chắn cùng đồng sinh với nhau trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

* **Bi tâm-sở** và **hỷ tâm-sở** thuộc về vô-lượng tâm-sở (*appamaññācetasika*), mà mỗi bất-định tâm-sở có mỗi đối-tượng chúng-sinh khác nhau, nên mỗi tâm-sở riêng rẽ không chắc chắn khi thì không đồng sinh, khi thì đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 3 đệ-nhất-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-nhị-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-tam-thiền sắc-giới-tâm, 3 đệ-tứ-thiền sắc-giới-tâm, nên gọi là **nānākadācīcetasika**.

2- **Kadācīcetasika**: Bất-định tâm-sở khi có, khi không, không chắc chắn chỉ có 1 bất-định tâm-sở là **ngā-maṇa tâm-sở** (trong nhóm tham có 3 tâm-sở), khi thì đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, khi thì không đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến nên gọi là **kadācīcetasika**.

3- Sahakadācīcetasika: *Bất-định tâm-sở* khi cùng có, khi cùng không, không chắc chắn có 2 tâm-sở là **buồn-chán tâm-sở** (*thinacetāsika*) và **buồn-ngủ tâm-sở** (*middhacetāsika*) khi thì cả 2 tâm-sở này cùng đồng sinh với 5 **bất-thiện-tâm cần tác-động** (4 **tham-tâm cần tác-động** và 1 **sân-tâm cần tác-động**) nên gọi là **sahakadācīcetasika**, khi thì cả 2 tâm-sở này không đồng sinh với 5 **bất-thiện-tâm cần tác-động**.

Giảng giải bất-định tâm-sở

* **Ngã-mạn-tâm-sở** (*mānacetasika*) là **bất-định tâm-sở không chắc chắn**, khi thì đồng sinh với 4 **tham-tâm không hợp với tà-kiến**, khi thì không đồng sinh với 4 **tham-tâm không hợp với tà-kiến**.

Khi **tham-tâm không hợp với tà-kiến** phát sinh nếu có **ngã-mạn chấp ngã** tự sánh mình với người thì **ngã-mạn tâm-sở** đồng sinh với **tham-tâm không hợp với tà-kiến** ấy; nhưng nếu không có **ngã-mạn chấp ngã** tự sánh mình với người thì **ngã-mạn tâm-sở** không đồng sinh với 4 **tham-tâm không hợp với tà-kiến** ấy.

Vì vậy, *mānacetasika* gọi là *kadācīcetasika*.

* 3 **bất-định tâm-sở** là **ganh-ty tâm-sở** (*issācetasika*), **keo-kiệt tâm-sở** (*macchariyacetāsika*), **hối-hận tâm-sở** (*kukkuccacetāsika*) (trong nhóm **sân có 4 tâm-sở**), mỗi tâm-sở có mỗi **đôi-tượng**

khác nhau, nên mỗi tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với sân-tâm, không chắc chắn, khi thì đồng sinh với 2 sân-tâm, khi thì không đồng sinh với 2 sân-tâm.

- Nếu khi nào *sân-tâm* phát sinh mà *không có ganh-tỵ, cũng không có keo-kiệt, cũng không có hối-hận* mà có đối-tượng khác thì cả 3 *tâm-sở ganh-tỵ, keo-kiệt, hối-hận* không có tâm-sở nào đồng sinh với sân-tâm ấy.

- Nếu khi nào sân-tâm phát sinh *có ganh-tỵ* thì khi ấy *ganh-tỵ tâm-sở* đồng sinh với sân-tâm ấy mà *không có 2 tâm-sở keo-kiệt, hối-hận*.

- Nếu khi nào sân-tâm phát sinh *có keo-kiệt* thì khi ấy *keo-kiệt tâm-sở* đồng sinh với sân-tâm ấy mà *không có 2 tâm-sở ganh-tỵ, hối-hận*.

- Nếu khi nào sân-tâm phát sinh *có hối-hận* thì khi ấy *hối-hận tâm-sở* đồng sinh với sân-tâm ấy mà *không có 2 tâm-sở ganh-tỵ, keo-kiệt*.

Vì vậy, 3 bất-định tâm-sở là *issācetasika, macchariyacetāsika, kukkucacetāsika* gọi là *nānākadācicetasika*.

* **Buồn-chán tâm-sở** (*thīnacetasika*) và **buồn-ngủ tâm-sở** (*middhacetāsika*) là 2 tâm-sở cùng đồng sinh với 5 *bất-thiện-tâm cần tác-động* (*bốn tham-tâm cần tác-động và 1 sân-tâm cần tác-động*) không chắc chắn, bởi vì:

- Nếu khi nào *bất-thiện-tâm cần tác-động* nào phát sinh, nhưng *bất-thiện-tâm ấy* vẫn có năng lực biết đối-tượng, không chán nản, không buông bỏ đối-tượng thì khi ấy *buồn-chán tâm-sở* và *buồn-ngủ tâm-sở* không đồng sinh với *bất-thiện-tâm cần tác-động ấy*.

- Nếu khi nào *bất-thiện-tâm cần tác-động* nào phát sinh, nhưng *bất-thiện-tâm ấy* không còn có năng lực biết đối-tượng, chán nản, buông bỏ đối-tượng thì khi ấy *buồn-chán tâm-sở* và *buồn-ngủ tâm-sở* đều đồng sinh với *bất-thiện-tâm cần tác-động ấy*.

Vì vậy, 2 bất-định tâm-sở *thinacetāsika*, *middhacetāsika* gọi là *sahakadācīcetasika*.

* **Chế ngự-tâm-sở** có 3 tâm-sở là chánh-ngữ tâm-sở (*sammāvācā*), chánh-nghiệp tâm-sở (*sammākammanta*), chánh-mạng tâm-sở (*sammā-ājīvacetasika*) đồng sinh với 16 hoặc 48 tịnh-hảo-tâm.

* Nếu 3 chế ngự tâm-sở thuộc về **lokīyavīratīcetasika**: tam-giới chế ngự tâm-sở thuộc về *anīyatayogīcetasika*: bất-định tâm-sở loại **nānākadācīcetasika** thì mỗi bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh trong 8 đại-thiện-tâm, bởi vì:

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh do đức-tin, trí-tuệ, v.v...không liên quan đến tránh xa 3 thân hành-ác, không liên quan đến tránh xa 4

khẩu hành-ác, không liên quan đến *sự nuôi-mạng* thì khi ấy 3 *ché ngự-tâm-sở* không có tâm-sở nào đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh để *tránh xa 4 khẩu hành-ác*, không liên quan đến *sự nuôi-mạng* thì khi ấy chỉ có ***chánh-ngữ tâm-sở*** đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy mà thôi, còn *chánh-nghiệp* và *chánh-mạng* không đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh để *tránh xa 3 thân hành-ác*, không liên quan đến *sự nuôi-mạng* thì khi ấy chỉ có ***chánh-nghiệp tâm-sở*** đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy mà thôi, còn *chánh-ngữ* và *chánh-mạng* không đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh *nuôi mạng chân chánh* không liên quan đến *khẩu hành-ác* và *thân hành-ác* thì khi ấy chỉ có ***chánh-mạng tâm-sở*** đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy mà thôi, còn *chánh-ngữ* và *chánh-nghiệp* không đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh để *tránh xa khẩu hành-ác* liên quan đến *sự nuôi-mạng* thì khi ấy có ***chánh-ngữ tâm-sở*** và ***chánh-mạng tâm-sở*** đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh để *tránh xa thân hành-ác* liên quan đến *sự nuôi-mạng* thì khi ấy có **chánh-nghiệp tâm-sở** và **chánh-mạng tâm-sở** đồng sinh với đại-thiện-tâm ấy.

Vì vậy, 3 tâm-sở *sammāvācācetasika*, *sammā-kammantacetasika*, *sammā-ājīvacetasika* gọi là *nānākadācetasika*.

* Nếu 3 chế ngự tâm-sở thuộc về **lokuttaraviraticetasika** loại **niyata-ekatocetasika** thì 3 chế ngự tâm-sở này chắc chắn cùng đồng sinh với nhau trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

- Khi chế ngự tâm-sở có 3 tâm là *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* thuộc về **lokuttaraviraticetasika**: *siêu-tam-giới chế ngự tâm-sở* chắc chắn đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* có cùng đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Bởi vì trong *Thánh-đạo-tâm* và *Thánh-quả-tâm* có đầy đủ 8 chánh: *chánh-kiến*, *chánh-tu-đuy*, *chánh-ngữ*, *chánh-nghiệp*, *chánh-mạng*, *chánh-tinh-tán*, *chánh-niệm*, *chánh-định* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, cho nên *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* là 3 chế ngự tâm-sở gọi là **niyata-ekatocetasika** cùng đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

* *Appamaññācetasika*: Vô-lượng tâm-sở có 2 tâm-sở là *bi tâm-sở* (*karuṇācetasika*) và *hỷ tâm-sở* (*muditācetasika*), là 2 bất-định tâm-sở không chắc chắn, khi đồng sinh, khi không đồng sinh với 28 *tịnh-hảo-tâm*.

- Nếu khi nào đại-thiện-tâm phát sinh do đức-tin, trí-tuệ, chánh-ngữ, v.v... không liên quan đến *sự thương xót chúng-sinh đang khổ* (*dukkhitasattapaññatti*), hoặc *hoan-hỷ đối với chúng-sinh đang hưởng sự an-lạc* (*sukhitasattapaññatti*) thì khi ấy 2 *vô-lượng tâm-sở* không phát sinh.

- Nếu khi nào hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định *kaṣiṇa* dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới-tâm, không phải là đề-mục thiền-định *sattapaññatti: chúng-sinh chế-định* thì khi ấy 2 *vô-lượng tâm-sở* không đồng sinh với các tâm ấy.

- Nhưng nếu khi nào hành-giả có đại-thiện-tâm, đại-duy-tác-tâm, sắc-giới-thiền thiện-tâm phát sinh do *đề-mục niệm rải tâm bi* đến *dukkhitasattapaññatti: chúng-sinh đang khổ* thì khi ấy ***bi tâm-sở*** đồng sinh với 28 *tịnh-hảo-tâm* đó là 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 12 *sắc-giới thiền-tâm* (trừ 3 *đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiền-tâm*), còn ***hỷ tâm-sở*** không đồng sinh với 28 tâm ấy.

- Nếu khi nào hành-giả có đại-thiện-tâm, đại-duy-tác-tâm, sắc-giới thiền-tâm phát sinh do *đề-*

mục niệm rải tâm-hỷ đến *sukhitasattapaññatti*: chúng-sinh đang hưởng an-lạc thì khi ấy **hỷ tâm-sở** đồng sinh với 28 *tịnh-hảo-tâm* đó là 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 12 *sắc-giới thiên-tâm* (trừ 3 *đệ-ngũ-thiên sắc-giới thiên-tâm*), còn **bi tâm-sở** không đồng sinh với 28 tâm ấy.

Vì vậy, 2 bất-định tâm-sở *karuṇācetasika* và *muditācetasika* gọi là ***nānākadācetasika***.

Niyatayogīcetasika: Cố-định tâm-sở là tâm-sở chắc chắn đồng sinh với tâm, có 41 tâm sở:

- *Sabbacittasādhāraṇacetasika* có 7 tâm-sở.
- *Pakiṇṇakacetasika* có 6 tâm-sở.
- *Mocatukacetasika* có 4 tâm-sở.
- *Lobhacetasika* có 1 tâm-sở.
- *Diṭṭhicetasika* có 1 tâm-sở.
- *Dosacetasika* có 1 tâm-sở.
- *Vicikicchācetasika* có 1 tâm-sở.
- *Sobhaṇasādhāraṇacetasika* có 19 tâm-sở.
- *Paññindriyacetasika* có 1 tâm-sở.

Gồm có 41 tâm-sở đồng sinh với tâm liên quan cố-định.

- *Sabbacittasādhāraṇacetasika* có 7 tâm-sở chắc chắn đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

- *Pakiṇṇakacetasika* có 6 tâm-sở đồng sinh rải rác với các tâm thích hợp theo tuần tự 55 tâm, 66

tâm, 78 hoặc 110 tâm, 73 hoặc 105 tâm, 51 tâm, 69 hoặc 101 tâm.

- *Mocatukacetāsika* có 4 tâm-sở là *mohacetāsika*, *ahirikacetāsika*, *anottappacetāsika*, *uddhaccacetāsika* chắc chắn chỉ đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm mà thôi.

- *Lobhacetāsika* chắc chắn chỉ đồng sinh với 8 tham-tâm mà thôi.

- *Diṭṭhīcetasika* chắc chắn chỉ đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến mà thôi.

- *Dosacetāsika* chắc chắn chỉ đồng sinh với 2 sân-tâm mà thôi.

- *Vicikicchācetasika* chắc chắn chỉ đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi mà thôi.

- *Sobhaṇasādhāraṇacetāsika* có 19 tâm-sở chắc chắn chỉ đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm mà thôi.

- *Paññindriyacetasika* chắc chắn chỉ đồng sinh với 47 hoặc 79 tịnh-hảo-tâm hợp với trí-tuệ mà thôi.

Vì vậy, 41 tâm-sở này gọi là *niyatayogīcetasika* là những tâm-sở chắc chắn đồng sinh với các tâm liên quan ấy.

(Xong phần 52 tâm-sở)

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp

Tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, 4 loài: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh đều tùy thuộc vào ***ngiệp và quả của nghiệp*** của mỗi chúng-sinh, hoàn toàn không tùy thuộc vào một ai cả, nên chắc chắn không có ***số-mệnh*** hoặc ***định-mệnh*** của mỗi chúng-sinh lớn nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này.

*Giả sử mỗi chúng-sinh có **số-mệnh** hoặc **định-mệnh** thì ai có khả năng an bài **số-mệnh** hoặc **định-mệnh** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ trong 4 loài, trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh???*

Đức-Phật dạy về **ngiệp** rằng:

Cetanā'ham bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā. ⁽¹⁾

- *Này chư tỳ-khuru! Sau khi đã có tác-ý rồi, mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

*Vì vậy, Như-lai dạy rằng: **Tác-ý gọi là nghiệp.***

Tác-ý (*cetanā*) đó là tác-ý tâm-sở (*cetanā-cetasika*) là một trong 52 tâm-sở, đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

¹ *Anguttaranikāya, Chakkanipāta, Nibbedhikasutta.*

Vậy, *tác-y tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với các tâm nào **gọi là nghiệp** và đồng sinh với các tâm nào **không gọi là nghiệp**?

*** Tác-y gọi là nghiệp**

Nếu khi *tác-y tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* và đồng sinh với 21 hoặc 37 *thiện-tâm* thì ***tác-y tâm-sở* ấy gọi là nghiệp** như sau:

- *Tác-y tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* gọi là ***bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* đồng sinh với 8 *dục-giới thiện-tâm* gọi là ***dục-giới thiện-nghiệp*** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* đồng sinh với 5 *sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***sắc-giới thiện-nghiệp*** bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* khi đồng sinh với 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* khi đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* gọi là ***siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** bằng ý.

*** Tác-y không gọi là nghiệp**

- Nếu khi *tác-y tâm-sở* đồng sinh với 36 hoặc 52 *quả-tâm* và 20 *duy-tác-tâm* thì ***tác-y tâm-sở* ấy không gọi là nghiệp.**

(36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 dục-giới quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm).

(20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 dục-giới duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm).

* Tính chất của nghiệp (Kamma)

Mỗi người đều có quyền hoàn toàn **chủ động lựa chọn** tạo ác-nghiệp hoặc không tạo ác-nghiệp và tạo thiện-nghiệp nào tùy theo khả năng của mình.

Nếu người nào đã tạo ác-nghiệp nào, hoặc thiện-nghiệp nào rồi thì ác-nghiệp ấy, hoặc thiện-nghiệp ấy chỉ thuộc về của riêng người ấy mà thôi, không có chung với một ai cả, không liên quan đến người nào khác.

Cũng như vậy, mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng còn là hạng phàm-nhân và ba bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai (trừ bậc Thánh A-ra-hán) đã tạo mọi đại-thiện-nghiệp nào, mọi ác-nghiệp nào dù nặng dù nhẹ từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ, cho đến kiếp hiện-tại này, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp ấy cũng đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm** sinh

rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng, không hề bị mất mát một mảy may nào cả, dù cho **thân** bị thay đổi mỗi kiếp tùy theo quả của nghiệp, còn **tâm** vẫn sinh rồi diệt liên tục có phận sự giữ gìn, tích lũy, lưu trữ tất cả mọi đại-thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng.

Suy xét về nghiệp và quả của nghiệp

Đức-Phật dạy các hàng Thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp của mình rằng:

“Kammassako’ mhi, kammadāyādo kammayoṇi kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi.” ⁽¹⁾

- *Này chư tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sư-nam, cận-sư-nữ! Các con hằng ngày nên thường suy xét rằng:*

“Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta, ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người

¹ *Âng.Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭṭhānasutta.*

thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.”

*** Tính chất quả của nghiệp (Kammaphala)**

Dĩ nhiên chính ta là người thừa hưởng quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của ta, và chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp của ta ***một cách hoàn toàn bị động***, mà không có quyền lựa chọn quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp theo ý của ta, và cũng không có quyền khước từ quả khổ của ác-nghiệp của ta.

Trong cuộc sống hiện-tại, nếu *đại-thiện-nghiệp* nào của ta gặp *thuận-duyên (sampatti)*, có cơ hội cho quả thì ta hưởng *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*, cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Nếu *ác-nghiệp* nào của ta gặp *nghịch-duyên (vipatti)*, có cơ hội cho quả thì ta phải chịu *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy*, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Hơn nữa, quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của ta, hoặc quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp của ta, không chỉ ***trực-tiếp*** riêng đối với ta mà quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy hoặc quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy của ta còn ***gián-tiếp*** ảnh hưởng đến những người thân của ta và những người khác gần gũi, thân cận với ta nữa.

Bậc thiện-trí có **chánh-kiến sở nghiệp** (*kam-massakatā sammādiṭṭhi*) **thấy đúng, biết đúng nghiệp là của riêng mình**, mỗi chúng-sinh nào trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, đã tạo mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng dù nhẹ vẫn được lưu trữ ở **trong tâm** của mỗi chúng-sinh ấy không hề bị mất mát một mảy may nào cả, dù cho **thân** của mỗi kiếp chúng-sinh ấy bị thay đổi do nghiệp và quả của nghiệp của họ, nhưng **tâm** vẫn sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, **mỗi tâm** có phận sự giữ gìn lưu trữ tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh ấy.

Nếu mỗi đại-thiện-nghiệp nào, hoặc mỗi ác-nghiệp nào có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả trong kiếp hiện-tại, kiếp kế-tiếp và kiếp vị-lai kể từ kiếp thứ ba cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sau khi *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp mới thật sự đều trở thành **vô-hiệu-quả-nghiệp** (*ahosikamma*), bởi vì *bậc Thánh A-ra-hán* không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Như vậy, tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng, còn là phạm-nhân đều bị

chi phối bởi nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên vẫn còn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* Đối với tất cả loài người trong Nam-thiện-bộ-châu (trái đất mà chúng ta đang sinh sống), *nếu đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc thì chủ nhân của đại-thiện-nghiệp ấy hưởng mọi sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, như là người thừa-kế quả của đại-thiện-nghiệp ấy (kammadāyāda).

* *Nếu bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* nào có cơ hội cho quả xấu, quả khổ thì chủ nhân của ác-nghiệp ấy phải chịu quả xấu, quả khổ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, như là người thừa-kế quả của ác-nghiệp ấy (kammadāyāda).

* **Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp**

Người ác không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có *tác-y tâm-sở* đồng sinh với 12 ác-tâm tạo 10 ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

Ác-nghiệp phát sinh nương nhờ nơi ba môn

* *Ác-nghiệp* phát sinh do nương nhờ thân-môn tạo thân ác-nghiệp, có 3 loại ác-nghiệp:

- *Ác-nghiệp sát-sinh.*
- *Ác-nghiệp trộm-cắp.*
- *Ác-nghiệp tà-dâm.*

Ba thân ác-nghiệp này phần nhiều phát sinh do nương nhờ nơi thân, còn gọi là *thân hành-ác* (*kāyaduccarita*).

* *Ác-nghiệp* phát sinh do nương nhờ *khẩu-môn* tạo *khẩu ác-nghiệp*, có 4 loại ác-nghiệp:

- *Ác-nghiệp nói-dối.*
- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*
- *Ác-nghiệp nói lời thô tục.*
- *Ác-nghiệp nói lời vô ích.*

Bốn khẩu ác-nghiệp này phần nhiều phát sinh do nương nhờ nơi khẩu, còn gọi là *khẩu hành-ác* (*vacīduccarita*).

* *Ác-nghiệp* phát sinh do nương nhờ *ý-môn* tạo *ý-ác-nghiệp*, có 3 loại ác-nghiệp:

- *Ác-nghiệp tham-lam tài sản của người khác.*
- *Ác-nghiệp thù-hận người khác.*
- *Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Ba ý-ác-nghiệp này phần nhiều phát sinh do nương nhờ nơi ý, còn gọi là *ý-hành-ác* (*mano-duccarita*).

Ác-nghiệp phát sinh do gốc ác-tâm

Mười ác-nghiệp phát sinh do gốc ác-tâm:

- 3 ác-nghiệp là ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp thù-hận cả 3 ác-nghiệp này phát sinh do gốc sân-tâm (*dosamūlacitta*).

- 3 ác-nghiệp là ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp tham-lam, ác-nghiệp tà-kiến, cả 3 ác-nghiệp này nảy phát sinh do gốc tham-tâm (*lobhamūlacitta*).

- 4 ác-nghiệp là ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời vô ích cả 4 ác-nghiệp này phát sinh do gốc tham-tâm, hoặc phát sinh do gốc sân-tâm.

- Ác-nghiệp trộm-cắp phát sinh do gốc tham-tâm là muốn trộm-cắp của cải tài sản của người khác đem về làm của riêng mình, hoặc cho gia đình của mình.

- Ác-nghiệp trộm-cắp phát sinh do gốc sân-tâm là trộm-cắp của cải tài sản của người khác, không đem về làm của riêng mình mà chỉ phá hoại của cải tài sản của người khác để trả thù mà thôi.

- Ác-nghiệp nói-dối phát sinh do gốc tham-tâm là muốn lừa gạt người khác để có lợi cho mình.

- Ác-nghiệp nói-dối phát sinh do gốc sân-tâm là nói-dối, vu oan giá họa người ấy để trả thù, làm khổ người ấy hoặc làm cho người khác phát sinh nóng nảy khổ tâm.

- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ phát sinh do gốc tham-tâm là muốn chia rẽ hai người ấy nghi kỵ, ghét bỏ lẫn nhau, để có lợi cho mình.

- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ phát sinh do gốc sân-tâm là muốn chia rẽ hai người ấy nghi kỵ, ghét bỏ lẫn nhau, để trả thù.

- *Ác-nghiệp nói lời vô ích* phát sinh do *gốc tham-tâm* là nói lời vô ích hài hước, nói chuyện khôi hài, hài kịch, ... cho những người nghe, xem, để đem lại lợi cho mình.

- *Ác-nghiệp nói lời vô ích* phát sinh do *gốc sân tâm* là nói lời vô ích, chuyện hoang đường không có thật, làm cho người nghe nổi cơn bực tức, mất lợi ích, ...

Mỗi ác-nghiệp riêng biệt phát sinh trực tiếp từ *gốc tham-tâm*, hoặc *gốc sân-tâm*. Còn mười ác-nghiệp chung phát sinh đều có gốc *si-tâm* trong mỗi ác-nghiệp.

Ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say

Vấn: *Tại sao trong mười ác-nghiệp không có ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say?*

Vậy, uống rượu, bia và chất say thuộc về ác-nghiệp nào trong mười ác-nghiệp?

Đáp: *Uống rượu, bia và chất say* là một điều-giới cấm trong ngũ-giới, trong bát-giới uposatha-sīla, v.v... của người tại-gia và cũng là một điều-giới cấm của bậc xuất-gia. Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say này thì chắc chắn người ấy đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, nhưng trong mười loại ác-nghiệp, uống rượu, bia và các chất say không quy định rõ một ác-nghiệp riêng biệt,

bởi vì *uống rượu, bia và các chất say* là loại ác-nghiệp có tính chất bất định. Cho nên, *uống rượu, bia và các chất say* không được chế định ác-nghiệp nào riêng biệt một ác-nghiệp được.

Tuy nhiên, *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* này tùy thuộc vào *ác-nghiệp* nào mà nó liên quan, thì *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* có tên gọi chung với loại *ác-nghiệp* ấy.

Xét trong những trường hợp sau

* *Trường hợp người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say để thỏa mãn cơn thèm muốn thưởng thức **hương vị của rượu, bia** hoặc chất say, rồi say túy lúy, hoàn toàn không còn biết mình, nằm ngủ cho đến khi tỉnh say.*

*Nếu như vậy, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp này được ghép vào **ác-nghiệp tà-dâm**.*

Trong điều-giới tà-dâm có danh từ *kāmesu-micchācāra* là hành bất chánh trong ngũ-dục nghĩa là hành-dâm bất chánh với người không phải là vợ, là chồng của mình.

Ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

Người phạm điều-giới tà-dâm để thỏa mãn tâm tham muốn thưởng thức **ngũ-dục** trong thân của người không phải là vợ, là chồng của mình.

Người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say để thỏa mãn cơn thèm muốn, thường thức **hương, vị** của chất rượu, bia hoặc chất say, đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, cũng như người phạm điều-giới tà-dâm để thỏa mãn tâm tham muốn thường thức **ngũ-dục** trong thân của người không phải là vợ, là chồng của mình, tạo ác-nghiệp tà-dâm. Cho nên, hai điều-giới này có đối-tượng tương tự với nhau.

Vì vậy, người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, nên ác-nghiệp này được ghép chung vào ác-nghiệp tà-dâm.

* Trường hợp một người nào vốn có tính hay nhút nhát, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, không dám tạo mọi ác-nghiệp. Khi người ấy uống rượu, bia hoặc chất say vào, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say. Chất rượu, bia hoặc chất say kích thích tâm tham, sân, si, người ấy không còn biết tự chủ, trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh không còn biết hổ-thẹn tội-lỗi, không còn biết ghê-sợ tội-lỗi, nên dám tạo mười ác-nghiệp.

Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, rồi say mê không còn biết tự chủ, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, hung hăng, dám liều lĩnh tạo ác-

nghiệp nào, thì người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say ấy được ghép chung với ác-nghiệp ấy như sau:

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người hung hăng dám liều lĩnh tạo *ác-nghiệp sát-sinh*, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với *ác-nghiệp sát-sinh*.

Tương tự như vậy:

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám tạo *ác-nghiệp trộm-cắp*, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với *ác-nghiệp trộm-cắp*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám tạo *ác-nghiệp tà-dâm*, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với *ác-nghiệp tà-dâm*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liêu lĩnh rồi *dám tạo ác-nghiệp nói-dối*, thì người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* ấy đã *tạo ác-nghiệp*, nên *ác-nghiệp* ấy được ghép chung với *ác-nghiệp nói-dối*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liêu lĩnh rồi *dám tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ*, thì người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* ấy đã *tạo ác-nghiệp*, nên *ác-nghiệp* ấy được ghép chung với *ác-nghiệp nói lời chia rẽ*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liêu lĩnh rồi *dám tạo ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)*, thì người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* ấy đã *tạo ác-nghiệp*, nên *ác-nghiệp* ấy được ghép chung với *ác-nghiệp nói lời thô tục*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liêu lĩnh rồi *dám tạo ác-nghiệp nói lời vô ích*, thì người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia và các*

chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với ác-nghiệp nói lời vô ích.

* Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám nghĩ tham lam của cải của người khác, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với ác-nghiệp tham lam của cải của người khác.

* Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám nghĩ thù oán người khác, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với ác-nghiệp thù oán người khác.

* Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi phát sinh tà-kiến thấy sai chấp lầm, thì người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy được ghép chung với ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Như vậy, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân tạo 10 ác-nghiệp, nên ác-

nghiệp uống rượu, bia và các chất say này thuộc về ác-nghiệp bất-định, vì vậy, không được chế định ra ác-nghiệp riêng biệt.

Thật vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda (lớp người hậu sinh) biên soạn bộ *Mūlaṭīkā* giải rằng:

“Tassa sabhāgattena micchācāre, upakāra-kattena dasasu pi kammapathesu anuppaveso hoti.”

Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp này được ghép chung vào ác-nghiệp tà-dâm, bởi vì phạm điều-giới này có đối-tượng tương tự như phạm điều-giới tà-dâm. Và phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân tạo 10 ác-nghiệp, nên ác-nghiệp ấy cũng được ghép chung vào trong 10 ác-nghiệp.

Tính chất nghiêm trọng của người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say

Người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự chủ, trở thành người hung hăng dám liều lĩnh tạo mọi ác-nghiệp nghiêm trọng, mà lúc tỉnh không dám làm.

Khi người nào thường dùng *các chất say* như thuốc-phiện, ma-túy, cần-sa, v.v... trở thành bệnh nghiện nặng, đến khi người ấy lên cơn

thèm khát các chất say ấy mà không có sẵn, khiến cho người ấy lên cơn điên loạn, hung hăng dám liều lĩnh tạo mọi ác-nghiệp nghiêm trọng mà lúc tỉnh không dám làm.

Như vậy, người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nguyên nhân dẫn đến tạo mọi ác-nghiệp nghiêm trọng, nên người ấy phải chịu những hậu quả tai hại trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trong Chú-giải *Suttanipātaṭṭhakathā*, giải về tội-ác của sự uống rượu, bia và các chất say:

“Yasmā pana majjapāyī aṭṭhaṃ na jānāti, dhammaṃ na jānāti, mātu antarāyaṃ karoti, pitu Buddha paccekabuddha tathāgatasāvakaṇampi antarāyaṃ karoti, diṭṭheva dhamme garahaṃ, samparāye duggatiṃ, aparāpariye ummādañca pāpuṇāti.” ⁽¹⁾

Người thường uống rượu, bia và các chất say, không biết nhân, không biết quả, gây ra sự tai hại đến sinh-mạng của mẹ cha, gây ra sự tai hại đến Đức-Phật, Đức-Phật Độc-Giác, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Trong kiếp hiện-tại, người uống rượu, bia và các chất say thường bị chư thiện-trí chê trách.

¹ Khu. Khuddakapāṭhaṭṭhakathā. Maṅgalasuttavaṇṇanā.

Sau khi người uống rượu, bia và các chất say chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy trong cõi ác-giới, nếu có đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là người mất trí, người điên cuồng.

Và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa dạy về ngũ-giới, người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện pháp tạo **đại trọng tội** (mahāsāvajja) mà hậu quả vô cùng nghiêm trọng hơn bốn điều-giới còn lại như sau:

“Apicettha surāmerayamajjappamādatthāna-meva **mahāsāvajjaṃ** na tathā pāṇātipātādayo. Kasmā manussabhūtaṃ sāvajjāpi ummattakabhāva-saṃvattanena ariyadhammantarāyakaṇaṇato ’ti. Evamettha **mahāsāvajjato** pi viññatabbo vinicchayo.”⁽¹⁾

Sự thật, trong ngũ-giới ấy, người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, tạo **ác-nghiệp đại trọng tội** (mahāsāvajja) hơn 4 điều-giới còn lại là phạm điều-giới sát-sinh, phạm điều-giới trộm-cắp, phạm điều-giới tà-

¹ Khu. Khuddakapāṭhaṭṭhakathā Ekatānānatādi vinicchaya.

dâm, phạm điều-giới nói-dối, bởi vì phạm 4 điều-giới này gây hậu quả ít nghiêm trọng hơn phạm điều-giới uống rượu và các chất say. Tại sao?

Người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say này còn là nhân làm cho người ấy mắc phải chứng bệnh điên, mất trí, làm tai hại đến pháp của bậc Thánh-nhân (ariyadhamma) đó là Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Nên hiểu rõ ý nghĩa “mahāsāvajja: ác-nghiệp đại trọng tội” phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự đẽ duôi trong mọi thiện pháp này.

Thật vậy, trong ngũ-giới, dù người nào phạm điều-giới sát-sinh như giết cha, giết mẹ đã tạo ác-nghiệp trọng-tội (akusalagarukakamma) gọi là ānantariyakamma: ác-nghiệp vô-gián trọng-tội. Sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất trong cõi đại-địa-ngục, cho đến khi mãn quả ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Sau khi thoát khỏi cõi địa-ngục, nếu có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy có thể là hạng người tam-nhân có trí-tuệ sáng suốt, có khả năng thực-hành

pháp-hành thiên-định, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, Niết-bàn được.

Như trường hợp **Đức-vua Ajātasattu** giết Đức Phụ-vương là *Đức-vua Bimbisāra* (bậc *Thánh Nhập-lưu*).

Sau đó, Đức-vua Ajātasattu biết ăn năn hối lỗi, ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh *Sāmaññaphalasutta* tế độ Đức-vua, sau khi nghe bài kinh ấy xong, Đức-vua Ajātasattu phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ, phát sinh hỷ lạc chưa từng có, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời. Khi ấy, Đức-vua thành tâm sám hối tội lỗi giết Đức Phụ-vương Bimbisāra, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Từ đó về sau, Đức-vua Ajātasattu là người cận-sự-nam có đức-tin đặc biệt trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng hộ độ Tam-bảo đến trọn đời.

Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, thời gian sau khoảng 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất, gồm có 500 vị Trưởng-lão đều là bậc Thánh A-

ra-hán, tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha đất nước Māgadha.

Đức-vua Ajātasattu là người hộ độ 500 chư Đại-đức-Tăng toàn là bậc Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất ấy, suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli.

Sau khi **Đức-vua Ajātasattu** băng hà, *ác-nghiệp giết Đức Phụ-vương* là *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* đáng lẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, nhưng nhờ *đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo* và *các đại-thiện-nghiệp khác nhất là đại-thiện-nghiệp hộ độ 500 chư Đại-đức-Tăng toàn bậc Thánh A-ra-hán* trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất ấy, nên làm giảm tiềm năng cho quả của *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* ấy, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *tiểu-địa-ngục Lohakumbhī* chịu quả khổ suốt thời gian 60.000 (sáu mươi ngàn) năm mà thôi.

Như Đức-Phật Gotama đã thọ ký như sau:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, ác-nghiệp vô-gián giết Đức Phụ-vương chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī nòi đồng sông, từ miệng nòi chìm xuống đến đáy nòi suốt 30.000 năm, rồi từ đáy

*nồi nổi lên đến miệng nồi suốt 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy, rồi do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu sẽ xuất gia trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvi** ⁽¹⁾.*

* Trong thời kỳ Đức-Phật Gotama, có Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna là bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Tiền-kiếp xa xưa của Ngài Đại-Trưởng-lão là một người con rất chí hiếu đối với mẹ cha già đui mù.

Về sau, người con vâng lời mẹ cha, chịu lấy vợ, nhưng người vợ không muốn sống chung với mẹ cha đui mù của chồng: vì chiều theo ý vợ, nên người con bày mưu đánh xe chở mẹ cha già đui mù đi thăm bà con: đến khu rừng, người con xuống xe, giả làm tên cướp đến đánh đập cha mẹ đui mù chết, rồi bỏ xác trong rừng, đã tạo **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết mẹ cha**.

Sau khi tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão chết, **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** giết mẹ cha ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ bị hành hạ trong suốt thời gian lâu

¹ Dī, Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi địa-ngục.

* Trong thời kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của người con giết mẹ cha đui mù trong kiếp quá-khứ, do nhờ *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai trong gia đình dòng dõi Bà-la-môn.

Khi sinh ra đời được đặt tên là **Kolita**, lúc trưởng thành xuất gia trở thành tỳ-khuru nơi Đức-Phật Gotama, có tên là tỳ-khuru **Mahāmoggallāna**. Tỳ-khuru Mahāmoggallāna thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn trở thành *bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, có phép-thần-thông xuất sắc đệ nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama*.

Hai tích dẫn chứng trên để chứng tỏ rằng:

Mặc dù người nào tạo *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết cha, giết mẹ, ...* Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi địa-ngục.

Thế mà, sau khi thoát khỏi địa-ngục, do nhờ

đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm **hạng người tam-nhân** có khả năng thực-hành *pháp-hành thiên-định, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Còn như người nào **phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say**, sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp này có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới mong thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới rồi, nếu có *đại-thiện-nghiệp* khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy sẽ là **người mắc bệnh điên cuồng, mất trí**, không có khả năng thực-hành *pháp-hành thiên-định* hoặc thực hành *pháp-hành thiên-tuệ*, không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo*, *Thánh-quả*, *Niết-bàn*.

Người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, dám liều lĩnh tạo mọi ác-nghiệp, sẽ đem lại những hậu quả tai-hại vô cùng nghiêm trọng trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai như vậy.

Sự tai hại của sự uống rượu, bia và các chất say

Trong **ngũ-giới** có 5 điều-giới từ điều-giới thứ nhất đến điều-giới thứ tư, người nào lỡ phạm điều-giới thứ nhất tạo ác-nghiệp, thậm chí tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết mẹ, giết cha.

Sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ lâu dài trong cõi đại-địa-ngục ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới được thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Nếu có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người thuộc về hạng người tam-nhân, thì người tam-nhân ấy vẫn có khả năng tạo mọi thiện-nghiệp từ 8 dục-giới thiện-nghiệp, 5 sắc-giới thiện-nghiệp, 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho đến bốn siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Còn điều-giới thứ năm là **điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say**... Người nào đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể dôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp này rồi, đã tạo **ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say** thì có **hậu quả tai hại**

vô cùng nghiêm trọng, trong kiếp hiện-tại trở thành người nghiện rượu, bia, nghiện thuốc-phiện, nghiện ma-túy, nghiện cần-sa, nghiện thuốc lá, v.v... mắc nhiều chứng bệnh nan y, tự làm khổ mình và làm khổ những người thân yêu của mình, lại còn gây ra mọi tai họa khác nữa.

Sự tai hại của khói thuốc lá

* Ai ai cũng đều biết hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ, gây ra các chứng bệnh nan y.

Theo tổ chức y tế thế giới (WHO), trong **khói thuốc lá** có chứa hơn 7.000 loại hóa chất, trong đó có hàng trăm chất cực độc và ít nhất có 70 chất có thể gây bệnh ung thư⁽¹⁾. Trong các chất độc ấy có **chất nicotin** là chất gây nghiện.

Khói thuốc lá không chỉ có hại cho người hút thuốc lá mà còn có hại đến những người thân yêu gần gũi của người hút thuốc lá nữa.

Thật ra, **bỏ thuốc lá là việc rất dễ dàng**, nhưng người hút thuốc lá là người quá nhu nhược, không tự chủ, không chế ngự được **phiền-não tâm tham** thèm muốn hút thuốc lá, nên trở thành người **nghiện thuốc lá** mà không bỏ được.

Trong đời, có không ít người nhận thức rõ được sự **tai hại của khói thuốc lá**, nên đã từ bỏ

¹ Tham khảo trên trang dantri.com.vn

hắn hút thuốc lá, bởi vì sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho mình và cho những người thân yêu gần gũi với mình nữa.

Vậy, những người còn hút thuốc lá hãy nên có *tâm dũng cảm* từ bỏ hút thuốc lá, đó không phải là việc khó khăn gì, để tránh khỏi sự tai hại không chỉ cho bản thân của mình, mà còn cho những người thân yêu gần gũi với mình nữa.

Vả lại, trên mỗi bao thuốc lá, các nhà sản xuất đều khuyến cáo **hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ**, bởi vì ***khói thuốc lá*** có nhiều chất cực độc có thể ***gây bệnh ung thư***, ...

Đối với người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dễ dãi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp rồi, đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say thì có hậu quả tai hại vô cùng nghiêm trọng, trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

Sau khi người ác ấy chết, nếu ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-sura, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khô của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Nếu có *đại-thiện-nghiệp* nào cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người thì người ấy còn là

người mắc phải chứng bệnh điên, mất trí, làm tai hại cho sự chứng ngộ chân-lý tức Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Cho nên, *rượu, bia và các chất say có sự tai hại vô cùng nghiêm trọng như vậy*, thế mà có một số người sử dụng *rượu, bia và các chất say* như là *thức uống xã giao trong đời*.

Khi hai người bạn cũ gặp lại nhau, dẫn nhau vào quán để uống *rượu, bia; trong các buổi tiệc mừng không thể thiếu món rượu, bia để đãi các khách quý, v.v...*

Một số người lạm dụng uống *rượu, bia* và sử dụng các chất say hằng ngày, nên trở thành người nghiện *rượu, bia, nghiện thuốc-phiện, nghiện ma-túy, nghiện cần-sa, nghiện thuốc lá, v.v...* thường xảy ra tai hại, mắc nhiều chứng bệnh nan y, tự làm khổ mình và làm khổ những người thân trong gia đình, bà con thân quyến trong kiếp hiện-tại.

Sau khi *người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy chết*, nếu ác-nghiệp uống *rượu, bia và các chất say* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới; hoặc nếu đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người thì người ấy trở thành *người điên cuồng, mất trí, si mê, thật là cuộc đời quá thê thảm biết dường nào!*

Cho nên, *người thiện-trí* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết tự trọng, biết thương yêu mình, biết thương yêu mọi người, mọi chúng-sinh khác như thương yêu chính mình, nên biết *giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn*, nhất là *điều-giới tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp*, đó là *người thiện-trí biết giữ gìn nhân-phẩm quý báu vốn có trong con người của mình* từ khi đầu thai làm người, và người thiện-trí còn khuyên bảo người khác cũng biết *giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn* nữa.

Tội-ác từ say rượu

Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthi, khi ấy, Đức-Phật thuyết về tích tiền-kiếp của Đức-Phật là *Đức-Bồ-tát Dhammadhaja* ⁽¹⁾ có một đoạn giảng giải về *tội-ác khủng khiếp* phát sinh từ say rượu, được tóm lược như sau:

Đức-Bồ-tát Dhammadhaja là quan cận thân của *Đức-vua Yasapāni*, có một người bạn thân tên *Chattapāni*.

Ông Chattapāni là người thợ cắt tóc, sửa râu của *Đức-vua Yasapāni*. Ông *Chattapāni* có bản

¹ Bộ Jātaka, phần Dukanipāta, tích Dhammadhajajātaka.

tính tự nhiên do lời chân thật phát nguyện **không bao giờ uống rượu** trong suốt mỗi kiếp cho đến khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, bởi vì, ông nhận thức thấy rõ **tội-ác khỗng khiếp** phát sinh do từ uống rượu, say rượu...

Một hôm, người thợ cắt tóc *Chattapāni* tâm với Đức-vua *Yasapāni* rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, trong tiền-kiếp kẻ hạ thần đã từng ăn thịt con yêu quý của mình, bởi vì say rượu. Sau khi tỉnh say rượu, kẻ hạ thần vô cùng sầu não, khổ tâm cùng cực, vì thương nhớ đến đũa con yêu quý nhất. Rồi hạ thần đã phát nguyện từ kiếp đó về sau, trong suốt mỗi kiếp không bao giờ uống rượu nữa.*

Người thợ cắt tóc *Chattapāni* thuật lại câu chuyện xảy ra rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, tiền-kiếp của hạ thần cũng làm vua trị vì xứ Bārāṇasī, khi hạ thần là Đức-vua, hằng ngày không thể thiếu món rượu, và trong mỗi bữa ăn không thể thiếu món thịt.*

Trong kinh-thành *Bārāṇasī* thời ấy, vào ngày giới hằng tháng người ta không sát-sinh, cho nên người đầu bếp phải mua thêm thịt vào trước ngày giới, để dành phần cho ngày hôm sau. Do sơ suất, ông cất giữ món thịt ấy không cẩn thận nên bị con chó ăn mất hết.

Sáng hôm ấy, nhằm vào ngày giới, người đầu

bếp đi tìm mua thịt khắp mọi nơi mà không có món thịt nào cả.

Ông đã cố gắng làm những món ăn thơm tho ngon lành xong, mà chưa dám dâng lên Đức-vua đang ở trên lầu đài. Ông vào tâu với bà chánh-cung hoàng-hậu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, hôm nay, kẻ hạ thần đi tìm mua thịt khắp mọi nơi mà không có món thịt nào.

Bữa ăn hôm nay không có món thịt nên kẻ hạ thần chưa dám dâng lên Đức-vua. Bây giờ, kẻ hạ thần phải làm thế nào? Tâu lệnh bà.

- Này người! Hoàng-tử của ta được Đức-vua thương yêu quý mến nhất, khi Đức-vua đang thương yêu, âu yếm ôm hoàng-tử vào lòng, chắc Đức-vua không còn quan tâm đến bữa ăn có món thịt hay không.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu trang điểm cho hoàng-tử thật đáng yêu, rồi bồng hoàng-tử đặt ngồi trên vế của Đức-vua. Đức-vua say mê vui đùa với hoàng-tử. Khi ấy, người đầu bếp đem vật thực vào dâng lên Đức-vua. Khi đang say rượu, Đức-vua nhìn trong mâm thức ăn không thấy món thịt, bèn phán rằng:

- Tại sao hôm nay không có món thịt?

Người đầu bếp hoảng sợ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hôm nay là ngày giới nên

kẻ hạ thân đi tìm khắp mọi nơi mà cũng không mua được món thịt nào cả.

Đức-vua đang trong lúc say mê ngắt ngừng truyền bảo rằng:

- Tìm thịt làm món ăn cho Trẫm khó đến như vậy sao?

Đức-vua bèn nắm đầu hoàng-tử vặn cổ chết tươi, rồi ném xuống trước mặt người đầu bếp mà phán tiếp rằng:

- Ngươi hãy mau đem đi làm món ăn cho Trẫm!

Người đầu bếp tuân theo lệnh của Đức-vua, làm món ăn bằng thịt của hoàng-tử, rồi đem lên dâng Đức-vua dùng trong bữa ăn tối hôm ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu và tất cả những người hầu chẳng có một ai dám khóc than, phản đối gì cả bởi vì họ rất sợ Đức-vua.

Đức-vua dùng bữa ăn tối xong, nằm ngủ cho đến sáng ngày hôm sau mới thức dậy. Đã tỉnh cơn say, Đức-vua truyền lệnh rằng:

- Hãy bồng hoàng-tử yêu quý của ta đến đây!

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu đến châu, cúi lạy dưới chân Đức-vua mà than khóc.

Đức-vua bèn truyền hỏi rằng:

- Này ái-khanh! Ái-khanh khóc vì chuyện gì?

Tại sao ái-khanh không bồng hoàng-tử yêu quý của Trẫm đến đây?

Chánh-cung Hoàng-hậu tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, chiều hôm qua Hoàng-thượng đã vắn cổ hoàng-tử chết tươi, rồi trao cho người đầu bếp bảo làm món ăn dâng lên Hoàng-thượng. Hoàng-thượng đã dùng bữa ăn với món thịt của hoàng-tử từ tối hôm qua rồi.*

Lắng nghe Chánh-cung Hoàng-hậu tâu như vậy, Đức-vua vô cùng hối hận, khổ tâm sâu não, vì thương tiếc hoàng-tử yêu quý.

*Khi đã nhận thức rõ **tội-ác khủng khiếp** phát sinh từ uống rượu, say rượu, Đức-vua bèn chấp chặt đôi tay đưa lên trán, rồi phát nguyện rằng:*

*“Kể từ kiếp này về sau, và những kiếp sau kế tiếp cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, **Trẫm nguyện sẽ không bao giờ uống rượu nữa**, để không còn thấy cảnh tự làm khổ mình và làm khổ những người thân yêu của trẫm nữa.”*

Thật vậy, kể từ đó cho đến trọn kiếp và trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi, kiếp nào hạ thân cũng không bao giờ uống một chút rượu nào cả.

(Trích đoạn tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Dhammadhaja)

Sự tai hại của rượu, bia và các chất say

Ai ai cũng đều biết rượu, bia và các chất say, chất nghiện như thuốc phiện, cần sa, thuốc lá, ... đó là những thứ có hại cho sức khỏe, gây ra nhiều chứng bệnh nan y.

Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, tạo ác-nghiệp thì người ấy bị gọi là **người ác**. Nếu người ác ấy mời mọc người khác cùng *uống rượu, bia, hút thuốc phiện, ... hút thuốc lá*, thì người ác ấy bị gọi là **người ác hơn cả người ác**.

Vậy mà vẫn có người coi thường sự tai hại của *rượu, bia, thuốc phiện, ... thuốc lá* trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai nữa.

* **Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma)**

Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) đó là tác-y tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm tạo 10 bất-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) đó là 8 tham-tâm + 2 sân-tâm + 2 si-tâm như sau:

Tham-tâm có 8 tâm:

1- Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- *Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.*

7- *Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.*

8- *Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.*

Sân-tâm có 2 tâm:

1- *Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.*

2- *Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.*

Si-tâm có 2 tâm:

1- *Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.*

2- *Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.*

Người ác không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có **tác-y tâm-sở** đồng sinh với 12 ác-tâm tạo **10 ác-nghiệp** là 3 thân ác-nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp, 3 ý ác-nghiệp.

Quả của 10 ác-nghiệp

Ác-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) cho quả trong hai thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*

- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)

Người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, nên phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp ấy.

- Sau khi người ác ấy chết, nếu *ác-nghiệp ấy* trong *11 ác-tâm* (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm⁽¹⁾) có cơ hội cho quả trong thời-kỳ *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có một *quả-tâm* là ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)*** làm phạm sự tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh*).

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp trong *tham-tâm* có nhiều năng lực làm phạm sự tái-sinh kiếp sau thì hóa-sinh làm loài nga-quỷ hoặc loài a-su-ra thường có tham-tâm thèm khát, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp trong *sân-tâm* có nhiều năng lực làm phạm sự tái-sinh kiếp sau thì hóa-sinh

¹ Si-tâm hợp với phóng-tâm không có năng lực cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, nhưng có cơ hội cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.

làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, thường bị thiêu đốt, hành hạ, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp trong si-tâm*** có nhiều năng lực làm phạm sự tái-sinh kiếp sau thì sinh làm loài súc-sinh có tính si-mê, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla) kiếp hiện-tại

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, làm chúng-sinh nào trong cõi địa-ngục, hoặc cõi a-su-ra, loài nga-quỷ, hoặc loài súc-sinh với ***suy-xét-tâm nào*** gọi là ***tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)*** làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm xong, liền tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, kiếp hiện-tại, chính ***suy-xét-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm (bhavaṅga-citta)*** làm phạm sự hộ kiếp, bảo hộ, giữ gìn kiếp chúng-sinh ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, và cuối cùng cũng chính ***suy-xét-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm (cuticitta)*** làm phạm sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp chúng-sinh ấy trong cõi ác-giới ấy.

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, của chúng-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh)*,

ác-nghiệp trong 12 *ác-tâm* có cơ hội cho quả có 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc với các đối-tượng xấu trong cuộc sống hằng ngày đêm.

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm:

1- *Nhãn-thức-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp thấy đối-tượng sắc xấu.

2- *Nhĩ-thức-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp nghe đối-tượng âm-thanh dở.

3- *Tỷ-thức-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp ngửi đối-tượng hương hôi thối.

4- *Thiệt-thức-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp nếm đối-tượng vị dở.

5- *Thân-thức-tâm* đồng sinh với **thọ khổ** là quả của ác-nghiệp xúc-giác đối-tượng xúc thô cứng.

6- *Tiếp-nhận-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.

7- *Suy-xét-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.

Đó là 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả-tâm của ác-nghiệp trong 12 *ác-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng xấu.

Paṭisandhicitta, bhavaṅgacitta, cuticitta

Trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhi-kāla*) *suy-xét-tâm* nào đồng sinh với thọ xả là

quả của ác-nghiệp nào gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau làm loại chúng-sinh nào trong cõi ác-giới chỉ có *một sát-na-tâm*, liền tiếp theo sau trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*), *kiếp hiện-tại*, chính **suy-xét-tâm ấy** trở thành **hộ-kiếp-tâm** (*bhavaṅgacitta*) làm phạm sự hộ kiếp, giữ gìn bảo hộ kiếp chúng-sinh ấy cho đến mãn kiếp, rồi cũng chính **suy-xét-tâm ấy** trở thành **tử-tâm** (*cuticitta*) làm phạm sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Như vậy, mỗi kiếp chúng-sinh có **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*), **hộ-kiếp-tâm** (*bhavaṅgacitta*), và **tử-tâm** (*cuticitta*) cùng một loại *quả-tâm* giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau trải qua ba giai đoạn thời gian mà thôi.

Tuy nhiên, **tử-tâm** (*cuticitta*) *kiếp hiện-tại* với **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) *kiếp sau* là 2 *quả-tâm* hoàn toàn khác nhau, bởi vì hai kiếp chúng-sinh khác nhau.

Tóm lại, trong cuộc sống của mỗi người trong đời có điều cần thiết nên biết đó là *biết ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp*, để biết ghê-sợ tội-lỗi nên không dám tạo ác-nghiệp nào dù nhẹ; và điều cần thiết nên tin, đó là *tin nghiệp và quả của nghiệp*, để biết hổ-thẹn tội-lỗi nên không dám tạo ác-nghiệp nào dù nhẹ, bởi vì ác-nghiệp ấy là của riêng mình.

* **Thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp**

Thiện-nghiệp ⁽¹⁾ có 4 loại:

- 1- **Dục-giới thiện-nghiệp** trong 8 đại-thiện-tâm.
- 2- **Sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 sắc-giới thiện-tâm.
- 3- **Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.
- 4- **Siêu-tam-giới thiện-nghiệp** trong 4 Thánh-đạo-tâm.

Trong quyển sách nhỏ này chỉ giảng giải về **dục-giới thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm** mà thôi. Còn **sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm**, **vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm** và **siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm** không được đề cập đến trong quyển sách nhỏ này.

Dục-giới thiện-nghiệp gọi là **đại-thiện-nghiệp** (*mahākusakakamma*) trong 8 đại-thiện-tâm.

Đại-thiện-tâm (Mahākusalacitta) có 8 tâm

1- *Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttam asañkhārikam.*

Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

¹ Tìm hiểu đầy đủ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IV “*Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*” cùng soạn giả.

2- *Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- *Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- *Somanassasahagataṃ nāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- *Upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- *Upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- *Upekkhāsahagataṃ nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- *Upekkhāsahagataṃ nāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.*

Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Tám đại-thiện-tâm chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.
- 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết tự trọng, có *tác-y tâm-sở đồng sinh* với 8 đại-thiện-tâm tạo **10 đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý và tạo **10 phước-thiện** puñña-kriyāvatthu.

* **Đại-thiện-nghiệp** đó là tác-y tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm tạo 10 loại đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:

- Đại-thiện-nghiệp được tạo bằng thân gọi là thân đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

- Đại-thiện-nghiệp được tạo bằng khẩu gọi là khẩu đại-thiện-nghiệp có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

- *Đại-thiện-nghiệp* được tạo bằng ý gọi là ý *đại-thiện-nghiệp* có 3 loại:

- *Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải người khác.*
- *Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.*
- *Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng biết đúng theo chánh-pháp.*

* ***Phước-thiện puññakriyāvatthu*** ⁽¹⁾ đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* tạo 10 *phước-thiện puññakriyāvatthu* đó là:

- 1- *Dānakusala: Phước-thiện bố-thí.*
- 2- *Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới.*
- 3- *Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền.*
- 4- *Apaccāyanakusala: Phước-thiện cung-kính.*
- 5- *Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ.*
- 6- *Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng.*
- 7- *Pattānumodanākusala: Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện.*
- 8- *Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe chánh-pháp.*
- 9- *Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết chánh-pháp.*
- 10- *Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến thấy đúng, biết đúng nghiệp là của riêng mình.*

¹Tìm hiểu đầy đủ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển V “*Phước-Thiện*” cùng soạn giả.

Quả của 10 đại-thiện-nghiệp

* **Đại-thiện-nghiệp** trong 8 đại-thiện-tâm tạo **10 đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý cho quả trong hai thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*Paṭisandhikāla*)

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh* với đại-thiện-tâm, đã tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

Sau khi người thiện ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có 9 **quả-tâm** đó là 8 **đại-quả-tâm** và một **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, 9 **quả-tâm** này gọi là **dục-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.

Tám đại-quả-tâm này là quả của 8 đại-thiện-tâm, có mỗi quả tâm tương xứng với 8 đại-thiện-tâm về đồng sinh với **thọ**, về hợp với **tri-tuệ**, về **tác-động** như sau:

Đại-quả-tâm có 8 tâm:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Tám đại-quả-tâm này chia theo trí-tuệ có 2 loại tâm:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

- Nếu có 1 trong 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với **3 sắc-pháp** (*kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthu-rūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm*) làm phận sự

tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **hạng người tam-nhân** ⁽¹⁾ (*tihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người tam-nhân* vốn dĩ có trí-tuệ.

Nếu **người tam-nhân** ấy là hành-giả có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thân-thông thế-gian* (*lokiya abhiññā*).

Nếu **người tam-nhân** ấy là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân cao thượng trong Phật-giáo.*

- Nếu có 1 trong 4 *đại-quả-tâm* không hợp với *trí-tuệ* gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với 3 **sắc-pháp** (*kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **hạng người nhị-nhân** ⁽²⁾ (*dvihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

¹ Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm dù 3 thiện-nhân.

² Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người nhĩ-nhân* vốn dĩ không có trí-tuệ.

Nếu *người nhĩ-nhân* ấy là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền nào cả.

Nếu *người nhĩ-nhân* ấy là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào cả.

- Nếu *1 suy-xét-tâm* đồng sinh với *thọ xả* là *quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp* gọi là *tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) cùng với *3 sắc-pháp* (*kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *hạng người vô-nhân cõi dục-giới* ⁽¹⁾ (*sugati-ahetuka-puggala*) đui mù, câm điếc,... từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người vô-nhân cõi dục-giới* đui mù, câm điếc, tật nguyên, ... hiểu biết bình thường trong cuộc sống hằng ngày, không học hành được.

Tuy nhiên nếu người ấy đui mù, câm điếc, tật nguyên trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện tại do ác-nghiệp nào cho quả, thì

¹ Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có nhân nào trong ba thiện-nhân từ khi đầu thai làm người.

không thể gọi là **người vô-nhân cõi dục-giới** được, bởi vì có số trẻ đui mù, tật nguyên có năng khiếu đặc biệt.

* Hoặc sau khi người thiện ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ thuộc về hạng **tam-nhân** có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời; hoặc vị thiên-nam, vị thiên-nữ thuộc về hạng **nhị-nhân** có oai lực kém, có hào quang không rộng trong 6 cõi trời dục-giới, thậm chí cũng có vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ thuộc về hạng **vô-nhân cõi thiện-giới** trên mặt đất (*bhummatṭha-devatā*) thuộc về cõi Tứ Đại-thiên-vương bậc thấp.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, là hạng người tam-nhân, người nhị-nhân, hoặc là vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân, hoặc hạng vô-nhân cõi thiện-giới nào có **một quả-tâm nào trong 9 dục-giới quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikicca*) một sát-na-tâm xong, rồi tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, chính **dục-giới quả-tâm** ấy trở thành **hộ-kiếp-tâm** (*bhavaṅga-*

citta) làm phạm sự *hộ kiếp*, giữ gìn kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính **đục-giới quả-tâm ấy** trở thành **tử-tâm** (*cuticitta*) làm phạm sự *chuyển kiếp* (*chết*) kết thúc kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy.

Trong *kiếp hiện-tại* đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), *kiếp hiện-tại*, gồm có 8 **đại-quả-tâm** và 8 **thiện-quả vô-nhân-tâm** gồm có 16 **quả-tâm**, là quả của đại-thiện-nghiệp tiếp xúc với những đối-tượng tốt đáng hài lòng tùy theo mỗi hạng người trong cõi người và tùy theo mỗi hạng thiên-nam hoặc thiên-nữ trên cõi trời *đục-giới* ấy.

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc** là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc tốt, đáng hài lòng.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) hài lòng ít.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ** là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

Đó là 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, là quả của đại-thiện-nghiệp tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng, tâm an-lạc tùy theo mỗi hạng người hoặc tùy theo mỗi hạng vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời dục-giới.

* Quả của 10 phước-thiện puññakriyāvatthu

Phước-thiện puññakriyāvatthu có 10 loại là phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, phước-thiện cung-kính, phước-thiện hỗ-trợ, phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ, phước-thiện nghe pháp, phước-thiện thuyết-pháp, phước-thiện chánh-kiến.

Trong 10 phước-thiện này, người thiện tạo mỗi phước-thiện cần phải trải qua ba thời-kỳ tác-ý:

1- **Pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy (có thời gian lâu hoặc mau không nhất định).

2- **Muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy (trong thời hiện-tại).

3- **Aparacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy (vời thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm).

Mỗi thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện nào có vai trò quan trọng thành tựu mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

Năng lực muñcacetanā

* Thời-kỳ **muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện nào được thành tựu đại-thiện-nghiệp như sau:

- Nếu người thiện nào tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình, thì người thiện ấy tạo phước-thiện ấy với **đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ** có đủ tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ), nên phước-thiện ấy trở thành **tihetukakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.

- Nếu người thiện nào tạo phước-thiện nào

trong thời-kỳ *muñcacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ *kammassakatāñāna*: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình, thì người thiện ấy tạo phước-thiện ấy với **đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ** chỉ có nhị-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ), nên phước-thiện ấy trở thành *dvi-hetukakusalakamma*: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.

Năng lực *pubbacetanā* và *aparacetanā*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** phân loại theo năng lực tác-y trong thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy và trong thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, hiểu tháng, thậm chí nhiều năm, nên mỗi loại đại-thiện-nghiệp có hai bậc:

- *Ukkaṭṭhakusala*: Đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- *Omakakusala*: Đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

1- *Ukkaṭṭhakusalakamma*: Đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?

Người thiện nào tạo phước-thiện bố-thí nào hoặc phước-thiện giữ-giới nào, hoặc phước-thiện hành-thiền nào, v.v...trong thời-kỳ *pubbacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-

tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; và nhất là trong thời-kỳ aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; thì người thiện ấy đã tạo được phước-thiện bố-thí ấy hoặc phước-thiện giữ-giới ấy, hoặc phước-thiện hành-thiền ấy, v.v... trở thành ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao nên có 2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao là:

- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- **Omakakusalakamma**: Đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?

Người thiện nào tạo phước-thiện bố-thí nào hoặc phước-thiện giữ-giới nào, hoặc phước-thiện hành-thiền nào, v.v... trong thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch

sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn; làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì người thiện ấy đã tạo được phước-thiện bố-thí ấy hoặc phước-thiện giữ-giới ấy, hoặc phước-thiện hành-thiền ấy, v.v... trở thành **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nên có 2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp là:

- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tuy nhiên, trong 2 thời-kỳ **tác-ý** (*cetanā*): thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, để quyết định phước-thiện ấy trở thành **ukkatthakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp; thì thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi có vai trò quan trọng để quyết định phước-thiện ấy trở thành **ukkatthakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc

thấp, hơn là thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành tựu phước-thiện ấy.

Thật vậy, dù cho thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nhưng nếu thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy vẫn trở thành **ukkaṭṭhakusala-kamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.

Dù cho thời-kỳ **pubbacetanā** tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, nhưng nếu thời-kỳ **aparacetanā** tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái,

ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy trở thành omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Cho nên, thời-kỳ *aparacetanā*: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm có tầm quan trọng quyết định đại-thiện-nghiệp ấy trở thành loại *ukkaṭṭhakusalakamma*: đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc loại *omakakusalakamma*: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma* và *dvihetukakusalakamma* theo *ukkaṭṭhakusalakamma* và *omakakusalakamma* có 4 bậc như sau:

* **Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- 1- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- 2- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

* **Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

- 1- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- 2- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, *kiếp hiện-tại*, của loài người hoặc của chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ.

**Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp**

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- *Tihetuka-omakakusalakamma*: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

3- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

4- *Dvihetuka-omakakusalakamma*: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Paṭisandhikāla và Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* và *tam-nhân đại-thiện-*

ngiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-ngiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-ngiệp bậc thấp, mỗi bậc có cơ hội cho quả trong hai thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-ngiệp có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) đầu thai làm người, có 3 hạng người trong đời này, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, cũng có 3 hạng chư-thiên.

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-ngiệp như sau:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: Tam-nhân đại-thiện-ngiệp bậc cao

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-ngiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) cùng với ***3 sắc-pháp*** (*kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân*** ⁽¹⁾ (*tihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ*.

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-định* thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm*, 4 *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*, chứng đắc 5 *phép-thần-thông* (*lokiya abhiññā*).⁽²⁾

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo*.

¹ Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm dù 3 thiện-nhân.

² Xem bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX *Pháp-Hành Thiên-Định* và quyển X *Pháp-Hành Thiên-Tuệ*.

Hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* có cơ hội đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla)
kiếp hiện-tại

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, có 16 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 quả-tâm và*
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm.*

*** Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm**

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là đại-quả-tâm có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- *Đại-quả-tâm thứ ba* đồng sinh với *thọ hỷ*, không hợp với *trí-tuệ*, không cần *tác-động*.

4- *Đại-quả-tâm thứ tư* đồng sinh với *thọ hỷ*, không hợp với *trí-tuệ*, cần *tác-động*.

5- *Đại-quả-tâm thứ năm* đồng sinh với *thọ xả*, hợp với *trí-tuệ*, không cần *tác-động*.

6- *Đại-quả-tâm thứ sáu* đồng sinh với *thọ xả*, hợp với *trí-tuệ*, cần *tác-động*.

7- *Đại-quả-tâm thứ bảy* đồng sinh với *thọ xả*, không hợp với *trí-tuệ*, không cần *tác-động*.

8- *Đại-quả-tâm thứ tám* đồng sinh với *thọ xả*, không hợp với *trí-tuệ*, cần *tác-động*.

* **Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm**

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp* trong 8 *đại-thiện-tâm*:

1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với *thọ xả*, là quả của *đại-thiện-nghiệp*, thấy *đối-tượng sắc* tốt.

2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với *thọ xả*, là quả của *đại-thiện-nghiệp*, nghe *đối-tượng âm-thanh* hay.

3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với *thọ xả*, là quả của *đại-thiện-nghiệp*, ngửi *đối-tượng hương* thơm.

4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với *thọ xả*, là quả của *đại-thiện-nghiệp*, nếm *đối-tượng vị* ngon.

5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.

6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ xả**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt.

8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

Như vậy, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, gồm có **16 quả-tâm** là 8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-

nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trong cõi trời dục-giới ấy.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

- *Tihetuka-omakakusalakamma* là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với

- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma* là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong hai thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*Paṭisandhikāla*)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***

bậc cao trong *đại-thiện-tâm* không hợp với *trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh* kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với **3 sắc-pháp** (*kāyarūpa*: thân, *bhāvarūpa*: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và *hadaya-vatthurūpa*: sắc-pháp là nơi phát sinh của ý-thức-tâm) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **hạng người nhị-nhân**⁽¹⁾ (*dvihetukapuggala*) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân* ấy vốn không có *trí-tuệ*.

- Nếu *người nhị-nhân* ấy thực-hành *pháp-hành thiên-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiên* nào cả.

- Nếu *người nhị-nhân* ấy thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

Hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* có cơ hội đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

¹ Người *nhị-nhân* có *tái-sinh-tâm* chỉ có hai *thiện-nhân* là vô-tham và vô-sân (không có vô-si).

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla)
kiếp hiện-tại

Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)**, kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, có 12 quả-tâm đó là:

- Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ, có 4 quả-tâm và

- Thiện-quả vô-nhân-tâm, có 8 quả-tâm.

Như vậy, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tuột xuống tương đương với **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là **tái-sinh-tâm (paṭisandhiccitta)** làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người nhị-nhân** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tuột xuống tương đương với **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm

không hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, gồm có 12 quả-tâm là 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy trong cõi người, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, không đủ năng lực cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) để có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ nên bị tuột xuống tương đương với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) là đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người thuộc về hạng người dvihetukapuggala: hạng người nhị-nhân từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân trên cõi trời dục-giới.

4- **Dvihetuka-omakakusalakamma**: Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong hai thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại.

a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*Paṭisandhikāla*)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhiccitta*) cùng với **3 sắc-pháp** (*kāyarūpa*: thân, *bhāvarūpa*: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và *hadayavatthurūpa*: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **hạng người vô-nhân cõi thiện-giới** ⁽¹⁾ (*sugati ahetukapuggala*) là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-*

¹ Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào

nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày.

Hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam vô-nhân** hoặc **vị thiên-nữ vô-nhân** trong nhóm *bhummaṭṭha-devatā*: *chư thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời Tứ Đại-thiên-vương.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (Pavattikāla)
kiếp hiện-tại

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, kiếp hiện-tại, **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 *đại-thiện-tâm* không hợp với *trí-tuệ* cho quả chỉ có 8 *thiện quả vô-nhân-tâm* mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện giới* được, bởi vì, có số đứa trẻ có năng khiếu đặc biệt.

Năng lực của hai thời-kỳ tác-ý

Số đông người cùng chung tạo phước-thiện bố-thí, trong thời-kỳ *muñcacetanā*: *tác-ý tâm-sở đồng sinh* với *đại-thiện-tâm* khi đang tạo phước-thiện bố-thí khác nhau như sau:

* Số người nào tạo phước-thiện bố-thí ấy trong thời-kỳ *muñcacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si, nên phước thiện bố-thí ấy trở thành *tihetukakusalakamma*: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.

* Số người nào tạo phước-thiện bố-thí ấy trong thời-kỳ *muñcacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si, nên phước-thiện bố-thí ấy trở thành *dvi-hetukakusalakamma*: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.

Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là vì *muñcacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí khác nhau.

Tuy có số người đã tạo *tihetukakusalakamma*, *dvihetukakusalakamma* giống nhau, nhưng trong thời-kỳ *aparacetanā*: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm khác nhau như sau:

* Số người sau khi tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, trong thời-kỳ *aparacetanā*, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, nên

phước-thiện bố-thí ấy trở thành ***ukkaṭṭha-kusalakamma***: *đại-thiện-nghiệp bậc cao*.

* Số người sau khi tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, mỗi khi nhớ tưởng đến phước-thiện ấy liền phát sinh *đại-thiện-tâm* không trong sạch, bởi vì có *tham-ái*, *ngã-mạn*, *tà-kiến* phát sinh xen lẫn làm cho *đại-thiện-tâm* bị ô nhiễm, nên phước-thiện ấy trở thành ***omakakusalakamma***: *đại-thiện-nghiệp bậc thấp*.

Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là vì thời-kỳ ***aparacetanā***: *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện xong rồi khác nhau*.

Cho nên, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, *kiếp-hiện-tại* khác nhau như vậy.

Nhận xét về 3 hạng người trong đời

Trong đời hiện hữu có 3 hạng người là *hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala)*, *hạng người nhị-nhân (dvīhetukapuggala)*, *hạng người vô-nhân cõi thiện-giới (sugati-ahetukapuggala)* trong kiếp hiện-tại đều là quả của *đại-thiện-*

ngiệp trong 8 đại-thiện-tâm mà mỗi người đã tạo trong kiếp quá-khứ.

* **Tihetukapuggala:** *Hạng người tam-nhân* là người khi tái-sinh với *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*, nên có đủ ba thiện-nhân: *vô-tham, vô-sân, vô-si* từ khi tái sinh đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người tam-nhân* vốn dĩ có trí-tuệ, nếu *người tam-nhân* ấy có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiên-định* thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới, 4 bậc thiên vô-sắc-giới, chứng đắc các phép-thần-thông (lokiya abhiññā)*.

Nếu *người tam-nhân* ấy thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

* **Dvihetukapuggala:** *Hạng người nhị-nhân* là người khi tái-sinh với *đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*, nên chỉ có 2 nhân: *vô-tham và vô-sân*, không có *vô-si*, từ khi tái-sinh đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người nhị-nhân* vốn dĩ không có trí-tuệ, nếu *người nhị-nhân* ấy thực-hành *pháp-hành thiên-định* thì không có khả năng chứng đắc bậc thiên nào.

Nếu người *nhị-nhân* ấy thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* thì cũng không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

* *Sugati-ahetukapuggala*: Hạng người *vô-nhân cõi thiện-giới* là người khi tái-sinh với *suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả* là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về *thiện-quả vô-nhân-tâm*, từ khi tái sinh đầu thai làm người bị đui mù, câm điếc, ngu-muội.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành là người đui mù, câm điếc, ngu-muội, si-mê, ... biết tâm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Như vậy, 3 hạng người là *người tam-nhân*, *người nhị-nhân*, *người vô-nhân cõi thiện-giới* đều là do quả của đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm của mỗi hạng người khác nhau.

Cho nên, mỗi hạng người đang hiện hữu trong cõi đời này đều là do *đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp* của mỗi người mà thôi. Chắc chắn không phải là *số-mệnh* hoặc *định-mệnh* nào cả, không một *ai* có khả năng an bài mỗi *số-mệnh* của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ trong ba giới bốn loài chúng-sinh.

Bảng tóm lược quả của *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*, quả của *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp* trong thời-kỳ tái-

sinh kiếp sau và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla), kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp	Thời-kỳ tái-sinh	Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ	8 đại-quả-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp + nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp	1 suy-xét-tâm thọ xả là thiện-quả vô-nhân-tâm	8 thiện-quả vô-nhân-tâm

Tóm lại, nhiều người cùng nhau làm chung phước-thiện nào trải qua ba thời-kỳ tác-ý: *pubbacetanā*, *muñcacetanā*, *apracetanā* khác nhau, tạo **đại-thiện-nghiệp** trong 8 đại-thiện-tâm khác nhau, có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, khác nhau như sau:

* **Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau sinh làm hạng **người tam-nhân**. Và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, gồm có **16 quả-tâm** là 8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm.

* **Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này có cơ hội cho quả tương đương với nhau trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau sinh làm hạng **người nhị-nhân**. Và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, gồm có **12 quả-tâm** là 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm.

* **Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **1 quả-tâm** là **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm**

làm phận sự tái-sinh kiếp sau sinh làm hạng **người vô-nhân trong cõi thiện-giới**. Và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại, có 8 quả-tâm* là 8 *thiện-quả vô-nhân-tâm*.

Tuy nhiều người cùng làm chung **phước-thiện giống nhau**, nhưng có *tác-ý trong 3 thời-kỳ: pubbacetanā, muñcacetanā, apracetanā* khác nhau, nên tạo **đại-thiện-nghiệp** trong *đại-thiện-tâm* khác nhau, tạo *đại-thiện-nghiệp* có 4 loại khác nhau, có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* có 3 hạng người khác nhau là **hạng người tam-nhân, hạng người nhị-nhân, hạng người vô-nhân cõi thiện-giới** khác nhau như vậy.

Đức-Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi.”⁽¹⁾

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

¹Âng. Pañcakanipāta, kinh Abhiñhapaccavekkhitabbathānasutta.

Quả của ác-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp

Tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng còn là *các hạng phàm-nhân* và 3 *bậc Thánh-nhân* là *bậc Thánh Nhập-lưu*, *bậc Thánh Nhất-lai*, *bậc Thánh Bất-lai* (trừ *bậc Thánh A-ra-hán*) đã từng tạo mọi ác-nghiệp nào, mọi đại-thiện-nghiệp nào từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này, tất cả mọi ác-nghiệp ấy, mọi đại-thiện-nghiệp ấy dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng, không hề bị mất mát một mảy may nào cả, dù cho *thân* bị thay đổi mỗi kiếp do nghiệp và quả của nghiệp, còn *tâm* vẫn có phận sự giữ gìn, lưu trữ tất cả mọi ác-nghiệp ấy, mọi đại-thiện-nghiệp ấy của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng.

Đức-Phật dạy rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo, ...”

Ta có ác-nghiệp, thiện-nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả khổ của ác-nghiệp, quả an-lạc của thiện-nghiệp của ta.

Dĩ nhiên, chính ta là người thừa hưởng quả khổ của ác-nghiệp, thừa hưởng quả an-lạc của

đại-thiện-nghiệp của ta **một cách hoàn toàn bị động**, không thể lựa chọn theo ý của mình được.

Trong cuộc sống hiện-tại, nếu *ác-nghiệp* nào của ta gặp *ngịch-duyên* (*vipatti*) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ, ta phải chịu lãnh *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy*, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy ta mới thoát ra khỏi được, đó không phải là *số-mệnh hoặc định-mệnh do ai an bài cả*, sự-thật hiển nhiên đó chỉ là do ác-nghiệp của ta có cơ hội cho quả xấu, quả khổ mà thôi.

Nếu *đại-thiện-nghiệp* nào của ta gặp thuận-duyên (*sampatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc*, ta hưởng được quả tốt, quả an-lạc *của đại-thiện-nghiệp ấy* cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy ta mới không còn hưởng quả an-lạc nữa, đó không phải là *số-mệnh hoặc định-mệnh do ai an bài cả*, sự-thật hiển nhiên đó chỉ là do đại-thiện-nghiệp của ta có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc mà thôi.

Tuy nhiên, *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp của ta, và quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của ta* không chỉ **trực-tiếp** riêng đối với ta, mà *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy và quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy* còn **gián-tiếp** ảnh hưởng đến những người thân và không thân khác gần gũi, thân cận với ta nữa.

Thật vậy, xin trích dẫn hai tích để chứng minh như sau:

*** Quả khổ của ác-nghiệp ảnh hưởng đến những người thân cận**

Ngài Trưởng-lão Losakatissa trong tích *Losakajātaka* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiên-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* là vị tỳ-khưu trụ-trì tại ngôi chùa làng. Vị tỳ-khưu còn là phạm-nhân có giới, thường thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Thí-chủ xây dựng ngôi chùa làng, rồi thỉnh vị tỳ-khưu về làm trụ-trì, xin hộ độ các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu trong chùa.

Hằng ngày, vị trụ-trì đi khát thực đến ngôi nhà thí-chủ, rồi độ vật thực xong mới trở về chùa.

Một hôm, một vị khách Tăng là bậc Thánh Ara-hán từ phương xa đến đứng khát thực trước nhà thí-chủ.

Khi nhìn thấy Ngài khách Tăng, thí-chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài khách Tăng, ông ra tận nơi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão vào nhà, thỉnh Ngài Trưởng-lão ngồi chỗ cao

¹ Bộ Jātakatṭhakathā, phần Atthakāmaṅga, tích Losakajātaka.

quý, rồi kính dâng cúng dường vật thực đến Ngài khách Tăng.

Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, người thí-chủ kính thỉnh Ngài thuyết-pháp, sau khi lắng nghe chánh-pháp, thí-chủ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ, kính thỉnh Ngài Trưởng-lão khách Tăng đến nghỉ lại tại ngôi chùa.

Vị tỳ-khưu trụ-trì theo dõi thấy người thí-chủ tuy lần đầu tiên gặp Ngài khách Tăng này, nhưng cung-kính đón tiếp niềm nở, khiến cho vị tỳ-khưu trụ-trì nghĩ rằng:

“Ta là vị trụ-trì ở tại ngôi chùa nhiều năm, mà ông thí-chủ không đối xử với ta một cách niềm nở như Ngài khách Tăng này.”

Vì vậy, vị tỳ-khưu trụ-trì dẫn Ngài khách Tăng về chùa, tiếp đón một cách lạnh nhạt, vị tỳ-khưu trụ-trì chỉ phòng nghỉ cho Ngài Trưởng-lão.

Ngài Trưởng-lão khách Tăng làm vệ sinh căn phòng xong, rồi Ngài ngồi *nhập quả-định (phala-samāpatti)* làm cho thân tâm được an-lạc.

Vào buổi chiều, người thí-chủ đi với những người nhà đem hoa, các thứ thuốc trị bệnh đến chùa, người thí-chủ vào đánh lễ vị tỳ-khưu trụ-trì, cúng dường đến vị tỳ-khưu trụ-trì một phần, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài Trưởng-lão khách Tăng nghỉ ở phòng nào? Bạch Ngài.

Vị tỳ-khuru trụ-trì chỉ cho ông thí-chủ biết căn phòng nghỉ của Ngài khách Tăng.

Ông thí-chủ đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão khách Tăng, rồi kính dâng những hoa, và các thứ thuốc trị bệnh như bơ lỏng, mật ong, dầu, v.v... rồi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão khách Tăng thuyết-pháp. Ông thí-chủ và những người nhà ngồi lắng nghe chánh-pháp đến tối.

Ông thí-chủ ra đốt đèn cúng dường đến cây Đại-Bồ-đề, ngôi bảo tháp, đốt đèn xung quanh làm cho ngôi chùa sáng tỏa mọi nơi, rồi ông thí-chủ vào đánh lễ Ngài trụ-trì, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, con kính thỉnh Ngài và Ngài Trưởng-lão khách Tăng ngày mai đến thọ thực tại tư gia của con. Bạch Ngài.

Kính bạch như vậy xong, ông thí-chủ đánh lễ, xin phép trở về nhà.

Hằng ngày, ông thí-chủ thỉnh vị tỳ-khuru trụ-trì đi đến thọ thực tại nhà. Sáng hôm ấy ông thí-chủ có thỉnh Ngài Trưởng-lão khách Tăng cùng đến thọ thực tại nhà ông.

Vị tỳ-khuru trụ-trì nghĩ rằng: “*Ông thí-chủ này mới gặp Ngài khách Tăng hôm nay mà đối xử cung-kính đặc biệt với Ngài khách Tăng hơn cả với ta đã ở tại ngôi chùa này từ lâu. Nếu Ngài khách Tăng ở lại ngôi chùa này thì ông thí-chủ đâu còn cung-kính ta như trước nữa.*”

Do tính ganh tỵ nghĩ sai lầm như vậy, nên vị tỳ-khưu trụ-trì không hài lòng để cho *Ngài khách Tăng* ở lại ngôi chùa này, nhưng chưa biết làm cách nào để *Ngài khách Tăng* đi ra khỏi chùa mà không làm mất lòng ông thí-chủ.

Ngài Trưởng-lão khách Tăng biết rằng: “*Vị tỳ-khưu trụ-trì có thái độ không muốn ta ở lại ngôi chùa này. Sáng ngày mai, ta sẽ rời khỏi ngôi chùa này, đi đến nơi khác.*”

Buổi sáng ngày hôm sau, đến giờ đi khất thực, vị tỳ-khưu trụ-trì đánh chuông bằng cách búng ngón tay, gõ cửa bằng móng tay, rồi âm thầm mang bát đi đến tư gia của ông thí-chủ.

Người thí-chủ ra đón rước *Ngài trụ-trì*, hai tay nhận cái bát, thỉnh mời vào nhà, thỉnh ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn, người thí-chủ đánh lễ vị tỳ-khưu trụ-trì, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài Trưởng-lão khách Tăng sao không đến cùng với Ngài?*

Vị tỳ-khưu trụ-trì bảo với ông thí-chủ rằng:

- *Này ông thí-chủ! Ông kính trọng vị khách Tăng như thế nào không biết, còn sư đã đánh chuông, gõ cửa, mà ông ấy vẫn chưa thức dậy.*

Hôm qua, vị khách Tăng độ vật thực của ông ngon miệng, còn no cho đến ngày hôm nay, sáng nay vị khách Tăng vẫn còn nằm ngủ say.

Vậy mà ông còn kính trọng vị khách Tăng như vậy sao!

Biết vị tỳ-khưu trụ-trì đã đi khát thực rồi, nên Ngài Trưởng-lão khách Tăng mặc y, mang bát bay lên hư không đến nơi khác, đi khát thực.

Mặc dù nghe Ngài trụ-trì nói về Ngài Trưởng-lão khách Tăng như vậy, nhưng ông thí-chủ vẫn hoàn toàn không tin đó là sự-thật, mà có đức-tin trong sạch nơi Ngài Trưởng-lão khách Tăng là *Bậc đáng tôn kính*.

Cho nên, sau khi Ngài trụ-trì độ vật thực với món ăn đặc biệt gọi là *pāyāsa* (*nấu bằng sữa, bơ, mật ong, đường thốt nốt rất công phu*) xong, người thí-chủ đem cái bát rửa sạch, rồi bỏ món ăn *pāyāsa* vào đầy bát, đem đến bạch với Ngài trụ-trì rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài Trưởng-lão khách Tăng ấy có lẽ đi đường xa vất vả, nên còn mệt. Kính xin Ngài đem phần vật thực này về chùa, dâng đến Ngài Trưởng-lão khách Tăng. Bạch Ngài.

Kính bạch xong, ông thí-chủ kính dâng bát vật thực ấy đến Ngài trụ-trì. Ngài trụ-trì nhận cái bát, không hề nói lời nào.

Trên đường đi trở về chùa, vị tỳ-khưu trụ-trì nghĩ rằng: *Nếu vị khách Tăng ấy được ăn món*

pāyāsa ngon miệng này, dù ta nắm cổ lôi ra khỏi chùa, không dễ gì mà chịu đi ra khỏi chùa.

Nếu ta đem cho món ăn *pāyāsa* đến người khác thì chắc chắn sẽ bị lộ ra nhiều người biết, hoặc nếu ta đổ món ăn *pāyāsa* xuống nước thì dầu bơ nổi trên mặt nước, hoặc nếu ta đổ bỏ trên mặt đất, các bầy chim bay lại ăn thì sẽ bị lộ ra nhiều người biết.

Vậy, ta nên đổ bỏ món ăn *pāyāsa* này nơi nào?

Vừa đi vừa nghĩ, chợt nhìn thấy đám cháy, vị tỳ-khuru trụ-trì đi thẳng đến gần đám cháy, ngồi xuống đào đất, đổ bỏ món ăn *pāyāsa* xuống lỗ, lấp đất, cào đồng than hồng phủ lên, chất thêm củi đốt cháy, rồi đứng dậy, như trút bỏ được gánh nặng, chắc chắn không có ai hay biết được việc làm của mình. Vị tỳ-khuru trụ-trì nhẹ nhõm đi trở về chùa.

Khi đến chùa, vị tỳ-khuru trụ-trì không thấy Ngài Trưởng-lão khách Tăng, nên nghĩ rằng: “Ngài khách Tăng ấy có lẽ là bậc Thánh A-ra-hán biết được ác-tâm xấu xa đê tiện của ta, nên Ngài đã bỏ đi đến nơi khác rồi!”

Ôi! Ta đã tạo ác-nghiệp nặng nề tội tệ quá!”

Từ đó về sau, vị tỳ-khuru trụ-trì vô cùng ăn năn hối hận, nên lâm bệnh nặng, không lâu vị tỳ-khuru trụ-trì ấy chết, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục,

chịu thiêu đốt trong cõi địa-ngục suốt thời gian 100 ngàn năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, nên tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau làm dạ-xoa suốt 500 kiếp, mỗi kiếp đều chịu cảnh đói khổ, đến gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, *sinh kiếp* nào thuộc về loại *chúng-sinh* nào không chỉ một mình chịu cảnh đói khát, mà còn làm cho những chúng-sinh gần gũi khác cũng bị ảnh hưởng quả của ác-nghiệp làm cho đói khổ, nên kiếp nào cũng bị xua đuổi ra khỏi nhóm.

Mỗi hậu-kiếp của vị trụ-trì, đều bị đói khổ cho đến khi gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Kiếp chót của vị tỳ-khuru trụ-trì

Đến thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của vị tỳ-khuru trụ-trì *kiếp chót, đại-thiện-nghiệp cho quả là đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai thuộc hạng người *tīhetukapuggala*: người *tam-nhân* vào gia đình nghèo trong xóm nhà gồm có 1.000 gia đình dân chài trong vùng Kosala.

Trong ngày *đầu thai vào lòng mẹ*, những người trong một ngàn gia đình dân chài đem lưới đi bắt cá trong sông, hồ, mọi nơi, đều không

bắt được con cá nhỏ nào cả, những ngày tiếp theo cũng như vậy.

Trong khi người đàn bà mang thai, xóm 1.000 gia đình dân chài bị cháy nhà liên tiếp bảy lần, bị phạt vạ bảy lần. Xóm nhà gồm có 1.000 gia đình phải chịu bao nhiêu nỗi đói khổ, thiếu thốn, không có nơi nương tựa.

Khi ấy, vị trưởng xóm thông báo các gia đình trong xóm họp lại, rồi nói rằng:

- Thưa quý bà con! Trong xóm 1.000 gia đình chúng ta từ trước đến nay, chưa có xảy ra những tai nạn liên tiếp như thế này, chưa từng gặp cảnh đói khổ như thế này!

Trong 1.000 gia đình chúng ta chắc có “kālakaṇṇī: người xúi quẩy”.

Vậy, chúng ta nên chia ra làm hai nhóm riêng biệt, mỗi nhóm có 500 gia đình.

* Nhóm 500 gia đình không có người mẹ mang thai thì làm ăn bình thường như trước.

* Nhóm 500 gia đình có người mẹ mang thai thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, chia ra làm hai nhóm, mỗi nhóm có 250 gia đình.

* Nhóm 250 gia đình có người mẹ mang thai thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên chia ra làm hai nhóm, mỗi nhóm có 125 gia đình.

* Và cứ chia hai nhóm như vậy, cuối cùng chỉ

còn hai gia đình. Mọi người biết *gia đình có người mẹ mang thai* là gia đình có người “*kālakaññī: người xúi quẩy*”, nên họ xua đuổi gia đình này ra khỏi nhóm dân chài.

* Gia đình *có người mẹ mang thai* hằng ngày chịu cảnh đói khổ, nhưng *thai nhi trong bụng mẹ là kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, cho nên, dù đói khổ thế nào cũng không thể ảnh hưởng đến sinh mạng của thai nhi được.

Thai nhi đủ tháng, người mẹ sinh ra đứa bé trai, mẹ cha nuôi dưỡng đứa con rất vất vả khổ cực cho đến khi đứa con khôn lớn đi lại được.

Một hôm, người mẹ dẫn đứa con vào kinh-thành đi xin ăn, người mẹ trao cho đứa con cái bát đất nung, dạy bảo đứa con trai rằng:

- *Này con đáng thương! Mẹ đã khổ vì con suốt mấy năm qua, thân mẹ gầy yếu không thể lo nuôi dưỡng con được nữa. Con nên cầm bát đi xin ăn nhà đằng kia.*

Dạy bảo đứa con trai như vậy xong, người mẹ lánh đi nơi khác. Từ đó, đứa bé trai một mình đi xin ăn bữa có bữa không, chưa có bữa nào được no bụng cả, sống lay lắt qua ngày.

Đứa bé trai sống lang thang vất vưởng, nằm ngủ nơi này nơi khác, không tắm giặt, thân thể dơ dáy đáng ghê tởm, miễn sao kiếm sống lay lắt qua ngày là được.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tế độ bé trai

Năm lên bảy tuổi, đứa bé trai ngồi bên cạnh nhà, lượm từng hạt com mà người ta rửa nồi đồ bỏ như loài quạ.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi khất thực trong kinh-thành Sāvathī, nhìn thấy đứa bé trai đáng thương, Ngài Đại-Trưởng-lão phát sinh tâm bi muốn cứu khổ, nên gọi rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Hãy đến đây!*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão gọi, đứa bé ngoan ngoãn đến đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi chấp hai tay lại.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Mẹ cha con ở đâu?*

Đứa bé cung-kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Mẹ của con nói với con rằng: “Bởi vì con làm cho mẹ cha phải chịu cảnh đói khổ” nên mẹ bỏ con lánh đi rồi. Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- *Này bé đáng thương! Con muốn xuất gia hay không?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con rất tha thiết muốn xuất gia, nhưng đứa bé mồ côi như con, ai mà cho phép con xuất gia được.*

- *Này đũa bé đáng thương! Sư sẽ cho phép con xuất gia.*

Đũa bé vô cùng hoan-hỷ bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ cho phép con xuất gia.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta lấy vật thực cho đũa bé ăn, rồi dẫn đũa bé trở về đến chùa, cho tắm sạch sẽ, cạo tóc, mặc y, rồi làm lễ xuất gia trở thành **Sāmaṇera**: Sa-di có tên là **Losakatissa**.

Vị sa-di Losakatissa có ít tài lộc nhất, hằng ngày, vị sa-di Losakatissa đi khất thực, thí-chủ để vào bát một vài vá cơm, nhìn thấy giống như đã đầy bát rồi, nên không để thêm vào bát nữa.

Vì vậy, hằng ngày vị sa-di Losakatissa độ vật thực không đủ no, chỉ đủ sống qua ngày thực-hành phạm hạnh cao thượng mà thôi.

Khi vị sa-di Losakatissa đủ 20 tuổi, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cho phép làm lễ hành tăng-sự (saṃghakamma) **upasampadā** nâng lên trở thành **bhikkhu**: tỳ-khuru trong Phật-giáo.

Mặc dù hằng ngày tỳ-khuru Losakatissa độ vật thực không đủ no, nhưng vẫn tinh-tấn không ngừng thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4

Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng* trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Tỳ-khưu Losakatissa đã là *bậc Thánh A-ra-hán*, hằng ngày, *Ngài Trưởng-lão* vẫn không có vật thực đủ no, làm cho thân thể của *Ngài Trưởng-lão* ngày một gầy yếu, đến ngày *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt *Niết-bàn*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt *Niết-bàn*, nên nghĩ rằng:

“*Hôm nay, để cho Trưởng-lão Losakatissa độ vật thực no đủ, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*”

Hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dẫn *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* theo sau đi vào khất thực trong kinh-thành *Sāvattī* có dân chúng đông đảo, mà không có một ai cúng dường để bát một vá cơm nào cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cả.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ nguyên nhân, nên dẫn *Trưởng-lão Losakatissa* trở về chùa, rồi dạy bảo *Trưởng-lão* ngồi đợi tại nhà ăn của chư *tỳ-khưu-Tăng*, *Ngài Đại-Trưởng-lão* sẽ cho người đem vật thực đến cúng dường.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở lại đi khất thực trong kinh-thành *Sāvattī*, các cận-sự-nam,

cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ đón tiếp *Ngài Đại-Trưởng-lão*, kính dâng cúng-dường những thứ vật thực đầy đủ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền bảo một người đem một phần vật thực đến chùa, gặp *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi dâng cúng đường những thứ vật thực ấy đến *Ngài Trưởng-lão Losakatissa*.

Người nhận đem những thứ vật thực ấy, trên đường đi quên hẳn, không còn nhớ đến ai cả, cho nên *Ngài Trưởng lão Losakatissa* ngồi đợi mà không nhận được vật thực ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta độ vật thực xong, trở về chùa. *Trưởng-lão Losakatissa* đến đánh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi:

- *Này Losakatissa! Con đã nhận được những vật thực rồi phải không?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão. Con không nhận được những vật thực nào cả. Bạch Ngài.*

Nghe *Trưởng-lão Losakatissa* bạch như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh động tâm, biết thời gian vẫn còn, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con nên trở lại ngồi chỗ cũ, đợi sư phụ trở về nhé con!*

Vâng lời dạy, Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* trở lại ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi thẳng vào cung điện của *Đức-vua Pasenadi Kosala*. *Đức-vua* ngự ra nhận bát của Ngài, suy xét không phải là thời gian để những món vật thực, nên *Đức-vua* để bát *bốn thứ đồ ngọt là bơ lỏng, mật ong, dầu mè, đường thốt nốt* đầy bát, rồi đem đến kính dâng bát lên Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Sau khi nhận cái bát đầy *bốn thứ đồ ngọt* xong, Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi trở về chùa. Ngài *Đại-Trưởng-lão* vẫn ôm cái bát, gọi *Trưởng-lão Losakatissa* đến dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con hãy lấy bốn thứ đồ ngọt mà dùng cho no đủ hôm nay.*

Tỳ-khưu Losakatissa không dám lấy *bốn thứ đồ ngọt* từ trong bát mà Ngài *Đại-Trưởng-lão* đang ôm trên tay để dùng, nên Ngài *Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con cứ tự nhiên lấy bốn thứ đồ ngọt từ trong bát mà dùng. Nếu sự phụ để cái bát rời khỏi tay thì chẳng còn thứ gì cho con dùng hôm nay cả.*

Vâng theo lời dạy bảo, Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* đánh lễ Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi xin lấy *bốn thứ đồ ngọt* từ trong bát dùng ***no đủ ngày hôm ấy***.

Ngay ngày hôm ấy, Ngài *Trưởng-lão Losakattissa tịch diệt Niết-bàn*, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp* đã lưu trữ ở trong *tâm* từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)*, không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khưu làm lễ hỏa táng thi thể của Ngài *Trưởng-lão Losakattissa*, rồi xây ngôi tháp tôn thờ phần Xá-lợi của Ngài *Trưởng-lão Losakattissa*.

*** Quả an-lạc của thiện-nghiệp ảnh hưởng đến những người thân cận**

Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Sīvali* là một người cận-sự-nam trong một gia đình giàu có trong kinh-thành Hamsavatī.

Một hôm, tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Sīvali* đi đến chùa nghe *Đức-Phật Padumuttara* thuyết pháp. Khi ấy, *Đức-Phật* tuyên dương một

¹ *Àṅg, Aṭṭhakathā, Etadaggaḍḍavāṇṇanā, Sīvalittheravatthu.*

vị *Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử tên Sudassana có tài lộc bậc nhất* trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật*.

Người cận-sự-nam, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng lão Sīvali* thấy *Ngài Trưởng-lão Sudassana*, liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, có nguyện vọng muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật* vị-lai, như *Ngài Trưởng-lão Sudassana* ấy.

Người cận-sự-nam ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi kính thỉnh *Đức-Phật* ngự đến tư gia cùng với 500 *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, để tạo phước-thiện đại thí suốt bảy ngày.

Đến ngày thứ 7, người cận-sự-nam cúng dường bộ y đến *Đức-Phật Padumuttara* cùng 500 *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* mỗi vị một bộ.

Sau khi dâng bộ y xong, người cận-sự-nam ấy đến đánh lễ *Đức-Phật*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Phước-thiện bố thí mà con đã tạo suốt bảy ngày qua, con không cầu mong gì khác hơn là có nguyện vọng muốn trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong hàng thanh-văn đệ tử của *Đức-Phật* trong thời vị-lai, như *Ngài Đại-đức Sudassana* của *Đức-Thế-Tôn* bây giờ.

Đức-Phật Padumuttara dùng trí-tuệ vị-lai kiến minh thấy rõ, biết rõ nguyện vọng của người cận-sự-nam này sẽ thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- “*Này chư tỳ-khuru! Kể từ kiếp trái đất này, trong thời vị-lai sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, người cận-sự-nam này sẽ sinh trong hoàng tộc, từ bỏ nhà xuất gia sẽ trở thành **bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất** trong các hàng Đại-Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama ⁽¹⁾ như Sudassana là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử của Như-Lai bây giờ.*”

Lắng nghe lời thọ ký xác định của Đức-Phật Padumuttara, người cận-sự-nam vô cùng hoan-hỷ tạo mọi phước-thiện bố-thí bốn thứ vật dụng đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến trọn đời.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, do đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh kiếp sau khi thì sinh làm vị thiên-nam cao quý trong cõi trời dục-giới, hoặc khi thì sinh làm người cao quý trong cõi người mà thôi. Khi sinh làm người có

¹ Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 15 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

đại-thiền-tâm trong sạch hoan-hỷ tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật nhất là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* sinh trong ngôi làng không xa kinh-thành Bandhumatī. Khi ấy, dân chúng kinh-thành Bandhumatī sửa soạn chuẩn bị tạo phước-thiền đại-thí cúng-dường vật thực lên *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư tỳ-khưu-Tăng. Trong các món ăn ấy còn thiếu ***món bơ đặc và mật ong***.

Khi ấy, người dân làng (tiền-kiếp *Ngài Trưởng lão Sīvali*) đi đến kinh-thành, có đem theo ***món bơ đặc và tổ mật ong***.

Nhìn thấy người dân làng có đem theo *món bơ đặc và tổ mật ong*, người dân kinh-thành muốn mua hai món ấy với giá cao là *một kahāpana*. Người dân làng suy nghĩ rằng: “*Hai món này của ta đâu có đáng giá đến một kahāpana, sao người ấy dám mua với giá cao như vậy. Ta nên dò xét để biết sự thật.*”

Người dân làng giả làm bộ không chịu bán với giá *1 kahāpana*, thì người ấy tăng lên *2 kahāpana, 5 kahāpana, ... 10 kahāpana, ... 100 kahāpana, cuối cùng lên đến giá 1.000 kahāpana*.

Khi ấy, người dân làng muốn biết sự thật nên hỏi người ấy rằng:

- *Này bạn thân mến! Hai món bơ đặc và tổ mật ong này không đáng giá là bao nhiêu, vì sao bạn trả giá cao như vậy, bạn cần hai món này để sử dụng vào công việc gì? Bạn có thể nói cho tôi biết được hay không?*

Người dân kinh-thành nói rằng:

- *Này bạn thân mến! Dân kinh-thành chúng tôi đồng nhau cùng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Trong các món ăn còn thiếu món bơ đặc và mật ong. Vì vậy, với giá nào, chúng tôi cũng mua cho được hai món ấy.*

Người dân làng thưa rằng:

- *Này bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng chỉ dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, còn người khác tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường được hay không?*

Người kinh-thành thưa rằng:

- *Này bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, không chỉ dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, mà những người khác cũng làm phước-thiện bố-thí cúng-dường được vậy.*

Người dân làng thưa khăng định rằng:

- *Này bạn thân mến! Bạn nên thông báo cho mọi người biết rằng: Hôm nay, việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các món vật thực có đầy đủ cả hai món bơ đặc và mật ong lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.*

Xin bạn làm chứng tôi đem hai món bơ đặc và mật ong đến cúng dường lên Đức-Phật Vipassī hôm nay.

Người dân làng (tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali) cảm thấy vô cùng hoan-hỷ có được cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī, nên đi tìm thêm những gia vị vắt lấy nước trộn vào mật ong và bơ đặc làm thành món ăn đặc biệt, rồi gói bằng lá sen, đi đến ngôi chờ không xa Đức-Phật.

Những người đến cúng dường các món vật thực lên Đức-Phật xong, đến cơ hội người dân làng đến hầu Đức-Phật bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Đây là món ăn đạm bạc của con kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì. Kính xin Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn này của con.*

Đức-Phật Vipassī có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn đạm bạc ấy bằng cái bát ngọc do Tứ Đại-thiên-vương kính dâng, rồi Đức-Phật phát

nguyện món ăn đạm bạc ấy ra thành nhiều đũa chia đến 68.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Thấy Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực xong, người dân làng (*tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali*) đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lễ kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Hôm nay, dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī đem các món vật thực đến cúng dường lên Đức-Thế-Tôn, và con cũng cúng-dường món ăn đặc biệt ấy lên Đức-Thế-Tôn, do năng lực của quả đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường này, xin cho con kiếp nào con cũng có tài lộc bạc nhất.*

Nghe lời nguyện cầu như vậy, Đức-Phật Vipassī truyền dạy rằng:

- *Này con! Xin cho lời nguyện cầu của con sẽ được thành tựu như ý.*

Sau đó, Đức-Phật Vipassī thuyết-pháp tế độ dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, rồi ngự trở về ngôi chùa cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Người dân làng cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, chỉ có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người trong cõi người hoặc sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Kiếp làm người cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Hoàng-tử Sīvali kiếp chót

Trong thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, *hậu-kiếp của người cận-sự-nam trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara*, đã bồi bổ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp chót vào lòng bà *Hoàng-hậu Suppavāsā* đất nước Koliya.

Từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót (*thai-nhi Sīvali*) nằm trong bụng bà Hoàng-hậu Suppavāsā, do *năng lực đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng*, bà Hoàng-hậu Suppavāsā từ sáng đến chiều, nhận những phẩm vật quý giá từ mọi nơi đem đến làm quà quý báu kính dâng lên bà Hoàng-hậu.

Khi ấy, hoàng-tộc muốn biết bà Hoàng-hậu có nhiều phước như thế nào, nên mời bà Hoàng-hậu đến kho lương thực, mời Bà chạm tay vào cửa kho, thì kho đầy lương thực, Bà chạm tay vào cửa kho nào, thì kho ấy đầy của cải. Cho nên, mọi người trong hoàng tộc đều tán dương ca tụng rằng:

“Bà Hoàng-hậu là người có nhiều phước.”

Một hôm, thị-nữ đem nôi cơm đầy dâng đến bà Hoàng-hậu, mời Bà chạm tay vào cái nôi, dù có bao nhiêu người xới cơm ra ăn, nôi cơm vẫn không vơi chút nào cả.

Đó là *quả đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng của Mẫu-hậu.*

Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng Mẫu-hậu

Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng bà *Hoàng-hậu Suppavāsa* suốt 7 năm, trong 7 ngày ⁽¹⁾ sắp sinh ra đời, bà *Hoàng-hậu Suppavāsa* chịu nỗi đau đớn đến cùng cực vì cái *thai nhi* trong bụng không sinh ra được. Cho đến ngày thứ 7, tưởng chừng không thể sống nổi, nên bà *Hoàng-hậu Suppavāsa* tâm với Đức-vua phu quân rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn tạo phước-thiện bố-thí trước khi chết.*

Kính xin Hoàng-thượng ngự đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch về chuyện thần thiếp đang chịu đau đớn đến cùng cực vì cái thai trong bụng không sinh ra được rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để cho Hoàng-hậu Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy thế nào, xin Hoàng-thượng ghi nhớ thế ấy, khi hồi cung truyền lại cho thần thiếp biết.

¹ Dha. aṭṭhakāthā, tích Khadiravaniyarevatattheravatthu, hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng Mẫu hậu suốt 7 năm 7 tháng, 7 ngày.

Nghe lời tâu của bà Hoàng-hậu *Suppavāsā*, Đức-vua ngự đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch y theo lời của bà Hoàng-hậu *Suppavāsā*.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“*Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā arogaṃ puttam vijāyatu.*”

Mong cho *Suppavāsā* công-chúa dòng *Koliya* được thân tâm an-lạc, không có bệnh, sinh ra đứa con cũng được an toàn.

Sau khi nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, Đức-vua kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung.

Tại cung điện, hoàng-tử sinh ra khỏi lòng Mẫu-hậu một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

Mọi người trong hoàng-tộc vô cùng hoan-hỷ thấy hoàng-tử sinh ra đời an toàn, cùng nhau đến chờ châu Đức-vua tâu tin lành này.

Đức-vua ngự về đến cung điện, thấy mọi người hân hoan vui mừng, tâu với Đức-vua tin lành là hoàng-tử sinh ra đời được an toàn.

Khi ấy, Đức-vua suy nghĩ rằng:

“*Lời truyền dạy của Đức-Thế-Tôn đúng quá!*”

Đức-vua ngự đến gặp Hoàng-hậu *Suppavāsā*, truyền lại y theo lời của Đức-Thế-Tôn cho Hoàng-hậu nghe.

Bà Hoàng-hậu *Suppavāsā* tâu với Đức-vua phu-quân rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn làm phước thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng suốt 7 ngày.*

Đức-vua chấp thuận lời tâu của Hoàng-hậu.

Hoàng-tử sinh ra đời đã dập tắt được sự nóng lòng của mọi người trong hoàng-tộc, nên làm lễ đặt tên hoàng-tử là **Sīvali** nghĩa là mát mẻ, nên gọi là **hoàng-tử Sīvali**.

Đức-vua kính thỉnh Đức-Phật ngự đến cung điện cùng với chư tỳ-khuru-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Ngài Đại-Trưởng-lão *Sāriputta* hỏi hoàng-tử *Sīvali* rằng:

- *Này hoàng-tử Sīvali! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu-hậu lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?*

Hoàng-tử *Sīvali* bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép.*

Thấy hoàng-nhi bạch chuyện với Ngài Đại-Trưởng-lão, bà Hoàng-hậu *Suppavāsā* muốn biết, nên đến bạch hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Hoàng-nhi của con bạch điều gì với Ngài vậy?*

- *Này Hoàng-hậu! Hoàng-tử của Bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-hậu suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng: “Con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép.”*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão thuật lại như vậy, nên Hoàng-hậu Suppavāsā vô cùng hoan-hỷ đồng ý cho phép hoàng-nhi Sīvali đi xuất gia, Bà Hoàng-hậu Suppavāsā bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm-từ tế độ cho phép hoàng-nhi của con được xuất gia. Bạch Ngài.*

Hoàng-tử Sīvali làm lễ cạo tóc

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn hoàng-tử Sīvali trở về chùa. Khi làm **lễ cạo tóc**, Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy hoàng-tử Sīvali thực-hành niệm đề-mục “*tacapañcakakammaṭṭhāna*: đề-mục thiên-định nhóm *tacapañcaka* đó là *kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco, ... taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā, ...* (tóc, lông, móng, răng, da, ... da, răng, móng, lông, tóc, ...) theo chiều thuận, theo chiều nghịch.

Hoàng-tử Sīvali thực-hành niệm đề-mục thiên-định nhóm *tacapañcaka* ấy, trong khi đang làm **lễ cạo tóc**:

* Khi những sợi tóc đầu tiên rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ nhì rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ ba rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Bát-lai**.

* Tiếp theo những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cùng một lúc với *lễ cạo tóc không trước không sau*.

Khi ấy, *Hoàng-tử Sīvali*, kể từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót vào lòng *mẫu-hậu Suppavāsā* suốt 7 năm và chịu khổ suốt 7 ngày, mới sinh ra đời được 7 ngày, vì vậy, *hoàng-tử Sīvali* trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** lúc 7 năm và 14 ngày ⁽¹⁾.

¹ Bộ *Dhammapadaṭṭhakathā* và bộ *Apadānaṭṭhakathā*, *Sīvalitthera apadāna*, hoàng-tử *Sīvali* nằm trong bụng *mẫu-hậu* suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày.

Kể từ ngày *Ngài Đại-đức Sīvali* trở thành Sa-di, hằng ngày các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ dâng cúng dường bốn thứ vật dụng đến cho *Ngài Đại-đức Sīvali* cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng càng ngày càng đầy đủ, sung túc mà trước đây chưa từng có.

* Khi *Ngài Đại-đức Sīvali* tròn 20 tuổi, được làm lễ nâng lên bậc *tỳ-khuru*, những thứ vật dụng lại càng được phát sinh đầy đủ, sung túc đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng nhiều hơn nữa.

Hễ mỗi khi có đoàn chư tỳ-khuru đông đảo phải đi tế độ chúng-sinh từ xứ này sang xứ khác trên con đường dài, đi qua vùng hẻo lánh, không có dân cư; nếu có *Ngài Trưởng-lão Sīvali* cùng đi trong đoàn, đến giờ khát thực, do năng lực của đại-thiện-nghiệp bố-thí của *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, khiến cho chư-thiên hóa ra xóm làng, thành thị, hiện ra dân cư đông đảo cúng dường y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đầy đủ đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Khi đoàn chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đi khỏi vùng ấy, thì xóm làng, thành thị kia biến mất.

Một hôm, chư tỳ-khuru hội họp bàn về *Ngài Trưởng-lão Sīvali* có nhiều tài lộc đặc biệt không chỉ được phát sinh đến cho *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, mà còn đến tất cả chư tỳ-khuru, dù nhiều bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Thật là điều phi thường, không những các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ là thí chủ, mà còn có chư-thiên, Long-vương cũng đem lễ vật, các thứ vật dụng dâng cúng dường đến cho Ngài *Trưởng-lão Sīvali* cùng tất cả chư tỳ-khưu bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Trong khi chư tỳ-khưu đang bàn về lợi lộc đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali, thì Đức-Thế-Tôn ngự đến, Ngài truyền dạy rằng:

“Các con đang bàn về chuyện gì vậy?”

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang bàn về quả phước-thiện đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali. Bạch Ngài.

Nhân dịp ấy, Đức-Phật chủ trì buổi hội chư tỳ-khưu-Tăng, tuyên dương Ngài Trưởng-lão Sīvali trước các hàng thanh-văn đệ-tử rằng:

“Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ lābhīnaṃ yadidaṃ Sīvali!”

- Nay chư tỳ-khưu! Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Ngài Trưởng-lão Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama. Đó là kết quả thành tựu như ý nguyện mà tiền-kiếp của

Ngài *Trưởng-lão Sīvali* đã từng phát nguyện, đã được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký đúng sự-thật như vậy.

Định mệnh hoặc số mệnh có thật hay không?

Sự thật, tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong ***tam-giới*** là *dục-giới*, *sắc-giới*, *vô-sắc-giới* gồm có 31 cõi-giới; ***bốn loài*** là *thai-sinh*, *noãn-sinh*, *thấp-sinh*, *hóa-sinh* hoàn toàn chỉ tùy thuộc vào ***nghiệp và quả của nghiệp*** của mỗi chúng-sinh mà thôi, chắc chắn *không có định-mệnh hoặc số-mệnh nào cả.*⁽¹⁾

Giả sử, nếu mỗi chúng-sinh có ***định-mệnh*** hoặc có ***số-mệnh*** thật sự, thì ***ai*** có khả năng an bài được ***định-mệnh*** hoặc ***số-mệnh*** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới và bốn loài chúng-sinh ấy được???

Ba hạng người trong đời

Trong đời hiện hữu có 3 hạng người là ***người tam-nhân*** (*tihetukapuggala*), ***người nhị-nhân*** (*dvihetukapuggala*), ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** (*sugati-ahetukapuggala*) đều là quả của ***đại-thiện-nghiệp*** trong 8 ***đại-thiện-tâm*** đã tạo 10 ***đại-thiện-nghiệp*** bằng *thân*, bằng *khẩu*, bằng *ý*

¹ Tìm hiểu rõ thêm quyển “Ngũ-Giới Là Thường-Giới Của Mọi Người” cùng soạn giả.

hoặc 10 phước-thiện (*puññakriyavatthu*) trong kiếp quá-khứ của mỗi người.

1- Tihetukapuggala: Hạng người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) là **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ**, nên có đủ 3 nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si từ khi tái-sinh đầu thai làm người trong bụng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, **người tam-nhân** vốn dĩ có trí-tuệ.

- Nếu người tam-nhân ấy là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông thế-gian (*lokiya abhiññā*).

- Nếu người tam-nhân ấy là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo

Tiền-kiếp của người tam-nhân

Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy đã từng tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này là **người tam-nhân** như vậy?

* Tiền-kiếp của người tam-nhân đã từng tạo đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc 10 phước-thiện đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như sau:

- Trong thời-kỳ **muñcacetanā**: Tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ ba thiện nhân khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **tihetukakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp. Và hai thời-kỳ tác-y còn lại:

- Trong thời-kỳ **pubbacetanā**: Tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trong sạch** trước khi tạo phước-thiện nào, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn. Và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-y tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trong sạch** sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, đại-thiện-tâm **trong sạch** phát sinh, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến xen lẫn, nên phước-thiện ấy trở thành **ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.

Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy đã từng tạo phước-thiện nào đã trải qua ba thời-kỳ tác-y như vậy, nên phước-thiện ấy trở thành **tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

Sau khi tiền-kiếp của người tam-nhân ấy chết, nếu **tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) cùng với

ba sắc-pháp là thân (kāyarūpa), sắc-nam-tính hoặc sắc-nữ-tính (bhāvarūpa), hadayavatthurūpa: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người tam-nhân (tīhetukapuggala) từ khi đầu thai vào lòng mẹ.

2- Dvīhetukapuggala: *Hạng người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) là đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ, nên chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân không có vô-sī từ khi tái-sinh đầu thai làm người trong bụng mẹ.*

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, **người nhị-nhân** vốn dĩ không có trí-tuệ.

- Nếu người nhị-nhân ấy là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cả.

- Nếu người nhị-nhân ấy là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thì không có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế được.

Tiền-kiếp của người nhị-nhân

Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy đã từng tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này là người nhị-nhân như vậy?

* *Tiền-kiếp của người nhị-nhân đã từng tạo đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc 10 phước-thiện đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như sau:*

- Trong thời-kỳ **muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện nhân khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **tihetukakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp. Và hai thời-kỳ tác-ý còn lại:

- Trong thời-kỳ **pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không trong sạch** trước khi tạo phước-thiện nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn. Và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không trong sạch** sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, đại-thiện-tâm **không trong sạch** phát sinh, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến xen lẫn, nên phước-thiện ấy trở thành **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy đã từng tạo phước-thiện nào đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như vậy, nên phước-thiện ấy trở thành **tihetukakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

* Và tiền-kiếp của người nhị-nhân đã từng tạo đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc 10 phước-thiện đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như sau:

- Trong thời-kỳ **muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân) khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **dvihetukakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp. Và hai thời-kỳ tác-ý còn lại:

- Trong thời-kỳ **pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trong sạch** trước khi tạo phước-thiện nào, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn. Và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trong sạch** sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi nhớ tưởng đến phước-thiện ấy, đại-thiện-tâm **trong sạch** phát sinh, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến xen lẫn, nên phước-thiện ấy trở thành **ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.

* Tiên-kiếp của người nhị-nhân ấy đã từng tạo phước-thiện nào đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như vậy, nên phước-thiện ấy trở thành **dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

Sau khi tiên-kiếp của người nhị-nhân ấy chết, nếu **tihetuka-omakakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, hoặc **dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) cùng với 3 sắc-pháp là **thân** (*kāyarūpa*), **sắc-nam-tính** hoặc **sắc-nữ-tính** (*bhāvarūpa*), *hadayavatthurūpa*: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người nhị-nhân** (*dvihetukapuggala*) từ khi đầu thai vào lòng mẹ.

3- Sugati ahetukapuggala: Hạng người vô-nhân cõi dục-giới là người có **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) là **suy-xét-tâm** hợp với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm từ khi tái-sinh đầu thai làm người đui mù, câm điếc, tật nguyên, ... trong bụng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, **người vô-nhân cõi thiện-giới** là người đui mù, câm điếc, tật nguyên, ... biết tâm thường trong cuộc sống.

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đã từng tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này là người vô-nhân cõi thiện-giới như vậy?

* *Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới đã từng tạo đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, hoặc phước-thiện đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như sau:*

- Trong thời-kỳ **muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân) khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **dvihetukakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp. Và hai thời-kỳ tác-ý còn lại:

- Trong thời-kỳ **pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không trong sạch** trước khi tạo phước-thiện nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn. Và nhất là trong thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không trong sạch** sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, đại-thiện-tâm **không trong sạch** phát sinh, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến xen lẫn, nên phước-thiện ấy trở thành **omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đã từng tạo phước-thiện nào đã trải qua ba thời-kỳ tác-ý như vậy, nên phước-thiện ấy trở thành **dvihetuka-omakakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Sau khi tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết, nếu **dvihetuka-omakakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về

thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm** cùng với 3 sắc-pháp là **thân** (*kāyarūpa*), **sắc-nam-tính** hoặc **sắc-nữ-tính** (*bhāvarūpa*), *hadayavatthurūpa*: sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người vô-nhân cõi thiện-giới** (*sugati ahetukapuggala*) đui mù, câm điếc, tật nguyên, ... từ trong bụng mẹ.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy* bị đui mù, câm điếc, tật nguyên trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì, có số đứa trẻ có năng khiếu đặc biệt.

Kiếp-hiện-tại của hạng người tam-nhân

Kiếp hiện-tại của hạng người tam-nhân nào còn là *hạng phàm-nhân* (chưa phải bậc Thánh-nhân), sau khi *tam-nhân phàm-nhân* *ấy* chết, nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- Nếu có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong *sắc-giới thiện-tâm*, thì chắc chắn cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **sắc-giới quả-tâm** tương xứng gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *sắc-giới quả-tâm* *ấy*, hưởng quả an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên *ấy*.

- Nếu có **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong vô-sắc-giới thiện-tâm, thì chắc chắn cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **vô-sắc-giới quả-tâm** tương xứng gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với vô-sắc-giới quả-tâm ấy, hưởng quả an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Nếu có **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ thì cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm **người tam-nhân** hoặc vị **thiên-nam tam-nhân** hoặc vị **thiên-nữ tam-nhân** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời dục-giới ấy.

- Nếu có **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ thì cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm **người nhị-nhân** hoặc vị **thiên-nam nhị-nhân** hoặc vị **thiên-nữ nhị-nhân** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi ấy.

- Nếu người *tam-nhân* nào là người dễ dãi phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp, thì sau khi người *tam-nhân* ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp gọi là **ác-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*), chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Ví dụ: * Trường-hợp *tỳ-khuru Devadatta* vốn là người *tam-nhân* đã chứng đắc các **bậc thiền sắc-giới thiện-tâm**, chứng đắc các **phép-thần-thông**, nhưng về sau *tỳ-khuru Devadatta* đã tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (*ānantariyakamma*) đó là ác-nghiệp chia rẽ chư *tỳ-khuru-tăng* và làm bầm máu ngón chân cái của Đức-Phật.

Sau khi *tỳ-khuru Devadatta* chết, chính ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **đại-địa-ngục Avīci**, bị hành hạ thiêu đốt suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Đức-Phật thọ ký được tóm lược như sau:

Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn kiếp trái đất nữa, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới. Sau khi hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta thoát ra

khỏi cõi ác-giới, có tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai kiếp chót làm người tam-nhân.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Atthissara. ⁽¹⁾

* Trường-hợp **Đức-vua Ajātasattu** vốn là hạng **người tam-nhân**, nhưng đã **tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** giết Đức-phụ-vương Bimbisāra.

Về sau, **Đức-vua Ajātasattu** biết ăn năn hối lỗi, đến hầu đánh lễ Đức-Phật. Khi ấy, Đức-Phật thuyết bài *kinh Sāmaññaphalasutta* để tế độ Đức-vua, sau khi nghe xong, Đức-vua phát sinh hỷ lạc chưa từng có, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, rồi Đức-vua kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo trọn đời trọn kiếp. Khi ấy, Đức-vua thành tâm sám hối tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Từ đó về sau, **Đức-vua Ajātasattu** có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, hết lòng phụng sự cúng dường Tam-bảo.

Thật vậy, sau khi **Đức-Phật Gotama đã tịch**

¹ Bộ Dhammapadattakathā, tích Devadattavattu.

diệt Niết-bàn, khoảng 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa chủ trì cùng với 500 vị Thánh A-ra-hán tổ chức kỳ kết tập Tam-tạng và Chú-giải lần thứ nhất tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha.

Đức-vua Ajātasattu đã hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán có Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa chủ trì trong suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn bộ Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli.

Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam phàm-nhân có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo cho đến trọn đời.

Cho nên, sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, lẽ ra ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (giết vua cha) cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci chịu khổ suốt nhiều đại-kiếp trái đất, nhưng nhờ đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo và các đại-thiện-nghiệp khác nhất là đại-thiện-nghiệp hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán có Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa chủ trì trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu-địa-ngục nòi đồng sông Lohakumbhī, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong cõi tiểu-địa-ngục nòi đồng sông suốt 60.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Đức-Phật truyền dạy được tóm lược như sau:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu bằng hà, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (ānantariyakamma) giết Đức Phụ-vương chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī (nồi đồng sôi) từ miệng nồi chìm xuống đến đáy nồi khoảng thời gian 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi khoảng thời gian 30.000 năm mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu do nhờ đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm **người tam-nhân**.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành đi xuất gia trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvī.⁽¹⁾

Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân

Kiếp hiện-tại **người nhị-nhân** nào có khả năng tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

Sau khi người nhị-nhân ấy chết, nếu tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-

¹ Dựa theo phần cuối Chú-giải kinh Sāmaññaphalasutta trong Dīghanikāya.

tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)** làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** trong lòng mẹ.

Nếu người *nhị-nhân* nào dẽ-duôi (thất-niệm) phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp. Sau khi người *nhị-nhân* ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp** gọi là **tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)** làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Kiếp hiện-tại của người vô-nhân

* Tuy kiếp hiện-tại của người *vô-nhân* cõi *thiện-giới* không tạo được *đại-thiện-nghiệp* hoặc *ác-nghiệp* nào *đặc biệt*, nhưng trong *tiên-kiếp* trải qua vô số kiếp quá-khứ đã từng tạo mọi *đại-thiện-nghiệp* hoặc *mọi ác-nghiệp* được lưu trữ ở trong **tâm**.

Cho nên, sau khi người *vô-nhân* cõi *thiện-giới* ấy chết, nếu có **nghiệp** nào có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-*

kāla) thì có **quả-tâm của nghiệp ấy** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau như sau:

- Nếu có **đại-thiện-nghiệp** trong **đại-thiện-tâm** trong kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả **trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) thì làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người** hoặc hóa-sinh làm chư-thiên trên cõi trời dục-giới

- Nếu có **ác-nghiệp nào** trong **11 bất-thiện-tâm** (trừ si-tâm đồng sinh với phóng-tâm) trong kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả **trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) thì làm **phận sự tái-sinh kiếp sau** 1 trong 4 cõi ác-giới (cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh), chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Ba hạng người là **người tam-nhân, người nhị-nhân, người vô-nhân cõi thiện-giới** hiện hữu trong đời đều là **quả của đại-thiện-nghiệp** mà họ đã tạo trong những kiếp quá-khứ, và những kiếp vị-lai như thế nào, tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mỗi người.

Cõi-Giới Chúng-Sinh (Bhūmi)

Cõi-giới chúng-sinh (bhūmi) là nơi tạm trú đúng theo thời gian tuổi thọ ngắn ngủi hoặc lâu dài, tùy theo quả của ác-nghiệp hoặc quả của thiện-nghiệp của mỗi chúng-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới.

1- Cõi dục-giới có 11 cõi-giới.

2- Cõi sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới.

3- Cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới.

Trong quyển sách nhỏ này chỉ giảng giải về **cõi dục-giới** gồm có 11 cõi-giới mà thôi, không đề cập đến cõi sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới và cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới.

Dục-giới gồm có 11 cõi chia ra 2 cõi-giới

- Apāyabhūmi: Cõi ác-giới có 4 cõi.

- Kāmasugatibhūmi: Cõi thiện-giới có 7 cõi.

I- Apāyabhūmi: Cõi ác-giới có 4 cõi:

- Nirayabhūmi: Cõi địa-ngục là nơi tạm trú của các loài chúng-sinh địa-ngục.

- Pettivisayabhūmi: Cõi ngạ-quỷ là nơi tạm trú của các loài ngạ-quỷ.

- Asurabhūmi: Cõi a-su-ra là nơi tạm trú của các loài a-su-ra.

- Tiracchānabhūmi: Cõi súc-sinh là nơi tạm trú của các loài súc-sinh.

Apāyabhūmi cõi ác-giới còn gọi là *dugati-bhūmi* có 4 cõi, là nơi tạm trú của bốn loài *chúng-sinh địa-ngục, nga-quỷ, a-su-ra, súc-sinh*. Các chúng-sinh này gọi là **dugatihetukapuggala**: *chúng-sinh vô-nhân cõi ác-giới* là loài chúng-sinh có *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* với **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** thuộc về *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* không có nhân nào trong 6 nhân (tham, sân, si, vô-tham, vô-sân, vô-si).

I.1- Nirayabhūmi: Cõi địa-ngục

Nirayabhūmi: *Cõi địa-ngục* là cõi hoàn toàn không có sự an-lạc, chỉ có khổ mà thôi, chúng-sinh trong cõi địa-ngục thuộc về loại **chúng-sinh hóa-sinh** luôn luôn bị hành hạ suốt ngày đêm, chết rồi hóa-sinh trở lại, phải chịu bao nỗi thống khổ cùng cực, chẳng bao giờ được ngơi nghỉ.

Ác-nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục?

Người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp phạm giới.

Sau khi người ác ấy chết, nếu **ác-nghiệp trong sân-tâm** có nhiều năng lực có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp trong **sân-tâm** thuộc về *bất-thiện-quả*

vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm** làm phận sự tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikicca*) hóa-sinh làm chúng-sinh trong **cõi địa-ngục** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả khổ của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Nirayabhūmi cõi địa-ngục có bao nhiêu loại, mỗi loại có bao nhiêu cõi?

Niraya với **naraka** đồng nghĩa với nhau.

Narakabhūmi: Cõi địa-ngục có 2 loại:

- **Mahānaraka**: Đại-địa-ngục có 8 cõi lớn.

- **Ussadanaraka**: Tiểu-địa-ngục (*cūlanaraka*) bao quanh 8 đại-địa-ngục, mỗi đại-địa-ngục có 4 cửa, mỗi cửa có 4 tiểu-địa-ngục gồm có $8 \times 4 \times 4 = 128$ *ussadanaraka* (*cūlanaraka*): tiểu-địa-ngục.

* **Mahānaraka**: Đại-địa-ngục có 8 cõi:

1- **Sañjīvanaraka** là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị giết chết, rồi hóa-sinh trở lại trong đại-địa-ngục ấy.

Trong đại-địa-ngục này, chúa đại-địa-ngục dùng khí giới giết chúng-sinh địa-ngục ấy chết, rồi hóa-sinh ngay tức khắc trở lại, và cứ tiếp diễn như vậy, gọi đại-địa-ngục này là *sañjīvanaraka*.

2- **Kālasuttanaraka** là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị đánh đập bằng sợi dây đen, rồi bị chặt ngay lẩn dây ấy.

Trong đại-địa-ngục này, chúa đại-địa-ngục đánh đập chúng-sinh địa-ngục bằng sợi dây màu đen, rồi dùng đao to chặt chúng-sinh địa-ngục ấy, nên gọi đại-địa-ngục này là *kālasuttanaraka*.

3- *Saṅghātanaraka* là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị hòn núi bằng sắt cháy đỏ chà xát chúng-sinh địa-ngục ấy thành bột.

Trong đại-địa-ngục này, chúng-sinh bị hòn núi to cao bằng sắt cháy đỏ sáng rực chà xát chúng-sinh địa-ngục thành bột, nên gọi đại-địa-ngục này là *saṅghātanaraka*.

4- *Roruvanaraka* (*dhūmaroruva*) là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị luồng khói nóng chui vào 9 môn làm nóng rực khóc than lớn tiếng.

Trong đại-địa-ngục này, chúng-sinh khóc than lớn tiếng, nên gọi đại-địa-ngục này là *roruvanaraka*. Hoặc chúng-sinh địa-ngục bị luồng khói nóng chui vào 9 môn làm nóng rực khóc than lớn tiếng, nên gọi đại-địa-ngục này là *dhūmaroruva*.

5- *Mahāroruvanaraka* (*jālāroruva*) là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị lửa thiêu đốt 9 môn nóng rực không chịu nổi khóc than lớn tiếng.

Trong đại-địa-ngục này chúng-sinh khóc than lớn tiếng hơn *roruvanaraka*, nên gọi đại-địa-ngục này là *mahāroruvanaraka*. Hoặc chúng-sinh địa-ngục bị luồng khói nóng chui vào 9 môn làm

nóng rực không sao chịu nổi, khóc than lớn tiếng nhiều, nên gọi đại-địa-ngục này là *jālāruruva*.

6- **Tāpananaraka** (*cūlatāpana*) là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị cầm chặt một nơi thiêu đốt nóng rực.

Trong đại-địa-ngục này, chúng-sinh bị cầm chặt bởi cây giáo sắt ở một chỗ, lửa thiêu đốt nóng rực, nên gọi đại-địa-ngục này là *tāpananaraka*.

7- **Mahātāpananaraka** (*patāpana*) là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục bị bắt buộc leo lên núi sắt cao nóng rực kinh khủng, rồi rơi xuống bị mũi giáo nhọn đâm thủng, còn bị lửa thiêu đốt càng nóng thêm nữa.

Trong đại-địa-ngục này, chúng-sinh độc ác bị bắt buộc leo lên núi sắt cao nóng rực kinh khủng, rồi rơi xuống bị mũi giáo nhọn đâm thủng, còn bị lửa thiêu đốt càng nóng dữ dội, nên gọi đại-địa-ngục này là *mahātāpananaraka*.

8- **Avīcinaraka** là đại-địa-ngục mà chúng-sinh địa-ngục độc ác bị giam giữ trong 4 bức thành sắt nóng, bị thiêu đốt suốt thời gian không ngừng.

Trong đại-địa-ngục này, chúng-sinh địa-ngục độc ác bị ngọn lửa địa-ngục thiêu đốt suốt thời gian không ngừng, nên gọi đại-địa-ngục này là *avīcinaraka*.

Ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục

Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục đó là *ác-nghiệp* trong *sân-tâm* tạo *thân ác-nghiệp*, *khâu ác-nghiệp*, *ý ác-nghiệp*.

* Trong tất cả mọi ác-nghiệp chỉ có *ác-nghiệp trọng-tội* gọi là *pañcānantariyakamma*: 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội đó là ác-nghiệp giết cha, ác-nghiệp giết mẹ, ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán, ác-nghiệp làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khru-Tăng là nặng hơn cả.

Nếu người ác nào đã phạm tội một trong 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội này, sau khi người ác ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục *Avīci*, mà không có nghiệp nào có khả năng làm gián đoạn được, nên gọi là ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (*ānantariyakamma*), chúng-sinh địa-ngục ấy phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt khoảng thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới mong thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy được.

* Và người ác nào có tà-kiến cố-định chấp-thủ không thay đổi gọi là *niyatamicchādiṭṭhikamma*: ác-nghiệp tà-kiến cố-định, có 3 loại:

- *Natthikadiṭṭhi*: Vô-quả tà-kiến.

- *Ahetukadiṭṭhi*: Vô-nhân tà-kiến.

- *Akiriyādiṭṭhi*: Vô-hành tà-kiến.

Người ác ấy hoàn toàn **không tin nghiệp và quả của nghiệp**, đúng theo sự thật, **nghiệp và quả của nghiệp** là có thật sự, cho nên sau khi người ác ấy chết, chắc chắn **ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy** cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt khoảng thời gian không có hạn định, bởi vì chúng-sinh ấy không biết ăn năn, không chịu từ bỏ *tà-kiến cố-định của mình*.

Ác-nghiệp cho quả tái-sinh mỗi đại-địa-ngục

1- Trong đời, người ác nào cậy có quyền thế hành hạ, đàn áp, giết người, làm khổ người yếu thế một cách không hợp pháp, hoặc bọn cướp tàn nhẫn tràn vào xóm làng uy hiếp dân lành, cướp của cải, giết người, v.v...

Sau khi người ác ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi *đại-địa-ngục sañjīvamahānaraka* chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

2- Trong đời, người ác nào hành hạ, làm khổ người có giới-đức, giết hại bậc xuất gia như tỳ-khưu, sa-di, đạo-sĩ, người có giới hạnh tốt, v.v...

Sau khi người ác ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục *kālasuttamahānaraka*** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

3- Trong đời, người ác nào hành hạ các loài gia súc như trâu, bò, voi, ngựa, v.v... không có tâm bi thương xót chúng-sinh, và những người thợ săn thú rừng, bắn chim, v.v...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục *saṅghātamahānaraka*** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

4- Trong đời, người ác nào đốt rừng thiêu đốt các sinh vật, làm nghề bẫy chim, bẫy thú rừng, làm nghề bắt cá bằng lưới, người nuôi gia cầm để bán thịt, v.v...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục *cūḷaroruvamahānaraka*** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

5- Trong đời, người ác nào trộm cắp của cải đồ đạc của cha mẹ, của thầy tổ, của tỳ-khuru-Tăng, sa-di, của tu-nữ, trộm cắp phẩm vật cúng dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, v.v...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục mahāroruvamahānaraka** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

6- Trong đời, người ác nào đốt nhà, đốt chỗ ở của chư tỳ-khuru, sa-di, đốt chùa, phá ngôi bảo tháp, v.v...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục cūlatāpanamahānaraka** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

7- Trong đời, người ác nào không học hỏi về nghiệp và quả của nghiệp, nên có tà-kiến thấy sai chấp lầm, như sau:

- Là người có *đoạn-kiến (ucchedadiṭṭhi)* cho rằng: *chết là hết, không còn gì cả, không có tái-sinh kiếp sau nào cả.*

- Là người có *thường-kiến (sassatadiṭṭhi)* cho rằng: *người nào chết rồi trở lại sinh làm người*

ấy, nghĩa là người giàu chết rồi trở lại sinh làm người giàu; người nghèo chết rồi trở lại sinh làm người nghèo; người chết như thế nào rồi trở lại sinh làm người như thế ấy, v.v... Con chó nào chết rồi trở lại sinh làm con chó ấy; con mèo nào chết rồi trở lại sinh làm con mèo ấy; con thú nào chết rồi trở lại sinh làm con thú ấy.

- Là người không tin nghiệp và quả của nghiệp, nên không tin đại-thiện-nghiệp cho quả an-lạc, ác-nghiệp cho quả khổ; chỉ biết an-lạc hoặc khổ do số mạng mà thôi, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần nhiều trong cõi **đại-địa-ngục mahātāpanamahānaraka** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

8- Trong đời, người ác nào đã tạo 1 trong 5 **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (ānantariyakamma)** là ác-nghiệp giết cha, ác-nghiệp giết mẹ, ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán, ác-nghiệp làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng, hoặc có **ác-nghiệp tà-kiến-cố-định (aniyatamicchāditt̄hi)** là ác-nghiệp vô-quả tà-kiến, ác-nghiệp vô-nhân tà-kiến, ác-nghiệp vô-hành tà-kiến, chấp-thủ cố định không thay đổi, hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp.

Sau khi hai hạng người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp trọng-tội* ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục avīcimahānaraka*.

Đối với chúng-sinh có *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội*, chịu quả khổ của *ác-nghiệp* ấy trong suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của *ác-nghiệp* ấy, mới thoát ra khỏi cõi *địa-ngục* ấy.

Còn đối với chúng-sinh có *ác-nghiệp tà-kiến-cố-định*, chịu quả khổ của *ác-nghiệp* ấy trong suốt thời gian lâu dài, không có hạn định, bởi vì chúng-sinh ấy không chịu từ bỏ *tà-kiến cố-định* của mình.

Nhận xét về hai loại *ác-nghiệp trọng-tội*

Hai loại *ác-nghiệp trọng-tội* đó là *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* (*ānantariyakamma*) là *ác-nghiệp giết cha, ác-nghiệp giết mẹ, ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán, ác-nghiệp làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng* và *ác-nghiệp tà-kiến-cố-định* là *ác-nghiệp vô-quả tà-kiến, ác-nghiệp vô-nhân tà-kiến, ác-nghiệp vô-hành tà-kiến*.

Trong hai loại *ác-nghiệp trọng-tội* này, *ác-nghiệp tà-kiến-cố-định* ⁽¹⁾ là nặng hơn *ác-nghiệp*

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IV: “*Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*”, cùng soạn giả.

vô-gián-trọng-tội, bởi vì người có *ác-nghiệp tà-kiến-cố-định* là người hoàn toàn *không tin nghiệp và quả của nghiệp* nên không biết ăn năn sám hối tội lỗi, không từ bỏ *ác-nghiệp tà-kiến-cố-định* của mình.

Còn người nào đã lỡ phạm *1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* rồi, về sau, người ấy biết ăn năn sám hối tội lỗi của mình, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, kính xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới*, trở thành người *cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ)*, tránh xa mọi ác-nghiệp, chỉ tạo *mọi đại-thiện-nghiệp* và cố gắng tinh-tần tạo *mọi phước-thiện* mà thôi, chắc chắn không thể tạo *sắc-giới thiện-nghiệp* được, bởi vì, sau khi người ấy chết, chắc chắn chỉ có *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci* mà thôi, không có nghiệp nào có khả năng làm gián đoạn được. Chúng-sinh địa ngục phải chịu quả khổ lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, hậu-kiếp của người ấy nếu có *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, người ấy có khả năng tạo *mọi thiện-nghiệp*.

* Ví như trường-hợp tiền-kiếp xa xưa của Ngài *Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna* đã từng đánh cha mẹ đến chết, rồi bỏ vào bụi cây, đã phạm hai trong 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội.

Sau khi tiền-kiếp ấy của Ngài chết, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi *đại-địa-ngục*.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, kiếp hiện-tại của Ngài *Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna* là *bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng-thanh-văn có phép-thần-thông đệ nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama*.

Trước khi Ngài *Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna* tịch diệt Niết-bàn, ác-nghiệp cũ còn dư sót nên Ngài *Đại-trưởng-lão* bị bọn cướp đánh đập Ngài tan xương nát thịt, chúng tưởng Ngài đã chết nên ném xác Ngài *Đại-trưởng-lão* vào bụi cây.

Ngài *Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna* vận dụng phép-thần-thông gắn liền lại, rồi bay đến hầu đánh lễ Đức-Phật, xin tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Trường-hợp *tỳ-khuru Devadatta* đã tạo hai ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội là làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư *tỳ-khuru-Tăng*.

Đến khi *tỳ-khuru Devadatta* bị lâm bệnh nặng, trước khi chết, *tỳ-khuru Devadatta* biết ăn năn hối hận về tội lỗi của mình nên truyền bảo nhóm đệ-tử khiêng giường *tỳ-khuru* đang nằm đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính xin sám hối tội lỗi của mình.

Khi đến khuôn viên chùa Jetavana, đặt giường xuống để cho *tỳ-khuru Devadatta* rửa mặt, *tỳ-khuru Devadatta* vừa chạm đôi bàn chân xuống đất thì mặt đất nứt làm đôi, hút thân hình của *tỳ-khuru Devadatta* xuống sâu trong lòng đất. Sau khi *tỳ-khuru Devadatta* chết, ác-nghiệp vô-gián trọng-tội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Trong bộ Chú-giải Pháp-cú giải rằng:

“*So hi ito satasahassakappamattake Aṭṭhissaro nāma Paccekabuddho bhavissati.*”⁽¹⁾

Sau khi *tỳ-khuru Devadatta* chết, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, kể từ *đại-kiếp* trái đất này cho đến 100 ngàn *đại-kiếp* trái đất sau nữa, mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi *đại-địa-ngục*, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, hậu-kiếp của *tỳ-khuru Devadatta* sẽ trở thành **Đức-Phật Độc-Giác** có danh hiệu là **Aṭṭhissara**.

¹ Bộ Dhammapadāṭṭhakathā, Yamakavagga, Devadattavatthu.

* Trường-hợp Đức-vua Ajātasattu đã giết Đức Phụ-vương Bimbisāra là bậc Thánh Nhập-lưu, đã phạm 1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội.

Sau đó, Đức-vua Ajātasattu biết ăn năn hối lỗi, nên ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết bài kinh *Sāmaññaphalasutta* để tế độ Đức-vua. Sau khi nghe Đức-Phật thuyết-pháp xong, Đức-vua phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy y Tam-bảo rằng:

“Esāhaṃ bhante, Bhagavantam saraṇam gacchāmi dhammañca bhikkhusaṃghañca.

Upāsikaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇam gataṃ.”⁽¹⁾

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi chư tỳ-khuru Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn nhận biết con là người cận-sự-nam đã quy y nơi Tam-bảo, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Khi ấy, Đức-vua Ajātasattu kính xin sám hối tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình. Kính xin Đức-Phật chứng minh nhận biết sự sám hối tội lỗi của mình.

* Trong Chú-giải giảng rằng:

¹ Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh *Sāmaññaphalasutta*.

Sau khi nghe bài kinh *Sāmaññaphalasutta* này xong, nếu Đức-vua *Ajātasattu* không phạm ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết Đức phụ-vương thì chúng đăc thành bậc Thánh Nhập-lưu ngay tại nơi ấy, nhưng vì Đức-vua *Ajātasattu* đă phạm ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội nên không thể trở thành bậc Thánh Nhập-lưu đợc.

Đức-vua *Ajātasattu* còn là phạm-nhân có đứctin trong sạch đăc biệt nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng lo phụng sự Tam-bảo đến trọn đời.

Thật vậy, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn đợc 3 tháng 4 ngày, Ngài đại-trưởng-lão *Mahākassapa* tổ chức kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất, gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán, tại đợng Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha.

Đức-vua *Ajātasattu* hộ độ 500 bậc Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất, suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli.

Trong Chú-giải này, Đức-Phật truyền dạy đợc tóm lược như sau:

Sau khi Đức-vua *Ajātasattu* băng hà, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết Đức phụ-vương lẽ ra cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục *Avīci* chịu quả khổ suốt trong thời gian

lâu dài, nhưng nhờ *đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo* và các *đại-thiện-nghiệp* khác nhất là *đại-thiện-nghiệp hộ độ chư 500 bậc Thánh A-ra-hán* trong kỳ kết tập Tam-tạng lần thứ nhất, làm giảm được tiềm năng cho quả của *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy*, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *tiểu-địa-ngục Lohakumbhī* (núi đồng sôi) từ miệng núi chìm xuống đến đáy núi, trong khoảng thời gian 30 ngàn năm, rồi từ đáy núi nổi lên miệng núi trong khoảng thời gian 30 ngàn năm gồm có 60 ngàn năm mới thoát ra khỏi cõi *tiểu-địa-ngục* này.

Sau khi thoát ra khỏi cõi *tiểu-địa-ngục*, do nhờ *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm hạng *người tam-nhân*, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu sẽ trở thành **Đức-Phật Độc-giác** có danh hiệu là *Vijitāvī*.⁽¹⁾

Đại-địa-ngục (Mahānaraka)

Đại-địa-ngục (Mahānaraka) có 8 cõi sắp đặt chiều sâu của mỗi cõi đại-địa-ngục theo tuần tự, có khoảng cách nhau 15 ngàn do-tuần.

Mỗi cõi đại-địa-ngục có 4 hướng, mỗi hướng có 1 cửa, bên ngoài mỗi cửa có 4 *địa-ngục ussadanaraka* (*cūlanaraka*: cõi *tiểu-địa-ngục*) nằm quanh 4 cửa.

¹ Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

Như vậy, *đại-địa-ngục* (*mahānaraka*) có 8 cõi, mỗi cõi có 4 cửa gồm có 32 cửa *địa-ngục* mà mỗi cửa có một chúa *địa-ngục*, gồm có 32 chúa *địa-ngục*.

* Ussadanaraka hoặc Cūḷanaraka

Ussadanaraka (*Cūḷanaraka*: *tiểu-địa-ngục*) nằm xung quanh 8 cõi *đại-địa-ngục* tại 4 hướng, mỗi hướng có 4 cõi *tiểu-địa-ngục*, mỗi cõi *đại-địa-ngục* có 16 cõi *tiểu-địa-ngục*.

Như vậy, 8 cõi *đại-địa-ngục* gồm có 128 cõi *tiểu-địa-ngục*.

Ussadanaraka: Cõi *tiểu-địa-ngục* có 4 cõi:

Bốn cõi *ussadanaraka* này nằm xung quanh 4 cửa của 8 cõi *đại-địa-ngục* có tên gọi giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau về tội nặng, tội nhẹ mà thôi, theo thứ tự như sau:

- *Gūthānaraka*: Cõi *địa-ngục* hàm phản thối.
- *Kukkulanaraka*: Cõi *địa-ngục* hàm tro nóng.
- *Simpalivananaraka*: Cõi *địa-ngục* rừng cây gai nhọn.
- *Vettaraṇīnaraka*: Cõi *địa-ngục* sông nước mận đầy gai nhọn.

1- Gūthānaraka: Cõi *địa-ngục* hàm phản thối

Tuy chúng-sinh đã thoát ra khỏi cõi *đại-địa-ngục avīci* rồi, nhưng năng lực của ác-nghiệp

trọng-tội vẫn còn dư sót, nên ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục *gūthanaraka hām phān thối*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Một thuở nọ, Đức-vua Bô-tát Nimi⁽¹⁾ truyền hỏi thiên nam Mātali rằng:

- *Này thiên-nam Mātali! Hồ nước này chứa đầy phân và nước tiểu dơ bẩn có mùi hôi thối tỏa ra, chúng-sinh địa-ngục bị đói khát không chịu nổi, nên ăn phân và uống nước tiểu như vậy.*

Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh ấy, nên tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy khi còn trên cõi người là những người phản bạn, hại bạn, thường làm khổ những người khác, những chúng-sinh khác, không có tâm từ, tâm bi.*

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm những chúng-sinh trong cõi tiểu-địa-ngục này, phải chịu quả khổ đói khát không chịu nổi, nên phải ăn phân, uống nước tiểu dơ bẩn như vậy. Tâu Đại-vương.

¹ Bộ Jātakatthakathā, tích Nimijātaka.

2- **Kukkulanaraka**: Cõi địa-ngục hầm tro nóng

Tuy chúng-sinh đã thoát ra khỏi *cõi tiểu-địa-ngục gūthanaraka hầm phần thối* rồi, nhưng năng lực của ác-nghiệp trọng-tội vẫn còn dư sót, nên ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi tiểu-địa-ngục kukkulanaraka hầm tro nóng*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Hoặc người nào buôn bán lừa dối, lấy hàng hóa xấu trộn lẫn vào hàng hóa tốt, rồi bán giá cao theo món hàng hóa tốt, phạm điều-giới trộm-cắp, tạo ác-nghiệp trộm-cắp.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần đông trong *cõi tiểu-địa-ngục kukkulanaraka: hầm tro nóng*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy thiêu đốt làm cho đói khát không sao chịu nổi, chúng-sinh địa-ngục chạy đến sông uống nước thì uống phải tro nóng lại càng khổ hơn nữa, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy như vậy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

3- **Simbalivananaraka**: Cõi địa-ngục rừng cây gai bén nhọn.

Tuy chúng-sinh đã thoát ra khỏi *cõi tiểu-địa-ngục kukkulanaraka hầm tro nóng* rồi, nhưng năng lực của ác-nghiệp trọng-tội vẫn còn dư sót, nên ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong

cõi tiểu-địa-ngục simpalivananaraka rừng cây gai bén nhọn, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Hoặc người đàn bà đã có chồng rồi, đi ngoại tình với người đàn ông khác, hoặc người đàn ông đã có vợ rồi, đi ngoại tình với người đàn bà khác, phạm điều-giới tà-dâm, tạo ác-nghiệp tà-dâm.

Sau khi người đàn bà hoặc người đàn ông ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả tái-sinh kiếp sau phần đông trong cõi tiểu-địa-ngục simpalivananaraka rừng cây gai bén nhọn, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

4- Vettaraṇīnaraka: Cõi địa-ngục sông nước mặn đầy gai nhọn.

Tuy chúng-sinh đã thoát ra khỏi cõi tiểu-địa-ngục simpalivananaraka rừng cây gai nhọn rồi, nhưng năng lực của ác-nghiệp trọng-tội vẫn còn dư sót, nên ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục vettaraṇīnaraka sông nước mặn đầy gai nhọn, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Hoặc người phụ nữ nào có tác-ý phá thai trong bụng của mình phạm điều-giới sát-sinh, tạo ác-nghiệp sát-sinh.

Người phụ nữ ấy sau khi chết, ác-nghiệp ấy

cho quả tái-sinh kiếp sau phần đông trong *cõi tiểu-địa-ngục vettaraṇīnaraka sông nước mặn đầy gai nhọn*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Yamalokanaraka

Tuy chúng-sinh đã chịu quả khổ của ác-nghiệp trong *cõi đại-địa-ngục (mahānaraka)* và *cõi tiểu-địa-ngục ussadanaraka* rồi, nhưng năng lực của ác-nghiệp vẫn còn dư sót, nên ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi địa-ngục yamalokanaraka* nằm bên ngoài cách xa *cõi tiểu-địa-ngục ussadanaraka*.

Cõi địa-ngục yamalokanaraka nằm quanh 4 hướng của *cõi tiểu-địa-ngục ussadanaraka*, mỗi hướng có 10 cõi địa-ngục nhỏ, gồm có 40 *cõi địa-ngục yamalokanaraka*.

Như vậy, *cõi địa-ngục yamalokanaraka* xung quanh 8 đại-địa-ngục, gồm có 320 cõi địa-ngục.

Yamalokanaraka có 10 cõi địa-ngục:

1- *Lohakumbhīnaraka*: *Cõi địa-ngục nổi đồng rất sâu và to lớn sôi sùng sục không ngừng.*

2- *Simbalinaraka*: *Cõi địa-ngục rừng cây gai bén nhọn có chất độc dành cho đàn bà hoặc đàn ông phạm điều-giới tà-dâm, tạo ác-nghiệp tà-dâm.*

3- **Asinakhanaraka**: Cõi địa-ngục mà chúng-sinh sử dụng móng tay, móng chân bén nhọn của mình trở thành con dao bén xẻ da thịt trong thân của mình làm vật thực để ăn.

4- **Tāmabodakanaraka**: Cõi địa-ngục nồi sắt nấu đồng sôi sùng sục không ngừng.

5- **Ayogulanaraka**: Cõi địa-ngục tràn đầy những cục sắt cháy đỏ rực làm vật thực cho chúng-sinh trong cõi địa-ngục này.

6- **Pissakapabbatanaraka**: Cõi địa-ngục có bốn hòn núi lớn ở bốn hướng di chuyển được, lăn đến chà sát các chúng-sinh địa-ngục chết, rồi hóa-sinh trở lại chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

7- **Dhusanaraka**: Cõi địa-ngục mà chúng-sinh sống trong cõi này chịu đói khát khủng khiếp.

8- **Sītalositanaraka**: Cõi địa-ngục có độ lạnh kinh khủng hơn hết, chúng-sinh trong cõi này chết vì lạnh, rồi hóa-sinh trở lại. Chúa địa-ngục bắt chúng-sinh ấy ném xuống cõi địa-ngục này, cứ như vậy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

9- **Sunakhanaraka**: Cõi địa-ngục có nhiều loài chó địa-ngục cắn xé ăn thịt chúng-sinh địa-ngục chết, rồi hóa-sinh trở lại như vậy.

10- **Yantapāsāṇanaraka**: Cõi địa-ngục có hòn núi luôn luôn chạm vào nhau, chúa địa-ngục bắt chúng-sinh địa-ngục ném vào chỗ giữa

hai hòn núi chạm nhau, chúng-sinh ấy chết, rồi hóa-sinh trở lại, cứ như vậy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Lokantarikanaraka là cõi đại-địa-ngục đặc biệt nằm khoảng trống ở giữa là nơi giáp ranh của ba *cakkavāḷa* (cõi vũ trụ thế-giới).

Lokantarikanaraka: Cõi địa-ngục này hoàn toàn tối đen như mực, chúng-sinh trong cõi địa-ngục này có thân hình to lớn, có móng tay, móng chân cứng và dài để bám luôn luôn vào thành ranh giới vũ trụ thế-giới.

Như vậy, các cõi địa-ngục gồm có như sau:

- Mahānaraka (cõi đại-địa-ngục) có 8 cõi.
- Ussadanaraka (cõi tiêu-địa-ngục) có 128 cõi.
- Yamanaraka (cõi địa-ngục yama) có 320 cõi.
- Lokantarika naraka (cõi địa-ngục lokantarika) có một cõi.

Toàn cõi địa-ngục gồm có 457 cõi.

Nhận xét về ác-nghiệp nặng

Ác-nghiệp nặng cho quả tái-sinh kiếp sau trong **cõi đại-địa-ngục mahānaraka**, chúng-sinh ở trong **cõi đại-địa-ngục** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Tuy đã được thoát ra khỏi *cõi đại-địa-ngục*, nhưng ác-nghiệp ấy vẫn còn có năng lực, nên cho quả tái-sinh kiếp sau tiếp theo trong *cõi tiểu-địa-ngục ussadanaraka*, tiếp tục chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy theo tuần tự qua 4 *cõi tiểu-địa-ngục*, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Tuy đã được thoát ra khỏi *cõi tiểu-địa-ngục*, nhưng ác-nghiệp ấy vẫn còn có năng lực, nên cho quả tái-sinh kiếp sau tiếp theo trong *cõi địa-ngục yamalokanaraka*, tiếp tục chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Nếu ác-nghiệp ấy vẫn còn có năng lực thì cho quả tái-sinh kiếp sau trong *loài ngạ-quỷ*, tiếp tục chịu quả khổ của ác-nghiệp cho đến mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Chúng-sinh chịu quả khổ của ác-nghiệp trong mỗi cõi địa-ngục lâu dài hoặc mau hoàn toàn tùy thuộc vào ác-nghiệp nặng nhiều hoặc nặng ít, cho nên tuổi thọ của chúng-sinh trong cõi địa-ngục không nhất định.

* Như trường hợp sau khi *tỳ-khuru Devadatta* chết, *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy từ cõi đại-địa-ngục đến cõi tiểu-địa-ngục suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, đại-thiện-nghiệp mới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm hạng *người tam-nhân* rồi trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* có danh hiệu là *Atthissara*⁽¹⁾.

* Trường-hợp sau khi *Đức-vua Ajātasattu* băng hà, *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*, chịu khổ của ác-nghiệp ấy suốt 60 ngàn năm mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, đại-thiện-nghiệp mới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm hạng *người tam-nhân* rồi trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* có danh hiệu là *Vijitāvī*.

Cho nên, khi được sinh làm *người* mà người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, vì dễ duôi quên mình, có tác-ý trong ác-tâm tạo *ác-nghiệp nặng nào*, sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nặng ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục, rồi từ cõi tiểu-địa-ngục này đến cõi tiểu-địa-ngục khác, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Hậu-kiếp của người ấy, để có được đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, thật là một điều vô cùng khó khăn.

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Yamakavagga, Devadattavatthu.

Như Đức-Phật dạy rằng:

“Manussattabhāvo dullabho.”

(Được sinh làm người là một điều rất khó).

Chúng ta có diễm phúc được sinh làm **người** rồi, cần phải nên quý trọng, cố gắng giữ gìn các điều-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đối với người tại gia, cần phải giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, tránh xa mọi ác-nghiệp dù nhẹ, bởi vì ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai, và cố gắng tinh-tấn tạo mọi đại-thiện-nghiệp dù nhỏ dù lớn, bởi vì đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* *Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là kiếp Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* ⁽¹⁾ sinh ra được một tháng tuổi nhớ lại tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát theo tuần tự như sau:

* *Tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya là vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

* *Tiền-kiếp của vị Đức-Bồ-tát thiên nam là chúng-sinh trong cõi tiểu-địa-ngục ussadanaraka chịu quả khổ của ác-nghiệp suốt 80.000 năm.*

* *Tiền-kiếp của chúng-sinh trong cõi tiểu-địa-*

¹ Xem đầy đủ trong Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật, tích Temiya jātaka, cùng soạn giả.

ngục ussadanaraka là Đức-vua Bồ-tát Kāsi ngự tại kinh-thành Bārāṇasī trị vì đất nước Kāsi 20 năm. Đức-vua Kāsi đã tạo ác-nghiệp, sau khi Đức-vua băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi tiêu-địa-ngục *ussadanaraka*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 80.000 năm, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya đã nhớ lại được tiền-kiếp của mình như vậy, nên phát sinh tâm kinh sợ đến lúc trưởng thành sẽ lên ngôi làm vua. Để tránh lên ngôi làm vua, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya phát-nguyện ba điều:

- *Ta không phải là người bại liệt, ta phát nguyện làm như người bại liệt.*

- *Ta không phải là người điếc, ta phát nguyện làm như người điếc.*

- *Ta không phải là người câm, ta phát nguyện làm như người câm.*

Ta quyết tâm thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo ba điều phát nguyện này, để tránh lên ngôi làm vua.

Thật vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya nghiêm chỉnh thực-hành ròng rã suốt 16 năm.

Các vị bà-la-môn tâu lên Đức-vua Kāsirājā:

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya là người xui xẻo *kālakañṇī* sẽ gây tai hoạ đến Đức-vua, Chánh-cung Hoàng-hậu và triều đình.

Tin theo lời các vị bà-la-môn, Đức-vua Kāsirājā truyền lệnh cho người đánh xe Sunanda chở *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* vào rừng sâu chôn sống *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya*.

Khi rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đến khu rừng, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* đã thành tựu *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng*, tránh lên ngôi làm vua một cách hợp pháp, nên *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* xuất gia trở thành đạo-sĩ sống trong rừng thực-hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến hết tuổi thọ.

Mỗi chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, chắc là có nhiều kiếp đã từng tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh).

Nếu như người nào nhớ lại được tiền-kiếp của mình đã từng chịu khổ cùng cực trong cõi địa-ngục thì người ấy trong kiếp hiện-tại này chắc không dám phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp ấy, bởi vì, chỉ có ác-nghiệp mới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới mà thôi.

Người ấy giữ-giới các điều-giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp, để tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

I.2- Pettivisayabhūmi: Cõi Ngạ-Quỷ

Pettivisayabhūmi: Cõi ngạ-quỷ không có cõi riêng biệt, rải rác mọi nơi trong rừng, núi, sông, suối, biển, nghĩa-địa, xóm làng, v.v... loài ngạ-quỷ thuộc về loại **chúng-sinh hóa-sinh** trong cõi ngạ-quỷ, thường chịu cảnh khổ đói khát lạnh lẽo, v.v...

Ác-nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm loài ngạ-quỷ trong cõi ngạ-quỷ?

Người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp phạm giới.

Sau khi người ác ấy chết, nếu **ác-nghiệp trong tham-tâm** có nhiều năng lực có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp thuộc về **bất-thiện-quả vô-nhân-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **loài ngạ-quỷ** trong **cõi ngạ-quỷ**, chịu quả khổ đói khát, lạnh lẽo,... của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi kiếp ngạ-quỷ ấy.

Loài ngạ-quỷ thuộc về loại chúng-sinh **hóa-sinh** có thân hình rất vi-tế mà mắt thường của con người không thể nhìn thấy, chỉ có bậc nào có **thiên-nhãn-thông** mới có khả năng nhìn thấy

rõ các *loài nga-quỷ* được; hoặc nếu khi *loài nga-quỷ* biến hóa ra thân hình thô thì mắt thường của con người có thể nhìn thấy được.

* **Loài nga-quỷ (*petti*)** không có cõi riêng biệt, sống khắp mọi nơi như trong rừng, núi, sông, suối, biển, nghĩa-địa, xóm làng, v.v...

Loài nga-quỷ có nhiều nhóm, nhóm có thân hình nhỏ, nhóm có thân hình to lớn, nhóm có khả năng biến hóa thành người đàn ông, đàn bà, trẻ con, tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ, v.v... hoặc biến hóa thành các con thú như con bò, con trâu, con chó, con mèo, v.v... khi thì hiện hình rõ ràng, khi thì hiện hình mờ mờ không rõ, v.v...

Tất cả mọi loài nga-quỷ đều phải chịu quả khổ của ác-nghiệp, thường chịu cảnh khổ đói khát, có nhóm ăn đồ dơ dáy như nước đằm, nước miếng, máu, mủ, v.v...

Nhóm nga-quỷ nương nhờ nơi các núi rừng không chỉ chịu cảnh khổ đói khát, lạnh lẽo, ... mà còn bị hành hạ như chúng-sinh địa-ngục nữa.

Peta: Nga-quỷ có 4 loại:

1- ***Paradattupajīvikapeta:*** Loài nga-quỷ nuôi mạng do nương nhờ người khác hồi-hướng phần phước-thiện.

2- ***Khuppīpāsikapeta:*** Loài nga-quỷ thường chịu cảnh đói khát, lạnh lẽo, ...

3-*Nijhāmatanḥikapeta*: Loài nga-quỷ thường bị lửa thiêu đốt làm nóng rực không chịu nổi.

4-*Kālakañcikapeta*: Loài nga-quỷ trong nhóm loài a-su-ra hoặc loài nga-quỷ có tên giống loài a-su-ra.

Chuyện loài nga-quỷ *Kālakañcikapeta*

Ngày nọ, *nga-quỷ kālakañcikapeta* khát nước dữ dội muốn uống nước, nên đi tìm đến *con sông gaṅgā*, bước xuống sông để uống nước, do năng lực của ác-nghiệp nước ấy biến ra đất bốc lửa khói lên nghi ngút, nhưng nga-quỷ ấy vẫn nghe tiếng nước chảy mà không thấy nước đâu cả, mãi đi tìm từ chiều đến sáng ngày hôm sau.

Buổi sáng hôm ấy, nhóm 30 tỳ-khuru đi khát thực, dọc theo bờ sông nhìn thấy *nga-quỷ kālakañcikapeta* đang đi tìm nước.

Vị tỳ-khuru đến hỏi rằng:

- *Này người kia! Ngươi đang đi tìm gì vậy?*

Nga-quỷ *kālakañcikapeta* thưa rằng:

- *Kính bạch Ngài, con khát nước dữ dội, nên con đang đi tìm nước uống.*

Chư tỳ-khuru nói với nga-quỷ rằng:

- *Này người kia! Nước sông ở trước mặt, ngươi không nhìn thấy sao?*

- *Kính bạch Ngài, con không thấy nước, nhưng*

vẫn nghe tiếng nước chảy. Con đi tìm nước từ ngày hôm qua đến hôm nay vẫn chưa thấy nước.

Chư tỳ-khuru bảo nga-quỷ rằng:

- Này người kia! Người hãy nằm giữa xuống đây, chúng tôi sẽ múc nước cho người uống no đủ.

Vâng lời chư tỳ-khuru, nga-quỷ ấy nằm há miệng ra, 30 vị tỳ-khuru mỗi vị theo tuần tự đem bát đi xuống sông múc nước đổ vào miệng nga-quỷ, nhưng chỉ vào được chút đỉnh mà thôi, bởi vì miệng của nga-quỷ ấy nhỏ như lỗ kim.

(Trích trong bộ Chú-giải Sammohavinodanī)

Loài nga-quỷ nào nhận được phần phước-thiện của thí-chủ?

Trong 4 loài nga-quỷ này, chỉ có loài nga-quỷ ***paradattupajīvikapeta*** là loài nga-quỷ có thể nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng đến loài nga-quỷ này mà thôi, bởi vì loài nga-quỷ này còn có ác-nghiệp nhẹ, nên được sống gần gũi với loài người, để trông chờ nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng đến cho chúng.

Khi nhóm nga-quỷ này biết có người bà con thân quyến hoặc các thí chủ tạo phước-thiện, rồi hồi hướng phần phước-thiện đến loài nga-quỷ

ấy, nên chúng hiện đến chờ đợi, khi nghe người nói lên lời hồi hướng phần phước-thiện đến cho nhóm nga-quỷ, chúng liền phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Ngay khi ấy, chúng nga-quỷ nhận được **phần phước-thiện hoan-hỷ** ấy, là đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Nếu nga-quỷ nào không biết, thì nga-quỷ ấy không có cơ hội hưởng phần phước-thiện ấy, nên nga-quỷ ấy vẫn còn phải chịu cảnh khổ đói khát như vậy.

* Như trường-hợp nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra ⁽¹⁾ trong quá-khứ xa xưa, từ thời-kỳ Đức-Phật Phussa xuất hiện trên thế gian, cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama của chúng ta, trải qua thời gian lâu dài khoảng cách 92 đại-kiếp trái đất, có 8 Đức-Phật đã tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Nhóm người bà con thân quyến ấy vốn là những người hộ độ Đức-Phật Phussa cùng chư tỳ-khuru-Tăng, họ đã tự tiện lấy dùng những vật thực cúng dường của chư tỳ-khuru-Tăng, lại còn

¹ Xem đầy đủ trong bộ Nền Tảng Phật-Giáo, quyển V: “Phước-Thiện” phần phước-thiện hoan-hỷ, cùng soạn giả.

gây gỗ với nhau, đốt nhà bếp, phạm ác-nghiệp trộm cắp của chư tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi họ chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục, khi ra khỏi cõi đại-địa-ngục, rồi ác-nghiệp ấy còn cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục, khi ra khỏi cõi tiểu-địa-ngục này, rồi ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục kia, và cứ như vậy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi tiểu-địa-ngục ấy.

Như vậy, ác-nghiệp vẫn còn dư sót, nên cho quả hóa-sinh làm *loài ngựa-quỷ*.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ chúng sinh trong khắp mọi nơi. Đức-Phật ngự đến kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ Đức-vua Bimbisāra, các quan trong triều và dân chúng trong kinh-thành Rājagaha.

Sau khi lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật xong, *Đức-vua Bimbisāra* cùng với số đông các quan trong triều cùng dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī chúng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chúng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Khi ấy, Đức vua Bimbisāra đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Bạch Ngài.

Đức-Phật làm thỉnh nhận lời thỉnh mời.

Hay tin Đức-vua Bimbisāra tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên sáng hôm sau, nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong tiền-kiếp hiện đến đứng chờ sẵn, để mong phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy.

Đức-Phật ngự đến cung điện của Đức-vua cùng với chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua Bimbisāra tự tay kính dâng các món vật thực đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong. Khi ấy, Đức-vua hướng tâm suy xét nên xây dựng ngôi chùa nơi nào cho thích hợp với Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên Đức-vua không hỏi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho các hàng nga-quỷ nào cả.

Nhóm nga-quỷ đã từng bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong tiền-kiếp, không nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy, nên chúng vô cùng thất vọng, khổ tâm. Ban đêm, nhóm nga-quỷ ấy hiện đến cung điện của Đức-vua, khóc than thảm thiết, làm cho Đức-vua vô cùng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm hôm qua, con nghe những tiếng khóc than thảm thiết, làm cho con vô cùng kinh sợ.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có điều gì bất hạnh đối với con, hoặc triều đình của con hay không? Bạch Ngài.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này Đại-vương! Con chớ nên lo sợ, chẳng có điều gì bất hạnh đối với con cả. Đó là tiếng khóc than của nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của con trong tiền-kiếp.*

Hôm qua, nhóm nga-quỷ ấy hay tin con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Như-lai cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, nên nhóm nga-quỷ ấy hiện đến đứng chờ đợi con hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho hàng nga-quỷ, nhưng sau khi con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường xong, con không hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho các hàng nga-quỷ, nên nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của con trong tiền-kiếp, không nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy, nên chúng nó vô cùng thất vọng, khổ tâm.

Đêm hôm qua, nhóm nga-quỷ ấy hiện đến khóc than thảm thiết như vậy.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai con sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi con hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của con trong tiền-kiếp, họ sẽ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của con trong tiền-kiếp sẽ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy.

Đức-vua Bimbisāra kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng để con tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Bạch Ngài.

Đức-Phật làm thỉnh nhận lời thỉnh mời.

Đức-vua Bimbisāra chuẩn bị tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vào ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong tiền-kiếp hiện đến đứng chờ sẵn, với hy vọng sẽ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy.

Đức-Phật ngự đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Đức-vua Bimbisāra tự tay kính dâng các món vật thực đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi kính dâng bộ y đến Đức-Phật và bộ y đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Khi ấy, Đức-vua hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến rằng:

“Idaṃ me ñātīnaṃ hotu.”

Phước-thiện bố-thí thanh cao này, cầu mong cho được thành-tựu đến cho nhóm nga-quỷ đã từng là bà con thân quyến của tôi.

Ngay khi ấy, nhóm nga-quỷ ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Nhóm nga-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong tiền-kiếp, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao là đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ ấy liền cho quả đến nhóm nga-quỷ ấy đều thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát, nhờ đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, có đầy đủ các món vật thực ngon lành, có y phục lộng lẫy của vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới.

Những tích tương tự như vậy có nhiều trong bộ *Petavatthu*, bộ *Vimānavatthu*.

* Trong bộ Lokapaññatti và bộ Chagatidīpanī trình bày nga-quỷ có 12 loài:

1- *Vantāsapeta*: Loài nga-quỷ ăn nước miếng, đàm, đồ ói mưa.

2- *Kuṇapāsapeta*: Loài nga-quỷ ăn tử thi người và thú-vật.

3- *Gūthakhādakapeta*: Loài nga-quỷ ăn các loại phân.

4- *Aggijālamukhapeta*: Loài nga-quỷ luôn luôn có ngọn lửa phát ra từ trong miệng.

5- *Sūcimukhapeta*: Loài nga-quỷ có miệng bằng lỗ kim.

6- *Taṇhaṭṭitapeta*: Loài nga-quỷ bị hành hạ bởi tham-ái đói ăn, khát uống luôn luôn.

7- *Sunijjhāmakapeta*: Loài nga-quỷ có thân hình đen thui như cội cây bị cháy.

8- *Satthaṅgapeta*: Loài nga-quỷ có móng tay, móng chân dài và bén nhọn như lưỡi kiếm.

9- *Pabbataṅgapeta*: Loài nga-quỷ có thân hình to cao.

10- *Ajagaraṅgapeta*: Loài nga-quỷ có thân hình như con trăn.

11- *Vemānikapeta*: Loài nga-quỷ chịu khổ ban ngày, ban đêm hưởng an-lạc trong lâu đài trên cõi trời dục-giới.

12- *Mahiddhikapeta*: Loài nga-quỷ có phép biến hóa nhiều loại, là chúa của các nga-quỷ.

* Trong Tạng Luật Pāli, bộ Lakkaṇasamyutta Pāli trình bày nga-quỷ có 21 loài:

1- *Aṭṭhisāṅkhasikapeta*: Loài nga-quỷ có bộ xương không có thịt.

2- *Mamsapesikapeta*: Loài nga-quỷ có từng cục thịt không có xương.

3- *Mamsapiṇḍapeta*: Loài nga-quỷ có cục thịt.

4- *Nicchaviparisapeta*: Loài nga-quỷ không có da.

5- *Asilomapeta*: Loài nga-quỷ có lông nhọn như lưỡi kiếm.

6- *Sattilomapeta*: Loài nga-quỷ có lông nhọn như mũi lao.

7- *Usulomapeta*: Loài nga-quỷ có lông dài như mũi tên.

8- *Sūcilomapeta*: Loài nga-quỷ có lông như mũi kim.

9- *Dutiyasūcilomapeta*: Loài nga-quỷ có lông như mũi kim dài.

10- *Kumbhaṇḍapeta*: Loài nga-quỷ có tinh-hoàn (hòn đá) to lớn.

11- *Gūthakūpaṇimuggapeta*: Loài nga-quỷ chìm trong hầm phần.

12- *Gūthakhāḍakapeta*: Loài nga-quỷ ăn phần.

13- *Nicchavitakapeta*: Loài nữ nga-quỷ không có da.

14- *Duggandhapeta*: Loài nga-quỷ có mùi hôi.

15- *Ogilinīpeta*: Loài nga-quỷ có thân hình như than hồng.

16- *Asīsapeta*: Loài nga-quỷ không có đầu.

17- *Bhikkhupeta*: Loài nga-quỷ có hình dáng như tỳ-khưu.

18- *Bhikkhunīpeta*: Loài nga-quỷ có hình dáng như tỳ-khưu-ni.

19- *Sikkhamānapeta*: Loài nga-quỷ có hình dáng như *sikkhamānā*.

20- *Sāmaṇerapeta*: Loài nga-quỷ có hình dáng như sa-di.

21- *Sāmaṇerīpeta*: Loài nga-quỷ có hình dáng như sa-di-ni.

Nhận xét về loài nga-quỷ

Loài nga-quỷ có 4 loài, có 12 loài, có 21 loài, ngoài ra còn có loài nga-quỷ khác rải rác trong các bộ trong Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli khác, trong tất cả các loài nga-quỷ ấy chỉ có *loài nga-quỷ paradattupajīvikapeta* có thể nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc những người khác hồi hướng đến cho loài nga-quỷ ấy mà thôi, bởi vì loài nga-quỷ này có ác-nghiệp đã giảm dần còn nhẹ, nên được sống gần gũi với loài người, trông chờ nhận phần phước-thiện hồi hướng của bà con thân quyến hoặc các thí-chủ khác.

Những loài nga-quỷ còn lại không thể nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng phần phước-thiện

đến cho chúng được, bởi vì những loài nga-quỷ ấy có ác-nghiệp vẫn còn nặng, vả lại những loài nga-quỷ ấy sống cách xa loài người, nên chưa có cơ hội nhận được phần phước-thiện hồi hướng của bà con thân quyến hoặc những người khác.

* Đối với loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* sống gần gũi với loài người, vả lại ác-nghiệp của loài nga-quỷ này đã giảm nhẹ nhiều rồi, nếu loài nga-quỷ này chờ có cơ hội nhận được phần phước-thiện hồi hướng của bà con thân quyến hoặc người người khác, thì loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* này phát sinh *đại-thiện-tâm* vô cùng hoan-hỷ nói lên lời rằng: *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Ngay khi ấy, loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* ấy được thoát khỏi kiếp nga-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc trên cõi trời dục-giới ấy.

Loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* có 2 nhóm

1- Tiên-kiếp của nhóm nga-quỷ đã từng tạo ác-nghiệp nặng, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi đại-địa-ngục (mahānaraka)*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp tại cõi đại-địa-ngục ấy xong, nhưng năng lực của ác-nghiệp vẫn còn, nên tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau

trong các cõi *tiểu-địa-ngục* (*ussadanaraka*) theo tuần tự cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp tại cõi *tiểu-địa-ngục* ấy xong, nếu năng lực của ác-nghiệp vẫn còn thì tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi *địa-ngục yamalokanaraka*, tiếp tục chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp tại cõi *địa-ngục* ấy xong, mới thoát ra khỏi cõi *địa-ngục*.

Nếu có *đại-thiện-nghiệp* đã tích lũy từ những kiếp quá-khứ xa xưa của chúng-sinh *địa-ngục* ấy thì *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người hoặc làm chư-thiên trên cõi trời *dục-giới*, hưởng mọi an-lạc trong cõi *thiện-giới* ấy.

* Nếu không có *đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả thì ác-nghiệp còn dư sót ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm *loài nga-quỷ paradattupajīvikapeta* sống gần gũi với loài người chờ cơ hội nhận phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng đến cho chúng (*Như nhóm nga-quỷ là bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong tiền-kiếp*).

* Nếu *loài nga-quỷ* nào hay biết hiện đến chờ cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm* hoan-hỷ nói lên lời “*Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*” thì *loài nga-quỷ* ấy nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi

hướng đến cho họ. Ngay khi ấy, loài nga-quỷ ấy thoát khỏi kiếp nga-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời, hưởng mọi an-lạc trong cõi trời ấy.

* Nếu loài nga-quỷ nào không hay tin, không hiện đến chờ thì loài nga-quỷ ấy không có cơ hội nhận được phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng đến cho họ.

2- Người nào phạm điều-giới, có *tham-tâm dính mắc trong của cải tài sản của mình*.

Đến lúc lâm chung nếu người ấy lưu luyện của cải tài-sản với *tham-tâm tiếc nuối*, nên sau khi người ấy chết, thì *ác-nghiệp* trong *tham-tâm* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* tại quanh ngôi nhà. Hoặc nếu người nào lúc lâm chung với *tham-tâm* lưu luyện ngôi nhà, con cháu, v.v...

Sau khi người ấy chết, thì *ác-nghiệp* trong *tham-tâm* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài nga-quỷ *paradattupajīvikapeta* tại ngôi nhà ấy. Loài nga-quỷ ấy đôi khi báo mộng cho con cháu biết, hoặc hiện hình cho con cháu thấy mờ mờ.

* Trong trường hợp này, bà con thân quyến thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới đức trong sạch đến nhà tạo phước-thiện bố-thí, rồi

hồi hương phần phước-thiện bố-thí ấy đến loài nga-quỷ thân quyến của mình rằng:

“Idam no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.”

Câu mong phần phước-thiện thanh cao này được thành tựu đến thân quyến của chúng tôi.

Câu mong thân quyến của chúng tôi hưởng được sự an-lạc.

* Nếu loài nga-quỷ ấy hiểu biết về phước-thiện, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời *“Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!”* thì nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy. Ngay khi ấy, thoát khỏi kiếp nga-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi an-lạc trong cõi thiện-giới ấy.

Hồi hương phước-thiện (Pattidānakusala)

Vấn: *Một người thân nào đã chết, gia đình bà con thân quyến thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới đức trong sạch đến nhà, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường để hồi hương phần phước-thiện bố-thí đến cho người thân quá vãng ấy có được thành tựu hay không?*

Đáp: *Bà con thân quyến thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới đức trong sạch đến nhà làm phước thiện bố-thí, cúng dường, rồi hồi*

hướng phần phước-thiện bố-thí đến cho người thân nào đã quá vãng, người thân ấy có nhận được hay không, nên xem xét trong các trường-hợp như sau:

** Sau khi người thân ấy chết, nếu ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài ngạ-quỷ **paradattupajīvikapeta** đến chờ đợi sẵn để phát sinh đại-thiện-tâm nói lời hoan-hỷ rằng: “Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!” thì nhận được phần phước-thiện hồi hướng ấy, liền thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ ấy, ngay khi ấy, đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện hồi hướng ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.*

*Chỉ có trường hợp kiếp sau của người thân ấy thuộc về loài ngạ-quỷ **paradattupajīvikapeta** mới nhận được phần phước-thiện bố-thí của bà con thân quyến hồi hướng đến loài ngạ-quỷ ấy mà thôi. Ngoài ra, kiếp sau của người thân ấy thuộc về các loài chúng-sinh khác thì khó có thể nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi hướng của thân quyến, với lý do như sau:*

** Nếu sau khi người thân nào chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, thì người thân ấy hoàn toàn*

không hay biết thân quyến tạo phước-thiện bố-thí hồi hướng đến cho mình.

* Nếu sau khi **người thân nào chết**, ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, hoặc hóa-sinh làm loài a-su-ra, hoặc loài súc-sinh, hoặc loài ngạ-quỷ khác ở cách xa loài người, thì **kiếp sau của người thân ấy** hoàn toàn không hay biết thân quyến tạo phước-thiện bố-thí hồi hướng đến cho mình, nên không nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi hướng của thân quyến.

* Nếu sau khi **người thân nào chết**, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, thì dù vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy có hay biết thân quyến tạo phước-thiện bố-thí hồi hướng đến cho mình, cũng không màng đến phước-thiện bố-thí ấy.

* Tuy nhiên trường hợp, nếu bà con thân quyến thỉnh chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có giới đức trong sạch đến nhà làm phước thiện bố-thí, cúng dường, tụng kinh Pāli, thuyết-giảng chánh-pháp, làm pháp-thí, ... tạo các phước-thiện cao quý ấy, rồi hồi hướng phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho tất cả chúng-sinh không có chỉ định riêng cho người nào cả, thì trong tất cả chúng-sinh ấy ắt có **những người thân đã quá**

vãng, chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ cũng đều phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện **pháp-thí thanh cao ấy**, bởi vì Đức-Phật dạy:

Pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi bố-thí

Vậy, sau khi các thí-chủ tạo phước-thiện nào rồi, nên đọc câu hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến đã quá vãng rằng:

“*Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.*”

“*Câu mong phước-thiện này được thành tựu đến cho tất cả mọi bà con thân quyến quá vãng của chúng con, xin cho tất cả mọi bà con thân quyến của chúng con thoát khỏi khổ, hưởng được mọi sự an-lạc.*”

Như vậy, trong vòng tử sinh luân-hồi từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, chắc chắn trong số thân quyến quá vãng ấy ắt có số thân quyến thuộc về loài ngạ-quỷ **paradattupajīvikapeta** đến chờ đợi sẵn để phát sinh đại-thiện-tâm nói lời hoan-hỷ rằng: “*Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*” rồi thọ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, để thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, nhờ đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Cho nên, sau khi thí-chủ tạo phước-thiện nào rồi, nên đọc câu hồi hướng đến tất cả chúng-sinh và tất cả bà con thân quyến như sau:

Imaṃ puññabhāgaṃ mātāpitu ācariya ñāti mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chư-thiên trong cõi trời dục-giới, ... Xin quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này, cầu mong quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

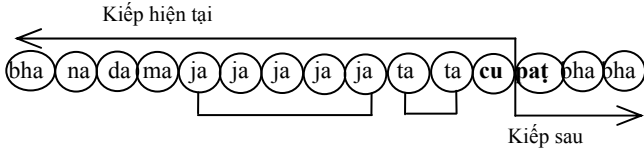
* Tìm hiểu về sự-thật **chúng-sinh tử sinh luân-hồi** trong ba giới bốn loài:

Cuticitta: *Tử-tâm* (chết) là quả-tâm cuối cùng kết thúc kiếp hiện-tại **diệt** và liền theo **paṭi-sandhicitta:** *tái-sinh-tâm* **sinh** là quả-tâm bắt đầu sinh kiếp sau cùng trong *cận-tử-lộ-trình-tâm* (*maraṇāsannavīthicitta*) đối với các hạng phàm-nhân và ba bậc Thánh-nhân là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* (ngoại trừ *bậc Thánh A-ra-hán*) ⁽¹⁾.

¹ Bậc Thánh A-ra-hán không còn tham-ái, đến khi chết gọi là tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đồ biểu ý-môn-cận-tử lộ-trình-tâm

(Kāmajavanamanodvāramaraṇāsannavīthi)



Ý-môn-cận-tử lộ-trình-tâm

Dục-giới tác-hành-tâm trong ý-môn-cận-tử lộ-trình-tâm (Kāmajavanamanodvāramaraṇāsannavīthi) có các tâm sinh rồi diệt liên tục như sau:

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm viết tắt *bha*
- 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động vt *na*
- 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị ngưng vt *da*
- 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn-hướng-tâm vt *ma*
- 5-9- *Javanacitta*: Tác-hành-tâm vt *ja*
- 10- *Tadārammaṇacitta*: Tiếp-đối-tượng-tâm vt *ta*
- 11- *Cuticitta*: Tử-tâm vt *cu*
- 12- *Paṭisandhicitta*: Tái-sinh-tâm vt *paṭ*
- 13- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm vt *bha*

Giải thích:

1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm là quả-tâm có đối-tượng cũ quá-khứ, theo hộ trì, giữ gìn kiếp hiện-tại này, sinh rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt *bha*)

2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động do 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma*, hoặc

kammanimitta, hoặc *gatinimitta*, nhưng vẫn còn giữ đối-tượng cũ quá-khứ, phát sinh một sát-na-tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt na)

3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm cắt đứt đối-tượng cũ kiếp quá-khứ, bởi vì 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma*, hoặc *kammanimitta*, hoặc *gatinimitta* phát sinh một sát-na-tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt da)

4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma*: thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp, hoặc *kammanimitta*: hiện tượng của thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp, hoặc *gatinimitta*: cõi ác-giới hoặc cõi thiện-giới, phát sinh một sát-na-tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt ma)

5- *Javanacitta*: Tác-hành-tâm là tâm làm phạm sự tạo nghiệp (đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp) có 1 trong 3 đối-tượng giống như ý-môn-hướng-tâm trước, phát sinh chỉ có 5 sát-na-tâm yếu ớt rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt ja)

6- *Tadārammaṇacitta*: Tiếp-đối-tượng-tâm là tâm tiếp đối-tượng sót lại của tác-hành-tâm, phát sinh hai sát-na-tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt ta)

7- *Cuticitta*: Tử-tâm là quả-tâm cuối cùng kết thúc kiếp hiện-tại có đối-tượng cũ quá-khứ, làm

phận sự chuyển kiếp (**chết**) kết thúc kiếp hiện-tại, phát sinh một sát-na tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt cu)

8- **Paṭisandhicitta**: *Tái-sinh-tâm* là quả-tâm làm phận sự tái-sinh bắt đầu của kiếp sau kế tiếp, có 1 trong 3 đối-tượng là *kamma* hoặc *kammanimitta* hoặc *gatinimitta* giống như ý-môn-hướng-tâm, phát sinh một sát-na-tâm rồi diệt, làm duyên cho tâm tiếp theo, (viết tắt pat)

9- **Bhavaṅgacitta**: *Hộ-kiếp-tâm* là quả-tâm có đối-tượng giống như tái-sinh-tâm (kiếp-hiện-tại), theo hộ trì, giữ gìn kiếp hiện-tại này, sinh rồi diệt, chấm dứt ý-môn cận-tử-lộ-trình-tâm. (viết tắt bha)

Theo *dục-giới tác-hành-tâm ý-môn-cận-tử lộ-trình-tâm* thì **cuticitta**: *tử-tâm* cuối cùng kết thúc kiếp hiện-tại **diệt** và tiếp theo **paṭisandhicitta**: *tái-sinh-tâm sinh* bắt đầu của kiếp sau kế-tiếp chỉ có cách nhau một sát-na-tâm sinh rồi diệt mà thôi, không có thời gian khoảng cách chờ đợi.

Như vậy, **cuticitta**: *tử-tâm (chết)* là quả-tâm cuối cùng kết thúc kiếp hiện-tại và **paṭisandhicitta**: *tái-sinh-tâm* là quả-tâm bắt đầu của kiếp sau không có thời gian khoảng cách, nghĩa là **cuticitta**: *tử-tâm diệt* liền tiếp theo **paṭisandhicitta**: *tái-sinh-tâm sinh*, trong cùng **cận-tử-lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthi)**.

Nói nôm na là **kiếp hiện-tại chết và kiếp sau sinh chỉ có cách 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt mà thôi, không có khoảng cách thời gian chờ đợi.**

* Sau khi *hạng phàm-nhân* chết, nếu *ác-nghiệp* trong *11 bất-thiện-tâm* (trừ *si-tâm* hợp với *phóng-tâm*) có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có một *quả-tâm* là ***suy-xét-tâm*** đồng sinh với *thọ xả* là quả của *ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới* chịu quả khổ của *ác-nghiệp* trong cõi ác-giới ấy.

Chúng-sinh trong cõi *địa-ngục*, cõi *a-su-ra*, loài *súc-sinh* không hay biết đến *phước-thiện* *bồ-thí* của bà con thân quyến hồi hướng đến cho họ.

Trong tích *Tirokuḍapetavatthu* ⁽¹⁾, Đức-Phật dạy có câu kệ rằng:

“Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.”

Câu mong *phước-thiện* *bồ-thí* này được thành tựu đến bà con thân quyến là loài *ngạ-quỷ* của các con, xin bà con thân quyến loài *ngạ-quỷ* ấy được hưởng mọi sự *an-lạc*.

Và *“Evameva ito dinnam, petānam upakappati.*

Phước-thiện *bồ-thí* mà thân quyến cõi người đã hồi hướng, được thành tựu đến các *ngạ-quỷ* như vậy.

¹ Bộ *Petavatthu*, tích *Tirokuḍapetavatthu*.

Loài nga-quỷ ở đây đó là **loài nga-quỷ para-dattupajīvikapeta** bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra đang chờ đợi để phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lời “*Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay!*” rồi nhận phần phước-thiện bố-thí của Đức-vua Bimbisāra.

Còn lại các loài nga-quỷ khác không có cơ hội nhận phần phước-thiện của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng, bởi vì chúng sống cách xa loài người, nên không hay biết, và lại chúng đang còn chịu quả khổ của ác-nghiệp.

* Sau khi hạng phàm-nhân chết, nếu **đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm** có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **9 quả-tâm** là **8 đại-quả-tâm** và **1 suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả **đại-thiện-nghiệp** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạn sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ **1 trong 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy cho đến hết tuổi thọ.**

- Như vậy, nếu đầu-thai làm người thì người ấy không hay biết gì đến phần phước-thiện bố-thí của bà con thân quyến hoặc người khác hồi hướng đến cho mình.

- Nếu hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới dù có biết cũng

không quan tâm đến, bởi vì phần phước-thiện bố-thí ấy là tầm thường, nhưng nếu có *phước-thiện nghe pháp* (*dhammassavanakusala*) hoặc *phước-thiện thuyết-pháp* (*dhammadesanākusala*) thì chư-thiên đều vô cùng hoan-hỷ nhận **phần pháp-thí** ấy, bởi vì Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.*”

Pháp-thí là cao quý hơn tất cả mọi *phước-thiện* bố-thí.

Ác-nghiệp trong 8 *tham-tâm* phần nhiều cho quả tái-sinh kiếp sau trong các **loài ngạ-quỷ** và **loài a-su-ra**.

I.3- Cõi A-Su-Ra

Asurabhūmi: Cõi *a-su-ra* có nhiều nơi chốn theo mỗi nhóm *a-su-ra* riêng biệt, các nhóm *a-su-ra* đều thuộc về loại *chúng-sinh hóa-sinh*.

Ác-nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau *hóa-sinh* làm loài *a-su-ra* trong cõi *a-su-ra*?

Trong cõi người này, người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có quyền lực, giàu có, nhưng là người thiếu trí, ít học, nên không biết phân biệt *bậc thiện-trí cao thượng* (*paṇḍita*) đáng kính trọng, và kẻ *ác-nhân* (*bāla*) đáng chê trách, nên người ấy chê trách, khinh thường *bậc thiện-trí cao thượng* và ngược

lại kính trọng, tán dương ca tụng *kẻ ác-nhân*, tạo ác-nghiệp sai lầm ấy.

Sau khi người ác ấy chết, nếu **ác-nghiệp** trong **tham-tâm** có tà-kiến thấy sai chấp lầm ấy có nhiều năng lực có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp thuộc về **bất-thiện-quả vô-nhân-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikicca*) hóa-sinh làm **loài a-su-ra** trong cõi *a-su-ra*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi kiếp a-su-ra ấy.

Loài a-su-ra đều thuộc về loại **chúng-sinh hóa-sinh** có tham-tâm không an-lạc, thường sầu não, cuộc sống thiếu thốn.

Loài A-su-ra có 3 loài:

- 1- *Deva-asura*: A-su-ra thuộc loại **chư-thiên**.
- 2- *Petti-asura*: A-su-ra thuộc loài **ngạ-quỷ**.
- 3- *Niraya-asura*: A-su-ra thuộc **chúng-sinh địa-ngục**.

Deva-asura: Chư-thiên a-su-ra có 6 vị lớn:

- 1- *Vepacitta-asura*: *Vepacitta a-su-ra*.
- 2- *Subali-asura*: *Subali a-su-ra*.
- 3- *Rāhu-asura*: *Rāhu a-su-ra*.
- 4- *Pahāra-asura*: *Pahāra a-su-ra*.

5- *Sambaratī-asura*: *Sambaratī a-su-ra*.

6- *Vinipātika-asura*: *Vinipātika a-su-ra*.

A-su-ra nghịch với Đức-vua trời Sakka

A-su-ra có 5 vị đối nghịch với *Đức-vua trời Sakka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, 5 vị là *Vepacitta a-su-ra* đứng đầu và *Subali a-su-ra*, *Rāhu a-su-ra*, *Pahāra a-su-ra*, *Sambaratī a-su-ra* cùng nhóm thuộc hạ của mỗi vị trụ ở phía dưới núi Sineru, còn *Đức-vua trời Sakka* cùng chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trụ ở trên đỉnh núi Sineru, cho nên 5 vị *A-su-ra* cùng nhóm thuộc hạ cùng chung trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Nhóm quân *a-su-ra* đứng đầu là vị *Vepacitta a-su-ra* thường kéo quân lên đánh nhau với *Đức-vua trời Sakka* cùng chư-thiên, khi thì thất bại, khi thì chiến thắng. Cuộc chiến giữa vị *Vepacitta a-su-ra* với *Đức-vua trời Sakka* bằng cách đấu phép với nhau, nên không có thương vong, mỗi khi bên nào thua thì rút lui chạy vào thành đóng cửa lại, bên thắng không thể vào thành được nên đành phải rút quân trở về thành của mình.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, *Đức-vua trời Sakka* ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

Từ đó, cuộc chiến giữa vị *Vepacitta a-su-ra* với *Đức-vua trời Sakka* không còn đấu phép với nhau mà đấu bằng trí-tuệ, nên vị *Vepacitta a-su-ra* bị thua trí thật sự, *Đức-vua trời Sakka* toàn thắng thật sự, nên hai bên không còn chiến đấu với nhau nữa.

* Còn vị *Vinipātika-asura* cùng nhóm thuộc hạ có thân hình nhỏ hơn và oai lực kém thua chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Nhóm *Vinipātika-asura* không có chỗ ở riêng biệt, nương nhờ nơi cõi người, nơi rừng núi, cây cối, chỗ trống trải ngoài trời, v.v... cho nên nhóm *Vinipātika-asura* trở thành thuộc hạ của *bhumaṭṭhadevatā*: *chư-thiên trên mặt đất* thuộc về chư-thiên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương.

- **Petti-asura**: A-su-ra loài nga-quỷ có 3 nhóm:

- 1- *Kālakañcikapeta-asura*: A-su-ra là loài nga-quỷ *kālakañcikapeta*.
- 2- *Vemānikapeta-asura*: A-su-ra là loài nga-quỷ *vemānikapeta*.
- 3- *Āvudhikapeta-asura*: A-su-ra là loài nga-quỷ *āvudhikapeta*.

* *Kālakañcikapeta-asura* là loài nga-quỷ *kālakañcika* thuộc về loài a-su-ra như trình bày trong loài nga-quỷ.

* *Vemānikapeta-asura* là loài nga-quỷ *vemānika* ban ngày chịu quả khổ của ác-nghiệp, nhưng đến

ban đêm lại hưởng mọi sự an-lạc như chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Vì vậy, *loài nga-quỷ vemānikapeta này* gọi là loài a-su-ra.

* *Āvudhikapeta-asura* là *loài nga-quỷ āvudhika* sát hại lẫn nhau bằng vũ khí khác nhau, cho nên *loài nga-quỷ āvudhika này* gọi là loài a-su-ra.

Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên yêu thương, kính mến nhau, còn nhóm *nga-quỷ āvudhika* sát hại lẫn nhau bằng vũ khí.

- **Niraya-asura**: A-su-ra là chúng-sinh địa-ngục có một loài nga-quỷ phải chịu quả khổ trong cõi địa-ngục *Lokantarikanaraka*.

Cõi địa-ngục Lokantarikanaraka là khoảng giữa nơi giáp ranh của ba vũ trụ thế-giới, tất cả mọi chúng-sinh cõi địa-ngục *Lokantarikanaraka* này đều dính vào thành vũ trụ, như con dơi dính vào vách, trong cõi địa-ngục này tối đen như mực, phía dưới có nước lạnh kinh khủng, nếu chúng-sinh địa-ngục rơi xuống chết ngay tức thì.

Chúng-sinh trong cõi địa-ngục này bị đói khát dữ dội, chúng lần mò đi kiếm đồ ăn, nếu khi chúng gặp nhau tưởng là đồ ăn, hai bên nhào đến cắn xé nhau, buông tay nên cả hai bên bị rơi xuống nước lạnh đều chết, rồi hóa-sinh trở lại, và cứ như vậy cho đến khi mãn quả khổ của ác-nghiệp mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Chúng-sinh cõi địa-ngục này gọi là a-su-ra bởi vì chúng sát hại lẫn nhau.

I.4- Tiracchānabhūmi: Cõi Súc-Sinh

Tiracchānabhūmi: Cõi súc-sinh nương nhờ nơi cõi người rải rác mọi nơi trong rừng, núi, sông, suối, biển, xóm làng, trong nhà, v.v... loài súc-sinh có nhiều loài khác nhau tùy theo ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp của chúng.

Ác-nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau làm loài súc-sinh?

Người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

Sau khi người ác ấy chết, nếu **ác-nghiệp** trong **si-tâm** có nhiều năng lực thì có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp thuộc về **bất-thiện-quả vô-nhân-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau làm **loài súc-sinh** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi kiếp loài súc-sinh ấy.

Loài súc-sinh có nhiều loại như sau:

- Loài súc-sinh sinh ra từ trong bụng mẹ như con bò, con voi, con ngựa, v.v...

- Loài súc-sinh sinh ra từ trứng rồi từ trứng nở ra con như con gà, con chim, v.v...

- Loài súc-sinh sinh ra từ nơi ẩm thấp như con giun, v.v. ...

- Loài súc-sinh là loài hóa-sinh như Đức-long-vương, các long nam, các long nữ, v.v...

Tiracchāna là loài chúng-sinh thường di chuyển với cột xương sống nằm ngang gọi là loài súc-sinh.

Loài súc-sinh có nghĩa rộng gồm tất cả các loài sinh vật lớn nhỏ có sự sống, sự chết, có tử sinh luân-hồi trong bốn loài. Loài súc-sinh có thân hình to lớn nhất và nhỏ bé nhất, không có cõi riêng biệt, phần đông sinh sống chung trong cõi người, được phân loại có bốn nhóm loài súc-sinh như sau:

1- *Apadatiracchāna*: Nhóm loài súc-sinh không có chân như con rắn, con lươn, con cá, con trùn, v.v...

2- *Dvipadatiracchāna*: Nhóm loài súc-sinh có 2 chân như con chim, con gà, con vịt, v.v...

3- *Catupadatiracchāna*: Nhóm loài súc-sinh có 4 chân như con bò, con trâu, con voi, v.v...

4- *Bahupadatiracchāna*: Nhóm loài súc-sinh có nhiều chân như con rít, con cuốn chiếu, v.v ...

Tất cả các loài súc-sinh này có chỗ ở khác nhau, có nhóm loài súc-sinh nương nhờ sinh sống trên mặt đất, có nhóm loài súc-sinh nương nhờ sinh sống dưới nước.

Đặc biệt có loài súc-sinh như *nāga*, *kinnara*, *sīha*, *garuḍa*.

* **Nāga**: Rắn độc có 4 loài:

1- *Kaṭṭhamukha*: Loài rắn độc, nếu người nào bị nó cắn thì toàn thân người ấy bị cứng đờ không còn cử động được nữa, đau đớn vô cùng.

2- *Pūtimukha*: Loài rắn độc, nếu người nào bị nó cắn thì vết thương người ấy bị thối và nước mủ chảy ra.

3- *Aggimukha*: Loài rắn độc, nếu người nào bị nó cắn thì toàn thân người ấy bị nóng rực, chỗ vết thương bị cháy bỏng như bị phỏng lửa.

4- *Satthamukha*: Loài rắn độc, nếu người nào bị nó cắn thì người ấy như bị sét đánh.

* **Sự sinh** của loài Nāga có 4 cách:

1- *Aṇḍaja*: Loài Nāga sinh ra từ trứng.

2- *Jalābujja*: Loài Nāga sinh ra từ trong bụng.

3- *Saṃsedaja*: Loài Nāga sinh ra từ mồ hôi chảy ra.

4- *Opapātika*: Loài Nāga hóa-sinh ra to lớn ngay tức thì.

Đặc biệt loài Nāga gọi là loài long nam, long nữ ở cõi long cung, trong các lâu đài nguy nga tráng lệ toàn bằng vàng, bạc, các thứ ngọc, v.v... phát sinh do quả của đại-thiện-nghiệp.

Trong cõi long cung có *Đức Long-vương* trị vì các long nam, long nữ, tất cả loài long này đều có phép-thần-thông biến hóa ra thành loài người, chư-thiên, loài thú, v.v... do quả của đại-thiện-nghiệp gọi là (*vipāka-iddhi*) tùy theo khả năng của mỗi long nam, long nữ.

Mặc dù long nam, long nữ có khả năng biến hóa ra loài người già trẻ khác nhau như thế nào, khi có 1 trong 5 trường hợp xảy ra vẫn trở lại loài long như trước. 5 trường hợp ⁽¹⁾ là:

- 1- Trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, là loài long.
- 2- Trong khi lột da thay da mới, phải hoàn trở lại loài long.
- 3- Trong khi giao cấu với loài long khác phái, phải hoàn trở lại loài long.
- 4- Trong khi nằm ngủ say, tự nhiên hoàn trở lại loài long, bởi vì không có trí nhớ biết mình.
- 5- Trong thời-kỳ chuyển kiếp (chết), phải hoàn trở lại loài long.

Tuổi thọ của loài Nāga nhiều hoặc ít không có chắc chắn, tùy theo quả của nghiệp.

¹ Trong Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Erakapattanāgarāja, Samyuttanikāya aṭṭhakathā, Vi. Mahāvaggatṭhakathā, ...

* **Kinnara**: Loài kinnara đực và kinnara cái là loài thú có phần giống như người, ngựa và có phần giống như chim như sau:

- Thân hình, đầu, mặt, hai con mắt, hai lỗ mũi giống như người.

- Cái miệng nhô ra phía trước giống như mõ con ngựa.

- Hai bàn tay, hai bàn chân có móng dài giống như chân chim.

Loài kinnara có nhiều loại, thông thường rất sợ nước.

* **Sīha**: Sư tử có 4 loại:

1- *Tiṇasīha* là loài sư tử có thân hình bằng con bò trẻ màu đỏ, ở trong rừng sâu ăn cỏ.

2- *Kālasīha* là loài sư tử có thân hình bằng con bò trẻ màu đen, ở trong rừng sâu ăn cỏ.

3- *Paṇḍusīha* là loài sư tử có thân hình bằng con bò trẻ màu như lá cây vàng, ở trong rừng sâu, ăn thịt các loài thú khác.

4- *Kesarasīha* là loài sư tử chúa có thân hình bằng con trâu, môi, đuôi, chân có màu đỏ, từ đầu cho đến lưng có ba sọc màu đỏ bao quanh hai hông, vòng cổ có lông dài, từ hai vai đến toàn thân có màu vàng lẫn trắng, ở trong rừng Himavanta, ăn thịt các loài thú khác.

Sīha: Sư tử là chúa của các loài thú.

* **Garuḍa**: *Con garuḍa* có thân hình giống như loài chim, nên ghép vào loài chim. *Con garuḍa* là con chim lớn nhất, là vua của các loài chim, sống trong rừng sâu, ăn các loài nāga rắn, rồng (long).

Loài súc-sinh thông thường có ba sự biết:

1- *Gocarasaññā*: *Biết kiếm ăn, ngủ, nghỉ, ...*

2- *Kāmasaññā*: *Biết giao cấu và truyền giống.*

3- *Marāṇasaññā*: *Biết sợ chết.*

Nếu Đức-Bồ-tát sinh làm loài súc-sinh thì sinh làm giống đực không nhỏ hơn con chim sẽ cũng không lớn hơn con voi, Đức-Bồ-tát loài súc-sinh đực có sự hiểu biết rất phi thường.

Nhận xét về loài súc-sinh

Thời-kỳ paṭisandhikāla và *thời-kỳ pavattikāla* của các loài súc-sinh.

- Trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)*, có *suy-xét-tâm đồng sinh* với *thọ xả* là quả của ác-nghiệp trong *si-tâm* có nhiều năng lực làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm **loài súc-sinh (tiracchāna)**.

- Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)* kiếp hiện-tại có 7 *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả của ác-nghiệp tiếp xúc với các đối-tượng xấu là quả của ác-nghiệp, đối với các loài súc-sinh.

Tuy nhiên, đặc biệt có số loài súc-sinh, tuy trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) với *suy-xét-tâm* đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, nhưng trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh* (*pavattikāla*), kiếp hiện-tại, *số loài súc-sinh ấy* trở thành *con voi báu* dành cho Đức-Chuyển-luân Thánh-vương, dành cho Đức-vua; *ngựa báu* dành cho vị anh-hùng, nên kiếp hiện-tại của số loài súc-sinh ấy được trọng dụng, được trọng đãi đặc biệt, ... đó là *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp* đặc biệt mà số loài súc-sinh ấy đã tạo trong tiền-kiếp của chúng. Thậm chí trong đời cũng thường thấy những *con mèo, con chó, ... tinh khôn* cũng được các gia đình giàu sang phú quý nuôi nấng chăm sóc đặc biệt, đó là *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp* đặc biệt mà những *con mèo, con chó, ... tinh khôn* ấy đã tạo trong những tiền-kiếp của chúng.

Tuy Đức Long-vương, các long-nam, long-nữ thuộc về loài súc-sinh nhưng có khả năng đặc biệt biến hóa ra thành người, thành chư-thiên, v.v... có nhiều phép mầu được thành tựu do quả của nghiệp gọi là *vipāka-iddhi*.

Dù Đức Long-vương, các long-nam, các long-nữ ấy biến hóa ra thành người có cơ hội nghe chánh-pháp của chư bậc thiện-trí, cũng không có khả năng chứng đắc các bậc thiên sắc-giới

nào, cũng không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào được, bởi vì Đức Long-vương, các long-nam, các long-nữ ấy thuộc về hạng chúng-sinh *duggati-ahetuka* vô-nhân cõi ác-giới với tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) là **suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của ác-nghiệp thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm.

Chỉ có những chúng-sinh thuộc về **hạng tam-nhân** mới có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân cao thượng trong Phật-giáo mà thôi.

Thật vậy, chỉ có **hạng tam-nhân** thuộc về loài người, chư vị thiên-nam hoặc chư vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, những hạng chúng-sinh tam-nhân ấy đã từng tích lũy đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật và có đủ 5 pháp-chủ (*indriya*): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ mới có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn mà thôi.

II- Kāmasugatibhūmi: Cõi Thiện-Dục-Giới

Cõi thiện-dục-giới gồm có 7 cõi:

- 1- *Manussabhūmi*: Cõi người.
- 2- *Catumahārājikābhūmi*: Cõi Tứ-đại-thiên-Vương.
- 3- *Tavatimsābhūmi*: Cõi Tam-thập-tam-thiên.
- 4- *Yamābhūmi*: Cõi Dạ-ma-thiên.
- 5- *Tusitābhūmi*: Cõi Đâu-suất-đà-thiên.
- 6- *Nimmānaratibhūmi*: Cõi Hóa-lạc-thiên.
- 7- *Paranimmitavasavattibhūmi*: Cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên.

- *Kāmasahacaritā sugati*: *Kāmasugati*

Cõi thiện-dục-giới là cõi phát sinh cùng với *kāmatanḥā*: ái-dục gọi là *kāmasugatibhūmi*.

Cõi thiện-dục-giới có 7 cõi là nơi nương nhờ sinh sống của loài người và chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới liên quan đến *kāmatanḥā* mong muốn trong 5 đối-tượng ái-dục (*kāmārammaṇa*) là:

1- *Rūpatanḥā*: Sắc-ái là tâm tham-ái trong những đối-tượng sắc xinh đẹp.

2- *Saddatanḥā*: Thanh-ái là tâm tham-ái trong những đối-tượng âm thanh hay.

3- *Gandhatanḥā*: Hương-ái là tâm tham-ái trong những đối-tượng hương thơm tho.

4- *Rasataṇhā*: Vị-ái là tâm tham-ái trong những đối-tượng vị ngon lành.

5- *Phoṭṭhabbataṇhā*: Xúc-ái là tâm tham-ái trong những đối-tượng xúc êm ái.

* Chúng-sinh sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới là quả của *dục-giới thiện-nghiệp* (đại-thiện-nghiệp) trong 8 *dục-giới thiện-tâm* (đại-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi người*, 6 *cõi trời dục-giới*.

II.1- Manussabhūmi: Cõi Người

Manussabhūmi: Cõi người là nơi sinh sống của loài người (manussa).

Loài người (*manussa*) trong 4 châu lớn (*dīpa*):

- *Uttarakurudīpa*: Bắc-ciru-lưu-châu.
- *Pubbavidehadīpa*: Đông-thắng-thần-châu.
- *Aparagoyānadīpa*: Tây-nguru-hóa-châu.
- *Jambūdīpa*: Nam-thiện-bộ-châu.

Bốn châu này nằm ở 4 hướng của núi *Sineru*.

1- *Uttarakurudīpa*: Bắc-ciru-lưu-châu nằm ở hướng Bắc của núi *Sineru*. Loài người ở *Uttarakurudīpa* này có ba đức tính là:

- * Không chấp-thủ của cải tài sản là của mình.
- * Không chấp-thủ con trai, con gái, vợ, chồng là của mình.
- * Có tuổi thọ đúng 1.000 năm.

Loài người ở *Uttarakurudīpa* này có *ngũ-giới* là *thường-giới*, sau khi hết tuổi thọ chết, chắc chắn *dục-giới thiện-nghiệp* (*đại-thiện-nghiệp*) cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời *dục-giới*. Sau khi vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ chết, nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi nào tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy.

- Nếu *ác-nghiệp* có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, cõi ngạ-quỷ, loài súc-sinh).

- Nếu *dục-giới thiện-nghiệp* (*đại-thiện-nghiệp*) cho quả thì tái-sinh kiếp sau trong cõi người hoặc 6 cõi trời *dục-giới*.

2- *Pubbavidehadīpa*: *Đông-thắng-thần-châu* nằm ở hướng Đông của *núi Sineru*. Loài người ở *pubbavidehadīpa* này có tuổi thọ 700 năm.

3- *Aparagoyānadīpa*: *Tây-ngư-hóa-châu* nằm ở hướng Tây của *núi Sineru*. Loài người ở *aparagoyānadīpa* này có tuổi thọ 500 năm.

4- *Jambūdīpa*: *Nam-thiện-bộ-châu* nằm ở hướng Nam của *núi Sineru* là trái đất mà chúng ta đang sống, con người ở cõi *Jambūdīpa* của chúng ta có tuổi thọ không nhất định, tùy theo thời-kỳ thiện-pháp tăng trưởng hoặc ác-pháp tăng trưởng.

* Nếu thời-kỳ nào loài người ở *Jambūdīpa* có *thân hành-thiện, khẩu hành-thiện, ý hành-thiện, mọi thiện-pháp tăng trưởng*, thì thời-kỳ ấy tuổi thọ của loài người tăng lên đến tột đỉnh. Khi ấy, loài người ở cõi *Jambūdīpa* có tuổi thọ tột đỉnh đến a-tăng-kỳ ⁽¹⁾ năm.

* Nếu thời-kỳ nào loài người ở *Jambūdīpa* có *thân hành-ác, khẩu hành-ác, ý hành-ác, mọi ác-pháp tăng trưởng* thì thời-kỳ ấy tuổi thọ của loài người giảm xuống đến tột cùng. Khi ấy, loài người ở *Jambūdīpa* có tuổi thọ chỉ còn 10 năm.

Tuổi thọ của loài người trong 4 châu dựa theo bộ Chú-giải Samyuttanikāyattṭhakathā rằng:

“*Jambūdīpavāsinaṃ āyuppamāṇam natthi, Pubbavidehānaṃ sattavassasatāyukā, Aparagoyānavāsīnaṃ pañcavassasatāyukā, Uttarakuruvāsīnaṃ vassasahassāyukā. Tesam tesam parittadīpavāsīmampi tadanugatikāva.*”

Loài người sống trong Bắc-ciru-lưu-châu có tuổi thọ 1.000 năm, loài người sống trong Tây-ngư-hóa-châu có tuổi thọ 500 năm, loài người sống trong Đông-thắng-thần-châu có tuổi thọ 700 năm, loài người sống trong Nam-thiện-bộ-châu có tuổi thọ không nhất định.

¹ A-tăng-kỳ (asaṅkhyeyya) là đơn vị số lượng: số 1 đứng trước 140 số 0, viết tắt 10¹⁴⁰.

Loài người (*manussa*) trong châu này đề cập trực tiếp đến *Jambūdīpa*: Nam-thiện-bộ-châu, còn ba châu chỉ là gián tiếp mà thôi.

Định nghĩa manussa

* *Mano ussannaṃ etesanti: Manussā.*

Mọi chúng-sinh gọi là **manussa**: người, bởi vì có thiện-tâm cao-thượng và ác-tâm thấp hèn.

Ý nghĩa **manussa** này ám chỉ trực tiếp đến con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, còn loài người trong ba châu khác là *Pubbavidehādīpa*, *Aparagoyānadīpa*, *Uttarakurudīpa* chỉ là gián tiếp mà thôi.

Con người trong *Jambūdīpa* nam-thiện-bộ châu đặc biệt có **thiện-tâm cực thiện** hoặc có **ác-tâm cực ác**.

* Người trong cõi *Jambūdīpa* Nam-thiện-bộ-châu này đặc biệt có **thiện-tâm cực thiện** như thế nào?

- Người nào thuộc về hạng **người tam-nhân** trong cõi *Jambūdīpa* này, hạng người ấy có khả năng đặc biệt đạt đến **thiện-tâm cực thiện** trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hoặc Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng-thanh-văn-giác hoặc bậc Thánh A-ra-hán đại-thanh-văn-giác, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 6

phép-thần-thông, hoặc trở thành Đức-vua Chuyển-luân-thánh-vương.

Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác chỉ xuất hiện trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này mà thôi, không xuất hiện trong cõi-giới khác.

** Người trong cõi Jambūdīpa nam-thiện-bộ-châu này đặc biệt có thể có **ác-tâm cực ác** như thế nào?*

*- Người trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này đặc biệt có thể có **ác-tâm cực ác** tạo pañcānantariyakamma: ngũ-ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội đó là giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng, mà các chúng-sinh ở trong các cõi-giới khác không thể tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội này được.*

Người nào đã tạo 1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội nào, sau khi người ấy chết, chắc chắn chỉ có ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp không gián đoạn trong cõi đại-địa-ngục Avīci, mà không có nghiệp nào có khả năng ngăn cản được, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, bị thiêu đốt, bị hành hạ trong suốt thời gian lâu dài trong cõi đại-địa-ngục ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy được.

* *Và người trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này có thể tạo ác-nghiệp trọng-tội niyatamicchādiṭṭhikamma: ác-nghiệp tà-kiến cố-định* ⁽¹⁾, có 3 loại là **vô-quả tà-kiến**, **vô-nhân tà-kiến**, **vô-hành tà-kiến** hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp.

Người nào đã tạo ác-nghiệp tà-kiến cố-định này, sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy không có thời gian hạn định.

* *Kāraṇākaraṇaṃ manati jānātīti: Manusso.*

Con người trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này gọi là **manussa**: người, bởi vì có thể hiểu biết được nhân hợp pháp và nhân không hợp pháp.

Người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân hợp pháp và nhân không hợp pháp. Trong đời này, các loài chúng-sinh sinh từ nghiệp, nên có sinh-mạng, còn loài thực vật không phải sinh từ nghiệp, nên không có sinh-mạng.

* *Atthānatthaṃ manati jānātīti: Manusso.*

¹ Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

*Con người trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này gọi là **manussa**: người, bởi vì hiểu biết được điều lợi ích, điều không lợi ích.*

Thông thường mọi người trong đời, khi có quả rồi mới có tâm hài lòng, hoan-hỷ, hoặc có tâm không hài lòng, không hoan-hỷ. Cả hai tâm trạng ấy chỉ có do từ *thân hành động hoặc khẩu nói năng hoặc ý suy nghĩ* mà thôi.

Nếu *thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện* thì có quả tốt được hài lòng, hoan-hỷ; và nếu *thân hành điều ác, khẩu nói điều ác, ý nghĩ điều ác* thì có quả xấu không được hài lòng, không hoan-hỷ.

Người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu hiểu biết được nếu *thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện*, thì tạo *đại-thiện-nghiệp* cho quả an-lạc đem lại sự lợi ích đáng hài lòng hoan-hỷ; và nếu *thân hành điều ác, khẩu nói điều ác, ý nghĩ điều ác*, thì tạo *ác-nghiệp* cho quả khổ đem lại sự bất lợi, không được hài lòng, không hoan-hỷ.

* *Kusalākusalaṃ manati jānātīti: Manusso.*

*Con người trong cõi Jambūdīpa Nam-thiện-bộ-châu này gọi là **manussa**: người, bởi vì hiểu biết được thiện-nghiệp, ác-nghiệp.*

Thông thường mọi người trong đời chỉ có ba

việc mà thôi, đó là *hành động bằng thân, nói năng bằng khẩu, suy nghĩ bằng ý*, cho quả đem lại sự lợi ích an-lạc, hoặc cho quả đem lại sự bất lợi, đau khổ theo quan niệm trong đời.

Đúng theo *sự-thật chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có 2 pháp là ***akusala-dhamma***: *bất-thiện-pháp (ác-pháp)* và ***kusala-dhamma***: *thiện-pháp* mà thôi.

Người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu hiểu biết được nếu *thân hành điều ác, khẩu nói điều ác, ý nghĩ điều ác*, thì gọi là ***akusaladhamma***: *bất-thiện-pháp (ác-pháp)*.

Nếu *thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện*, hoặc tạo mọi phước-thiện như bố-thí, giữ-giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, v.v... thì gọi là ***kusaladhamma***: *thiện-pháp*

Kusaladhamma: Thiện-pháp có 4 loại:

- *Dục-giới thiện-pháp* đó là 8 *dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm)*.
- *Sắc-giới thiện-pháp* đó là 5 *sắc-giới thiện-tâm*.
- *Vô-sắc-giới thiện-pháp* đó là 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*.
- *Siêu-tam-giới thiện-pháp* đó là 4 *Thánh-đạo-tâm*.

Tóm lại, số người nào trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có khả năng hiểu biết được về *akusala-dhamma*: *bất-thiện-pháp* (ác-pháp) và *kusala-dhamma*: *thiện-pháp* nhiều hay ít là do *tiền-kiếp* của số người ấy đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua vô số kiếp, rồi được tích lũy và lưu trữ ở trong *tâm* từ kiếp này sang kiếp kia, và nay *kiếp hiện-tại* của số người ấy có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe lời giáo huấn của bậc thiện-trí, nên số người ấy hiểu biết được tùy theo khả năng của mỗi người, cho nên, mỗi người có kiến thức hiểu biết khác nhau trong đời.

Loài người trong 4 châu, thì loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có kiến thức hiểu biết được *bất-thiện-pháp* (ác-pháp) và *thiện-pháp* đặc biệt hơn loài người trong 3 châu còn lại.

Loài người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có kiến thức hiểu biết đặc biệt rằng:

Karaṇākaranaṃ atthānatthaṃ kusalākusalam manati jānātī'ti manusso.

Người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này gọi là *manussa*: người, bởi vì có thể hiểu biết được nhân hợp pháp và nhân không hợp pháp, hiểu biết được điều lợi ích, điều không lợi ích, hiểu biết được thiện-pháp, bất-thiện-pháp.

Loài người trong Nam-thiện-bộ-châu có ba đức tính ưu việt là:

1- **Sūrabhāva** là người có tâm nhiệt tình trong mọi phước-thiện bố-thí, giữ-giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ...

2- **Satimanta** là người có niệm vững vàng trong ân-đức Tam-bảo: ân-đức-Phật-bảo, ân-đức-Pháp-bảo, ân-đức-Tăng-bảo, ...

3- **Brahmacariyāvāsa** là người thực-hành phạm-hạnh cao thượng được đó là xuất gia trở thành tỳ-khưu, thực-hành pháp-hành giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Manussa: Loài người

Bộ Chú-giải phân loại các loài người trong Nam-thiện-bộ-châu như sau:

- *Manussa-manussa*: Người như người thật.
- *Manussa-deva*: Người như chư-thiên.
- *Manussa-tiracchāna*: Người như loài súc-sinh.
- *Manussa-peta*: Người như loài ngạ-quỷ.
- *Manussa-nerayika*: Người như chúng-sinh trong cõi địa-ngục, ...

1- **Manussa-manussa**: Người như người thật như thế nào?

Người như người thật nghĩa là người ấy có **thân người và tâm người**.

Tâm người là *đại-thiện-tâm* giữ gìn **ngũ-giới** là *thường-giới* của con người được trong sạch và trọn vẹn.

- Có *đại-thiện-tâm* tạo **thập-thiện-nghiệp** là *thiện-pháp* của loài người đầy đủ, nên thân, khẩu, ý trong sạch.

- Có *đại-thiện-tâm* tạo *mười phước-thiện* (*puññakriyāvattthu*) đầy đủ.

* **Ngũ-giới** có 5 điều-giới là:

1- *Tránh xa sự sát-sinh* là không giết hại các loài chúng-sinh dù nhỏ dù lớn.

2- *Tránh xa sự trộm-cắp* là không trộm-cắp chiếm đoạt của cải tài sản của công lẫn của tư.

3- *Tránh xa sự tà-dâm* là không quan hệ tình dục bất chánh với vợ hoặc chồng của người khác.

4- *Tránh xa sự nói-dối* là không nói-dối trá, lừa gạt người khác.

5- *Tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say* là *nhân sinh sự dễ duôi* trong mọi *thiện-pháp*, nghĩa là không uống các thứ rượu, và các chất say như thuốc phiện, ma túy, bia, thuốc lá, v.v... là *nhân sinh thất niệm dễ duôi* quên mình.

* **Thập-thiện-nghiệp** có 10 *đại-thiện-nghiệp*:

1- *Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*

2- *Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*

3- *Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với vợ hoặc chồng của người khác.*

Đó là ba thân đại-thiện-nghiệp, phần nhiều liên quan đến thân.

4- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối, mà chỉ nói lời chân-thật.

5- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ, mà nói lời hòa thuận.

6- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục, mà nói lời hòa nhã.

7- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích, mà nói lời hữu ích.

Đó là 4 khẩu đại-thiện-nghiệp phần nhiều liên quan đến khẩu.

8- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải của người khác một cách phi pháp.

9- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác, mà có tâm từ đối với mọi người, mọi chúng-sinh.

10- Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng, biết đúng theo thật-tánh của các pháp.

Đó là ba ý thiện-nghiệp thuộc về ý.

Thập thiện-nghiệp này gọi là thiện-pháp của con người (*manussadhamma*).

* **Thập phước-thiện** có 10 nhân sinh phước-thiện là:

1- Phước-thiện bố-thí.

2- Phước-thiện giữ-giới.

3- Phước-thiện hành-thiền.

- 4- *Phước-thiện cung-kính.*
- 5- *Phước-thiện hỗ-trợ mọi việc phước-thiện.*
- 6- *Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến mọi người, mọi chúng-sinh.*
- 7- *Phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng.*
- 8- *Phước-thiện nghe chánh-pháp của Đức-Phật.*
- 9- *Phước-thiện thuyết chánh-pháp của Đức-Phật.*
- 10- *Phước-thiện chánh-kiến sở nghiệp.*

Nếu người nào giữ gìn **ngũ-giới** của mình trong sạch và trọn vẹn, hành **thập thiện-nghiệp** đầy đủ và tạo **thập phước-thiện** đầy đủ, thì người ấy gọi là **người như người thật** nghĩa là **người ấy có thân người và tâm người.**

Sau khi người ấy chết, **đại-thiện-nghiệp** ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

2- Manussa-deva: *Người như chư-thiên như thế nào?*

Người như chư-thiên nghĩa là người ấy có **thân người và tâm như chư-thiên.**

Tâm chư-thiên có 5 pháp là:

1- **Saddhā** (Đức-tin): Người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo; tin nghiệp và quả của nghiệp, tin chỉ có nghiệp là của riêng mình thật sự mà thôi.

2- **Sīla** (Giới-đức): Người có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn tùy theo địa vị của mỗi người.

3- **Suta** (Nghe nhiều hiểu rộng): Người thường học hỏi trong chánh-pháp của Đức-Phật, thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, rồi thực-hành theo chánh-pháp của bậc thiện-trí.

4- **Cāga** (Phước-thiện bố-thí): Người không có tâm keo kiệt, bủn xỉn trong của cải tài sản của mình, bởi vì người ấy suy xét đúng đắn rằng:

“Tất cả mọi thứ của cải trong đời này không hẳn là của riêng ta, chỉ có nghiệp mới thật sự là của riêng ta mà thôi. Vì vậy, ta nên biết sử dụng phần tiền của mà ta đang tạm thời sở hữu, đem ra tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, bố-thí đến cho người khác, để trở thành đại-thiện-nghiệp bố-thí vĩnh viễn là của riêng ta trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Do suy xét như vậy, nên người ấy đem tiền của ra tạo phước-thiện bố-thí đến người khác.

5- **Paññā** (Trí-tuệ): Người có trí-tuệ học hỏi hiểu biết rõ về pháp-học Phật-giáo, rồi thực-

hành *pháp-hành thiên-định*, hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*.

Nếu người nào có đầy đủ 5 *pháp chư-thiên ý* thì người ấy được gọi là **người như chư-thiên** nghĩa là *người ấy có thân người và tâm như chư-thiên*.

Trong kiếp hiện-tại, nếu người ấy chưa chứng đắc bậc thiên nào và chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi người ấy chết, đạithiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới.

3- Manussa-tiracchāna: *Người như loài súc-sinh như thế nào?*

Người như loài súc-sinh nghĩa là người ấy có **thân người và tâm như loài súc-sinh**.

Tâm loài súc-sinh là *bất-thiện-tâm (ác-tâm)* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi. Loài súc-sinh thường hành động do năng lực của mọi phiền-não, tạo mọi ác-nghiệp. Nếu khi *tham-tâm* phát sinh thì loài súc-sinh hành động theo tham-tâm, nếu khi *sân-tâm* phát sinh thì loài súc-sinh hành động theo sân-tâm, nếu khi *si-tâm* phát sinh thì loài súc-sinh hành động theo si-tâm, loài súc-sinh không biết chế ngự phiền-não, nên tạo mọi ác-nghiệp.

Người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, hành động theo năng lực của mọi phiền-não sai khiến, tạo mọi ác-nghiệp. Nếu khi *tham-tâm* phát sinh thì hành động theo tham-tâm, nếu khi *sân-tâm* phát sinh thì hành động theo sân-tâm, nếu khi *si-tâm* phát sinh thì hành động theo si-tâm. Người ấy không biết chế ngự được mọi phiền-não sai khiến, nên tạo mọi ác-nghiệp, tự làm khổ mình, làm khổ người, chúng-sinh khác.

Nếu người nào hành động do năng lực của mọi phiền-não, tạo mọi ác-nghiệp như vậy, thì người ấy bị gọi là ***người như loài súc-sinh***, nghĩa là *người ấy có thân người mà tâm như loài súc-sinh*.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm *loài súc-sinh*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp mới thoát ra khỏi loài súc-sinh ấy.

4- *Manussa-peta*: Người như loài ngạ-quỷ như thế nào?

Người như loài ngạ-quỷ nghĩa là người ấy có ***thân người mà tâm như loài ngạ-quỷ***.

Tâm loài ngạ-quỷ là *tham-tâm* thèm muốn, khao khát, bởi vì đói khát, lạnh lẽo không sao chịu đựng nổi, không có nơi nương nhờ, v.v...

Người nào có cuộc sống đói khổ, lạnh lẽo, thiếu thốn mọi thứ, nên *tham-tâm* thường phát sinh thèm muốn, khao khát do ăn không được no, mặc không được ấm, không có nơi nương nhờ, v.v....

Như vậy, người ấy bị gọi là *người như loài nga-quỷ*, nghĩa là *người ấy có thân người mà tâm như loài nga-quỷ*.

Tuy nhiên nếu người nào có tâm keo kiệt, bủn xỉn trong của cải tài sản của mình, không muốn đem tiền của ra tạo phước-thiện bố-thí đến cho người nghèo khổ khác, thậm chí còn phát sinh *tham-tâm* vơ vét của người khác đem về làm của riêng mình nữa, do năng lực của *tham-tâm* tham muốn không biết đủ, người ấy cũng bị gọi là *người như loài nga-quỷ* nghĩa là *người ấy có thân người mà tâm như loài nga-quỷ*.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong *loài nga-quỷ*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp mới thoát ra khỏi kiếp nga-quỷ ấy.

5- *Manussa-nerayika*: Người như chúng-sinh trong cõi địa-ngục như thế nào?

Người nào có ác-tâm cướp của giết người, chiếm đoạt của cải tài-sản của công hoặc của

người khác một cách phi pháp, hoặc làm những việc phạm pháp, nên người ấy bị bắt, bị đánh đập hành hạ tra khảo, cuối cùng phải chịu tội trước cơ quan pháp luật. Người ấy bị tù đày trong ngục tù, bị hành hạ khổ sai phải chịu bao nỗi khổ cực, bởi vì tội ác của mình.

Người ấy bị giam cầm trong nhà tù, bị hành hạ khổ sai, không được tự do theo ý muốn của mình như vậy, nên người ấy bị gọi là **người như chúng-sinh địa-ngục** nghĩa là *người ấy có thân người mà tâm như chúng-sinh địa-ngục*.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong **cõi địa-ngục**.

Cõi Nam-thiện-bộ-châu

Con người trong cõi *Nam-thiện-bộ-châu* (trái đất mà chúng ta đang sống) có tuổi thọ không nhất định, trong thời-kỳ thiện-pháp tăng trưởng cao thì con người sống trường thọ có tuổi thọ tối đa tốt đỉnh là a-tăng-kỳ năm ⁽¹⁾ và trong thời-kỳ ác-pháp tăng trưởng cao, thì con người sống yếu thọ có tuổi thọ tốt cùng chỉ còn 10 năm.

Con người chết vì 4 nguyên-nhân:

¹ Asaṅkhyeyya tính theo số lượng thì số 1 trước 140 số 0 sau.

- 1- *Āyukkhaya maraṇa*: Chết vì hết tuổi thọ.
- 2- *Kammakkhaya maraṇa*: Chết vì mãn nghiệp-hỗ-trợ.
- 3- *Ubhayakkhaya maraṇa*: Chết vì hết tuổi thọ và mãn nghiệp-hỗ-trợ cùng một lúc.
- 4- *Upacchedaka maraṇa*: Chết vì nghiệp khác cắt đứt sinh-mạng, nhưng tuổi thọ và nghiệp-hỗ-trợ vẫn còn.

Ví như ngọn đèn dầu bị tắt vì 4 nguyên-nhân:

- 1- Ngọn đèn dầu bị tắt vì hết tim.
- 2- Ngọn đèn dầu bị tắt vì cạn dầu.
- 3- Ngọn đèn dầu bị tắt vì hết tim và cạn dầu.
- 4- Ngọn đèn dầu bị tắt vì gió thổi, vì bị bể...

Cũng như vậy, người chết vì 4 nguyên-nhân:

1- Người chết vì hết tuổi thọ, ví như ngọn đèn dầu bị tắt vì hết tim, nhưng còn dầu.

2- Người chết vì mãn nghiệp-hỗ-trợ, ví như ngọn đèn dầu bị tắt vì cạn dầu, nhưng còn tim.

3- Người chết vì hết tuổi thọ và mãn nghiệp-hỗ-trợ cùng một lúc, ví như ngọn đèn dầu bị tắt vì hết tim và cạn dầu cùng một lúc.

4- Người chết vì tai nạn, vì bệnh nan y, nhưng tuổi thọ và nghiệp-hỗ-trợ vẫn còn, ví như ngọn đèn dầu bị tắt vì gió thổi hoặc vì bị vỡ bể, nhưng tim và dầu vẫn còn.

Giảng giải

- *Người chết vì hết tuổi thọ (āyu):* Tuổi thọ con người tùy theo thời đại, nếu người nào chết đúng theo tuổi thọ, thì người ấy chết hợp thời (kālamaraṇa).

- *Người chết vì mãn nghiệp-hỗ-trợ (kamma).* Nghiệp ở đây có hai loại nghiệp đều mãn là:

- *Janakakamma: Sinh-quả-nghiệp là nghiệp có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại, của người ấy.*

- *Upatthambhakakamma: Hỗ-trợ-nghiệp⁽¹⁾ là nghiệp có phận sự hỗ trợ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người và có phận sự hỗ trợ cho đại-thiện-nghiệp khác trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp người ấy được tồn tại cho đến khi mãn quả của nghiệp ấy.*

Như vậy, người ấy chết hợp thời (kālamaraṇa).

- *Người chết vì tai nạn:* Chết vì nghiệp khác phát sinh cắt đứt sinh-mạng của người ấy, dù tuổi thọ và nghiệp-hỗ-trợ vẫn còn.

Như vậy, người ấy chết không hợp thời (akālamaraṇa).

¹ Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng Phật-Giáo, quyển IV Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

II.2- Devabhūmi: Cõi trời dục-giới

Cõi trời dục-giới là nơi tạm trú của chư vị thiên-nam và chư vị thiên-nữ, có 6 cõi:

- 1- *Cātumahārājikābhūmi*: Cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương*.
- 2- *Tāvatisābhūmi*: Cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*.
- 3- *Yāmābhūmi*: Cõi trời *Dạ-ma-thiên*.
- 4- *Tusitābhūmi*: Cõi trời *Đâu-suất-đà-thiên*.
- 5- *Nimmānaratībhūmi*: Cõi trời *Hóa-lạc-thiên*.
- 6- *Paranimmitavasavattībhūmi*: Cõi trời *Tha-hóa-tự-tại-thiên*.

II.2.1- Cātumahārājikābhūmi:

Cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương*

Cõi trời Tứ-đại-thiên-vương là cõi thứ nhất trong 6 cõi trời dục-giới có vị trí từ khoảng giữa núi *Sineru* ngang bằng đỉnh núi *Yugandhara* xuống đến mặt đất tiếp xúc cõi người.

Cõi trời này có 4 Đức-thiên-vương trị vì tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời này, nên gọi *cātumahārājikābhūmi*: cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương* có 4 Đức-thiên-vương trị vì:

1- *Đức-thiên-vương Dhatarattha* trụ ở hướng Đông của núi *Sineru* trị vì nhóm *chư-thiên Gandhabba*.

2- *Đức-thiên-vương Virulhaka* trụ ở hướng

Nam của núi Sineru trị vì nhóm *chur-thiên Kumbhaṇḍa*.

3- *Đức-thiên-vương Virūpakkha* trụ ở hướng Tây của núi Sineru trị vì nhóm *chur-thiên Nāga*.

4- *Đức-thiên-vương Kuvera* hoặc *Vessavana* trụ ở hướng Bắc của núi Sineru trị vì nhóm *chur-thiên Yakkha*.

Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương* đều là thuộc hạ của 4 *Đức-thiên-vương*, có nhiều nhóm:

- *Pabbataṭṭhadevatā*: Chư-thiên trú ở núi.
- *Ākāsaṭṭhadevatā*: Chư-thiên ở trên hư không.
- *Khiḍḍāpadosikadevatā*: Chư-thiên ham chơi quên ăn chết.
- *Manopadosikadevatā*: Chư-thiên chết vì sân.
- *Sītavalāhakadevatā*: Chư-thiên làm khí lạnh.
- *Uṇhavalāhakadevatā*: Chư-thiên làm khí nóng.
- *Candimādevaputtadevatā*: Chư-thiên ở trên mặt trăng.
- *Suriyadevaputtadevatā*: Chư-thiên ở trên mặt trời ...

Chư-thiên cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương* nương nhờ ba nơi gọi là:

- *Bhummaṭṭhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên mặt đất.
- *Rukkhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên cây.

- *Ākāsaṭṭhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên hư không.

* *Bhummaṭṭhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên mặt đất như thế nào?

Chư-thiên là chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ nương nhờ ở trên mặt đất như núi, sông, biển, xung quanh chùa, ngôi tháp, cội đại-Bồ-đề, nhà nghỉ mát, nhà ở, v.v... nếu chư-thiên nương nhờ ở nơi nào thì nơi ấy là chỗ ở của mình.

* *Rukkhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên cây như thế nào?

Chư-thiên nương nhờ ở trên cây có hai nhóm:

- Nhóm chư-thiên có lâu đài đặt trên ngọn cây.

- Nhóm chư-thiên có lâu đài đặt trên các cành cây xung quanh.

* *Ākāsaṭṭhadevatā*: Chư-thiên nương nhờ ở trên hư không như thế nào?

Chư-thiên là chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ nương nhờ ở trên hư không, lâu đài lớn hoặc nhỏ của mỗi vị phát sinh bằng bảy loại báu do năng lực quả-báu của đại-thiện-nghiệp của mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ.

Tuy nhiên, có những lâu đài phát sinh bằng 6 loại báu, hoặc 5 loại báu, thậm chí chỉ có 1 hoặc 2 loại báu, tất cả lâu đài ấy đều phát sinh do

năng lực quả-báu của đại-thiên-nghiệp của mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ.

Bốn Đức-thiên-vương mỗi vị có mỗi lâu đài to lớn bằng thất báu nguy nga lộng lẫy.

Tứ-đại-thiên-vương là 4 Đức-vua-trời hộ trì cõi người, nên gọi là *Catulokapāla*.

Chư-thiên ác cõi Tứ-đại-thiên-vương

Chư-thiên ác cõi *Tứ-đại-thiên-vương* có 4 nhóm:

- *Yakkha, yakkhinī* là nam dạ-xoa, nữ dạ-xoa.
- *Gandhabba, gandhabbī* là nam gandhabba, nữ gandhabbī.
- *Kumbhaṇḍa, kumbhaṇḍī* là nam kumbhaṇḍa, nữ kumbhaṇḍī.
- *Nāga, nāgī* là long-nam, long-nữ.

1- *Yakkhadevatā*: Chư-thiên yakkha (dạ-xoa) có hai nhóm:

- *Yakkhadevatā* là loài dạ-xoa có thân hình xinh đẹp có hào quang như chư-thiên.

- *Yakkhatiracchāna* là loài dạ-xoa có thân hình xấu xí không có hào quang như loài súc-sinh.

Chư-thiên yakkha này nếu khi phát sinh ác-tâm muốn hành hạ chúng-sinh địa-ngục thì hóa ra chúa địa-ngục hiện xuống cõi địa-ngục, hành hạ chúng-sinh địa-ngục, nếu muốn ăn thịt chúng-sinh địa-ngục thì hóa ra con kên kên, con quạ, con chó bắt chúng-sinh địa-ngục để ăn thịt.

Yakkha (dạ-xoa) thích dùng xác chết làm vật thực.

Nhóm *yakkha* (*nam dạ-xoa*), *yakkhinī* (*nữ dạ-xoa*) này ở trong sự cai quản của **Đức-vua-trời Kuvera** hoặc *Vessavaṇa*.

2- **Gandhabbadevatā**: *Chur-thiên gandhabba*, có hai nhóm:

- Nhóm *chur-thiên gandhabba* nương nhờ sinh trên cây có mùi thơm, rồi vĩnh viễn trú tại nơi cây ấy mãi mãi, dù cho cây ấy bị ngã hoặc bị chết vẫn không dời sang cây khác. Nếu người nào chặt cây ấy đem về làm nhà, đóng tủ, bàn ghế, v.v... làm bất cứ dụng cụ nào thì vị *chur-thiên gandhabba* ấy vẫn đi theo nương nhờ nơi vật dụng ấy.

Vì vậy, đôi khi *chur-thiên gandhabba* ấy hiện hình ra để chủ nhân nhìn thấy; đôi khi *chur-thiên gandhabba* ấy không hài lòng làm quấy nhiễu trong gia đình với nhiều cách như làm cho người trong nhà bị bệnh hoạn ốm đau, làm cho của cải tài sản hư hao không rõ nguyên-nhân, v.v...

Chur-thiên gandhabba có tính chất khác với vị *chur-thiên rukkhadevatā* là vị *chur-thiên* cũng nương nhờ sinh trên cây, nhưng khi cây ấy chết hoặc bị người ta chặt cây ấy, vị *chur-thiên rukkhadevatā* sẽ dời sang nương nhờ nơi cây khác.

- Nhóm *chur-thiên gandhabba* nương nhờ nơi thân người, người ta thường gọi là *người bị phi nhân nhập, hoặc người có người âm nhập*.

Người nào khi bị *chur-thiên gandhabba* nhập vào rồi, người ấy không còn tự chủ nữa, không biết mình, cho đến khi *chur-thiên gandhabba* xuất ra thì người ấy mới trở lại bình thường như trước.

Nhóm *chur-thiên nam gandhabba, nữ gandhabbī* này ở trong sự cai quản của **Đức-vua-trời Dhatarattha**.

3- **Kumbhaṇḍadevatā**: *Chur-thiên kumbhaṇḍa* có thân hình to lớn, mắt lồi màu đỏ, có hai nhóm:

- Nhóm *chur-thiên kumbhaṇḍa* ở trong cõi người có phận sự giữ gìn các kho báu, những viên ngọc quý báu, ngọc maṇi trên núi cao, ngôi bảo tháp, rừng rậm, cây cao to lớn, hồ nước lớn tự nhiên, các con sông sâu, v.v... những nơi nào mà Đức-thiên-vương truyền lệnh cho vị *chur-thiên kumbhaṇḍa* nào có phận sự giữ gìn, nếu người nào xâm nhập vào nơi ấy thì vị *chur-thiên kumbhaṇḍa* ấy trừng phạt người ấy.

- Nhóm *chur-thiên kumbhaṇḍa* ở trong cõi địa-ngục, làm phận sự chúa địa-ngục, *chur-thiên kumbhaṇḍa* hóa ra *kên kên kumbhaṇḍa, quạ kumbhaṇḍa, chó kumbhaṇḍa* hành hạ chúng-sinh địa-ngục, hoặc bắt chúng-sinh địa-ngục để ăn thịt.

- Nhóm chư-thiên *nam kumbhaṇḍa*, *nữ kumbhaṇḍī* này ở trong sự cai quản của **Đức-vua trời Virulhaka**.

4- **Nāgadevatā**: Chư-thiên *nāga*: long ở dưới mặt đất và ở dưới núi gọi là *paṭhavīdevatā*.

Nāgadevatā có phép biến hóa do *quả của nghiệp (vipāka-iddhi)* có khả năng hóa ra thành người, chư-thiên, con cọp, sư tử, v.v... *Nāgadevatā* phát sinh ác-tâm thích hành hạ chúng-sinh địa-ngục giống như *yakkhadevatā*, *kumbhaṇḍadevatā*.

Nhóm chư-thiên *nam nāga (long nam)*, *nữ nāgī (long nữ)* này ở trong sự cai quản của **Đức-vua-trời Virūpakkha**.

Chư-thiên trong cõi *Tứ-đại-thiên-vương* có ác-tâm hung dữ, 4 nhóm này không những thích hành hạ các chúng-sinh khác, mà còn hành hạ đồng loại với nhau nữa.

Vì vậy, mỗi *Đức-thiên-vương* cai quản, trừng phạt mỗi nhóm.

Tóm lại *chư-thiên trong cõi Tứ-đại-thiên-vương* có nhiều nhóm, có nhóm chư-thiên thiện, có nhóm chư-thiên ác, có nhóm có chánh-kiến, có nhóm có tà-kiến, có nhóm có đức-tin nơi Tam-bảo, có nhóm không có đức-tin nơi Tam-bảo, có nhóm hộ trì loài người, có nhóm quý nhiều loài người, v.v...

* *Chư-thiên trong cõi Tứ-đại-thiên-vương* có tuổi thọ 500 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 9 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 50 năm cõi người.

II.2.2- Tāvatisābhūmi:

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên là cõi trời thứ nhì trong 6 cõi trời dục-giới, có vị trí nằm trên đỉnh núi Sineru.

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên này có sự tích được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, một xóm nhà tên gọi là *Macalagāma*, có nhóm người *sahapuññakārī* (nhóm cùng tạo phước-thiện với nhau) gồm có 33 người đàn ông, người đứng đầu tên là *Māghamānava*.

Nhóm 33 người này cùng nhau làm vệ sinh xung quanh xóm làng, các đường sá, các ngõ hẻm đều sạch sẽ, để thuận tiện cho mọi người qua lại. Trên các con đường, rải rác làm chỗ đặt nồi nước sạch, để cho mọi người qua lại uống nước, xây dựng trại nghỉ chân dọc đường, để cho những người qua lại có chỗ nghỉ chân.

Nhóm 33 người này đồng tâm nhất trí với nhau tạo mọi phước-thiện, cho nên sau khi nhóm 33 người này chết, *dục-giới thiện-nghiệp* (đại-

thiện-nghiệp) ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trên *cõi trời dục-giới thứ nhì*, tiền-kiếp của *Māghamānava* trở thành **Đức-vua-trời Inda** hoặc **Đức-vua-trời Sakka** và tiền-kiếp của 32 người bạn thân trở thành **32 vị chư-thiên bậc cao** trên cõi trời dục-giới thứ nhì.

Vì vậy, cõi trời dục-giới thứ nhì gọi là **Tāvatiṃsābhūmi: cõi trời Tam-thập-tam-thiên** (cõi trời 33 vị chư-thiên).

Vấn: Ngoài cõi tam-giới gồm có 31 cõi-giới này ra, còn các cõi tam-giới khác, cõi trời dục-giới thứ nhì có tên gọi là **cõi trời Tam-thập-tam-thiên** hay không?

Đáp: Các cõi tam-giới gồm có 31 cõi-giới khác, cõi trời dục-giới thứ nhì cũng bắt chước tên gọi là **cõi trời Tam-thập-tam-thiên**.

Vị trí của 6 cõi trời dục-giới

1- Cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương* nằm vị trí ở khoảng giữa núi Sineru, cách mặt đất loài người khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

2- Cõi trời *Tam-thập-tam-thiên* nằm vị trí ở trên đỉnh núi Sineru, cách cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

3- Cõi trời *Dạ-ma-thiên* nằm ở trên hư không cao cách cõi trời *Tam-thập-tam-thiên* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

4- *Cõi trời Đâu-suất-đà-thiên* nằm ở trên hư không cao cách *cõi trời Dạ-ma-thiên* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

5- *Cõi trời Hóa-lạc-thiên* nằm ở trên hư không cao cách *cõi trời Đâu-suất-đà-thiên* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

6- *Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên* nằm ở trên hư không cao cách *cõi trời Hóa-lạc-thiên* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên nằm vị trí ở trên đỉnh núi Sineru có bề mặt diện tích hình vuông mỗi cạnh khoảng 42.000 do-tuần (yojana), ngay trung tâm có *kinh-thành Sudassana* bề rộng mỗi cạnh 10.000 do-tuần, tất cả mặt bằng trên đỉnh núi Sineru được thành tựu bằng thất báu.

Toàn thể chư-thiên trong *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* có hai nhóm: *nhóm bhummaṭṭhadevatā* và *nhóm ākāsaṭṭhadevatā*.

* *Nhóm bhummaṭṭhadevatā* có *Đức-vua-trời Inda (Sakka)* và 32 vị *thiên-nam cao quý* cùng với nhóm chư-thiên thuộc hạ và 5 nhóm chư-thiên a-su-ra trú ngụ dưới núi Sineru cũng ở trong nhóm lớn *bhummaṭṭhadevatā*.

* *Nhóm ākāsaṭṭhadevatā* có những lâu đài nổi trong hư không phía trên đỉnh núi Sineru.

Trung tâm *kinh-thành Sudassana* có đại lâu đài *Vejayanta* là nơi ngự của *Đức-vua-trời Sakka*.

* Hướng Đông của *kinh-thành Sudassana* có *khu vườn Nandavana* rộng 1.000 do-tuần, trong vườn có hai hồ nước: *hồ lớn Mahānanda* và *hồ Cūlananda*, xung quanh hồ nước lát đá quý, để ngồi nghỉ ngơi.

* Hướng Tây của *kinh-thành Sudassana* có *khu vườn Cittaladā* rộng 500 do-tuần, có hai hồ nước: *hồ lớn Vicitta* và *hồ Cūlacitta*.

* Hướng Bắc của *kinh-thành Sudassana* có *khu vườn Missakavana* rộng 500 do-tuần, có hai hồ nước: *hồ Dhammā* và *hồ Sudhammā*.

* Hướng Nam của *kinh-thành Sudassana* có *khu vườn Phārusakavana* rộng 700 do-tuần, có hai hồ nước: *hồ Bhaddā* và *hồ Subhaddā*.

Khu vườn 4 hướng này là nơi du ngoạn tiêu khiển của chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*.

* Hướng Đông Bắc của *kinh-thành Sudassana* có 2 khu vườn: *khu vườn Puṇḍarika* không rõ bề rộng và *khu vườn Mahāvana* rộng 700 do-tuần.

Cūlāmaṇi Cetiya Và Sudhammasabhā

* *Khu vườn Puṇḍarika* có *cây pārichatta* hoặc *parijāta* cao 100 do-tuần có cành vươn rộng ra 50 do-tuần, khi đến mùa trở hoa có mùi thơm tỏa ra xa 100 do-tuần.

Phía dưới tầng *cây pārichatta* có tấm đá quý làm chỗ ngồi gọi là ***Paṇḍukambalasilā*** bề ngang 50 do-tuần, bề dọc 60 do-tuần, bề dày 15 do-tuần có màu đỏ hồng như màu hoa.

* *Ngôi bảo-tháp Cūlāmaṇicetiya* nơi tôn thờ ***Xá-lợi Răng nhọn bên phải của Đức-Phật Gotama và nắm tóc của Đức-Bồ-tát Siddhattha.*** Khi Đức-Bồ-tát đi xuất gia, cắt tóc ném lên hư không, khi ấy, Đức-vua-trời Sakka hiện xuống, hứng đón nhận nắm tóc, đem về tôn thờ trên ngôi bảo-tháp ***Cūlāmaṇi*** này.

* *Hội-trường Sudhammasabhā* là nơi mà tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ tụ hội nghe pháp hoặc đàm đạo pháp tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

* *Khu vườn Mahāvana* có hồ nước rộng tên gọi là *Sunandā* và có lầu đài nguy nga tráng lệ là nơi du ngoạn tiêu khiển của Đức-vua-trời Sakka.

Tính chất cõi trời Tam-thập-tam-thiên

Chư-thiên là chư vị *thiên-nam*, *chư vị thiên-nữ* trong cõi trời *Tam-thập-tam-thiên* có những tính chất đặc biệt như sau:

* Nếu là *vị thiên-nam* thì có thân hình dáng dấp trẻ trung trong độ *tuổi 20*, và nếu là *vị thiên-nữ* thì có thân hình trẻ đẹp trong độ *tuổi 16*. Tất cả mọi thiên-nam, mọi thiên-nữ vẫn duy trì độ

tuổi ấy cho đến khi hết tuổi thọ *1.000 năm tuổi trời*, so với thời gian trong cõi người là *36 triệu năm*, bởi vì 1 ngày 1 đêm trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên bằng 100 năm trong cõi người.

Tất cả mọi thiên-nam, mọi thiên-nữ trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên không có già, bệnh, tóc bạc, răng rụng, da nhăn, v.v... vẫn duy trì sự trẻ trung, xinh đẹp cho đến hết tuổi thọ (chết) biến mất không có thi thể.

* Vật thực, nước uống của tất cả mọi thiên-nam, mọi thiên-nữ là vô cùng vi-tế, cho nên trong thân thể không có thải ra các chất cặn bã, nghĩa là không có tiểu tiện, đại tiện. Các thiên-nữ không có kinh nguyệt, không có thai, bởi vì vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên đều hóa-sinh.

(Tuy nhiên cũng có số ít vị thiên-nữ trong cõi bhūmmatṭhadevatā giống như người nữ trong cõi người.)

Theo lệ thường, chư-thiên trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên này:

* Nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ là con thì hóa-sinh tại nơi vế của vị chư-thiên.

* Nếu vị thiên-nữ là vợ thì hóa-sinh tại chỗ nằm của vị thiên-nam. Mỗi vị thiên-nam có 500, 700, 1.000, v.v... vị thiên-nữ làm vợ.

* Nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ là vị hầu hạ thì hóa-sinh xung quanh chỗ nằm của vị chư-thiên ấy.

* Nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ là vị giúp công việc thì hóa-sinh trong lâu đài, hoặc trong phạm vi lâu đài của vị chư-thiên ấy.

* Nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ hóa-sinh ở bên ngoài khoảng giữa hai lâu đài của hai vị thiên-nam, nếu có sự tranh chấp giữa hai vị thiên-nam muốn vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy là thuộc hạ của mình thì dẫn nhau đến hầu Đức-vua-trời Sakka phán xét.

Đức-vua-trời phán xét rằng:

“Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào xuất hiện gần với lâu đài của vị chư-thiên nào thì vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ thuộc về vị chư-thiên chủ của lâu đài ấy.”

“Vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào xuất hiện ngay khoảng giữa hai lâu đài của hai vị chư-thiên-nam, nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nhìn về hướng lâu đài vị chư-thiên nào thì thuộc về vị chư-thiên ấy.”

“Vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào xuất hiện ngay chính khoảng giữa hai lâu đài của hai vị chư-thiên, nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nhìn thẳng, không hướng về lâu đài của vị chư-thiên

nào thì vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy thuộc về của Đức-vua-trời Sakka.”

Các vị thiên-nam, các vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có hào quang tỏa ra rộng lớn khác nhau, có những đồ trang sức, các loại châu báu quý giá khác nhau, có lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ khác nhau, có thân hình xinh đẹp khác nhau, v.v... tiếp xúc với các đối-tượng tốt đáng hài lòng khác nhau, đó là do quả báu của các phước-thiện khác nhau, khác với loài người có thân hình ô-trọc.

Cho nên, chư-thiên nếu tiếp xúc với mùi của loài người thì dù cách xa 100 do-tuần vẫn không thể chịu đựng nổi.

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có toàn những đối-tượng tốt thật vô cùng hoan-hỷ mà trong cõi người không sao sánh được, nhất là *khu vườn Nandavana* là nơi thật vô cùng hoan-hỷ bậc nhất trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Thật vậy, vị thiên-nam, vị thiên-nữ nào có nỗi khổ tâm vì lo sợ chết, nếu vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy đi đến du ngoạn tiêu khiển trong *khu vườn Nandavana* thì cảm nhận vô cùng hoan-hỷ, nên không còn khổ tâm nữa.

Đức-vua-trời Sakka

Đức-vua-trời Sakka là *Đức-vua cao cả nhất*

trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên và cõi trời Tứ-đại-thiên-vương. Đức-vua-trời Sakka ngự tại lâu đài bằng vàng gọi là **Vejayanta** trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Lâu đài **Vejayanta** cao 1.000 do-tuần có những cây cột cờ cao 300 do-tuần cân bằng thất báu cắm xung quanh lâu đài.

* Đức-vua-trời Sakka có chiếc xe cũng có tên **Vejayanta**, phía trước xe là chỗ ngồi của vị thiên-nam lái xe **Mātali** dài 50 do-tuần, phần giữa xe là chỗ ngồi của Đức-vua-trời Sakka dài 50 do-tuần, phía sau xe dài 50 do-tuần, chiếc xe **Vejayanta** gồm có chiều dài 150 do-tuần, bề rộng 50 do-tuần. Chiếc ngai của Đức-vua-trời Sakka trên chiếc xe thành tựu bằng thất báu có chiều cao 1 do-tuần, bề rộng 1 do-tuần, phía trên có chiếc lọng lớn ba do-tuần, có 1.000 con ngựa báu trang hoàng những đồ trang sức quý giá để kéo chiếc xe **Vejayanta** (1.000 con ngựa báu không phải là loài súc-sinh mà chính là vị thiên-nam trên cõi trời biến hóa ra con ngựa báu).

* Nếu khi Đức-vua-trời Sakka muốn cõi voi thì có con voi báu **Erāvaṇa** to lớn 150 do-tuần được trang hoàng lộng lẫy, voi báu **Erāvaṇa** này không phải là loài súc-sinh mà chính là vị thiên-nam biến hóa ra voi báu, ...

Để trở thành Đức-vua-trời Sakka cần phải thực-hành 7 pháp:

1- Nuôi dưỡng cha mẹ một cách cung-kính và chu đáo.

2- Tôn kính bậc trưởng lão trong dòng họ và người trong đời.

3- Nói năng dịu dàng lễ phép đối với mọi người.

4- Không nói lời chia rẽ mà nói lời hòa thuận.

5- Không có tính keo kiệt trong của cải tài sản của mình mà hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí.

6- Có tính chân thật với mình và mọi người.

7- Chế ngự được tính sân hận.

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên

Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có kinh-thành *Sudassana*, 4 khu vườn giải trí công cộng, đặc biệt có hai khu vườn *Punḍarika* và *Mahāvana*.

- Khu vườn *Mahāvana* là nơi mà Đức-vua-trời Sakka đến du lãm giải trí.

- Khu vườn *Punḍarika* là nơi đặc biệt quan trọng hơn các nơi khác, bởi vì có ngôi bảo-tháp ***Cūlāmaṇicetiya***, nơi tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật *Gotama*, có tảng đá ***Paṇḍukambasilā*** dưới tàn cây *Parichatta* mà Đức-Phật *Gotama* đã từng ngự đến ngồi thuyết *Abhidhamma-piṭaka*: Tạng *Vi-Diệu-Pháp* gồm có 7 bộ, trong mùa hạ thứ 7 của Đức-Phật tại cung trời Tam-thập-tam-thiên và hội-trường ***Sudhammasabhā*** là nơi mà tất cả chư-thiên tụ hội nghe pháp hoặc đàm đạo pháp.

Hội-Trường Sudhammasabhā

Hội-trường Sudhammasabhā nằm gần *cây Parichatta*. *Cây Parichatta* mỗi năm trở hoa một lần, khi đến thời-kỳ trở hoa, lá cây trở thành màu vàng, nhìn thấy lá màu vàng như vậy, chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ vui mừng hoan-hỷ sẽ được nhìn thấy *hoa parichatta*, đến khi gần trở hoa, tất cả lá vàng đều rụng cả, tiếp theo toàn *cây parichatta* trở *hoa màu đỏ* tỏa ra ánh sáng xung quanh 500 do-tuần, mùi thơm của hoa theo chiều gió 100 do-tuần.

Hội-trường Sudhammasabhā là nơi mà các vị thiên-nam, vị thiên-nữ hoan-hỷ tụ hội lắng nghe thuyết-pháp hoặc đàm đạo pháp có Đức-vua-trời Sakka chủ trì.

* **Hội-trường Sudhammasabhā** được thành tựu bằng thất báu, có chiều cao 500 do-tuần, rộng 300 do-tuần, nền lát bằng ngọc quý, cột bằng vàng, v.v... tất cả đều thành-tựu bằng 7 thứ báu.

Bên trong hội-trường, phía trên ngay ở giữa có một pháp-tòa thành-tựu bằng thất báu quý giá cao ba do-tuần, để vị Pháp-sư ngồi thuyết pháp.

P phía dưới có chỗ ngồi của Đức-vua-trời Sakka, kế tiếp 32 chỗ ngồi của 32 vị thiên-nam cấp cao quý và tiếp theo các vị thiên-nam, vị thiên-nữ theo thứ tự từ cao đến thấp.

Khi đến thời-kỳ nghe pháp tại *hội trường Sudhammasabhā*, Đức-vua-trời Sakka thổi tù-và bằng vỏ ốc gọi là *vijayuttara* dài 140 cùi tay, tiếng tù-và vang xa trong kinh-thành Sudassana, ngoài kinh-thành, và thổi tù-và chỉ một lần, âm thanh kéo dài lâu 4 tháng của cõi người.

Tất cả vị thiên-nam, vị thiên-nữ ở trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên này nghe tiếng tù-và báo hiệu, tất cả vị thiên-nam, vị thiên-nữ khắp mọi nơi đều đến *hội-trường Sudhammasabhā*.

Đức-vua-trời Sakka ra khỏi lâu đài *Vejayanta* cùng với 4 *Chánh-cung hoàng-hậu* là *Nandā*, *Cittā*, *Sudhammā*, *Sujā* lên voi báu *Eravaṇa* dẫn đầu tất cả vị thiên-nam, vị thiên-nữ ngự đến *hội-trường Sudhammasabhā*.

Pháp-sư là *vị phạm-thiên Sunāṅkumāra* từ cõi phạm-thiên hiện xuống thuyết-pháp, nếu khi vị phạm-thiên không hiện xuống thì **Đức-vua-trời Sakka** sẽ thay thế thuyết-pháp hoặc *vị thiên nam* nào có *trí-tuệ sáng suốt hiểu biết chánh-pháp* có khả năng cũng thuyết-pháp được.

Đức-vua-trời Sakka tử thân

Đức-vua-trời Sakka có uy quyền bậc nhất trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên tư duy rằng:

“*Ta là Đức-vua-trời là do nhờ quả báu của mọi phước-thiện mà tiền-kiếp của ta đã tạo*

trong thời-kỳ không có Phật-giáo, nên hào quang cùng những món đồ trang sức, lâu đài,... của ta không thể sánh với các vị thiên-nam mà tiền-kiếp của họ đã tạo mọi phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, nên các vị thiên-nam ấy có hào quang sáng choang cả hội trường, có những món đồ trang sức quý giá lộng lẫy, thậm chí có những lâu đài nguy nga tráng lệ hơn ta gấp bội.

Vậy, ta nên tìm cơ hội để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến các Ngài Đại-Trưởng-lão có giới-đức cao thượng.”

Với thiên-nhân đặc biệt hơn toàn thể chư-thiên trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua-trời Sakka thấy rõ, biết rõ Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti) suốt bảy ngày đêm, Ngài Đại-Trưởng-lão vừa xả diệt-thọ-tướng.

Theo lệ thường, sau khi xả diệt-thọ-tướng, Ngài Đại-Trưởng-lão đi khát thực đến tế độ người nghèo khổ, để cho họ có được vô-lượng phước-thiện bố-thí và có được vô-lượng quả báu cao quý.

Sau khi thấy rõ, biết rõ như vậy, nên Đức-vua-trời Sakka truyền gọi Chánh-cung hoàng-hậu Sujā cùng nhau xuất hiện xuống cõi người, hóa thân thành hai ông bà lão thợ dệt nghèo khổ trong một

căn nhà lá trên con đường mà Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* sẽ đi khất thực ngang qua.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi đến nhìn thấy căn nhà lá nghĩ rằng: “*Hai ông bà thợ dệt này già cả như thế mà còn phải làm việc, chắc hẳn là người nghèo khổ nên tế độ.*”

Nhìn thấy Ngài *Đại-Trưởng-lão* đứng trước cổng nhà, ông lão đi ra đánh lễ dưới hai bàn chân của Ngài, rồi xin nhận cái bát.

Ngài *Đại-Trưởng-lão* trao cái bát với tâm bi, ông lão cung-kính đón nhận cái bát vào nhà, bỏ đầy vật thực ngon lành có vị trời, hai ông bà lão cùng nhau đem ra kính dâng lên Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*, cái bát tỏa ra mùi thơm của vật thực bay khắp kinh-thành Rājagaha.

Khi nhận cái bát, Ngài *Đại-Trưởng-lão* suy xét rằng: “*Hai ông bà lão này là ai mà có món vật thực như vật thực của Đức-vua-trời vậy!*”

Ngài *Đại-Trưởng-lão* biết ngay hai ông bà lão này chính là *Đức-vua-trời Sakka* và *Chánh-cung hoàng-hậu Sujā* hóa thân thành hai ông bà lão nghèo khổ như vậy. Ngài *Đại-Trưởng-lão* quở trách rằng:

- *Này Đức-vua-trời Sakka! Đức-vua đã giành cơ hội của người nghèo khổ, đã làm việc không nên làm đối với địa vị cao cả như Đức-vua-trời!*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa quở trách như vậy, Đức-vua-trời Sakka kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con cũng là phận nghèo nàn trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Tuy con là Đức-vua-trời, nhưng hào quang, đồ trang sức, lâu đài, ... không thể sánh với các vị thiên-nam mà tiền-kiếp của họ đã tạo mọi phước-thiện trong thời-kỳ có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, nên các vị thiên-nam ấy có hào quang sáng choang cả hội trường, có những món đồ trang sức quý giá lộng lẫy, thậm chí có những lâu đài nguy nga tráng lệ hơn chúng con gấp bội.*

Cho nên, chúng con cũng là phận nghèo nàn. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa dạy rằng:

- *Này Đức-vua-trời Sakka! Từ nay Đức-vua không nên lừa cúng dường lão Tăng như vậy nữa.*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu chúng con lừa cúng dường lên Ngài Đại-Trưởng-lão như vậy thì chúng con có được phước-thiện hay không? Bạch Ngài.*

- *Này Đức-vua-trời Sakka! Đức-vua vẫn có được phước-thiện vậy.*

Đức-vua-trời Sakka và Chánh-cung-hoàng-hậu Sujā vô cùng hoan-hỷ, thành kính đánh lễ Ngài

Đại-Trưởng-lão Mahākassapa rồi xin phép hồi cung trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên. *Đức-vua-trời Sakka* và *Chánh-cung-hoàng-hậu Sujā* bay lên hư không thốt lên lời hoan-hỷ 3 lần rằng:

“- *Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape supatīṭṭhitam!*

- *Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape supatīṭṭhitam!*

- *Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape supatīṭṭhitam!*”⁽¹⁾

“*A! hạnh phúc quá! Phước-thiện mà chúng ta đã tạo do nương nhờ nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa thật là phước-thiện bố-thí cao quý nhất, vững chắc nhất.*” (3 lần)

Do nhờ năng lực của phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*, từ đó, *Đức-vua-trời Sakka* có hào quang sáng ngời, có những món đồ trang sức quý giá lộng lẫy, thậm chí có những lâu đài cũng nguy nga tráng lệ không thua kém vị thiên-nam nào trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-vua-trời Sakka trở thành bậc Thánh Nhập-lưu

Một thuở nọ *Đức-Thế-Tôn* ngự tại động núi Veriyaka, miền bắc của xóm làng Ambasaṇḍa,

¹ Chú-giải Dhammapada, Mahākassapatttheraṇḍapātadinnavatthu.

hướng Bắc của kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, *Đức-vua-trời Sakka* thấy 5 hiện tượng gần chết của chư-thiên, nên phát sinh tâm sợ chết, *Đức-vua-trời Sakka* ngự xuống cõi người cùng với vị *thiên-nam Pañcasikha* đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch hỏi 14 câu hỏi.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy giải đáp xong 14 câu hỏi ⁽¹⁾. Khi ấy, *Đức-vua-trời Sakka* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***. Ngay tại nơi ấy, *Đức-vua-trời Sakka chuyển kiếp (cuti: chết)*, rồi *hóa-sinh kiếp sau (paṭisandhi)* trở lại là *Đức-vua-trời Sakka (kiếp mới)*.

Đức-vua-trời Sakka thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép hồi cung trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Kiếp vị-lai của Đức-vua-trời Sakka

* Trong thời vị-lai, khi *Đức-vua-trời Sakka* hết tuổi thọ ở cõi trời Tam-thập-tam-thiên sẽ *chuyển kiếp (cuti: chết)*, rồi tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhi*) xuống làm người trong cõi người, sẽ trở thành ***Đức-vua chuyển-luân-thánh-vương***, sẽ trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** tại cõi người.

¹ Bộ Dī. Mahāvagga, Sakkapañhāsutta, và Aṭṭhakathā.

* Khi *Đức-vua chuyển-luân-thánh-vương* hết tuổi thọ tại cõi người sẽ *chuyển kiếp* (*cuti: chết*), rồi *hóa-sinh* kiếp sau (*paṭisandhi*) lên cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*, làm vị thiên-nam, rồi sẽ trở thành **bậc Thánh Bất-lai** chứng đắc đến đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm, sau đó sẽ *chuyển kiếp* (*cuti: chết*), *đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả *hóa-sinh* kiếp sau (*paṭisandhi*) lên 5 tầng trời sắc-giới *Suddhāvāsa: Tịnh-cư-thiên*, hết tuổi thọ ở tầng trời bậc thấp *hóa-sinh* kiếp sau lên tầng trời bậc cao theo tuần tự, từ *tầng trời Avihā*, *tầng trời Atappā*, *tầng trời Sudassā*, *tầng trời Sudassī*, cho đến *tầng trời Akaniṭṭhā* cuối cùng.

* Trong *tầng trời sắc-giới Akaniṭṭhā*, hậu-kiếp của *Đức-vua-trời Sakka* sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới này, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

(Theo Chú-giải bộ *Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā*, kinh *Sakkapañhāsuttavaṇṇanā*.)

Tích vị thiên-nam Rāhu-Asurinda ⁽¹⁾

Trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên có vị thiên-nam tên **Rāhu-asurinda** có thân hình to lớn nhất trong 6 cõi trời dục-giới.

¹ Dī. theo *Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā*, *Soṇadaṇḍasuttavaṇṇanā*.

Thân hình của vị thiên-nam Rāhu-asurinda có chiều cao 4.800 do-tuần, hai vai rộng 112 do-tuần, chiều rộng vòng quanh thân hình có 600 do-tuần, hai bàn tay, hai bàn chân mỗi bàn lớn 200 do-tuần, ngón tay dài 50 do-tuần, cái đầu to 900 do-tuần, trán rộng 30 do-tuần, hai con mắt khoảng cách 50 do-tuần, lỗ mũi dài 300 do-tuần, miệng rộng 300 do-tuần.

Vị thiên-nam Rāhu-asurinda có thân hình to lớn là vị phó-vương trong cung điện của loài a-su-ra-kā-ya ở phía dưới núi Sineru. Khi nghe các chư-thiên tán dương ca tụng ân-đức của Đức-Phật Gotama, vị thiên-nam Rāhu-asurinda cũng muốn hiện xuống cõi người đến hầu Đức-Phật Gotama, nhưng suy nghĩ rằng:

“Ta có thân hình to lớn như thế này, nếu hiện xuống hầu Đức-Phật Gotama có thân hình nhỏ bé thì ta không thể cúi mặt nhìn thấy Đức-Phật được.”

Do suy nghĩ như vậy, nên không đến hầu Đức-Phật.

Một thời gian sau, nghe toàn thể chư-thiên đều tán dương ca tụng ân-đức của Đức-Phật Gotama vô lượng, nên vị thiên-nam Rāhu-asurinda suy nghĩ rằng:

“Đức-Phật Gotama có 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có ân-đức vô

thượng như thế nào? Và lại Đức-Phật xuất hiện trên thế gian là điều khó, rất hy hữu. Vậy, ta cũng nên cố gắng đến hầu Đức-Phật Gotama một lần cho biết.”

Khi ấy, biết rõ điều suy xét của *thiên-nam Rāhu-asurinda*, Đức-Phật nghĩ rằng:

Khi thiên-nam Rāhu-asurinda đến hầu, Như-lai nên ở trong oai-nghi nào trong 4 oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm. Con người đứng hoặc ngồi dù thấp cũng như cao. Vậy, Như-lai nên ở trong oai-nghi nằm nghiêng bên phải (Tathāgataseyyā), để vị thiên-nam Rāhu-asurinda nhìn thấy Như-lai trong oai nghi nằm nghiêng bên phải ấy.

Sau khi nghĩ như vậy, Đức-Phật truyền bảo Ngài Đại-đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda! Con nên đặt chiếc giường nằm của Như-lai bên ngoài gần trước cửa cốc gandhakuti này, Như-lai sẽ nằm ở chỗ ấy.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Ānanda đặt chiếc giường gần trước cửa cốc *gandhakuti* xong, Đức-Thế-Tôn ngự đến nằm nghiêng bên phải, tay phải chống cái đầu.

Khi ấy, vị *thiên-nam Rāhu-asurinda* từ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống hầu Đức-Thế-Tôn, đứng ngửa mặt lên chấp hai tay trên trán nhìn Đức-Phật, như đứa bé ngửa mặt

nhìn lên mặt trăng trên hư không. Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- *Này Rāhu-asurinda! Ngươi đứng nhìn thấy Như-lai như thế nào?*

Vị thiên-nam Rāhu-asurinda bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không biết Đức-Thế-Tôn có nhiều oai lực vô thượng phi thường như thế này, thế mà con tưởng rằng con không thể cúi mặt mình nhìn thấy Ngài được, nên trước đây con không đến hầu Đức-Thế-Tôn.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này Rāhu-asurinda! Khi tạo tất cả mọi pháp-hạnh ba-la-mật, Như-lai không hề cúi mặt rút rè tạo các pháp-hạnh ba-la-mật, không hề thoái chí nản lòng, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Vì vậy, những chúng-sinh có ý muốn nhìn thấy Như-lai, không cần phải cúi mặt xuống nhìn thấy Như-lai, như ngươi suy nghĩ.*

Thấy rõ, biết rõ như vậy, vị thiên-nam Rāhu-asurinda phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, nên Đức-Phật thuyết-pháp tế độ vị thiên-nam Rāhu-asurinda.

* Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp xong, vị thiên-nam Rāhu-asurinda phát sinh

đức-tin trong sạch kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, Đức-Pháp-bảo, chư tỳ-khuru-Tăng-bảo đến trọn kiếp.

Vị thiên-nam Rāhu-asurinda kính lễ Đức-Phật, xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

* Chư-thiên trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ 1.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 36 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 100 năm cõi người.

II.2.3- Yāmābhūmi: Cõi trời Dạ-ma-thiên

Cõi trời Dạ-ma-thiên là cõi trời thứ ba nằm ở trên hư không cao cách cõi trời Tam-thập-tam-thiên khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời này không có khổ, chỉ có sự an-lạc mà thôi nên gọi cõi trời này là *Yāmābhūmi*: cõi trời Dạ-ma-thiên.

Đức-vua-trời *Suyāma* hoặc Đức-vua-trời *Yāma* trị vì toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Dạ-ma-thiên.

Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Dạ-ma-thiên này không có nhóm *bhummatṭhadevatā* mà chỉ có nhóm *chư-thiên ākāsatṭhadevatā* mà thôi. Tất cả chư vị thiên-

nam, chư vị thiên-nữ có thân hình, hào quang, lâu đài, các món đồ trang sức, v.v... hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời này vi-tế hơn cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*.

* *Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời Dạ-ma-thiên* có tuổi thọ 2.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 144 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 200 năm cõi người.

II.2.4- Tusiābhūmi: Cõi trời Đâu-suất-đà-thiên

Cõi trời Đâu-suất-đà-thiên là cõi trời thứ tư, nằm ở trên hư không cao cách cõi trời *Dạ-ma-thiên* khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

Toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Đâu-suất-đà-thiên có tâm hoan-hỷ và luôn luôn vui tươi an-lạc trong cõi trời này, nghĩa là chư-thiên không có khổ tâm, chỉ có tâm thường an-lạc mà thôi.

Vi vậy, cõi trời này gọi là ***Tusiābhūmi: cõi trời Đâu-suất-đà-thiên*** rất cao quý.

Thật vậy, tất cả *chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* khi đã hoàn thành đầy đủ trọn vẹn 30 *pháp-hạnh ba-la-mật*: 10 *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ*, 10 *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung*, 10 *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* chắc chắn sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy kiếp áp chót đều hóa-sinh làm vị *thiên-nam Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* trên cõi trời *Đâu-suất-đà-thiên* này chờ đợi đến thời-kỳ đúng lúc, hợp thời sẽ tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Trong kiếp trái đất này gọi là *Bhaddakappa* thật vô cùng diễm phúc có 5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

Trong thời quá-khứ đã có 3 Đức-Phật đã xuất hiện là *Đức-Phật Kakusandha*, *Đức-Phật Koṇāgamana*, *Đức-Phật Kassapa*; trong thời hiện-tại *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện, giáo-pháp của Đức-Phật vẫn đang còn lưu truyền, và trong thời vị-lai *Đức-Phật Metteyya* sẽ xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất này.

Vấn: Trong thời vị-lai, đến thời-kỳ nào Đức-Phật *Metteyya* sẽ xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất này?

Đáp: Trong thời hiện-tại Phật- lịch 2563 năm, giáo-pháp của Đức-Phật *Gotama* đang còn lưu truyền trên thế gian cho đến Phật- lịch 5.000 năm, giáo-pháp của Đức-Phật hoàn toàn bị tiêu hoại, bởi vì không còn các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong cõi người này, không còn một ai biết đến Phật-giáo nữa.

Từ đó, ác-pháp càng ngày càng tăng trưởng, ngược lại thiện-pháp càng ngày càng suy giảm, nên tuổi thọ của con người càng ngày càng giảm dần, giảm dần cho đến khi tuổi thọ của loài người chỉ còn 10 năm mà thôi.

Khi ấy, một thảm họa khủng khiếp sẽ xảy ra, loài người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, bà con thân quyến, một số người hoảng sợ chạy trốn vào rừng núi thoát thân.

Biết nạn chém giết không còn nữa, số người còn sống sót ấy gặp lại nhau cam kết không sát hại nhau nữa. Từ đó, con người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nên thiện-pháp bắt đầu càng ngày càng tăng trưởng, ngược lại ác-pháp càng ngày càng suy giảm, tuổi thọ của con người càng ngày càng tăng dần, tăng dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ⁽¹⁾ năm.

Trong thời-kỳ ấy, con người bắt đầu sống thất niệm đê duôi nên ác-pháp phát sinh. Vì vậy, tuổi thọ con người lại bắt đầu giảm dần, giảm dần cho đến khi thời đại con người có tuổi thọ còn khoảng 80.000 năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Metteyya, chuyển kiếp (cuti: chết) từ cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, tái-sinh kiếp chót (paṭisandhi) đầu thai

¹ Asaṅkhyeyya: a-tăng-kỳ là đơn vị số lượng số 1 trước 140 số 0.

làm **người** trong cõi người này, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Metteyya**.

Chư Đức-Bồ-tát mỗi bậc khi đã tạo đầy đủ trọn vẹn các pháp-hạnh ba-la-mật xong rồi, kiếp áp chót đều sinh trong cõi trời Đâu-suất-đà-thiên này. Cho nên, cõi trời Đâu-suất-đà-thiên là cõi trời cao quý hơn các cõi trời dục-giới khác.

Đức-vua-trời Santussita trị vì toàn thể chư-thiên trong cõi trời Đâu-suất-đà-thiên. Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời này chỉ có nhóm *chư-thiên ākāsaṭṭhadevatā* mà thôi. Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ có thân hình, hào quang, lâu đài, các món đồ trang sức, v.v... hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời này vi-tế hơn cõi trời Dạ-ma-thiên.

* *Chư-thiên* trong cõi trời Đâu-suất-đà-thiên có tuổi thọ 4.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 400 năm cõi người.

II.2.5- Nimmānaratībhūmi: Cõi trời Hóa-lạc-thiên

Cõi trời Hóa-lạc-thiên là cõi trời thứ năm, nằm ở trên hư không cao cách cõi trời Đâu-suất-đà-thiên khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

Toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời này có khả năng tự hóa ra 5 đối-

tượng ngũ-dục theo ý muốn của mình, rồi hưởng sự an-lạc trong các đối-tượng ấy.

*Vì vậy, cõi này gọi là **Nimmānaratībhūmi: cõi trời Hóa-lạc-thiên.***

Trong 6 cõi trời dục-giới, từ cõi trời *Tứ-đại-thiên-vương, Tam-thập-tam-thiên, Dạ-ma-thiên, Đâu-suất-đà-thiên* chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ đều có cặp có đôi riêng biệt của mỗi vị, nhưng trong ***cõi trời Hóa-lạc-thiên*** và ***cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên*** chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ không có cặp có đôi riêng biệt.

Nếu khi nào vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong *cõi trời Hóa-lạc-thiên* muốn hưởng an-lạc trong đối-tượng ngũ-dục thì khi ấy vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ tự mình hóa ra vị thiên-nữ hoặc vị thiên-nam khác phái theo ý muốn của mình, để hưởng sự an-lạc trong đối-tượng ngũ-dục ấy xong, rồi cho biến mất.

Đức-vua-trời Sunimmita hoặc ***Đức-vua-trời Nimmita*** trị vì toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ chỉ có nhóm *chư-thiên ākāsaṭṭhadevatā* trong *cõi trời Hóa-lạc-thiên* mà thôi.

Tất cả chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có thân hình, hào quang, lâu đài, các món đồ trang sức, v.v... hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời này vi-tế hơn *cõi trời Đâu-suất-đà-thiên*.

* *Chư-thiên trong cõi trời Hóa-lạc-thiên có tuổi thọ 8.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 2.304 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 800 năm cõi người.*

II.2.6- Paranimmitavasavattībhūmi: Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên

Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên là cõi trời thứ sáu cao nhất trong 6 cõi trời dục-giới nằm ở trên hư không cao cách cõi trời Hóa-lạc-thiên khoảng 42.000 do-tuần (yojana).

Toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên muốn hưởng an-lạc trong đối-tượng ngũ-dục đều do vị chư-thiên thuộc hạ biết rõ sự ham muốn ấy nên hóa ra đối-tượng ấy theo ý muốn.

*Vì vậy, cõi này gọi là **Paranimmitavasavattībhūmi: cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.***

Vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, giống như vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời Hóa-lạc-thiên, đều không có cặp có đôi riêng biệt của mỗi vị.

***Đức-vua-trời Paranimmita** hoặc **Đức-vua-trời Vasavattī** trị vì toàn thể chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.*

Tất cả chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên này chỉ có nhóm chư-thiên ākāsaṭṭhadevatā mà thôi. Tất cả chư-thiên có thân hình, hào quang, lâu đài, các món đồ trang sức, v.v... hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời này vi-tế hơn cõi trời Hóa-lạc-thiên.

** Chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ 16.000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 9.216 triệu năm, bởi vì 1 ngày và 1 đêm bằng 1.600 năm cõi người.*

** Đức-vua-trời Vasavattī không chỉ trị vì cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, mà còn có oai lực cai quản cả 6 cõi trời dục-giới nữa.*

Ác-ma-thiên (Devaputtamāra)

** Ác-ma-thiên (Devaputtamāra) có nhiều oai lực tại cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, Ác-ma-thiên có ác-tâm không muốn chúng-sinh nào thoát ra khỏi quyền năng của mình.*

Thật vậy, khi biết Đức-Bồ-tát Siddhattha đi xuất gia để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết-pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, thì Ác-ma-thiên từ cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên liền hiện xuống, ngăn cản Đức-Bồ-tát Siddhattha, nhưng y bất lực, đành trở về cõi trời.

Đến khi *Đức-Bồ-tát Siddhattha* ngự đến ngôi trên bồ-đoàn quý báu vào buổi chiều ngày rằm tháng tư (âm-lịch) để trở thành *Đức-Phật Chánh Đẳng-Giác*. Khi ấy, *Ác-ma-thiên* cầm đầu thiên-ma-binh, thiên-ma-tướng từ cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên xuất hiện đến cõi Đại-Bồ-đề nơi *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đang ngự trên bồ-đoàn quý báu, *Ác-ma-thiên* sử dụng mọi phép mầu cực kỳ lợi hại cốt để đuổi *Đức-Bồ-tát* rời khỏi cõi Đại-Bồ-đề, giành ngôi bồ-đoàn quý báu ấy để *Đức-Bồ-tát Siddhattha* không thể chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, nhưng *Ác-ma-thiên* hoàn toàn bất lực, đành phải chịu thất bại, nên *Ác-ma-thiên* cùng thiên-ma-binh, thiên-ma-tướng bỏ chạy trở về cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.

Đêm rằm tháng tư ấy, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt mọi tiền-khiên-tật (*vāsanā*), trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama* độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh vào *canh chót đêm rằm tháng tư* ấy.

Sau khi *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế

gian, *Ác-ma-thiên* đến kính thỉnh *Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn*, bởi vì y không muốn chúng-sinh nào được nghe chánh-pháp của *Đức-Phật*, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trở thành bậc Thánh A-ra-hán y theo *Đức-Phật*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, thoát ra khỏi quyền năng của y, nhưng *Đức-Phật* không chấp thuận theo lời thỉnh cầu của *Ác-ma-thiên*.

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm sau, *Ác-ma-thiên* hiện xuống kính thỉnh *Đức-Phật Gotama* tịch diệt Niết-bàn. Lần này *Đức-Phật Gotama* nhận lời thỉnh cầu của *Ác-ma-thiên*.

* Hiện-tượng của chư-thiên trước khi chết

Mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ sắp hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy, thường có *pubbanimitta*⁽¹⁾ 5 hiện-tượng báo trước phát sinh là:

- 1- *Mālā milāyanti*: Những vòng hoa héo.
- 2- *Vatthāni kilissanti*: Những y phục phai màu.
- 3- *Kacchehi sedā muccanti*: Mồ hôi chảy ra từ 2 bên nách.

¹ Khu. Itivuttakapāḷi, Pañcapubbanimittasutta.

4- *Kāye dubbañṇiyam okkamati: Sắc thân không còn xinh đẹp.*

5- *Devo devāsane nābhiramati: Chư-thiên không còn hài lòng cõi trời dục-giới đang sống.*

Vị thiên-nam, vị thiên-nữ nào nếu có 5 triệu-chúng báo trước phát sinh thì vị thiên-nam, vị thiên-nữ sắp hết tuổi thọ tại cõi trời ấy, phải *cuti: chuyển kiếp (chết)*, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhi*) trong cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy.

- *Nếu đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời dục-giới cao hơn hoặc cõi trời dục-giới thấp hơn hoặc cõi trời dục-giới ngang bằng với kiếp trước.*

- *Nếu ác-nghiệp có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau trong cõi cõi ác-giới: cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, cõi nga-quỷ, loài súc-sinh, tùy theo năng lực của quả ác-nghiệp ấy.*

Lựa chọn sinh trong 6 cõi trời dục-giới

Đối với **hạng người nào** đến lúc lâm chung có khả năng lựa chọn tái-sinh **cõi trời dục-giới nào** trong 6 cõi trời dục-giới đúng theo ý muốn lựa chọn của mình được?

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam** hoặc **vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới ấy.

Trong Chú-giải bài **kinh Sakkapañhāsutta**, có đoạn đề cập đến người có giới, người giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và trọn vẹn rằng:

“*Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tattha nibbattanti.*”⁽¹⁾

Những **người thiện** nào giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch trọn vẹn, đến lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tinh táo sáng suốt, muốn lựa chọn **cõi trời dục-giới** nào trong 6 cõi trời dục-giới, rồi sau khi **người thiện** ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam** hoặc **vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới ấy đúng theo ý muốn lựa chọn của mình, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

Thật vậy, Đức-Phật dạy có 5 quả-báu của người thiện có giới, người thiện giữ gìn các

¹ Dī.Aṭṭhakathā, Mahāvaggatṭhakathā. Sakkapañhasuttavaṇṇanā.

điều-giới của mình trong sạch và trọn vẹn, có quả-báu thứ tư và quả-báu thứ năm rằng:

*- Nay các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn lúc lâm chung có **đại-thiện-tâm tinh táo sáng suốt**.*

Đó là quả-báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

*- Nay các người tại gia! Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, **đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới** (cõi người, hoặc 6 cõi trời dục giới), hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.*

Đó là quả-báu thứ năm của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.⁽¹⁾

Như vậy, người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch trọn vẹn, đến lúc lâm chung, người thiện ấy có **đại-thiện-tâm giữ-giới tinh táo sáng suốt**, có khả năng lựa chọn cõi trời dục-giới nào trong 6 cõi trời dục-giới. Sau khi người thiện ấy chết, **đại-thiện-nghiệp giữ-giới** trong **đại-thiện-tâm** có cơ hội cho quả trong

¹ DĪ, Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, ph. Sīlavanta ānimsa

thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới ấy theo ý muốn lựa chọn của mình, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy, cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

Tích Dhammika upāsakavatthu ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Một thợ nọ Đức-Thế-Tôn ngụ tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvathī, đề cập đến cận-sự-nam Dhammika.

Cận-sự-nam Dhammika đang lâm bệnh nặng đến lúc lâm chung, khi ấy, có 6 chiếc xe trời được trang hoàng lộng lẫy với 1.000 con ngựa báu từ 6 cõi trời dục-giới hiện xuống đều thỉnh mời cận-sự-nam Dhammika tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên cõi trời dục-giới của mình.

Khi ấy, *cận-sự-nam Dhammika* suy xét nên lựa chọn tái-sinh kiếp sau hóa-sinh lên cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới. Sau khi suy xét xong, *cận-sự-nam Dhammika* lựa chọn cõi trời *Tusita: cõi trời Đâu-suất-đà thiên*. Sau khi *cận-sự-nam Dhammika* chết, *đại-thiện-nghiệp* trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-*

¹¹ Dha. aṭṭhakathā, Yamakavagga, Dhammika upāsakavatthu.

quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Đâu-suất-đà thiên đúng theo ý lựa chọn của mình.

Quả-báu của phước-thiện giữ-giới là như vậy, còn phước-thiện bố-thí như thế nào?

Đối với người thí-chủ nào đã tạo nhiều phước thiện đại-bố-thí, người thí-chủ ấy đến lúc lâm chung có khả năng lựa chọn cõi trời dục-giới nào trong 6 cõi trời dục-giới theo ý muốn của mình được hay không?

Sau khi người thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới ấy theo ý muốn lựa chọn của mình được hay không?

Nên tìm hiểu bài kinh *Dānūpapattisutta* ⁽¹⁾, có một đoạn Đức-Phật dạy như sau:

“- Nay chư tỳ-khuru! Có số thí-chủ trong đời này tạo phước-thiện bố-thí như cơm, nước, vải,

¹ *Anguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, Dānūpapattisutta.*

xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoả, chỗ nằm, chỗ ở, đèn, ... đến Sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí rồi cầu mong quả-báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nghe nói rằng:

Chư vị thiên-nam, chư vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ sống lâu (1.000 năm cõi trời, nếu so với số năm cõi người thì bằng 36 triệu năm, bởi vì một ngày một đêm trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên bằng 100 năm cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời, sự an-lạc vi-tế, ... nên thí-chủ cầu mong rằng:

“Quý hóa biết dường nào! Sau khi tôi chết, cầu mong phước-thiện bố-thí này cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam (vị thiên-nữ) trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.”

Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam (vị thiên-nữ) trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.

*Như-lai dạy rằng: Kiếp sau của thí-chủ được Thành tựu như ý, thì thí-chủ phải là **người có các điều-giới của mình trong sạch trọn vẹn**, thí-chủ không phải là người phạm điều-giới, không có giới (*tañca kho sīlavato vadāmi, no dussīlassa*).*

- *Này chư tỳ-khuru! Người thí-chủ có các điều-giới trong sạch trọn vẹn thì cầu mong được thành tựu như ý, nhờ đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.*” (*Ijjhati bhikkhave! Sīlavato ceto-panidhi visuddhatā.*)

Như vậy, dù thí-chủ nào có tạo phước-thiện đại-bố-thí nhiều bao nhiêu đi nữa, nhưng nếu thí-chủ phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy. Sau khi thí-chủ ấy chết thì không thể ngăn cản được ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh).

Thật vậy, Đức-Phật dạy có 5 quả xấu, quả khổ của người phạm điều-giới, và 5 quả-báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như sau:

*** Quả khổ của người phạm giới
(Dussīla ādīnava)⁽¹⁾**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi làng Pāṭaligāma, dân làng Pāṭali đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lễ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy dân làng Pāṭali rằng:

- *Này các người tại gia! Có 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới. 5 quả xấu, quả khổ ấy là:*

¹ Dī. Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādīnava.

- *Này các người tại gia! Trong đời này, người phạm giới, người không có giới làm tiêu hao của cải tài sản lớn lao, do nhân dễ duôi.*

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

- *Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.*

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

- *Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có bất-thiện-tâm e ngại, sợ sệt khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn...*

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

- *Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có ác-tâm mê muội lúc lâm chung.*

Đó là quả xấu thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

- *Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Đó là quả xấu, quả khổ thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Nay các người tại gia! Đó là 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới.

*** Quả báu của người có giới
(Sīlavanta ānisaṃsa)⁽¹⁾**

- Nay các người tại gia! Có 5 quả-báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn. 5 quả-báu ấy là:

*1- Nay các người tại gia! Trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới được trong sạch và trọn vẹn **có nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dễ duôi** (có trí-nhớ biết mình).*

Đó là quả-báu thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

*2- Nay các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn **có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả-báu thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

*3- Nay các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn **có đại-***

¹ Dī. Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, Sīlavanta ānisaṃsa.

thiện-tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn...

Đó là quả-báu thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

4- **Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn có đại-thiện-tâm tinh táo sáng suốt lúc lâm chung.**

Đó là quả-báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

5- **Này các người tại gia! Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới (cõi người, hoặc 6 cõi trời dục-giới).**

Đó là quả-báu thứ năm của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

- **Này các người tại gia! Đó là 5 quả-báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như vậy.**

Như vậy, đối với người phạm điều-giới, người không có giới, có quả xấu thứ tư là **có ác-tâm mê muội lúc lâm chung** và quả xấu thứ năm, sau khi người phạm giới, người không có giới chết, **ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau**

trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Còn đối với người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn có quả-báu thứ tư là **có đại-thiện-tâm tinh táo sáng suốt lúc lâm chung** và quả-báu thứ năm, sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, **đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới** (cõi người, hoặc 6 cõi trời dục-giới).

Thật vậy, Chú-giải bài kinh **Sakkapañhasutta**, những người có giới trong sạch có thể lựa chọn cõi-giới tái-sinh kiếp sau một trong 6 cõi trời dục-giới theo ý muốn của mình như sau:

“Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tattha nibbattanti.”⁽¹⁾

Những người nào có giới trong sạch trọn vẹn, lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tinh táo sáng suốt muốn tái-sinh trên cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, thì sau khi những người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới ấy theo ý muốn của mình, và hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

¹ Dī. Mahāvaggatthakathā, kinh Sakkapañhasuttavaṇṇanā.

Như Đức-Phật dạy về 5 quả-báu của người thiện giữ gìn giới của mình trong sạch và trọn vẹn. Trong quả báu thứ tư lúc lâm chung có đạithiện-tâm tỉnh táo chọn lựa được cõi trời dục-giới nào mình muốn tái-sinh, và quả báu thứ năm, sau khi chết được tái-sinh cõi trời mình đã chọn.

Ngăn ác-nghiệp không cho quả tái-sinh

** Có phương cách nào ngăn ác-nghiệp không cho quả tái-sinh kiếp sau được hay không?*

Ác-nghiệp hay **bất-thiện-nghiệp** (*akusalakamma*) đó là **tác-ý tâm-sở** đồng sinh với 12 **bất-thiện-tâm** (12 **ác-tâm**) tạo 10 ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý làm cho khổ tâm, khổ thân trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Ác-nghiệp có 3 loại:

1- **Ác-nghiệp tà-kiến cố-định** (*niyatamicchā-diṭṭhikamma*) có 3 loại tà-kiến cố-định. ⁽¹⁾

- *Natthikadiṭṭhi: Vô-quả tà-kiến.*
- *Ahetukadiṭṭhi: Vô-nhân tà-kiến.*
- *Akiriyādiṭṭhi: Vô-hành tà-kiến.*

Nếu người nào có loại **ác-nghiệp tà-kiến cố-định** này là người ấy hoàn toàn không tin nghiệp

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IV “Nghiệp Và Quả Của Nghiệp”, cùng soạn giả.

và quả của nghiệp, nhưng sự thật người ấy đã tạo *ác-nghiệp tà-kiến cố-định*, thì sau khi người ấy chết chắc chắn *ác-nghiệp tà-kiến cố-định* này cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci chịu quả khổ lâu dài không hạn định.

Tuy nhiên, nếu người nào có ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy, có duyên lành gặp bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, người ấy phát sinh *đức-tin* nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin *nghiệp* và *quả của nghiệp*, rồi từ bỏ được *tà-kiến cố-định* ấy, trở thành người có *chánh-kiến sở-nghiệp của mình* (*kammasakatā sammādiṭṭhi*), thì người ấy có thể tạo mọi thiện-nghiệp theo khả năng của mình

2- *Ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* (*ānantariya-kamma*) có 5 loại:

- *Ác-nghiệp trọng-tội giết cha.*
- *Ác-nghiệp trọng-tội giết mẹ.*
- *Ác-nghiệp trọng-tội giết bậc Thánh A-ra-hán.*
- *Ác-nghiệp trọng-tội làm bầm máu ngón chân của Đức-Phật.*
- *Ác-nghiệp trọng-tội chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng.*

Người nào đã tạo *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* nào rồi thì *vô phương giải cứu*, sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội*

ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục mà không có nghiệp nào có thể ngăn cản được, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Nếu người nào đã tạo hai loại *ác-nghiệp trọng-tội* này thì sau khi người ấy chết, chắc chắn chỉ có ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi đại-địa-ngục ấy mà thôi.

Tuy nhiên, người nào đã tạo *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* nào rồi, sau đó người ấy biết ăn năn sám hối tội lỗi của mình, có duyên lành đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, rồi nguyện tránh xa mọi ác-nghiệp do thân, khẩu, ý, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, cố gắng tinh-tấn chỉ tạo mọi phước-thiện thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp* mà thôi, chắc chắn không thể tạo *sắc-giới thiện-nghiệp*, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* và *siêu-tam-giới thiện-nghiệp* được, bởi vì *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* ấy ngăn cản.

Sau khi người ấy chết, đáng lẽ *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **đại-địa-ngục Avīci**, nhưng nhờ *dục-giới thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo* và *giữ gìn ngũ-*

giới trong sạch trọn vẹn và tạo mọi phước-thiện khác có năng lực làm giảm tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy, nên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **tiểu-địa-ngục**, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong khoảng thời gian không lâu như trong cõi **đại-địa-ngục Avīci**.

3- **Ác-nghiệp loại thường** thuộc về ác-nghiệp **bất-định**, nếu ác-nghiệp nào có cơ hội thì ác-nghiệp ấy cho quả khổ trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Nếu người nào đã tạo ác-nghiệp loại thường này rồi thì người ấy tìm phương cách ngăn cản ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau được hay không?

Ngoại trừ hai loại ác-nghiệp trọng-tội ấy ra, trước kia, người nào đã gần gũi thân cận với bạn ác nên đã lỡ phạm các điều-giới nào trong ngũ-giới, đã tạo các loại ác-nghiệp loại thường. Sau đó, nếu người ấy phát sinh tâm hối hận tự làm khổ tâm như vậy thì ác-nghiệp ấy lại càng tăng trưởng, đó là điều bất lợi, bởi vì ác-nghiệp ấy dễ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới thật sự.

Thật ra, người ấy có nhiều phương cách ngăn cản ác-nghiệp ấy không cho có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- Người ấy xa lánh mọi người ác, nên thường gần gũi thân cận với *bậc thiện-trí trong Phật-giáo*, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, kính xin *bậc thiện-trí hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới*. Người ấy trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời.

Từ đó về sau, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy có *đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng*, nguyện tránh xa mọi ác-nghiệp, *giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn*, đó là **điều rất dễ dàng trong khả năng bình thường của mình**, nên có được 5 quả-báu của người có giới.

Trong 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn có quả-báu điều thứ tư và điều thứ năm là:

- Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn *lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt*.

- Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, *đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới*.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước-thiện như bố-thí tùy theo khả năng của mình, nếu có khả năng thì nên thọ-trì *bát-giới uposathasīla* trong những ngày giới hằng tháng, nương nhờ giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ. Hằng ngày, đêm nên dành thời giờ thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật*, tạo *đại-thiện-nghiệp thường hành thiền (āciṇṇakusalakamma)* trở thành thói quen hằng ngày.

Cho nên, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào* hằng ngày đêm trở thành thường-hành đại-thiện-nghiệp (*āciṇṇakusalakamma*) trong thời hiện-tại, đến lúc lâm chung, có *đại-thiện-tâm ấy phát sinh làm cho tâm tỉnh táo*, sau khi người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy chết, *đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đại-quả-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy.

* Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào thuộc về *hạng người tam-nhân* là hành-giả có giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi

nương nhờ, thực-hành **pháp-hành thiền-định** có khả năng dẫn đến chứng đắc *các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* nào, sau khi hành-giả chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao cuối cùng* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **bậc thiền sắc-giới quả-tâm** ấy gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm* ấy, vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

* Nếu hành-giả ấy thuộc về hạng **người tam-nhân** có giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được hai loại phiền-não là **tà-kiến** (*ditṭhi*) và **hoài-nghi** (*vicikicchā*), trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, chắc chắn vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới nào nữa, chỉ có *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có **đại-quả-tâm** hợp với *trí-tuệ* gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭi-*

sandhicitta) làm phạm sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* ấy chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời tất cả mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp đã được tích lũy, lưu trữ ở trong *tâm* từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp* (*ahosikamma*), không còn có cơ hội cho quả được nữa, bởi vì không còn tái-sinh kiếp sau.

Trước kia, nếu người nào gần gũi với các bạn ác, nên đã tạo ***mọi ác-nghiệp loại thường***.

Ví dụ như *Ngài Trưởng-lão Āṅgulimāla*, trước kia, Ngài là tên cướp sát nhân giết trên ngàn người, cắt đầu ngón tay trở, xâu làm vòng đeo cổ, nên có biệt danh là *Āṅgulimāla* ở trong rừng sâu.

Một hôm, Đức-Phật một mình ngự vào rừng, để tế độ *tên cướp sát nhân Āṅgulimāla*. Khi nhìn thấy Đức-Phật ngự đi khoan thai bằng phép thần-thông, *tên cướp sát nhân Āṅgulimāla* cầm gươm chạy hết tốc lực đuổi theo giết Đức-Phật suốt ba do-tuần mà không kịp, vì quá đuối sức nên đành phải dừng lại, rồi gọi lớn rằng:

- *Này Sa-môn! Hãy dừng lại!*

Khi ấy, Đức-Phật vẫn ngự đi tự nhiên mà truyền dạy vọng lại rằng:

- *Này Aṅgulimāla! Như-lai đã dừng lại từ lâu rồi, chỉ có con mới chưa dừng lại mà thôi.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, tên cướp sát nhân Aṅgulimāla vô cùng ngạc nhiên nghĩ rằng: “*Sa-môn dòng Sakya thường làm như thế nào thì nói như thế ấy; nói như thế nào thì làm như thế ấy.*”

Trong trường hợp này, Sa-môn này vẫn bước đi mà lại nói rằng: “*Như-lai đã dừng lại từ lâu rồi*” còn ta đã dừng lại rồi mà Sa-môn này lại nói rằng: “*Chỉ có con mới chưa dừng lại mà thôi.*”

Ta nên hỏi cho biết rõ ý nghĩa.

- *Kính bạch Ngài Sa-môn! Ngài đang đi mà lại nói rằng: “Như-lai đã dừng lại từ lâu rồi” còn tôi đã dừng lại rồi sao Ngài lại nói rằng:*

“Chỉ có con mới chưa dừng lại mà thôi.”

Ngài nói như vậy có ý nghĩa như thế nào? Kính bạch Ngài, xin Ngài giảng giải cho tôi hiểu rõ ý nghĩa.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Aṅgulimāla! “Như-lai đã dừng lại từ lâu rồi” có nghĩa là Như-lai đã từ bỏ sự giết hại*

chúng-sinh từ lâu rồi. “Chỉ có con mới chưa dừng lại mà thôi” có nghĩa là con chưa từ bỏ sự giết hại sinh-mạng của chúng-sinh.

Sau khi nghe Đức-Phật giảng giải như vậy, *tên cướp sát nhân Āṅgulimāla* liền thức tỉnh ngay, biết rõ Ngài Sa-môn ấy chính là Đức-Thế-Tôn, nên ném vũ khí xuống hố sâu, đi đến hầu cung-kính đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là Bạc Tôn-Sư của chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân-loại, Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi ngự đến khu rừng này để tế độ con thoát khỏi si-mê lầm lạc, được thức tỉnh trở lại.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kể từ nay về sau, con xin nguyện từ bỏ mọi ác-nghiệp. Kính xin Ngài chứng minh lòng chân thành sám hối tội-lỗi của con.*

Sau đó, *Āṅgulimāla* quỳ đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật có Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ phước-thiện của *Āṅgulimāla* có thể phát sinh 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, nên Đức-Phật đưa bàn tay phải ra, chỉ bằng ngón tay trở bèn truyền dạy rằng: “*Ehi bhikkhu! ...*”

- *Này Āṅgulimāla! Con hãy trở thành tỳ-khuru như ý nguyện, Pháp mà Như-lai đã thuyết dạy hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để giải thoát khổ hoàn toàn.*”

Sau khi Đức-Phật vừa truyền dạy dứt lời xong, *Āṅgulimāla* trở thành tỳ-khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khuru phát sinh như thần-thông, tỳ-khuru *Āṅgulimāla* có tăng tướng trang nghiêm như vị Trưởng-lão có 60 tuổi hạ.

Đức-Thế-Tôn ngự trở về ngôi chùa Jetavana có tỳ-khuru *Āṅgulimāla* theo sau.

Về sau không lâu, tỳ-khuru *Āṅgulimāla* sống một mình nơi thanh vắng, tinh-tân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng trong giáo-pháp của ***Đức-Phật Gotama***. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Āṅgulimāla* vô cùng hoan-hỷ thốt lên câu kệ rằng:

*“Yo ca pubbe pamajjitvā,
pacchā so nappamajjati.
So ’maṃ lokam pabhāseti,
abbhā muttova candimā.”*⁽¹⁾

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Lokavagga, Āṅgulimālattheravatthu.

*Người nào trước để đuôi thất niệm.
 Sau, người ấy không để đuôi thất niệm.
 Thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.
 Hành-giả làm xán lạn cuộc đời mình.
 Như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây.*

Khi Ngài *Trưởng-lão Āṅgulimāla* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời tất cả mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)*, không còn có cơ hội cho quả được nữa, bởi vì bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Như vậy, trước kia, *người nào* đã gàn gũi thân cận với người ác, đã tạo mọi ***ác-nghiệp loại thường*** rồi.

Về sau, *người ấy* có duyên lành được gàn gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, rồi giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.

Đó là phương cách làm ngăn cản *mọi ác-nghiệp* ấy không cho có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, bằng cách làm cho *mọi thiện-pháp* phát

sinh từ *dục-giới thiện-pháp*, *sắc-giới thiện-pháp*,
vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến *siêu-tam-giới*
thiện-pháp đó là *Thánh-đạo-tâm* như trường hợp
Ngài *Trưởng-lão Āṅgulimāla*.

(Xong phần nội dung)

Đoạn Kết

Quyển sách nhỏ “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống” chỉ giảng giải 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) với nhân-sinh của mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm), 8 dục-giới thiện-tâm gọi là đại-thiện-tâm với nhân-sinh của mỗi đại-thiện-tâm, gồm có 20 tâm và 52 tâm-sở đồng sinh với 20 tâm ấy, và trình bày thêm 23 dục-giới quả-tâm, 11 dục-giới duy-tác-tâm liên quan, nên gồm có 54 dục-giới-tâm cả thảy.

12 bất-thiện-tâm và 8 đại-thiện-tâm đối với mọi người như thế nào?

*Phàm là các hạng **phàm-nhân** (chưa phải là bậc Thánh-nhân) ở trong đời, 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm, mỗi tâm phát sinh trong mỗi lộ-trình-tâm biết mỗi đối-tượng, suốt đêm ngày đối với tất cả mọi người phàm-nhân trong đời, từ khi tỉnh giấc cho đến khi ngủ say.*

*Lúc mọi người ngủ say thật sự, dòng hộ-kiếp-tâm (bhavaṅgacitta) đó là **quả-tâm** sinh rồi diệt liên tục không ngừng có đối-tượng kamma (nghiệp) hoặc kammanimitta (hiện-tượng của nghiệp) hoặc gatinimitta (cảnh-giới tái-sinh) trong kiếp quá-khứ, nên hộ-kiếp-tâm ấy không biết đối-tượng kiếp hiện-tại.*

Thật ra, trong suốt khoảng thời gian ngủ say

không có lộ-trình-tâm nào phát sinh, nên không biết đối-tượng kiếp hiện-tại.

Nếu trường hợp khi đang ngủ nằm mộng thì có lộ-trình-tâm mộng (*supinavīthicitta*) phát sinh có **tác-hành-tâm** (*javanacitta*) đó là bất-thiện-tâm hoặc đại-thiện-tâm biết đối-tượng mộng dữ hoặc mộng lành, nhưng nghiệp trong giấc mộng không có năng lực cho quả tái-sinh kiếp sau.

Khi tỉnh giấc, các lộ-trình-tâm phát sinh, mỗi lộ-trình-tâm đều có **tác-hành-tâm** đó là bất-thiện-tâm tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) hoặc đại-thiện-tâm tạo đại-thiện nghiệp.

Như vậy, đối với các hạng **phàm-nhân** ở trong đời, ngoại trừ khi ngủ say thật sự ra, suốt đêm ngày có **bất-thiện-tâm** (ác-tâm) hoặc **đại-thiện-tâm** phát sinh trong các lộ-trình-tâm. Mỗi lộ-trình-tâm đều có **tác-hành-tâm** (*javanacitta*) nếu tác-hành-tâm đó là bất-thiện-tâm thì tạo **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) bằng thân, khẩu, ý, nếu tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm thì tạo **đại-thiện-nghiệp** bằng thân, khẩu, ý.

- Bất-thiện-tâm (ác-tâm) có 12 tâm.

- Đại-thiện-tâm có 8 tâm.

Mỗi tâm nào phát sinh đều do hội đủ các nhân-sinh của tâm ấy, nếu thiếu nhân-sinh nào của tâm ấy, thì tâm ấy không thể phát sinh được.

Cho nên, mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào phát

sinh cũng do hội đủ các nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy, nếu thiếu nhân-sinh nào thì bất-thiện-tâm ấy không thể phát sinh được.

Mỗi đại-thiện-tâm nào phát sinh cũng do hội đủ các nhân-sinh của đại-thiện-tâm ấy, nếu thiếu nhân-sinh nào thì đại-thiện-tâm ấy cũng không thể phát sinh được.

Như vậy, nếu người nào muốn ngăn cản bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào không phát sinh, thì người ấy nên biết tránh xa nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy, dĩ nhiên bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy không thể phát sinh, thì không tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) được.

Và nếu người nào muốn đại-thiện-tâm nào phát sinh, thì người ấy nên biết làm cho hội đủ nhân-sinh của đại-thiện-tâm ấy, dĩ nhiên đại-thiện-tâm ấy phát sinh tạo đại-thiện-nghiệp ấy.

* Ví dụ: Ngăn cản **tham-tâm** không phát sinh.

Nhân-sinh của tham-tâm có 4 nhân:

1- Tái-sinh làm người với đại-quả-tâm có ảnh hưởng đến tham-tâm.

2- Tiền-kiếp của người từ cõi-giới có tham.

3- Tiếp xúc với **đối-tượng tốt đáng hài lòng**.

4- Thấy **đối-tượng thật đáng hài lòng**.

Nếu hội đủ 4 nhân-sinh của tham-tâm này thì tham-tâm phát sinh tạo bất-thiện-nghiệp.

Xét thấy trong 4 nhân-sinh của tham-tâm thì có 2 nhân đầu thuộc về kiếp quá-khứ, còn 2 nhân sau thuộc về kiếp hiện-tại.

* Nếu người nào muốn ngăn cản tham-tâm không phát sinh thì người ấy nên biết tránh xa 2 nhân sau là:

- Không tiếp xúc với đối-tượng tốt hài lòng.
- Không thấy đối-tượng thật đáng hài lòng.

Nếu không hội đủ 4 nhân-sinh của tham-tâm, thì **tham-tâm** không thể phát sinh, không tạo ác-nghiệp tham muốn.

Tuy nhiên, nếu khi tiếp xúc với **đối-tượng tốt nào**, thì người thiện cần phải có **yonisomanasikāra**: trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp trong **đối-tượng tốt** ấy chỉ có 4 trạng-thái là **vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh** mà thôi, đó là nhân-sinh đại-thiện-tâm, nên **đại-thiện-tâm** phát sinh, còn **tham-tâm** không thể phát sinh lên được.

* Ví dụ: Muốn cho đại-thiện-tâm phát sinh, thì nhờ đến nhân-sinh đại-thiện-tâm đó là **yonisomanasikāra**: trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Để có **yonisomanasikāra** cần phải nhờ đến nhân quá-khứ và nhân hiện-tại gồm có 5 nhân:

1- *Pubbekatapuññatā*: Đã từng tạo phước-thiện được tích lũy từ những kiếp quá-khứ.

2- *Paṭirūpadesaṅgā*: Sinh sống nơi thuận lợi có Phật-giáo.

3- *Sappurisupanissaya*: Gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

4- *Saddhammassavana*: Lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật.

5- *Attasammāpanidhi*: Tâm biết đúng trong chánh-pháp của Đức-Phật.

Nếu hợp đủ năm nhân-sinh của đại-thiện-tâm này thì có *yonisomanasikāra*, nên đại-thiện-tâm phát sinh tạo đại-thiện-nghiệp.

Nếu người nào muốn ngăn bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào không cho phát sinh thì người ấy nên biết tránh xa nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy, đồng thời biết hội đủ nhân-sinh đại-thiện-tâm để cho đại-thiện-tâm phát sinh, tạo đại-thiện-nghiệp.

Như vậy, con người có quyền hoàn toàn **chủ động**, tự lựa chọn **tạo ác-nghiệp** nào hoặc **tạo đại-thiện-nghiệp** nào theo ý của mình, nhưng nếu khi đã tạo **ác-nghiệp** nào rồi hoặc đã tạo **đại-thiện-nghiệp** nào rồi, nếu **nghiệp** ấy có cơ hội cho **quả** của **nghiệp** ấy, thì chủ nhân của nghiệp ấy lại hoàn toàn **bị động**, không có quyền

lựa chọn, mà phải chịu nhận quả của nghiệp ấy như người thừa kế quả của nghiệp ấy mà thôi.

Đức-Phật thuyết dạy về nghiệp và quả của nghiệp như sau:

“Kammassako’ mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi.”⁽¹⁾

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta, ta tạo ‘thiện-nghiệp nào hoặc ác-nghiệp nào’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Trong quyển sách nhỏ “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống” này, bản sư trình bày 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) với nhân-sinh của mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm), và trình bày 8 đại-thiện-tâm với nhân-sinh của mỗi đại-thiện-tâm.

Nếu độc giả không muốn bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào phát sinh, thì độc giả nên biết tránh xa nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy, hoặc có yonisomanasikāra để làm nhân-duyên cho đại-thiện-tâm phát sinh.

¹ *Âng. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭṭhānasutta.*

Cho nên, nếu độc giả tìm hiểu ghi nhớ rõ nhân-sinh của mỗi bất-thiện-tâm (ác-tâm) và nhân-sinh của mỗi đại-thiện-tâm thì độc giả có khả năng **chủ động** biết tránh xa nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-tâm) nào thì bất-thiện-tâm ấy không thể phát sinh, và độc giả cũng có khả năng **chủ động** biết làm cho hợp đủ nhân-sinh của đại-thiện-tâm nào thì đại-thiện-tâm ấy phát sinh như ý của mình.

Như vậy, độc giả có khả năng **chủ động**, có quyền lựa chọn không tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) nào, và cũng có khả năng **chủ động**, có quyền lựa chọn tạo đại-thiện-nghiệp nào theo khả năng của mình, bởi vì độc giả có khả năng **chủ động** biết tránh xa nhân-sinh của bất-thiện-tâm (ác-nghiệp) ấy, và cũng có khả năng **chủ động** biết làm cho hội đủ nhân-sinh của đại-thiện-tâm ấy phát sinh theo ý của mình.

PL. 2563 / DL. 2019

Rừng Núi Viên Không,
xã Tóc-Tiên, huyện Tân-Thành,
tỉnh Bà-Rịa - Vũng-Tàu.

Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Patthanā

*Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumañgalā.*

*Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.
Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.*

*Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hoá hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bản sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmim,*
- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.*
- * *Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn
trên thế gian.*
- * *Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn
trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.*
- * *Buddhasāsanam ciraṃ tiṭṭhatu.*
- * *Cầu mong Phật-giáo được trường tồn.*

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- * *Bộ Tam-tạng Pāli và các bộ Aṭṭhakathāpāli,*
- * *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-Lão Anuruddha.*
- * *Toàn bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-lão Viçṭtasārābhivamsa (Viṣiṭṭhatipīṭakadhara Mahātipīṭakakoviḍa Dhammabhaṇḍāgārika).*
- * *Toàn bộ sách giáo khoa “Paramatthajotika” của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Saddhammajotika.*
- * *Các bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-Lão Ledi Sayadaw, v.v...*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v. ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIỆN ÁC
- GƯƠNG BẠC XUẤT GIA
- TÌM HIỂU PHƯỚC BỒ THÍ
- Hạnh Phúc An Lành: HIẾU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỪ
- PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: ĐỐI-TƯỢNG TỬ OAI-NGHI
- CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
- LỄ DÂNG Y KATHINA
- ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
- NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HÀNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI

- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIÊN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
- **KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN**
- **VÒNG TỬ SINH LUÂN-HÒI**
- **PHÁP NHÃN-NẠI**

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9,

TP. Hồ Chí Minh

ĐT: +84 (0) 28 3503 2387

DD: +84 (0) 778 608 925

VI-DIỆU-PHÁP
HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 3782 2845 - FAX: (024) 3782 2841

In 1000 cuốn, khổ 12 x 18cm, tại XN in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. TÂN BÌNH, TP HCM.
Số ĐKXB: 2904-2019/CXBIPH/05-90/TG
Mã ISBN: 978-604-61-6440-1
QĐXB: 297/QĐ-NXBTG ngày 09 tháng 8 năm 2019
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2019

Quyển “**Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống**” giảng giải **12 ác-tâm** với nhân sinh của mỗi ác-tâm và **8 đại thiện-tâm** với nhân sinh của mỗi đại-thiện-tâm.

Đối với hạng **phàm-nhân** trong đời, nếu khi **ác-tâm** phát sinh thì **đại-thiện-tâm** không phát sinh, trái lại, nếu khi **đại-thiện-tâm** phát sinh thì **ác-tâm** không phát sinh. Nếu **ác-tâm** phát sinh thì tạo **ác-nghiệp**, còn nếu **đại-thiện-tâm** phát sinh thì tạo **đại-thiện-nghiệp**.

Mỗi **ác-tâm** nào phát sinh thì cần phải hội đủ nhân sinh của **ác-tâm** ấy, nếu thiếu nhân nào thì **ác-tâm** ấy không thể phát sinh được. Và mỗi **đại-thiện-tâm** nào phát sinh thì cần phải hội đủ nhân sinh của **đại-thiện-tâm** ấy, nếu thiếu nhân nào thì **đại-thiện-tâm** ấy không thể phát sinh được.

Quyển sách nhỏ này trình bày nhân sinh của mỗi ác-tâm và nhân sinh của mỗi đại-thiện-tâm, cho nên **độc-giả** có quyền **chủ động** ngăn không tạo **ác-nghiệp** ấy, và đồng thời có quyền **chủ động** giúp tạo **đại-thiện-nghiệp** ấy như ý của mình.

ISBN 978-604-61-6440-1

